PHẬT LỊCH 2551

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH



Biên Dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
HUYỀN THANH

THAY LỜI TỰA

Theo truyền thống Mật Giáo thì Phật Đỉnh Tôn Thắng là một trong 5 Phật Đỉnh của viện Thích Ca thuộc Thai Tạng Giới Mạn Đà La (Garbhadhàtu- Maṇḍala) có tên là **Trừ Chướng Phật Đỉnh** (Vikìraṇa Uṣṇìṣa) biểu thị cho Đỉnh Thần Thông không có chỗ sợ hãi (vô sở úy) của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai (‘Sàkyamuṇi Tathàgaya). Phật Đỉnh này có Chủng Tử là HRÙṂ ( ), Tam Muội Gia Hình là ***“Hoa Sen bên trên có dựng móc câu”*** . Tôn này có công năng nhiếp phục , làm tiêu trừ mọi nghiệp cấu của tất cả chúng sinh và khiến cho chúng trở thành thanh tịnh. Trong 5 Phật Đỉnh hóa hiện từ đỉnh kế của Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai thì Phật Đỉnh này là thù thắng nhất cho nên hệ Mật Giáo dùng **Phật Đỉnh Tôn Thắng** làm Bản Tôn cho Pháp tu trì về Tức Tai, trị bệnh… và xưng là **Tôn Thắng Pháp.**

_Truyền thống Hoa Văn ghi nhận vào đời **Đường Cao Tông**, niên hiệu Nghi Phượng, năm đầu tiên (676) có vị Tam Tạng của nước Kế Tân tên là **Phật Đà Ba Lợi** (Buddhapàli) đi đến Trung Hoa. Trong dịp lễ bái thánh tích ở núi Ngũ Đài, Ngài gặp một ông lão khuyên bảo nên trở về Thiên Trúc lấy Kinh Bản **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** đem truyền cho dân chúng Trung Hoa. Đến niên hiệu Vĩnh Thuận thứ hai (683) Ngài đi đến Trường An, được vua ban sắc là **Nhật Chiếu Tam Tạng Pháp Sư** cùng với vị quan tên **Đỗ Hành Khải** cùng dịch ra để lưu truyền.

Sau này các bậc Đạo Sư, học giả cũng phân biệt dịch Kinh này như:

Đời Đường, **Đỗ Hành Khải** dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (1 quyển)

Đời Đường, **Pháp Sùng** biên soạn Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh Sớ (2 quyển). Sau đó lại chú thích Phạn Bản Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni của ngài **Bảo Tư Duy**

Đời Hậu Chu, **Trí Xứng** dịch Tôn Thắng Đà La Ni kèm với Niệm Tụng Công Đức Pháp (đã bị thất lạc)

Đời Đường, Thiên Trúc Tam Tạng **Địa Bà Ha La** dịch Tối Thắng Phật Đỉnh Đà La Ni Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Kinh (1 quyển)

Đời Đường, Địa Bà Ha La lại trùng dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (1 quyển)

Đời Đường, Tam Tạng Sa Môn **Nghĩa Tịnh** dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (1 quyển)

Đời Đường, Tam Tạng **Thiện Vô Úy** (‘Subhakara) dịch Tôn Thắng Phật Đỉnh Tu Du Già Pháp Nghi Quỹ (2 quyển)

Đời Đường , Tam Tạng **Kim Cương Trí** (Vajra Jñàna) dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni (1 bản)

Đời Đường, Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí **Bất Không** (Amogha) dịch Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp (1 quyển)

Đời Đường, Tam Tạng Bất Không lại ghi chú nghĩa của Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La ni (1 bản)

Đời Tống, **Thi Hộ** (‘Sìlapàla) dịch Tôn Thắng Đại Minh Vương Kinh (1 quyển)

Đời Tống, Truyền Pháp Đại Sư **Pháp Thiên** (Dharma Deva) dịch Tôn Thắng Phật Đỉnh Đà La Ni (1 bản) và Phật Thuyết Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng Tổng Trì Kinh (1 quyển)

Ngoài các Kinh Bản này ra, còn lưu truyền rất nhiều bản Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni của Ngài **Nghệ Không, Vũ Triệt....,** các bản **Gia Cú Linh Nghiệm** chép tay được phát hiện ở Động Đôn Hoàng. Nhân đây Pháp Tu Tôn Thắng đã được truyền rộng qua Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản…

_ Truyền Thống Mật Giáo Nhật Bản thường lưu hành các bài Phật Đỉnh Tôn Thắng của Tam Tạng **Thiện Vô Úy** và bài Phật Đỉnh Tôn Thắng Cụ Túc Bản của Đại Sư **Hoằng Pháp**

_ Ở Tây Tạng thì lưu truyền bài chú của Namgyelma (tức Phật Đỉnh Tôn Thắng Thần Chú) gồm một bài dài và một bài ngắn.

_ Tại Việt Nam , Đời nhà Đinh đã lưu truyền bản **Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni .**Theo quyển **Văn Khắc Hán Nôm Việt Nam Thời Lý** do Viện Viễn Đông Bác Cổ và Viện Hán Nôm Việt Nam biên soạn (từ trang 55 đến trang 70) ghi nhận 5 bài Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni được Thái Tử **Đinh Liễn** ghi khắc trên các cột đá (Gồm 5 bia số 5, số 6, số 7, số 8, số 9) để cúng dường **.** 5 bia văn đó là:

.) Bia số 5 (973) : Cột đá gồm 8 mặt , phát hiện vào năm 1963 trong lòng đất thuộc xã Trường An, huyện Hoa Lư, nay đã thất lạc, chỉ còn lại bản phục chế tại Bảo Tàng huyện Hoa Lư. Bài văn khắc trên 8 mặt, cao 65cm, rộng 5cm, gồm 16 hàng, khắc chìm, chữ chân phương, cả thảy gồm 470 chữ.

Đề bạt nói về việc Nam Việt Vương **Đinh Liễn** dựng 100 tòa Thạch Tràng vào năm Quý Dậu (973) . Phần cuối minh văn bị mờ. Thác bản (in từ bản phục chế) lưu tại viện Nghiên Cứu Hán Nôm (ký hiệu VB1)

.) Bia số 6 (979): Cột đá 8 mặt phát hiện dưới lòng đất xã Trường An , huyện Hoa Lư năm 1986, hiện bảo quản tại Bảo tàng Ninh Bình. Minh văn 8 mặt, cao 65cm, rộng 6,5cm , gồm 19 hàng, khắc chìm , chữ khải chân phương. Cả thảy khoảng 560 chữ. Thác bản văn bản để tại viện Nghiên Cứu Hán Nôm (ký hiệu VB2)

Trong phần đề bạt không ghi rõ năm tạo. Theo **Đại Việt Sử Ký Toàn Thư** (Ngoại Ký:5 a-b) Đinh Liễn giết hại em trai vào mùa xuân năm 979 , và tháng 10 năm đó Đinh Liễn cùng với cha cũng bị giết hại. Chúng tôi (Nhóm biên soạn quyển Văn Khắc Hán Nôm Thời Lý) có thể đoán định Thạch Tràng này tạo dựng vào năm 979, thời điểm sau khi em trai ông bị giết hại và trước khi ông bị giết.

.) Bia số 7 (979) : Cột đá 8 mặt phát hiện ở xã Trường Xuân, huyện Hoa Lư, hiện bảo quản ở Bảo tàng Ninh Bình. Bài văn khắc trên 8 mặt, cao 66cm, rộng 16cm, gồm 20 dòng, khắc chìm, chữ khải chân phương. Cả thảy khoảng 560 chữ.

Thác bản hiện lưu tại viện Nghiên Cứu Hán Nôm (ký hiệu VB3) Về niên đại của bia này, xem văn bản số 6.

.) Bia số 8 (979) **:** Cột đá 8 mặt, phát hiện năm 1986, hiện bảo quản tại Bảo tàng Ninh Bình. Minh văn khắc trên 8 mặt, cao 60cm, rộng 7cm,gồm 18 dòng, khắc chìm, chữ chân phương. Cả thảy khoảng 460 chữ.

Thác bản tại viện Nghiên Cứu Hán Nôm (VB8). Về niên đại của bia này, xem văn bản số 6)

.) Bia số 9 (Thế kỷ X): Cột đá 8 mặt, phát hiện năm 1964. Hiện bị thất lạc. Minh văn 8 mặt, cao 80cm, rộng 10,5cm, chỉ có thể đọc được 6 mặt, mỗi mặt có 3 dòng, gồm khoảng 470 chữ. Tuy trong đề bạt không ghi năm tạo, nhưng chúng tôi (nhóm biên soạn quyển Văn Khắc Hán Nôm thời Lý) có thể đoán định vào thế kỷ thứ X . Thác bản minh văn năm 1970 để ở Bảo tàng Lịch sử Hà Nội, hiện bị thất lạc. Theo đoán định của đề dẫn bản chép tay Đôn Hoàng (P.2197R^0 (8) ,S.4378 V^0 và P.3919 [B] [5]). Phần mở đầu của Đà La Ni viết thêm 28 câu (P.3919 [B] [5] chỉ có 18 câu) thơ thất ngôn, rất có khả năng là một bài văn Đạo Tràng tụng niệm Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni. Bài thơ chỉ ghi việc cúi đầu tán dương Đức Phật và "Tổng Trì Sa-Ba-Nhã" (Sarva-jña) mà thôi. Cuối bài thơ là việc thỉnh chư Phật Bồ Tát và Bát Bộ Thiên Long, Diêm Vương cùng hai vị Thiện Ác Đồng Tử …. Tất cả Thánh Hiền trong Phật Giáo giáng lâm Đạo Tràng để phù hộ Phật Pháp. Từ đó hy vọng tất cả chúng sinh khi nghe được bài văn chú **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** sẽ thành Phật.

(Phần ghi chép gốc tích 5 văn bia này đều trích trong quyển Văn Khắc Hán Nôm Việt Nam thời Lý , từ trang 55 đến trang 56).

_ Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 76, tháng 7 năm 1965 đã ghi nhận:

Khoảng đầu năm 1963, ở xã Gia Tường (tức Trường Yên cũ), huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình đã phát hiện được một số cổ vật thời nhà Đinh trong đó có trụ đá mềm cao 65cm, có 8 mặt, mỗi mặt rộng 6,5cm. trên các mặt đều có khắc chữ Hán, chũ vững vàng, nét chân phương ghi nhận về bài **Phật Đỉnh Tối Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni.** Sau khi phiên âm những dòng chữ Hán, ông **Hà Văn Tấn** đã tra cứu các bản chữ Sanscrit in trong bộ ***Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh*** cùng với bản chữ Phạn chép trên lá bối được giữ gìn trong một ngôi chùa ở Nhật Bản, ông đã khôi phục lại bài Phạn Ngữ mà bản ở Hoa Lư đã phiên âm đồng thời dịch toàn bài Đà La Ni ấy ra tiếng Việt như sau:

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVICISTA BUDDHÀYA BHAGAVATE TADYATHÀ OM VICUDDHAYA VICUDDHAYA SAMA SAMA SAMANTAVABHÀSA SPHARANA GATIGAHANA SVABHÀVA VICUDDHE ABHISIM CA TU MAM SUGATA VARASOCANA AMRTABHISAIKAI AHARA AHARA ÀYUH SAMTÀRANI CUDDHAYA GAGANA VICUDDHE USNISA VIJÀYA VICUDDHE SAHASRACAMI SAMSUDITE SARVATATHAGATA VARUKANI SATPARAMITA PARIPURANI SARVATATHÀGATA HRDAYÀDHISTHANADHISTHITA MAHÀMUDRA VAJRA KÀYA SUMHATANA VICUDDHE SARVAVARANA BAYADURGATI PARICUDDHE PRATINIVARTTAYA AYUH CUDDHE SAMAYADHISTHITE MUNI MUNI VIMUNI VIMUNI MANI MANI MAHAMANI TATHÀTABHÙTA KOTI PARICUDDHE VISPHOTA

BODHICUDDHE JAYA VIJPÀYA VIJÀY SMARA SMARA SARVABUDDHA DHISTHITA CUDDHE VAJRI VAJRAGARBHE VAJRAM BHAVATU MAMA CARIRAM SARVASATTVANAM CA KÀYA PARICUDDHE SARVAGATI PARICUDDHE SARVA TATHÀGATAC CAME CAMACVASA YAMTU SARVATATHÀGATA SAMCVASADHISTHITE BUDDHYA VIBUDDHYA BODHAYA SAMANTA PARICUDDHE SARVATATHÀGATA HRDAYÀDHISTHANADHISTHITE MAHÀMUDRE CVÀHÀ

Dịch nghĩa:

Namo Thế Tôn, Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của tam giới.

Như vậy Om ! Thanh tĩnh, thanh tĩnh tỏa sáng khắp nơi, thanh tĩnh của tự nhiên tràn đầy rừng rậm.Hãy tới tới nước phép, hỡi Đấng Thiện Thệ Tối cao ! Hãy cho tôi tưới nước cam lộ bất tử ! Hãy ban cho tôi, ban cho tôi tuổi thọ ! Thanh tĩnh, thanh tĩnh, cái thanh tĩnh hư không ! Thanh tĩnh của Phật Đỉnh Tối Thắng với nghìn ánh sáng làm cho con người kinh động mà giác ngộ. Thần lực của tất cả Đấng Như Lai nắm giữ Đại Ấn Kim Cương bao phủ con người thanh tĩnh. Thanh tĩnh khi mọi trở ngại và nghiệp chướng tiêu tan. Thanh tĩnh tuổi thọ tăng. Thệ nguyện giữ gìn bảo tháp. Cõi Chân Như tràn đầy muôn ngàn thanh tĩnh. Thanh tĩnh trí giác hiện rõ. Tối Thắng, tối thắng, tối thắng ! Tưởng niệm , tưởng niệm, tất cả chư Phật nắm giữ thanh tĩnh.Hỡi Đấng Kim Cương Tạng ! Tôi *(người viết và dựng Kinh Tràng này)* ***cầu nguyện đạt đến Kim Cương. Tất cả chúng sinh thanh tĩnh; tất cả định mệnh thanh tĩnh. Tất cả Như Lai an ủi khiến được giác ngộ. Giác ngộ, giác ngộ ! Thanh tĩnh khắp nơi ! Thần lực của tất cả các Đấng Như Lai nắm giữ Đại Ấn ! Svàhà !***

(Phần này trích trong quyển ***Lịch Sử Tư Tưởng Việt Nam, tập II*** *của Giáo Sư* ***Nguyễn Đăng Thục*** *từ trang 390 đến trang 393)*

Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni (Uṣṇiṣa Vijaya Dhàraṇì) còn được gọi là : **Diên Mệnh Đà La Ni, Thiện Cát Tường Đà La Ni**. Phàm có 9 lược bản (bản ngắn) được lưu truyền là các bản dịch của Đỗ Hành Khải, Tam Tạng Nhật Chiếu, Tam Tạng Nghĩa Tịnh, Bà La Môn Tăng Phật Đà Ba Lợi, Tam Tạng Thiện Vô Úy,Tam Tạng Kim Cương Trí, Tam Tạng Bất Không, Bản chú dịch của Pháp Sùng (Bản Phạn của Ngài Bảo Tư Duy), Phạn Bản sở truyền của Đại Sư Hoằng Pháp. Ngoài ra còn có các Quảng Bản (Bản dài) được dịch bởi Truyền Pháp Đại Sư Pháp Thiên, Thiền Sư Nghệ Không, Truyền bản của Tây Tạng…. Riêng Bản **Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni** được lưu truyền ở Việt Nam trong đời nhà Đinh là bản phối hợp giữa Quảng Bản và Lược Bản.

Hầu hết các bản ghi chép đều công nhận là: Nếu có người ghi chép, thọ trì, cúng dường, đọc tụng Đà La Ni này. Hoặc sao chép bài Chú rồi đặt trong Tháp Miếu (Stùpa) , trên cây phướng cao, lầu gác… Hoặc ghi khắc trên các trụ đá, bia đá cúng dường cầu đảo… ắt tịnh trừ được tất cả các nẻo ác, tiêu trừ tội chướng, tăng trưởng thọ mệnh, sau khi chết được vãng sinh về cõi Cực Lạc.

Nếu cầu cho người đã chết được siêu độ thì trì tụng Đà La Ni này 21 biến vào một nắm đất hoặc cát sạch rồi rải lên thi hài hoặc nấm mồ thì người ấy nhất định siêu thoát.

Ngoài ra trong Nghi Quỹ và Kinh Điển còn ghi rất nhiều công năng của Pháp tu trì Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni như: Cầu mưa, trừ lũ lụt, trừ tai nạn, cầu tài lộc, trị bệnh tật…

Người tu Mật Tông vào hai buổi sáng, chiều có thể vì người chết mà hồi hướng Thời Tụng thì người chết được hưởng nhiều lợi ích cho đến có thể tiêu trừ nghiệp chướng ác được sinh lên cõi Trời hoặc có thể sinh về cõi Tịnh Thổ. Trong khóa tụng của Thiền Tông cũng thường niệm tụng bài Chú này.

Tại Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam có rất nhiều người tin tưởng và trì tụng Đà La Ni này và được sự linh nghiệm chẳng ít

Nhiều năm trước đây Các bậc Thầy như: Thượng Tọa THÍCH THIỀN TÂM, Sa Môn THÍCH VIÊN ĐỨC, Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ, Tiến Sĩ NGUYỄN ĐĂNG THỤC…. đã phiên dịch một số Kinh Bản , vài bài Chú Phật Đỉnh Tôn Thắng , Nghi Thức Tụng Trì…. nhằm giúp cho người nghiên cứu Phật Giáo có cơ sở để tu học. Tuy nhiên số lượng Kinh Bản vẫn còn quá ít đồng thời các Truyền Bản có nhiều sai khác về âm ngữ dễ gây sự ngộ nhận cho người học.

Trải qua nhiều năm trăn trở, qua sự thỉnh cầu của nhiều người, Thầy THÍCH QUẢNG TRÍ đã gia công phiên dịch toàn bộ các Kinh Bản **Phật Đỉnh Tôn Thắng** ghi trong Bộ **Đại Chính Tân Tu** đồng thời khuyến khích tôi tra cứu sưu tập và phục hồi nghĩa ngữ Phạn Văn của các bài Chú Tôn Thắng nhằm giúp cho người học có đầy đủ tài liệu nghiên cứu cũng như góp chút ít công sức cho sự phát triển nền văn hóa của Phật Giáo Việt Nam.

Vào đầu tháng 05 năm 2006, tôi được thầy THÍCH PHÁP QUANG trao cho đĩa CD (CBETA Điện tử Phật Điển Đại Chính Tạng) trong đó có ghi nhận phần chữ Tất Đàn nên tôi đã nhờ các con (**Nguyễn Vũ Tuân, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Nguyễn Vũ Nguyên**) copy phần Phạn Văn (siddhaṃ) và scan các hình ảnh ghi trong Kinh Tạng, chèn vào các Kinh Bản. Ngoài ra tôi cũng được em **Nguyễn Hoàng Triệu** giúp cho một số tư liệu về Chú Tôn Thắng của Nhật Bản ghi trong **Đà La Ni Tập** và các bài Chú ghi trong quyển **Văn Khắc Hán Nôm Việt Nam Thời Lý** do Viện Viễn Đông Bác Cổ và Viện Hán Nôm Việt Nam biên soạn nên Thầy **Thích Quảng Trí** đã hướng dẫn tôi biên soạn lại tập ghi chép này và đã được in ấn vào cuối năm 2008.

Nay do tôi yêu cầu của bạn hữu, tôi sưu tập các Tôn Tượng, Thủ Ấn liên quan đến Pháp tu **Phật Đỉnh Tôn Thắng** và chèn vào tập ghi chép này

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép nay, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con trong cuộc sống này.

Con xin dâng mọi công đức có được đến Thầy **Thích Quảng Trí,Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi và khuyến tấn con tìm hiểu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi cũng xin cám ơn em **Nguyễn Hoàng Triệu**, em **Tống Phước** Khải, em Diệu Lý (**Nguyễn Thị Mộng Lý**) các con tôi đã hỗ trợ phần tài liệu, scan hình ảnh và đánh các bản Vi Tính để hoàn thành tài liệu này

Tôi xin cám ơn Anh (**Nguyễn Đình Tạc**) chị (**Nguyễn Thị Mộng Hương**), cháu (**Nguyễn Thị Mộng Trâm**) và nhóm Phật Tử Đạo Tràng **Phổ Độ** đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong suốt thời gian biên dịch Kinh Bản.

Tôi cũng xin cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã và luôn hỗ trợ cho tôi an tâm tìm hiểu Giáo Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Cuối cùng nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho hương linh cha mẹ, anh trai (**Nguyễn Vũ Tuấn**) cùng với các bậc ân nhân của con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng vượt thoát khỏi mọi sự phiền não khổ đau và thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát

Đầu mùa Xuân năm Quý Tỵ (02/2013)
Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG CHÂN NGÔN ẤN

Phật Đỉnh Tôn Thắng còn được gọi là **Trừ Chướng Phật Đỉnh Luân Vương** . Tôn này chính là **Trừ Chướng Phật Đỉnh** hay **Xả Trừ Phật Đỉnh** (Vikìraṇa uṣṇìṣa) biểu thị cho sức Thần Thông không có chỗ sợ của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui.

Tôn này có chủng tử là HRÙṂ ( ) Tam Muội Gia Hình là đài sen bên trên có móc câu Kim Cương dựng đứng , Mật Hiệu là **Trừ Ma Kim Cương** .

Theo Tam Tạng Thiện Vô Úy thì Phật Đỉnh Tôn Thắng ngồi Kiết Già trên đài hoa sen, thân màu thịt trắng với anh lạc nghiêm thân, đội mão Ngũ Trí, hai tay để dưới rốn như nhập vào thiền định, trong lòng bàn tay nâng hoa sen bên trên có móc câu Kim Cương.

Theo hình vẽ trong Đồ Tượng 1 thì Tôn này ngồi bán già trên tòa sen, mão tóc kết búi, hai tay co khuỷu tay để ngang ngực, tay phải kết Ấn Cát Tường, tay trái cầm cành hoa sen bên trên hoa có móc câu Kim Cương, thân và đầu tỏa hào quang rực lửa sáng.



Phật Giáo Tây Tạng tôn xưng Phật Đỉnh Tôn Thắng là **Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu**, gọi tắt là **Tôn Thắng Mẫu** và thờ phụng Ngài qua Tôn Tượng có ba mặt, tám cánh tay, trên mỗi mặt có ba con mắt

_Mặt chính giữa màu trắng, mặt bên phải màu vàng, mặt bên trái màu xanh lam.

Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Yết Ma Kim Cương hình chữ Thập để trước ngực, tay thứ hai nâng Đức Phật **A Di Đà** (hay **Đại Nhật Như Lai**) ngồi trên tòa sen, tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư kết Ấn **Thí Nguyện** đặt trên đùi phải.

Bên trái: tay thứ nhất kết Ấn **Phẫn Nộ Quyền** cầm sợi dây (quyến sách), tay thứ hai kết Ấn **Thí Vô Úy**, tay thứ ba cầm cây cung, tay thứ tư kết **Định Ấn** nâng bình Cam Lộ

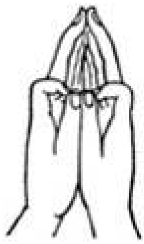


Tạng Truyền ghi nhận rằng: Mặt chính giữa của Tôn Thắng Phật Mẫu màu trắng biểu thị cho Pháp chận đứng tai chướng (**Tức Tai**), mặt bên phải màu vàng biểu tượng cho các Pháp **Tăng Ích** mặt bên trái màu xanh lam biểu thị cho Pháp **Giáng Phục**, bàn tay nâng Đức Đại Nhật Như Lai là Đấng Thượng Sư của Ngài biểu thị cho sự ôm ấp yêu thương, cầm mũi tên đại biểu cho sự câu triệu Tâm Bi của chúng sinh, Thí Vô Úy Ấn đại biểu cho việc khiến chúng sinh xa lìa tất cả sự sợ hãi, Thí Nguyện Ấn biểu thị cho sự thỏa mãn đầy đủ Tâm Nguyện của tất cả chúng sinh, cầm cây cung biểu thị cho việc thắng ba cõi, kết Định Ấn bên trên nâng bình Cam Lộ biểu thị cho việc khiến chúng sinh được sống lâu không có bệnh tật, chày Kim Cương Thập Tự biểu thị cho việc thành tựu sự nghiệp giáng Ma hàng phục điều không may, sợi dây biểu thị cho sự giáng phục tất cả tai nạn với chúng sinh khó điều phục

Các Ấn Chân Ngôn thông dụng của Tôn này là:

_ **Bản Tôn Ấn** :

Chắp hai tay lại, co 2 ngón trỏ sao cho móng tay dính nhau, đem 2 ngón cái đè lên 2 ngón trỏ như thế búng ngón tay, đặt ngay trái tim.



Tụng Đại Chú 7 lần rồi bung Ấn trên đỉnh đầu

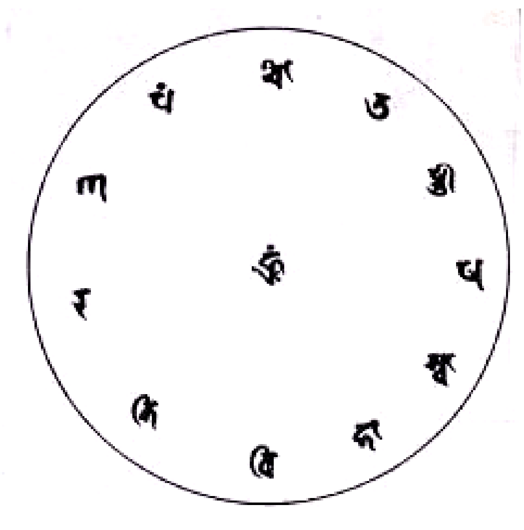
_ **Căn Bản Ấn** (hay Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn):

Cài chéo 10 ngón tay bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội Phộc) co ngón trỏ phải như móc câu. Tụng Chân Ngôn là:



NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ HRÙṂ VIKÌRAṆA PAṂCA UṢṆÌṢA SVÀHÀ

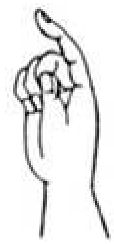
Khi tu trì Ấn Chân Ngôn này, người ta thường dùng kèm với **Tự Luân Quán**



4_ Tôn Thắng Thủ Ấn:

Tay phải tác Liên Hoa Quyền, dựng đứng ngón trỏ co lóng trên như hình móc câu.

Đây là Ấn của Trừ Chướng Phật Đỉnh của Thai Tạng.



Chân Ngôn giống như trên.

_ Tôn Thắng Phật Đỉnh Căn Bản Ấn:

Theo vị tăng tên **Hỷ Vô Úy** ở nước Trung Thiên Trúc được Tam Tạng **Thiện Vô Úy** truyền miệng về **Trừ Chướng Phật Đỉnh Luân Vương Ấn** (Tôn Thắng Phật Đỉnh Căn Bản Ấn) là: đem 2 ngón út, 2 ngón vô danh cùng cài chéo nhau trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái, dựng thẳng cứng 2 ngón giữa sao cho đầu ngón dính nhau, duỗi 2 ngón cái song song đè bên cạnh lóng giữa của 2 ngón vô danh, đặt 2 ngón trỏ trên vạch giữa bên cạnh 2 ngón giữa rồi co dính nhau. Tụng Chân Ngôn sau 7 biến rồi tụng Tôn Thắng Căn Bản Chân Ngôn

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ OṂ JVALA JVALA IMAYA IME GADHU UṢṆÌṢA DHUDHU TITI DADA HÙṂ

Ngoài ra còn có các bài Chân Ngôn sau:

1_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Đại Tâm Chân Ngôn:

OṂ _ AMṚTA PRABHE VIPÙLAGARBHE PRABODHI SAME SIDDHE MAHÀGARBHE TURU TURU _ SVÀHÀ

2_ Tôn Thắng Tiểu Tâm Chân Ngôn:

OṂ AMṚTA TEJA VATI SVÀHÀ



3_ Tôn Thắng Tâm Trung Tâm Chân Ngôn:

OṂ SARVA SIDDHI KE'SU DHÀRAṆI SVÀHÀ

4- Mật Giáo Nhật Bản lưu hành thêm 2 bài Chú sau:

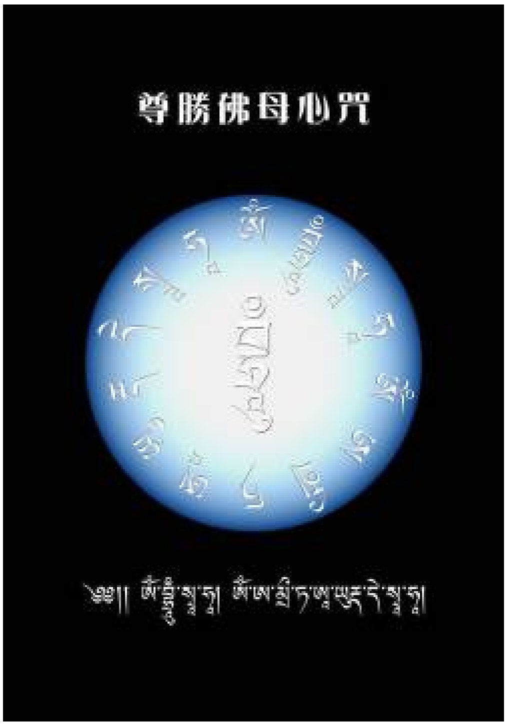
a_ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ APRATIHATA'SASANÀNÀṂ_ OṂ VIKÌRAṆA DHUNA DHUNA DHÙḤ

b_ NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ OṂ APRATIHATOṢṆÌṢÀYA SARVA VIGHNA VIDHVAṂSANA KHARÀJA TRÙṬAYA SVÀHÀ

5_ Mật Giáo Tây Tạng lưu truyền bài Chú ngắn là:

OṂ DRÙṂ (?BHRÙṂ) SVÀHÀ _ OṂ AMṚTA AYUḤ DÀDE SVÀHÀ _ OṂ ÀḤ HÙṂ TRÀṂ HRÌḤ AṂ AḤ RAKṢA RAKṢA MAṂ SARVA SATVÀNÀṂCA SVÀHÀ

Hoặc truyền dạy **Tôn Thắng Phật Mẫu Tâm Chú** là:
OṂ BHRÙṂ SVÀHÀ _ OṂ AMṚTA AYURDADE SVÀHÀ



Do quan điểm Đại Nhật Như Lai là **Thọ Dụng Thân Tôn Thắng** còn Trừ Chướng Phật Đỉnh là **Biến Hóa Thân Tôn Thắng** , hoặc Đại Nhật Như Lai là **Pháp Giới Thể Tính Trí Tôn Thắng** còn Trừ Chướng Phật Đỉnh là **Diệu Quan Sát Trí Tôn Thắng** nên khi tu Pháp Tôn Thắng thường kết **Pháp Giới Trí Quyền Ấn** tụng **Nhất Tự Chân Ngôn BHRÙṂ** và khẳng định Ấn Chú thâm mật này là Tôn Thắng Phật Đỉnh Trung Tâm Tôn. Có lẽ do sự kiện này mà Quảng Bản Chân Ngôn của Tam Tạng Pháp Thiên có ghi nhận câu OṂ BHRÙṂ BHRÙṂ BHRÙṂ ( )

Theo Tam Tạng **Thiện Vô Úy** thì điều căn bản để thành tựu Pháp tu tất cả Phật Đỉnh Pháp là cần phải làm các Pháp Chân Ngôn Ấn Khế xong, sau đó mới thêm 2 Ấn Chân Ngôn của Nhất Thiết Phật Đỉnh Luân Tâm và Ấn Chân Ngôn của **Nan Thắng Phẫn Nộ Vương .**

_ Nhất Thiết Phật Đỉnh Luân Tâm Ấn:

Hai tay móc cài các ngón chéo nhau, dựng thẳng 2 ngón giữa đều dựa nhau. Tụng Chân Ngôn là :

OṂ BHRÙṂ HÙṂ HÙṂ PHAṬ

_ Nan Thắng Phẫn Nộ Minh Vương Ấn:

Hai tay cài các ngón chéo nhau, dựng thẳng 2 ngón giữa rồi co lóng trên của ngón giữa phải chống đè lóng trên của ngón giữa trái. Tụng Chân Ngôn là:

OṂ _ VIKÌRAṆA DHUNA DHUNA HÙṂ

Mọi việc: Thỉnh Triệu, Kết Giới, Quang Hiển, Tịch Trừ, Hộ Thân, hộ mình hộ người, Hộ Giới Đạo Trường, Phụng Tống chư Tôn đều dùng 2 Chân Ngôn Ấn Khế này.

Ngoài ra, một số bậc Đạo Sư còn truyền dạy thêm **Tôn Thắng Ấn Pháp** nữa là:

Co ngón trỏ, lấy ngón cái đè lên, chắp tay để ở trái tim, co ngón trỏ vào lòng bàn tay, ngón cái đè lên lóng giữa, chắp tay lại là thành.



Tối Thắng Chân Ngôn Tâm Trung Tâm dùng chung cho hết thảy niệm tụng. Thọ trì lâu dài dùng **Thân Ấn**. Chú là :

" **Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô, hồng phấn tra, sa phạ ha** "

NAMO SAMANTA BUDDHÀNÀMṂ_ OṂ BHRÙṂ HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ

_ Hàng phục, hô triệu, liệu bệnh, gia trì các thứ thuốc hương, dùng Chú :

" **Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô ế hế duệ hế, bàn đà , hồng , phấn tra** "

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀMṂ _ OṂ BHRÙṂ EHYEHI BANDHA HÙṂ PHAṬ

_ **Phát Khiển Chân Ngôn** :

" **Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô , yết sái, yết sái, hồng, phấn tra, sa phạ ha** "

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀMṂ _ OṂ BHRÙṂ GACCHA GACCHA HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ

_ **Hàng Phục Khế** : Ngón cái của 2 tay vịn gốc ngón vô danh, chắp tay lại, để 2 ngón trỏ trên 2 ngón cái.

_ **Phát Khiển Khế**: Tay phải: Ngón trỏ để ở gốc ngón cái, nắm tay lại thành Quyền (Tụng 7 biến) hướng ngón cái lên trên.

"**Úm _ Tam mãn dã, sa đa vam** "

OṂ _ SAMAYA STVAṂ

Chú này, tụng một biến tức thọ Bồ Đề Tâm Giới. Trong Kinh Kim Cang Đảnh vượt hơn 3 cõi.

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHÁP

Pháp **Tôn Thắng Đà La Ni** tức là Pháp tịnh trừ tất cả các nghiệp chướng, xa lìa tất cả phiền não, tiêu diệt tất cả thân ở Địa Ngục Bàng Sinh, dễ dàng tái sinh vào các cõi Trời hoặc tùy theo ý sinh về cõi Tịnh Độ, tăng trưởng thọ mệnh phú quý , phát sinh Trí Tuệ, độ mình độ người nhanh chóng thành tựu Chính Pháp Giải Thoát của Phật Đà.

Tùy theo sự trao truyền của các bậc Đạo Sư nên hình thức tu tập Pháp Phật Đỉnh Tôn Thắng có nhiều sự sai khác.

_ Thông thường thì các vị Đạo Sư hay dạy cho người khác viết chép Đà La Ni rồi an trí trong Tháp báu, nơi Tháp Xá Lợi. Hoặc để trên Tòa Sư Tử, trên đài Kim Cương, treo trên đầu cây phướng. Hoặc ghi khắc trên các trụ đá, bia đá để cúng dường…nhằm cầu phước diệt họa, dứt trừ tội chướng, xa lìa nẻo ác, sinh về cõi lành thọ hưởng an vui phược lạc.

Ngoài ra, các vị Đạo Sư còn truyền dạy là: Vào ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt, Hành Giả tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, thọ 8 Trai Giới, quỳ gối trước Tượng Phật chí tâm trì tụng Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni 1000 biến nhằm tiêu diệt các tội chướng nặng nề.

Lại nữa, nếu vì người chết (mới chết hay chết đã lâu) Hành Giả dùng Đà La Ni này chú vào nắm đất vàng 21 biến rồi tán rải trên thi hài người chết thì người ấy liền thoát khỏi các cõi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Diêm La Vương xứ… được sinh lên Trời hoặc được vãng sinh về cõi Tịnh Độ.

Do Kinh Điển ghi nhận rằng chư Phật, các vị Bồ Tát, các vị Hiền Thánh, Đại Phạm Thiên, Phạm Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Hóa Lạc Thiên, Đâu Suất Thiên, Dạ Ma Thiên, Đế Thích Thiên, Đao Lợi Thiên, Hộ Thế Tứ Thiên Vương , Thiện Trụ Thiên Tử, Tán Chỉ Đại Tướng, Diêm La Pháp Vương…. với các quyến thuộc đều phát tâm thủ hộ cho người trì Pháp này cho nên trước khi trì tụng Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni ,Hành Giả nên đọc bài kệ **Khải Thỉnh** là :

Cúi lạy Tôn Thắng Vương
Ngồi ở Tòa Kim Cương
Trên hoa sen ngàn cánh
Tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi
Viên mãn vô lượng các Công Đức
Phật Đỉnh Văn Trì Đại Chương Cú
Tám mươi tám ức Như Lai truyền
Đế Thích Thiên Vương vì Thiện Trụ
Hay diệt bảy lần đọa bàng sinh
Giáo Bí Mật Tổng Trì hiếm có
Hay phát Tâm rộng lớn tròn sáng
Nay con chỉ là kẻ phàm phu
Nguyện tán Tổng Trì Nhất Nhiết Trí
Hay đem phước lợi cứu quần sinh
Các Như Lai ở khắp mười phương

Chư Bồ Tát nơi Thế Giới khác
Tám Bộ Trời Rồng, các quyến thuộc
Tán Chỉ Đại Tướng với Dược Xoa
Minh Ty Địa Chủ, Diêm Ma La
Thiện Ác Bộ Quan: hai Đồng Tử
Thánh Hiền , các Chúng Đẳng như trên
Nguyện nghe Khải Thỉnh đều giáng lâm
Ủng hộ Phật Pháp khiến trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật Dạy
Tất cả hàm linh đến chốn này
Nghe qua Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương
Hết thảy đều mau thành Phật Đạo
Nay con phúng tụng Chân Ngôn này
Nguyện xin Như Lai thường cứu hộ
Nguyện xin Hiền Thánh thường cứu hộ
Nguyện xin Hộ Pháp thường ủng hộ
Nam mô Trailokya Uṣṇìṣa
Nam mô Jaya Uṣṇìṣa
Nam mô Vijaya Uṣṇìṣa
Nam mô Vikìraṇa paṃca Uṣṇìṣa
Nam mô Tejora'si Uṣṇìṣa
Nam mô Ṭrùṃ Uṣṇìṣa
Nam mô 'Srùṃ Uṣṇìṣa
Nam mô Indra Deva
Nam mô Kim Cương Giới Hội Nhất thiết chư Phật
Nam mô Đại Bi Thai Tạng Giới nhất thiết chư Phật

_ Nếu Hành Giả có điều kiện vẽ Tượng lập Đàn thì các vị Đạo Sư thường dạy là:

Vẽ Tượng . Muốn thọ trì Chú này, trước cần vẽ tượng. Dùng lụa trắng tốt, ba bức cao một trượng, màu vẽ không được dùng keo da mà dùng nhựa hương. Họa Sĩ cần thanh tịnh, không được ăn ngũ tân. Khởi công vào ngày mồng một, nếu có thể bắt đầu từ ngày mồng một tháng Giêng là tốt nhất , trong 7 ngày phải vẽ xong. Vẽ núi Cam Lồ, trong núi có đủ các thứ cây cối, hoa quả, suối khe, cầm thú. Giữa núi có hang , trong hang vẽ Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ngồi Kiết Già, bên trái vẽ **Đế Thích Thiên Chủ** cùng các Thiên Chúng vây quanh, bên phải vẽ **Càn Thát Bà Nhi** tên là **Thiện Trụ** đoan chánh như Bồ Tát, đầu tóc áo mão đều y vậy, dùng các thứ Anh Lạc mão hoa trang sức. Dùng miếng lụa trắng buộc ở cánh tay trái, tay phải cầm cây gậy tròn và vẽ các Càn Thát Bà quyến thuộc vây quanh.Hai bên Đức Phật vẽ **4 vị Thiên Vương** cùng các quyến thuộc. Lại bên trái đức Phật vẽ **Phạm Vương** và **Ma Vương**.Vẽ xong làm Đàn thọ Pháp.

Kết Đàn . Đàn Pháp này, trước cần đất sạch không có gạch đá. Lấy 5 thứ nước hương trộn với đất vàng làm bùn đắp Đàn vuông vức một trượng.

Chính giữa Đàn rộng một khuỷu tay vẽ Phật Đảnh, tóc biếc như con ốc màu xanh.

4 mặt ngoài Đàn , để các món ăn uống 7 chén

4 phương để 4 lư hương đều đốt các thứ hương thơm.

Cửa Nam để một bình đồng chứa đầy nước 5 thứ hương, cửa Nam an Tòa Đế Thích.

Cửa Đông an Tòa Thiện Trụ.

Chú Sư ngồi nơi Tòa phía Tây , hướng mặt về phương Đông. Mặt tượng Phật hướng về phương Tây.

Lấy phướng 5 màu treo 4 bên ngoài Đàn. Để 5 chén đèn , chính giữa là một chén cao, 4 góc mỗi góc một chén như bên dưới giống hình cái Tháp.

Trong Đàn rải các thứ hoa. Vật cúng dường cũng để ngoài Đàn không được để trong Đàn.

Làm Pháp 7 ngày, trong 7 ngày tụng đủ số một vạn.Phật Đảnh phóng đại quang minh. Chú Sư trong 7 ngày cần phát lồ sám hối, khởi nguyện Đại Bi. Bấy giờ Pháp được thành tựu, không có nghi, chuyên tâm cúng dường được vô lượng Phước.

*(Trích trong **Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp** do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra Việt Văn)*

Kinh **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Chú** ghi nhận rằng trong Pháp tu tạo Đàn đã hàm chứa đầy đủ 6 món Ba La Mật là:

" Nếu hết thảy chúng sinh muốn được giải ngộ đều phải tác Pháp Mạn Đà La.

*Thanh tịnh xoa tô mặt đất . Hoặc dùng nước, đất và Cù Ma Di (Phân bò) nghiêm sức [thì gọi là **Thi La Ba La Mật** ('Sìla Pàramità : Giới Ba La Mật)]*

*Rải hoa, đốt hương, thắp đèn, treo phan phướng, lọng báu. Dùng các món trân bảo, thức ăn uống cúng dường. Đây gọi là **Đàn Ba La Mật** (Dàna Pàramità: Bố Thí Ba La Mật)*

*Khi làm Đàn, có các phiền não mà không giận dữ, gọi là **Sằn Đề Ba La Mật** (Kṣànti Pàramità: Kham Nhẫn Ba La Mật)*

*Siêng năng cần mẫn tu hành không có giải đãi thì gọi là **Tỳ Lê Da Ba La Mật** (Vìrya Pàramità: Tinh Tiến Ba La Mật)*

Chuyên chú nơi Pháp Tắc một lòng không tán loạn thì gọi là Thiền Ba La Mật (Dhyàna Pàramità: Thiền Định Ba La Mật)

*An bày đầy đủ phân minh rõ ràng thì gọi là **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajñà Pàramità: Tuệ Ba La Mật)*

Này Thiên Đế ! Đây là tạo Pháp Sự có đầy đủ 6 món Ba La Mật cho nên cần phải mở bày cho hết thảy chúng sinh được nhiều lợi ích, mau được Bồ Đề"

_ Như thế đối với Pháp tu phổ thông (Tạp Mật) thì các vị Đạo Sư đã truyền dạy cho Đồ Chúng 34, 35 hoặc 38 Pháp . Như **Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp** (Do Quy Tư Tăng là **Nhạ Na** dịch ra Hán Văn, Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra Việt Văn) có ghi nhận 38 Biệt Pháp là:

Pháp thứ 1 : Nếu người muốn được sống lâu không đọa Địa Ngục, ác đạo, Ngạ Quỷ, súc sanh, A Tu La cùng diệt các tội nặng. Mỗi thời chí tâm tụng Chân Ngôn 21 biến, khởi nguyện Đại Bi thương xót hết thảy chúng sanh tức tiêu trừ Thập Ác, Ngũ Nghịch.

Pháp thứ 2 : Nếu có Phi Hành, La Sát, Quỷ Thần vào trong nước gây não loạn, khủng bố nhân dân. Thường kết Ấn xưng" **Nam mô Phật** " tâm tâm nhớ niệm tụng Đà La Ni này tức được như trên, các nạn tiêu diệt.

Pháp thứ 3 : Nếu có người không tin, chỉ chí tâm một chỗ, thường làm Pháp này tức được đại nghiệm. Xong khiến cho người không tin được tin. Nếu làm Pháp có hiệu nghiệm thì có gió Bạch Tộc (? gió trong mát) thổi đến nhập vào thân. Trên thân , da dẻ dơ xấu xí đen đúa và các nạn được gió thổi đến đều biến mất, ách nạn chướng nặng đều tiêu trừ

Pháp thứ 4 : Nếu muốn được oai lực tự tại.Trong 7 ngày hướng 4 phương, tụng Chú , dùng các thứ lúa làm hình người để 4 hướng. Tức sở nguyện được như ý

Pháp thứ 5 : Muốn được diệt các tội nặng nơi thân. Dưới chân cửa Thành, làm như Pháp trên

Pháp thứ 6 : Muốn diệt các tội cho Tiên Vong. Ở ngã tư đường , làm Pháp như trên.

Pháp thứ 7 : Muốn diệt tội cho hết thảy chúng sanh. Trước Phật làm Pháp như trên.

Pháp thứ 8 : Muốn cứu được chúng sanh bị khổ nơi Địa Ngục. Mỗi thời kết Phật Đảnh Ấn, tụng Chú, hướng 4 phương mà xả thì tội chướng liền tiêu trừ.

Pháp thứ 9 : Muốn thí nước cho Ngạ Quỷ. Chú vào nước sạch 7 biến, tán rải 4 phương, dùng tâm mà thí cho thì Ngạ Quỷ liền được uống nước Cam Lồ.

Pháp thứ 10 : Muốn cứu tội khổ của súc canh. Chú vào đất vàng 21 biến, rải trên súc sanh và 4 phương . Tức được tiêu diệt tội chướng.

Pháp thứ 11 : Nếu muốn cứu Trời Người bị các tội sợ bị đọa lạc. Lấy hoa 5 màu , tụng Chú vào hoa, tán rải nơi Tam Bảo và trên Phật Đảnh. Tức hết thảy tội cấu tiêu diệt

Pháp thứ 12 : Nếu có nạn vua, nạn giặc giã, khẩu thiệt nổi lên. Chú vào 5 thứ nước hương 21 biến, rửa Phật và quán đảnh liền được an lạc.

Pháp thứ 13 : Nếu Sa Môn, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, 4 Chúng… muốn được đầy đủ phước báo. Mỗi ngày phát nguyện, sám hối, tụng Đà La Ni này đem công đức hồi hướng cho hết thảy chúng sanh. Chỉ làm như vật tất được như ý, hết thảy tội chướng đều tiêu diệt.

Pháp thứ 14 :Muốn diệt hết thảy tội chướng cho chúng sanh. Xé lụa 5 màu làm cây phất trần, Chú 21 biến quét thân Phật, Kinh. Chí tâm kết Ấn, Chú 21 biến thì tội chướng một đời liền tiêu.

Pháp thứ 15 : Nếu có Khẩu Thiệt.Lấy Mật đựng trong chén sạch, dùng Châu Sa hòa với Mật. Chú 21 biến rồi đem Mật, Châu bôi lên môi của trăm Tượng Phật thì Khẩu Thiệt liền tiêu diệt, được Phước vô lượng.

Pháp thứ 16 : Nếu người bệnh lâu, nằm liệt trên giường. Lại nếu muốn hết thảy người yêu nhớ cung kính , muốn hết thảy mọi việc Thế Xuất Thế được thành tựu, bị Quỷ Thần não loạn, mộng tưởng điên đảo. Dùng 100 lá vàng, Chú 21 biến rồi dán trên đảnh 100 Tượng Phật , trước Tượng làm hình Ma Ni Châu thì hết thảy tội tiêu, cầu gì đều được.

Pháp thứ 17 : Nếu trong nước bị Quỷ Thần gây bệnh cùng bệnh Thời Khí lưu hành. Ở 4 cửa thành, dùng giấy xanh vẽ Chú, dùng Bạch Đàn làm cái hộp để đựng, dùng sáp gắn lại. Đứng ở cửa thành, lấy lọng 5 màu che hộp. Mỗi cửa để một Bản. Tức Quỷ Thần , tật bệnh đều tiêu trừ không dám đến.

Pháp thứ 18 : Nếu trong nước không được mùa ngũ cốc, mưa gió thất thường. Lấy lụa trắng làm một cái phướng, vẽ Phật Đảnh Ấn treo ở cái phướng cao 80 thước (Thước Tàu) tức gió thuận mưa hòa , ngũ cốc tốt tươi, nhân dân an lạc, Quỷ Thần hồi tâm hướng thiện, A Tu La Vương không gây chướng ngại.

Pháp thứ 19 : Nếu trời mưa nhiều không dứt. Lấy lụa viết Chú, Chú 21 biến dựng nơi đó, liền tạnh mưa

Pháp thứ 20 : Nếu trong nước có oán địch giặc giã nổi lên. Lấy vải xanh viết Chú 21 tấm, ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi **Thiên Trụ** với 2 tay cầm cung tên rồi dựng ở chánh đông của cõi nước thì các nạn tự lui.

Pháp thứ 21 : Nếu trong nước có các tai họa. Dùng đủ các thứ làm 100 Phù Đồ Bức Luân, lại giã lá lấy nước vẽ Chú 10 Bản , để trên đầu Bức Luân trong cái hộp thì tai họa liền tiêu , được phước sống lâu.

Pháp thứ 22 : Nếu kẻ sang người hèn muốn ủng hộ và hộ tự thân , cầu tài bảo xứng ý . Thường khởi thiện tâm, không cần thời gian. Lễ Phật, kết Ấn, tụng Chú 7 biến, chiêm ngưỡng mặt Phật không chớp mắt . Làm như vậy tức được đầy đủ Phước Đức, khi chết không bị đọa Địa ngục ác đạo.

Pháp thứ 23 : Nếu người nữ muốn có con. Trong 100 ngày làm các món ăn uống ngon ngọt cho kẻ nghèo khổ ăn xin và kẻ bệnh tật. Khi cho đồ ăn, miệng luôn tụng Chú không được gián đoạn tức được (sanh con).

Pháp thứ 24 : Nếu vợ chồng ghét nhau. Lấy lụa, Chú 21 biến rồi đem may áo cho mặc (thì vợ chồng) liền yêu thương nhau.

Pháp thứ 25 : Nếu đàn bà không có chồng. Cúng dường hiện tiền Tăng liền được, không có nghi.

Pháp thứ 26 : Nếu có người, quốc vương, đại thần, trăm quan… không tin Phật Pháp. Lấy sữa của 3 con bò vàng không bị ghẻ lác, Chú vào nước, cỏ 21 biến rồi cho bò ăn. Khi mặt trời mọc, vắt sữa đựng trong đồ bằng bạc, lại Chú vào sữa 21 biến rồi đổ nơi đất sạch 4 phương. Người lấy sữa phải mặc áo trắng, miệng nói:"*Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ và Đế Thích phải tự lo việc này*". Chú Sư liền vào thành thì quốc vương, đại quan, ngoại đạo không tin Phật Pháp thấy Chú Sư đều sanh lòng hoan hỷ. Chú Sư nói gì thảy đều tin nhận ngợi khen.

Pháp thứ 27 :Nếu có người trong Giới, nơi chốn ở có Quỷ Thần ác, nơi ao có Rồng ác.Nếu Rồng hiện lên, Chú Sư bảo rằng*:" Không được làm hại chúng sanh trong đây"*. Y như trên mà an trí. Nếu ngang bướng không bỏ nghiệp ác. Chú Sư lấy

cát, Chú 21 biến ném nơi này , Chú vào Rồng 21 biến thì Rồng không dám trái. Nếu là Quỷ Thần ác , Chú vào thức ăn 21 biến rồi thí cho. Chú Sư bảo*:" Ta bảo ngươi, nếu không làm hại chúng sanh thì được ở đây, nếu làm hại thì rời khỏi nơi đây"*. Nếu Quỷ Thần không nghe theo, liền làm cái cọc sắt dài 22 chỉ, Chú 21 biến rồi đóng xuống đất thì Quỷ Thần liền bỏ chạy. Chú Sư an trí Quỷ Thần xong lại bảo *:" Như đây mà ở, không được lộn xộn*".

Pháp thứ 28 :Chú Sư mỗi khi ra đi. Làm một cây phất , Chú 108 biến rồi cầm mà đi. Nếu gặp súc sanh, lấy phất phủi một cái thì súc sanh được lìa khổ, giải thoát.

Pháp thứ 29 : Nếu muốn Tiên Vong xa lìa khổ , được giải thoát. Ngồi trong Rừng Thi Đà 7 ngày. Ngày 3 thời tụng Chú nhiều ít. Mãn 7 ngày , lấy đất ở chỗ Chú Sư ngồi , vãi 4 phương . Ngay khi vãi (thì Tiên Vong) liền được lìa khổ, sanh lên Trời.

Pháp thứ 30 : Buôn bán ế ấm, cầu gì đều không được. Chú Sư kết Ấn, tụng Chú 21 biến. Để Tượng Thiện Trụ ở nơi kín đáo rồi cúng dường liền được sở cầu, buôn bán có lời.

Pháp thứ 31 : Nếu có người muốn vào núi rừng gặp sư tử, cọp, sói, cầm thú ác độc. Khi sắp vào nơi cửa núi, tụng Chú 108 biến, chú vào đất vàng rồi ngậm đất ở miệng, hà hơi vào trong núi, miệng nói *:" Cầm thú ác độc có ác độc đều tiêu diệt hết, đất này thuộc về Ta. Nếu hay y theo Pháp Ta thì tùy ý được ở. Nếu không y theo liền mau đi khỏi. Nếu không đi, miệng liền bị cấm*".Nếu Chú Sư thấy cầm thú, cọp, sói có miệng bị cấm liền gom lại một chỗ, lấy tay xoa trên đầu, Chú 21 biến rồi bảo rằng :" Ta đây mở miệng cho ngươi. Mau ra khỏi nơi đây và giữ gìn đất đai này, không được làm hại chúng sanh nơi đây". Chú xong đuổi đi đến nơi an trí cho chúng ở. Chú Sư ngồi trong núi hơn 2 tháng, không được ngồi thêm rồi đi khắp nơi, sau đó ngồi lại. Nếu ngồi lâu thì cầm thú không được an ổn. Cần phải biết như vậy

Pháp thứ 32 : Nếu vào trong núi. Các Quỷ Thần xen lẫn, Rồng xen lẫn không cho Chú Sư an ổn ở nơi này. Thấy vậy, Chú Sư liền y theo Pháp mà phân chia. Sư bảo:" *Ta chọn chỗ đất này. Hãy để cho Ta. Nếu đồng ý thì được ở. Nếu cưỡng lại không nghe thì Ta liền cấm trói ngươi không được đi đâu"*. Chú Sư lấy đinh sắt như Pháp mà đóng thì các loài đi ra khỏi Giới không dám vào.

Pháp thứ 33 :Nếu có các Rồng bị Ngoại Đạo cột trói khiến trong nước không có mưa gió. Chú Sư ở bên suối có Rồng, làm một cái Đàn nhỏ, lấy gốc Dâu làm 8 cái cọc để trong Đàn. Lấy 3 chén sữa, lạc để trên Đàn. Chú vào cọc 108 biến rồi đóng cọc ở 8 hướng của suối. Lấy sữa, lạc đổ xuống ao. Lấy lá kim bạc vẽ Chú để trên lá sen trong ao. Chú Sư nói*:" Thiện Tri Thức nay bị ách nạn, bị Ngoại Đạo cấm trói. Nay làm Pháp này xong , dùng Đà La Ni ủng hộ người"*. Phát Thệ xong, liền lấy đồ ăn uống, cà sa cùng Kim Bạc Chú… quăng xuống đáy nước. Chú Sư thổi hơi 3 lần thì Cấm Pháp của Ngoại Đạo liền bị hoại, Rồng được giải thoát không còn nạn. Khi Rồng ra khỏi liền đến cúng dường Chú Sư. Rồng nói*:" Ngài có điều gì sai bảo ?*". Chú Sư nói*:" Ngươi y theo thời làm gió mưa, đem Đà La Ni này để trên đảnh khiến cho ngươi vĩnh viễn không có tai nạn"*

Pháp thứ 34 :Nếu nước lụt làm chìm đắm người. Chú Sư chú vào nước 21 biến rồi rảy vào nơi nước lụt liền không còn (người) bị trôi chìm.

Pháp thứ 35 : Nếu thường niệm, nhất định sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn được an lạc.

Pháp thứ 36 : Nếu ngày ngày tụng 1000 biến cùng kết Ấn thì được thân Kim Cang Bất Hoại, đời này được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Pháp thứ 37 : Nếu ngày ngày kết Ấn tụng Chú 108 biến thì mau được chư Phật 10 phương thọ ký , nhất định không nghi.

Pháp thứ 38 : Nếu ngó 4 phương 4 hướng , kết Ấn tụng Chú 21 biến vì chúng sanh xưng tên và xả Ấn thì được hết thảy Quỷ Thần, Ma Vương, Tỳ Na Dạ Ca, Ác Quỷ, Rồng…. Cung kính giữ gìn. Hết thảy điều cầu xin , tự nhiên đến. Nhan sắc tốt tươi, phước đức vô lượng, công đức vô biên, chư Phật 10 phương ngợi khen huống chi có người chí tâm trì tụng ắt mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, tùy ý thọ sanh 10 phương Tịnh Độ, liên hoa hóa sanh, được chứng Quả Phật.



_ Riêng đối với Hành Giả ưa thích tu trì Mật Giáo thì các vị Đạo Sư thường truyền dạy cách xây dựng Đàn Trường để tu tập và xưng là **Phật Đỉnh Tôn Thắng Mạn Trà La**. Có 2 hình thức tu tập Đàn Pháp là **Tướng Đàn** và **Tâm Đàn**

a) Tướng Đàn: Chú Sư dùng màu sắc tô vẽ các Tôn, Ấn Khế, Pháp Khí, cảnh tượng… trên mặt đất hoặc tranh vẽ . Sau đó bày biện đầy đủ mọi thứ cúng vật thật sự để cúng dường.

b) Tâm Đàn: Chú Sư dùng tâm quán tưởng các Chủng Tử biến thành các Tôn theo thứ tự . Sau đó dùng Tâm vận tưởng mọi thứ cúng vật dâng hiến các Tôn.

Truyền Thống Hoa Văn thường lưu truyền 2 loại Tôn Thắng Mạn Trà La tùy theo Nghi Quỹ của Ngài **Bất Không** hay Nghi Quỹ của Ngài **Thiện Vô Úy**

1_ Theo Nghi Quỹ của Ngài **Bất Không**: Chính giữa vẽ Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai trụ Pháp Giới Ấn, ngồi Kiết Già trên Tòa Sư Tử.

Phương Bắc vẽ Hư Không Tạng Bồ Tát (Akà'sa Garbha Bodhisattva)

Phương Tây vẽ Quán Âm Bồ Tát (Avalokite'svara Bodhisattva)

Phương Nam vẽ Trừ Cái Chướng Bồ Tát (Sarva Nirvaṇa Vi'skambhini Bodhisattva)

Phương Đông vẽ Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajrapàṇi Bodhisattva)

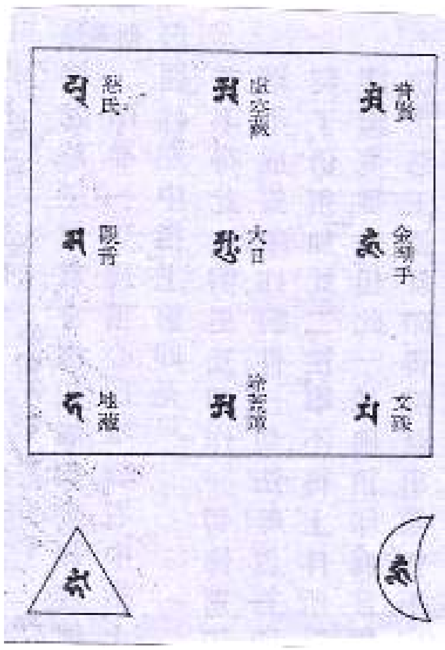
Góc Đông Nam vẽ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát (Mañju'srì Bodhisattva)

Góc Tây Nam vẽ Địa Tạng Bồ Tát (Kṣitigarbha Bodhisattva)

Góc Tây Bắc vẽ Từ Thị Bồ Tát (Maitrìye Bodhisattva)

Góc Đông Bắc vẽ Phổ Hiền Bồ Tát (Samantabhadra Bodhisattva)

Phía dưới bên trái đặt Bất Động Minh Vương (Acala Vidyaràja), bên phải đặt Giáng Tam Thế Minh Vương (Trailokya Vijaya Vidyaràja)



2_ Theo Nghi Quỹ của Ngài **Thiện Vô Úy** : Vẽ một vòng tròn sáng lớn, chia ra làm 9 vòng tròn nhỏ .

Vòng chính giữa vẽ Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai (Vairocana Tathàgata) đầu đội mão Ngũ Trí, ngồi Kiết Già trên tòa Sư Tử, tay kết Pháp Giới Định Ấn

Vòng tròn phương Nam vẽ Quang Tụ Phật Đỉnh (Tejora'si Uṣṇìṣa)

Vòng tròn phương Đông vẽ Tối Thắng Phật Đỉnh (Vijaya Uṣṇìṣa)

Vòng tròn phương Bắc vẽ Trừ Cái Chướng Phật Đỉnh (Vikìraṇa Uṣṇìṣa)

Vòng tròn phương Tây vẽ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh (Sitàtapatra Uṣṇìṣa)

Vòng tròn góc Đông Nam vẽ Vô Biên Thanh Phật Đỉnh (Anantasvara Uṣṇìṣa)

Vòng tròn góc Đông Bắc vẽ Quảng Sinh Phật Đỉnh (Abhyudgata Uṣṇìṣa)

Vòng tròn góc Tây Nam vẽ Phát Sinh Phật Đỉnh (Mahà Uṣṇìṣa)

Bên dưới : trong hình tam giác bên trái vẽ Bất Động Minh Vương (Acala Vidyaràja) , trong nửa vành trăng bên phải vẽ Giáng Tam Thế Minh Vương (Trailikya Vijaya Vidyaràja) với lò hương đặt giữa 2 vị này

Bên trên: mỗi bên vẽ 3 vị Thủ Đà Hội Thiên 9 [Gồm 6 vị Tĩnh Cư Thiên ('Suddha vàsa deva)] biểu thị cho nghĩa **trong sạch** .

*) **Đạo Trường Quán**:

Năm Đại tạo thành Pháp Giới, trong hư không có vành trăng tròn sáng, dùng chày Tam Cổ làm giới đạo, dùng bình báu làm phân tế. Ở chính giữa: viên minh (vòng ánh sáng tròn trịa) tại trung ương có đài hoa sen lớn, bên trên có chữ VAṂ ( ) thành Pháp Giới Suất Đổ Ba, Suất Đổ Ba (Stùpa: cái tháp) biến thành Đại Nhật Như lai đội mão báu Ngũ Phật với anh lạc nghiêm thân, ngồi Kiết Già trên sàng 8 Sư Tử , trụ Pháp Giới Ấn.

Trong viên minh bên trái có chữ LAṂ ( ) biến thành Bạch Tản Cái Phật Đỉnh

Trong viên minh bên phải có chữ BHRÙṂ ( ) biến thành Tối Thắng Phật Đỉnh.

Trong viên minh phía trước có chữ HRÙṂ ( ) biến thành móc câu, móc câu biến thành Tôn Thắng Phật Đỉnh (Trừ Chướng Phật Đỉnh) ngồi Kiết Già trên đài hoa sen, màu thịt trắng, hai tay để dưới rốn như vào Thiền Định, giữa lòng bàn tay nâng một hoa sen, trên hoa có dựng một móc câu Kim Cương.

Trong viên minh phía sau Đại Nhật Như Lai có chữ TRÙṂ ( ) biến thành Phóng Quang Phật Đỉnh (Quang Tụ Phật Đỉnh)

Bên trái của Trừ Chướng có chữ 'SAṂ ( ) thành Thắng Phật Đỉnh

Bên phải của Trừ Chướng có chữ ṬRÙṂ ( ) thành Quảng Sinh Phật Đỉnh.

Bên phải Quang Tụ có chữ HÙṂ ( ) thành Vô Biên Thanh Phật Đỉnh

Đồng bên trái có chữ 'SRÙṂ ( ) thành Phát Sinh Phật Đỉnh

Ở dưới, bên trái trong nửa vành trăng có chữ HAḤ ( ) thành Giáng Tam Thế Tôn. Bên phải có chữ HÀṂ ( ) thành Bất Động Minh Vương. Phía trước có lò hương.

Bên trên, mỗi bên có 3 chữ RU ( ) biến thành 6 vị Thủ Đà Hội Thiên với hình Đồng Tử đều cầm hương hoa.



Ngoài cách tạo lập Đàn Trường như trên, trong **Tôn Thắng Phật Đảnh Chân Ngôn Du Già Pháp ,** quyển hạ (Do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra Việt Văn) Ngài **Thiện Vô Úy** còn truyền dạy cách lập Đàn Pháp theo 3 bậc Thượng, Trung, Hạ là:

" Pháp tắc hoạ Mạn Đà La: Vuông tám khuỷu, mười hai khuỷu, hoặc ba tám khuỷu, nếu vì chúng sanh mà làm thì bảy khuỷu hoặc tám khuỷu cũng được. Nếu làm lớn hoặc quan phủ trong nước tạo một trăm tám khuỷu, ít là ba tám khuỷu.

Tám khuỷu: bốn khuỷu làm chính giữa, trong vòng tròn lớn chia làm năm vòng tròn nhỏ. Bốn góc hình bán nguyệt, mỗi vòng vẽ chín Tôn vị, trong vòng bán nguyệt vẽ Lục Túc Tôn, bốn mặt vòng tròn lớn vẽ tám cái bình bốn bánh xe, mười sáu chày Kim Cang dựng đứng, thảy đều cột các dây lụa, bốn khuỷu chia làm hai viện, lại mỗi viện chia ra làm ba đạo.

Ở viện thứ hai phía ngoài vẽ ba đạo, trắng, vàng, đỏ y theo nghi của ba Phật Đảnh và nghĩa của Giới, Định, Huệ .

Phía ngoài viện thứ ba vẽ năm đạo, trắng, vàng, đỏ, xanh, đen là nghĩa năm Phật Đảnh, năm Trí.

Trong hai viện, chia ra làm ba đạo, ở trong viện thứ nhất là chư Thánh chúng ngồi xây về phía trong. Đạo thứ hai để bảo bình, lư hương, đèn sáng, Ứ già, các món ăn uống, hoa quả. Đạo thứ ba là biện sự thị giả, chỗ cho các người lui tới dâng các món cúng dường, ở viện thứ hai cũng như vậy.

Nơi trung đài vẽ tám vòng tròn lớn, chia ra làm chín vòng, trong mỗi vòng tròn lại chia làm chín vòng, ở trong vẽ chín vị Thánh. Vòng tròn ở giữa vẽ Phật Tỳ Lô Giá Na, bốn mặt vẽ Tôn Thắng Phật và bốn Đảnh Luân Vương. Bốn góc vẽ bốn Ba La Mật Bồ Tát. Ở giữa hình bán nguyệt, bốn góc vẽ bốn Đại Đảnh Luân Vương, bốn cúng dường Ba La Mật, đều y theo Pháp tắc.

Viện thứ nhì hướng Đông, vẽ Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi kết già phu, tướng đang nói Pháp. Ở dưới tòa hai bên, vẽ Đế Thích và Thiện Trụ, hai gối sát đất, chắp tay cung kính nhìn ngắm Như Lai, thưa thỉnh làm sao trừ tai nạn, làm sao được sống lâu, tại sao 7 lần sanh làm súc sanh …v…v… Như vậy thưa thỉnh xong. Khi ấy Thế Tôn từ bi thương xót liền vào Trừ Chướng Tam Ma Địa, từ trên đảnh Như Lai phát ra Nhạ Da Tam Ma Địa (Jaya Samàdhi: Tôn Thắng Tam Muội), tướng như Luân Vương màu trắng đầu đội mão báu Ngũ Phật, tay cầm Kim Tỏa Câu, nơi ót chiếu hào quang quanh thân tròn như bánh xe. Khi hiện Tam Ma Địa này, 10 phương Thế Giới 6 lần chấn động, 10 phương Thế giới tất cả Địa Ngục, sáu đường chúng sanh đọa nơi ác đạo, thảy đều trừ diệt các nghiệp ác, không còn thọ lại nữa, đều được sanh về cõi Trời và 10 Tịnh độ, do Thiện Trụ Thiên Tử tiêu trừ 7 lần phải sanh vào ác đạo nên gọi là Trừ Chướng Phật Đảnh Luân Vương, tức là một trong 8 Đại Luân Vương gồm năm Phật Đảnh Luân Vương, và ba Phật Đảnh .

Hai bên trái, phải của Đức Phật, vẽ Bồ Tát Di Lặc tay cầm Pháp giới ấn, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi tay cầm hoa sen xanh. Các Vị đều kết Bổn ấn, một tay cầm phất và đều hướng về phía Phật.

Lại hai bên phải trái của Đức Phật vẽ Như Lai Hào Tướng, Như Lai tâm, Như Lai Thiệt Tướng, Như Lai Nhãn, Như Lai Tị , Như Lai Nha, Như Lai Nhĩ, Như

Lai Thần (môi), Như Lai Yêu (eo), Như Lai Sóc, Như Lai Vô Uý, Như Lai Mã Âm Tàng, Như Lai My (lông mày), Như Lai Khẩu, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Vương, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Phi.

Bốn góc viện: Hương Ba La Mật Tam Muội Da, Bảo Ba La Mật Tam Muội Da, Hoa Ba La Mật Tam Muội Da, Đồ Hương Ba La Mật Tam Muội Da, đối nhau ở trong vòng tròn, ngoài ra Như Lai Hào Tướng …v…v… thảy đều cầm bổn ấn khế, các thứ trang nghiêm, ngồi kiết già.

Bốn mặt vẽ 10 phương Chư Phật và Bồ Tát, bốn Đại A La hán, bốn Phật Bích Chi chia ở 4 góc mặt

Ở giữa mặt phía Bắc vẽ Bồ Tát Quán Tự Tại, hai bên vẽ Liên Hoa Bộ nội quyến thuộc, Bồ Tát Đắc Đại Thế …v…v… Bồ Tát Bạch Xứ Tôn Quán Tự Tại, Bồ Tát Thất Cu Chi Quán Tự Tại, Bồ Tát Bất Không Quyến Sách Quán Tự Tại, Bồ Tát Đa La Quán Tự Tại, Bồ Tát Như Ý Luân Quán Tự Tại, Bồ Tát Thương Ly Quán Tự Tại, Bồ Tát Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Thủy Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Mã Đầu Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Liên Hoa Quân Trà Lợi Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Nhất Kế MinhVương Quán Tự Tại, các vị Thánh giả đều chấp bổn khế và trang nghiêm đầy đủ, ngồi bán già trên tòa sen.

Lại ở giữa mặt phía Nam, vẽ Bồ Tát Chấp Kim Cang Vương Bí Mật Chủ, tay cầm chày Kim Cang, ngồi Kiết Già Phu. Hai bên vẽ Kim Cang Bộ Nội Thánh Chúng, an trí thứ lớp: Bồ Tát Kim Cang Mẫu, Bồ Tát Kim Cang Quyền, Bồ Tát Kim Cang Tỏa, Bồ Tát Kim Cang Nhãn, Bồ Tát Kim cang Phẫn Nộ, Bồ Tát Kim Cang Sách, Bồ Tát Kim Cang Quân trà Lợi, Bồ Tát Kim Cang Tiếu, Bồ Tát Kim Cang Hỏa, Bồ Tát Kim Cang Đạt, Bồ Tát Kim Cang Hỉ, Bồ Tát Kim Cang Bổn, Bồ Tát Kim Cang Tâm, Bồ Tát Kim Cang Tô Bà Hô, Bồ Tát Kim Cang Đồng Tử, Bồ Tát Kim Cang Xích Thân, Bồ Tát Kim Cang Thanh Diện, các vị Kim Cang Bồ Tát đều cầm chày Kim Cang, Luân, quyến sách, gậy, lòi tói, bổn ấn khế ngồi bán già, quanh thân lửa cháy rực rỡ, anh lạc trang nghiêm nơi thân, thảy đều như Pháp hình (hình đã ghi rõ trong nghi quỹ).

Ở cửa phía Tây, hai bên an trí 08 Đại Bồ Tát là: Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Trừ Cái Chướng, Bồ Tát Từ Thị, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi Đồng tử, Bồ Tát Trì Địa, Bồ Tát Liên Hoa Thủ, Bồ Tát Bí Mật Chủ …v…v… mỗi mỗi đều chấp bổn khế ấn và trang nghiêm nơi thân đầy đủ.

Ngoài viện an trí mười phương các thần Hộ Pháp cùng các quyến thuộc, hai bên vẽ bốn trụ giả. Góc Đông Bắc vẽ Y Xá Na tay cầm Đát Lợi Thư Na, hai bên có hai thị giả tay cầm Ấn Khế.

Cửa Đông phía Đông Bắc, vẽ Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương, tay cầm đàn Tỳ bà có bốn thị giả.

Cửa Đông phía trên hướng Nam, vẽ Hộ Pháp Đế thích Thiên tay cầm chày Kim cang, có bốn thị giả.

Bốn mặt ngoài viện, vẽ bốn Phật Bích Chi, bốn Thanh Văn.

Góc Đông Nam vẽ Hỏa Thiên Thần ngồi trong lửa, tay cầm xâu chuỗi, hai bên vẽ hai thị giả,

Phía Nam vẽ Diêm La Vương tay cầm Tử Vương ấn, Diêm La Phi và các loài quỷ quyến thuộc.

Hai bên góc Tây Nam, vẽ La Sát Vương tay cầm kiếm, có hai thị giả tay cầm đao, đều ngồi hai bên. Mặt cửa phía Tây hướng Tây Nam, vẽ Thủy Thiên Thần mặc giáp mũ, trên đầu có đầu rắn, tay cầm quyển sách, có bốn thị giả quỳ hai bên chắp tay.

Phương dưới cửa Bắc vẽ Địa Thần, A Tu La Vương tay cầm Bảo Bình, có bốn thị giả.

Cửa Nam mặt phía Tây, vẽ Nhật Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngựa, hai tay cầm hoa sen nở ngồi trong vòng tròn. Vẽ bảy sao y theo Bổn sắc, tay cầm bổn ấn, vẽ hai bên Nhật Thiên Tử và quyến thuộc.

Mặt phía Đông vẽ Nguyệt Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngỗng, tay cầm phướng gió trên có có con thỏ ngồi trong vành trăng, có hai tám sao đều cầm bổn khế, tùy phương hướng, màu sắc, hình Chư Thiên ngồi quanh Nguyệt Thiên Tử.

Mặt Đông và Nam vẽ các Tất Địa chư Tiên, có ba bốn thị giả như trên.

Các Thánh chúng y theo Pháp vẽ bổn hình dầy đủ, đây là **Mạn Đà La bậc thượng**.

Nếu như vẽ ấn khế, trên đài sen vẽ phóng ánh sáng rực rỡ, đây là **Mạn Đà La bậc Trung**.

Nếu trên đài sen vẽ các chủng tử Phạm tự phóng ánh sáng chung quanh, đây là **Mạn Đà La bậc Hạ**.

Nếu quốc vương muốn trừ tai nạn, ở giữa viện thứ ba vẽ năm non bốn biển vua chúa, quan binh các thần kỳ trong nước, như Pháp mà vẽ.

Nếu bị nghịch tặc nổi lên, ở viện thứ tư vẽ hình nghịch tặc và các hình trạng biến dị. Ở trong dưới nửa đàn mà trấn.

Như vậy vẽ xong kết giới, tịch trừ, triệu thỉnh, dâng các Bảo Bình, lư hương, đèn sách, hoa quả, ứ già …v…v… đều an trí dưới tòa các Thánh vị, tùy theo lớn nhỏ sắp đặt. Nếu lớn một trăm tám khuỷu, Bảo Bình hai lăm cái; nếu tám khuỷu trở lại thì mười lần một cái, hoặc sáu cái, còn các món cúng dường khác tùy thời mà dâng cúng, trong chính vòng tròn ở giữa, hai viện ngoài cộng chung là 16, bốn góc bốn cửa đối nhau.

Nếu làm Mạn Đà La Tăng Ích, Tức Tai thì tròn.Nếu Hàng Phục thì làm hình tam giác. Nếu Nhiếp Triệu thì làm hình bán nguyệt. Các thứ khác giống nhau”.

Thông thường các vị Đạo Sư thường hay truyền trao cho Đệ Tử 2 cách tu theo Pháp Tăng Ích và Pháp Tức Tai

_ Nếu tu **Pháp Tăng Ích** (Puṣṭika) thì Chú Sư ngồi ở mặt Tây hướng mặt về phương Đông, đặt mặt tượng Phật hướng về phương Tây. Từ một ngày cho đến 7 ngày tụng đủ 10 vạn biến. Trong 7 ngày, như Pháp tỏ bày Sám Hối, phát khởi Nguyện Đại Bi thì ngay lúc tu trì liền được thành Pháp. Cần nhớ là đừng khởi Tâm nghi ngờ, luôn thành Tâm cúng dường sẽ sinh vô lượng Phước

Nếu tu **Pháp Diên Thọ** (cầu sống lâu) thì 6 ngày 6 đêm y theo Pháp thọ trì sẽ mãn tất cả Nguyện. Tất cả khổ não của nẻo ác đáng lẽ phải chịu thảy đều được giải thoát.

_ Nếu tu **Pháp Tức Tai** (‘Sàntika): Ngày ngày nên tụng 21 biến sẽ diệt trừ mọi tội, tăng trưởng Phước Lợi , được mọi người yêu kính. Sau khi chết được vãng sinh về cõi Cực Lạc.

Để nhắc nhở Hành Giả tự chứng biết lúc mình sắp tu Chân Ngôn thành tựu , trong **Tôn Thắng Phật Đảnh Chân Ngôn Du Già Pháp**, quyển hạ (Do Sa Môn **Thích Quảng Trí** dịch ra việt Văn) Ngài **Thiện Vô Úy** có dạy rằng:

“Nay ta lại nói: Hành giả muốn thành tựu tướng của Chơn ngôn, nếu nói cho đầy đủ hết kiếp cũng không nói đặng, chỉ có Phật mới hay nói được thôi. Nếu Hành giả tụng trăm ngàn vạn biến tức được thành tựu. Nếu khi sắp thành tựu, trước có bảy cảnh giới cát tường, phải biết hành giả mau được Tất Địa.

Thứ nhất: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Đại Như Ý quảng Đại Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, ta được tất cả Như Lai thọ ký Hoán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Ma Địa. Ta và Như Lai một lúc cùng phát thệ rằng: “*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được được vào trong mười phương cõi Phật. Lui tới tự tại, trong mỗi cõi có chín mươi chín hằng sau cu chi na dữu đa trăm ngàn tất cả Như Lai nhớ nghĩ gia bị*”. Được cảnh giới này, nên gia công tinh tấn, không nên thủ xả.

Thứ hai: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Ma Ni Bảo Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da cung điện. Ta cùng Như lai thọ Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Ma Ni Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Hiện tiền ta và Như Lai cùng nói lời rằng: “*Lành thay! Thiện nam tử, ông được Đại Liên Hoa Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Ấn Tam Muội Da*”.

Thứ ba: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da. Ta và Chư Như Lai thọ Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm và ta thọ tất cả Như Lai Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni Tam Muội Da phẩm. Tất cả Kim Cang đồng khen rằng: “*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được các Như Lai Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Đại Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Kim Cang nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Bảo Kim Cang Ấn Tam Muội Da”*.

Thứ tư: Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, thấy ta và các Như Lai thọ Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Bí Mật Thành Tựu Tam Muội Da, được các Như Lai khen rằng: *“Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông nay được tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Bí Mật Tâm phẩm hiện tiền gia bị, Pháp*

Quán đảnh này là tất cả Như Lai Đại Như Ý Bảo Chủng Tộc Bí Mật tâm Chơn ngôn Tam Muội Da phẩm".

Thứ năm: Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, được các Như Lại thọ Bất Thối Chuyển Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai đều khen rằng: "*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông nay được mười phương quốc độ ba đời Chư Phật, tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm*".

Thứ sáu: Mộng thấy ta với mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cội Bồ Đề, nơi tòa Kim Cang thành Đẳng Chánh Giác, làm Đại Pháp Vương Quán Đảnh Địa Pháp. Thấy khắp mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi tòa sư tử thọ tất cả Như Lai Bất Thối Pháp Vương Quán Đảnh Đại Pháp. Chư Như Lai đều khen rằng: "*Lành thay! Lành thay! Ngươi thật bền chắc, nay được tất cả Như Lai Bất Thối Như Lai quán đảnh hộ niệm lâu dài không bỏ"*.

Thứ bảy: Mộng thấy Như Lai Thích Ca Mâu Ni nơi cội Bồ Đề, ngồi tòa Kim Cang, phóng Đại quang minh, chuyển Đại Pháp luân, đốt Đại Pháp cự, vũ Đại Pháp võ, dựng Đại Pháp tràng, thổi Đại Pháp loa, đánh Đại Pháp nhạc, phá Đại Ma quân và thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cội Bồ Đề nơi tòa Kim Cang chuyển Đại Pháp Luân, dẹp Đại Ma quân, Tối Thắng Đại Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Thời Chư Như Lai đều khen rằng: "*Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được chân ngôn Bảo Kiên Cố Giải Thoát Chuyển Pháp Luân Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn tam Muội Da"*.

Như vậy y Pháp cần phải cố gắng quán tưởng thọ trì đọc tụng không có gián đoạn, tức được bảy loại mộng tốt. Chứng Nhất Thiết Như Lai Năm Đảnh Luân Vương Chơn Ngôn Thần Biến Pháp, nhập vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Đảnh Luân Vương Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai Đại Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da hội. Nhập tất cả Tam Muội Da xứ. Được thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai Tôn Thắng Phật Đảnh Luân Vương Như Lai Đại Tỳ Lô Giá Na, bốn Ba La Mật …v…v… Đông phương Như Lai A Súc, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ …v…v… Nam phương Như Lai Bảo Sanh, Hư Không Bảo …v…v… Tây phương Như Lai Vô Lượng Thọ, Liên Hoa Nhãn …v…v… Bắc phương Như Lai Bất Không Tất Địa, Tỳ Thủ Yết Ma …v…v… bốn Trí, bốn Tam Muội Da …v…v… vô lượng Thánh chúng sắc thân vi diệu cung kính cúng dường, gìn giữ mười phương quốc độ ba đời tất cả Tôn Thắng Phật Đảnh Tỳ Lộ Giá Na Như Lai, tất cả danh hiệu được mười phương quốc độ ba đời, tất cả Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai thọ cho Trừ Chướng Phật Đảnh Ấn Đà La Ni Tam Muội Da Thần Thông Pháp phẩm trên hết.

Nếu trong quá khứ đã tạo mười ác, năm nghịch, bốn trọng, các tội nặng nề thảy đều trừ sạch.

Nếu có chúng sanh ở nơi các đọa xứ được nghe Đại Quán Đảnh Quang Vương Tôn Thắng phật Đảnh Luân Vương Chơn ngôn qua tai một, hai, ba, bảy lần, tức được tiêu trừ tất cả tội chướng.

Nếu Hành giả Du già thương xót sáu nẻo Hữu tình ở nơi đảnh núi cao lễ mười phương, mỗi phương tụng Tôn Thắng Chơn ngôn một biến, mắt nhìn các loại

chúng sanh đều được xa lìa tất cả tội khổ. Đời sau được sanh vào cõi Bất Động phật, hoặc viết trên phướng, treo trên đảnh núi cao, trên đầu ngọn cây, phướng bay hướng nào tất cả chúng sanh hướng ấy có các tội mười ác, năm nghịch, bốn trọng, thảy đều tiêu diệt. Hoặc viết chữ Phạn, an trí trên phướng cũng được như trên đã nói. Bảy loại mộng tốt tương ưng, nên biết Hành giả Du già mau chứng Phổ Hiện Sắc Thân Đại Tam Ma Địa, nhập vào Vô Sanh Bình Đẳng Năm Trí, thành tựu thân Như Lai Đại Tỳ lô Giá Na".

Riêng về sự Thành Tựu (Tất Địa: Siddhi) thì có hai loại là **Hữu Tướng Tất Địa** và **Vô Tướng Tất Địa**

Hữu Tướng Tất Địa có 3 bậc là:

_ **Hạ Tất Địa** : Được trường sinh bất lão, làm vua trong chư Tiên. Hoặc đạt được tất cả việc thù thắng xảo diệu của Thế Gian, sống lâu vạn tuổi.

_ **Trung Tất Địa :**Được địa vị Chuyển Luân Thánh Vương, sống lâu một kiếp.

_ **Thượng Tất Địa** : Chứng Ngũ Địa cho đết Bát Địa , tự đến thân Bồ Tát. Trong khoảng một niệm vượt 10 Phật Sát vi trần số Phật Thế Giới , thừa sự cúng dường mỗi một vị Phật, hóa độ chúng sinh.

Vô Tướng Tất Địa có 3 bậc là:

_ **Hạ Tất Địa** : 3 loại Tất Địa lúc trước là Hạ Tất Địa

_ **Trung Tất Địa** : Như trong Vô Tướng, hoặc được thân Bản Tôn, hoặc được thân ứng hóa cho đến thân Bồ Tát ở 10 Địa Vị.

_ **Thượng Tất Địa** : 3 Nghiệp tức là 3 Mật, 3 Mật tức là 3 Thân, 3 Thân tức là Đại Nhật Như Lai Trí.

Nếu được thân Tỳ Lô Giá Na như vậy , hoặc chứng Pháp Giới Phổ Hiện Sắc Thân, đồng một Pháp Giới , đồng một Thể Tính . Ngoài một tâm không có một vật nào mà có thể được. Lập tướng hư không của chư Phật, hư không cũng không có tướng, tâm đồng hư không cho nên người tu Du Kỳ cũng đồng một Thể. Một niệm đốn vượt 3 vọng chấp, độ 3 tăng kỳ hạnh, phát Tâm Bồ Đề liền thành Chính Giác tức là thân của Tất Địa. Đây là Pháp tối thượng trong Vô Tướng Tất Địa .

Mật Tạng Bộ 2 - No 967 (Tr.349 →Tr.352)

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Nước Diêu Tần Tam Tạng Sa Môn PHẬT ĐÀ BA LỢI phụng chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Ta nghe như vầy. Một thời Bạc Già Phạm tại Thất La Phiệt, nơi rừng Thệ Đa trong vườn Cấp Cô Độc cùng đại Tỳ Kheo chúng một ngàn hai trăm năm mươi người đầy đủ. Cùng với các Đại Bồ Tát, Tăng một vạn hai nghìn người. Khi đó ba mươi ba cõi Trời đương hội họp tại Thiện Pháp đường. Có một Thiên Tử tên là Thiện Trụ cùng các Đại Thiên vui chơi trong vườn, được các Đại Thiên Vương thương yêu kính mến. Có các Thiện nữ trước sau đoanh vây, vui vẻ thọ hưởng các món âm nhạc, thọ hưởng các điều vui sướng.

Khi đó Thiện Trụ Thiên Tử trong đêm nghe có tiếng nói rằng: "Thiện Trụ Thiên Tử! Sau 7 ngày nữa ông sẽ chết. Sau khi chết sanh vào cõi Diêm Phù Đề thọ thân súc sanh 7 lần, và thọ khổ nơi Địa Ngục, từ nơi Địa Ngục ra được thọ thân người ở nơi nhà bần tiện, khi còn trong thai đã mù haimắt".

Khi Thiện Trụ Thiên Tử nghe như vậy rồi, rất là sợ sệt, các lông dựng đứng, buồn khổ vô cùng, liền mau đến chỗ Thiên Đế Thích, khóc la đảnh lễ nơi chân Thiên Đế, bạch cùng Thiên Đế rằng: "Xin hãy nghe tôi nói! Tôi cùng các Thiên nữ trước sau dạo chơi thọ các điều vui sướng, nghe có tiếng bảo rằng: 'Thiện Trụ Thiên Tử! Sau 7 ngày nữa mạng ngươi sẽ hết, sau khi chết sanh nơi Nam Diêm Phù Đề bảy lần thọ thân súc sanh, sau đó lại đọa vào Địa Ngục, từ Địa Ngục ra được, làm thân người sanh vào nhà bần tiện lại mù hai mắt'. Cúi xin Thiên Đế làm cách nào để cứu tôi thoát khỏi khổ nạn này".

Khi Thiên Đế nghe Thiện Trụ Thiên Tử nói xong, rất lấy làm quái lạ suy nghĩ rằng: "Thiện Trụ Thiên Tử này vì sao lại bị 7 lần thọ các thân ác?". Tức thời liền nhập vào Định Quán, thấy Thiện Trụ Thiên Tử 7 lần thọ các thân ác, như là heo, chó, dã can, nhị hầu, mãng xà, chim cú, các thân, ăn các vật dơ uế. Khi Thiên Đế thấy Thiện Trụ Thiên Tử đọa 7 lần trong ác đạo, trong tâm rất là khổ não, không biết lấy gì làm chỗ quy y, chỉ có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là có thể khiến cho Thiện Trụ Thiên Tử được khỏi khổ này.

Bấy giờ Thiên Đế Thích lúc sáng sớm đem các tràng hoa, hương đốt, hương bột, các y phục thù diệu trang nghiêm cõi Trời, đi đến rừng Thệ Đa, chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ chân Phật, nhiễu bên phải 7 vòng, ở nơi trước Phật cúng dường đầy đủ, hồ quỳ chắp tay mà bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Thiện Trụ Thiên Tử vì sao phải thọ 7 lần làm súc sanh và các thân trong đường ác như đã nói".

Lúc bấy giờ trên đảnh Đức Như Lai phóng ra các thứ ánh sáng chiếu khắp 10 phương thế giới xong, ánh sáng kia xoay vòng quanh Phật ba vòng rồi nhập vào nơi miệng. Đức Phật mỉm cười bảo Thiên Đế Thích rằng: "Thiên Đế! Có Đà La Ni gọi là Tôn Thắng hay tịnh các đường ác, hay trừ tất cả khổ não sanh tử, lại hay trừ

các khổ nơi Địa Ngục, Diêm La Vương giới và cõi Súc Sanh, hay phá các Địa ngục, hướng về đường lành.

Thiên Đế! Phật Đảnh Đà La Ni này nếu có người được nghe qua tai một lần, các nghiệp Địa Ngục đã tạo từ trước thảy đều tiêu diệt, được thân thanh tịnh, tùy theo chỗ sanh nhớ niệm không quên, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, từ cõi Trời này đến cõi Trời khác, trải qua 33 cõi Trời khi sanh ra đều nhớ không quên.

Thiên Đế! Nếu có người khi sắp chết nhớ đến Đà La Ni này mau được tăng trưởng, Thân, Khẩu, Ý nghiệp thanh tịnh, sống lâu, thân không có bệnh, tùy nơi chỗ ở được các phước lợi an ổn. Tất cả Như Lai đều nhìn đến, các Thiên Thần thường luôn ủng hộ, khiến người kia ác chướng tiêu trừ, được các Bồ Tát che chở.

Thiên Đế! Nếu có người tụng Đà La Ni này, trong khoảng phút chốc tất cả các khổ về Địa Ngục, Diêm La Vương giới, Súc Sanh đều bị phá nát không còn dư sót, ở trong các cõi Phật, nơi Thiên cung chỗ các Bồ Tát ở, đều vào được tùy ý không có chướng ngại".

Lúc bấy giờ Thiên Đế Thích bạch Phật rằng: "Cúi xin Thế Tôn vì các chúng sanh nói Pháp Tăng Ích thọ mạng".

Khi ấy Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của Thiên Đế Thích muốn được nghe Phật nói Pháp Đà La Ni. Liền nói chú rằng:

"Nẵng mồ bà nga phạ đế đát lặc lộ chỉ dã, bát ra để vĩ thỉ sắt tra dã một đà dã, bà nga pha đế đát nễ dã tha.

Úm vĩ thú dà dã sa ma sa ma tam mãn đà phạ bà sa sa bạt ra nõa nghiệt đế nga ha nẵng sa phạ bà phạ vĩ thuật đệ a tì tiện tả để hàm tát nghiệt đa phạ ra phạ tả nẵng a mật lật đa tỳ du kế, ma ha mạn đát ra bạt nại a ha ra a ha ra a dữu tán đà ra ni thuật đà dả thuật đà dả nga nga nẵng vĩ thuật đệ ô sắc nị sa vĩ nhạ dã vĩ thuật đệ sa ha sa ra ra thấp minh tán tô nễ đế tát phạ đát tha nghiệt đa phạ lô ca nĩnh sát bát ra nhị đa bạt lị bố ra ni, tát phạ đát tha nghiệt đa. Hật lị ra dả địa sắc ná nẵng địa sắc sĩ đa ma ha mẫu nại rị phạ nhựt ra ca dã tăng ha đa nẵng vĩ thuật đệ tát phạ tát ra nõa bà dã nạp nghiệt đế bà rị vĩ thuật đệ bát ra để nĩnh tỳ đa dã a dục thuật đệ tam ma dã địa sắc sĩ đế ma ni ma ni ma ha ma ni đát đạt đá bộ đa câu trí bà rị thuật đệ vĩ tắt phổ tra,một địa thuật đệ nhạ dã nhạ dã vĩ nhạ dã vĩ nhạ dã sa ma ra tát phạ một đà địa sắc sỉ đa thuật đệ phạ nhựt ra phạ nhựt ra nghiệt bệ phạ nhựt vãm bà phạ ổ ma ma xá rị vảm tát phạ tát đát phạ nan tả cá dã vĩ thuật đệ tát phạ nga đế bà rị thuật đệ tát phạ đát tha nghiệt đa tam ma thấp phạ sa dõngđô tát phạ đát tha nghiệt đa tam ma thấp phạ sa địa sắc sĩ đế một địa dã một địa dã vĩ một địa dã mạo đà dả mạo đà dã vĩ mạo đà dả vĩ mạo đà dã tam mãn đà bà rị thuật đệ tát phạ đát tha nghiệt đa. Hật rị na dã, địa sắc sá nẵng địa sắc sĩ đa ma hạ mẫu nại ra sa phạ ha.

Phật bảo Thiên Đế Thích rằng: "Chú này gọi là Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Đạo Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni, hay trừ tất cả tội nghiệp các chướng, hay phá tất cả uế ác, các khổ. Thiên Đế! Đà La Ni này là 88 hằng hà sa cu chi trăm ngàn Chư Phật đều cùng nói ra, tùy hỷ thọ trì. Tất cả Như Lai đều ấn khả, vì muốn cứu tất

cả chúng sanh các uế ác khổ, khiến cho tất cả Địa Ngục, Súc Sanh, Diêm La Vương giới, các chúng sanh được giải thoát, khiến các chúng sanh bị khổ nạn đọa trong biển sanh tử được giải thoát, chết non, bạc phước không chỗ cứu hộ, tạo ra ác nghiệp, tạp nhiễm chúng sanh được nhiêu ích. Đà La Ni này gìn giữ cõi Nam Diêm Phù Đề hay khiến Địa Ngục, các chúng sanh nơi ác đạo xoay vần trong sanh tử, bạc phước chúng sanh, không tin Thiện Ác bỏ Chánh Đạo được giải thoát".

Phật bảo Thiên Đế: "Ta nói Đà La Ni này trao cho ông, ông nên truyền lại cho Thiện Trụ Thiên Tử và nên thọ trì đọc tụng, suy nghĩ nhớ niệm cúng dường, cũng nên rộng nói cho tất cả chúng sanh trong cõi Nam Diêm Phù Đề, lại vì các Thiên Tử mà nói Đà La Ni này. Nay Ta giao phó cho ông phải luôn luôn giữ gìn ủng hộ, không được quên mất.

Thiên Đế! Nếu có người trong chốc lát được nghe Đà La Ni này, trong trăm ngàn kiếp trở lại đã tạo các nghiệp ác, chướng nặng đến phải luân hồi trong sanh tử, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, Diêm La Vương, A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Quỷ Thần, Bố Đơn Na, Yết Tra Bố Đơn Na, A Bà Sa Ma Ra, muỗi, mòng, lằn, chó, mãng xà, các loài chim, các loài mãnh thú, các loài cử động hàm linh, cho đến trùng kiến các thân đều không thọ nữa, được chuyển sanh nơi cõi Chư Phật, Nhất sanh bổ xứ, cùng các Bồ Tát đồng hội, hoặc sanh vào nhà Bà La Môn, hoặc sanh vào nhà Sát Đế Lợi, hoặc sanh vào nhà giàu có. Thiên Đế! Người này được sanh vào những nơi tôn quý là do nghe Đà La Ni này, sanh đến nơi nào đều được thanh tịnh, cho đến đến được chỗ Bồ Đề Đạo tràng, đều do xưng tán công đức của Đà La Ni này. Như vậy, Đà La Ni này gọi là Kiết Tường hay trừ tất cả đường ác. Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni cũng như báu Nhật Tạng Ma Ni, như là hư không, không có bợn nhơ, rực rỡ chiếu khắp mọi nơi. Nếu có chúng sanh trì Đà La Ni này, được các điều như vậy, cũng như vàng ròng Diêm Phù Đàn, khiến người ham ưa, không có các uế ác, cáu bẩn. Thiên Đế! Nếu có chúng sanh trì Đà La Ni này, do được Thiện tịnh nên sanh vào cõi Tịnh. Thiên Đế! Nơi nào có Đà La Ni này, nếu hay viết chép, lưu bố, thọ trì, đọc tụng, nghe nhớ, cúng dường, thì tất cả các đường ác đều tiêu diệt, thảy đều thanh tịnh, tất cả khổ não nơi Địa Ngục đều được tiêu trừ".

Phật bảo: "Thiên Đế! Nếu có người viết chép Đà La Ni này treo nơi cột phướng, hoặc trên đỉnh núi hoặc trên lầu, cho đến an trí nơi Tháp Suất Đổ Ba. Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tộc tánh nam, tộc tánh nữ, hoặc thấy hoặc gần gũi, thân hình chạm đến, hoặc gió thổi qua các chỗ trên bụi đất chạm đến thân. Thiên Đế! Các chúng sanh này có các ác nghiệp đáng đọa vào Địa Ngục, Súc Sanh, Diêm La Vương giới, Ngạ Quỷ, A Tu La, các chốn ác đạo chịu khổ thảy đều tiêu diệt, không bị các tội cấu làm đắm nhiễm. Thiên Đế! Các chúng sanh này được Chư Phật thọ ký, được bất thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, huống là dùng nhiều các thứ cúng dường đầy đủ như tràng hoa, đồ hương, mạt hương, phan, cái, y phục, anh lạc, các thứ trang nghiêm, nơi ngã tư đường tạo Tháp Suất Đổ Ba, an trí Đà La Ni này, chấp tay cung kính hành đạo, đi nhiễu, quy y đảnh lễ. Nếu người hay cúng dường như vậy, được gọi là Đại Bồ Tát, đây chính là Chơn Phật tử, giữ được Phật Pháp cũng như toàn thân Như Lai Xá Lợi Suất Đổ Ba".

Lúc bấy giờ Diêm Ma Pháp Vương, nơi nửa đêm đi đến chỗ Phật đem các Thiên y, diệu hoa, đồ hương trang nghiêm cúng dường Phật xong, nhiễu Phật 7 vòng, đảnh lễ chân Phật mà bạch rằng: "Con nghe Như Lai tuyên nói khen ngợi sức của Đà La Ni này, nếu có người thọ trì đọc tụng Đà La Ni này con thường gần gũi ủng hộ, không để người này đọa vào Địa Ngục, tùy theo ngôn giáo của Như Lai mà hộ niệm họ".

Khi đó, Hộ Thế Tứ Đại Thiên Vương nhiễu Phật ba vòng cùng bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Xin vì con nói rộng Pháp trì tụng Đà La Ni này".

Phật bảo Tứ Thiên Vương: "Các ông hãy lắng nghe. Ta sẽ vì các ông mà nói, cũng vì các chúng sanh đoản mạng mà nói. Trước cần tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, tháng bạch nguyệt ngày rằm tụng Đà La Ni này mãn ngàn biến. Khiến kẻ đoản mạng được sống lâu, vĩnh viễn xa lìa bệnh khổ, tất cả nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt, được giải thoát các khổ nơi Địa Ngục, các loài Phi cầm, Súc sanh, các loài Hàm linh được nghe Đà La Ni này một lần qua tai, khi bỏ thân rồi không còn thọ lại nữa".

Phật dạy: "Nếu có người bị bệnh ác nặng, nghe được Đà La Ni này, tất cả các bệnh đều được tiêu trừ, cũng hay trừ diệt các ác đạo, được vãng sanh nơi các Thế giới Tịch Tịnh. Từ đó trở đi, không còn thọ thân bào thai nữa, Liên Hoa hóa sanh, sanh ở cõi nào cũng được nhớ trì không quên, biết được túc mạng.

Nếu có người từ trước đã tạo các nghiệp ác nặng, sau khi mạng chung, phải đọa vào Địa Ngục, Súc sanh, Diêm La Vương giới hoặc đọa Ngạ quỷ cho đến đọa Đại A Tỳ Địa Ngục, hoặc sanh trong nước hoặc sanh trong loài cầm thú, nên lấy thân phần xương cốt của vong linh, dùng một nắm cát tụng Đà La Ni này 21 biến, tán rải trên xương cốt đó, vong kia tức được sanh lên cõi Trời.

Nếu như có người hay ngày ngày tụng Đà La Ni này 21 biến, đáng thọ của thế gian đại cúng dường, khi bỏ thân vãng sanh Cực Lạc Thế giới. Nếu thường niệm tụng đắc Đại Niết Bàn, được sống lâu hưởng thọ các điều vui sướng, bỏ thân tức được sanh về các cõi thanh tịnh vi diệu của Chư Phật, được cùng Chư Phật ở một chỗ, được Chư Phật nói các Pháp nghĩa và đều thọ ký cho, thân có hào quang chiếu khắp mọi nơi".

Phật dạy: "Pháp tụng niệm Đà La Ni này, nên ở trước Phật dùng đất sạch đắp một cái Đàn lớn nhỏ tùy ý bốn góc vuông vức dùng các cỏ thơm rải nơi trên Đàn, đốt các hương thơm, hồ quỳ gối phải sát đất, chắp tay nơi tâm niệm Phật kết ấn, co hai ngón trỏ dùng hai ngón cái đè lên chắp tay lại để nơi tâm tụng Đà La Ni này 108 biến. Ở nơi trong Đàn mưa hoa như mây nhóm, biến khắp cúng dường 88 hằng hà sa na dữu đa trăm ngàn Chư Phật. Chư Phật đều đồng khen rằng: "Lành thay! Khó có đây chính là Chơn Phật tử!", liền được Vô chướng ngại Trí Tam Muội, được Đại Bồ Đề Tâm trang nghiêm Tam Muội, Pháp trì tụng Đà La Ni này như vậy".

Phật bảo: "Thiên Đế! Phương tiện của Ta đây khiến tất cả chúng sanh đáng đọa Địa Ngục đều được giải thoát, thanh tịnh hết thảy các ác đạo khiến người trì tụng được sống lâu. Thiên Đế! Ông nên đem Đà La Ni này trao cho Thiện Trụ Thiên Tử, qua 7 ngày sau ông hãy cùng Thiện Trụ lại đây gặp Ta".

Khi đó Thiên Đế ở nơi Thế Tôn được thọ Pháp Đà La Ni xong trở về chỗ cũ trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử, Thiện Trụ Thiên Tử được thọ Đà La Ni này, y Pháp thọ trì 6 ngày 6 đêm, các nguyện đều được đầy đủ, các tội đáng phải đọa vào ác đạo chịu khổ thảy đều giải thoát, được vào Đạo Bồ Đề, được sống lâu vô thượng, rất là Đại hoan hỷ, lớn tiếng khen rằng: "Như Lai thật là ít có! Diệu Pháp thật là ít có! Minh nghiệm (hiệu nghiệm của Thần chú) thật là ít có! Rất là khó được, con đã được giải thoát".

Khi ấy Thiên Đế trải qua 7 ngày, cùng Thiện Trụ Thiên Tử đem các Thiên chúng cầm các tràng hoa, thiêu hương, mạt hương, tràng phan, Thiên cái, Thiên y, anh lạc, các món trang nghiêm, đi đến chỗ Phật rộng bày đại cúng dường dùng các Thiên y và các anh lạc cúng dường Thế Tôn, nhiễu trăm ngàn vòng, trước Phật hớn hở vui mừng ngồi xuống nghe Pháp.

Khi ấy Đức Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu Thiện Trụ Thiên Tử, nói Pháp thọ ký quả Bồ Đề.

Phật bảo: "Kinh này gọi là Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Đạo Phật Đảnh Đà La Ni, các ông nên thọ trì".

Khi đó, đại chúng nghe Pháp thảy đều vui vẻ tin chịu vâng làm.

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

Mùa Đông năm Bính Tý 1996

Bản đời Tống ghi chép như sau:

"Na ma bà già phạt đế lệ lô ca ra đế tì thất sắc tra da. Bốt đà da, bạt già phạt đế đát điệt tha. Úm tì du đà da sa ma tam mạn đa bá bà sa sa bà ra nõa yết đế da ha na sa bà bá du thuật địa a tì tiến dã tô yết đa bạt tư da a mật lật đa tì dược kê a ha ra a ha ra a du tán đà ra ni du đà da du đà da dà dà na tì thuật đề ô sắc nị sa tì chiết na thuật đề sa ha sa ra hắc ra thấp nhị san châu địa đế, tát bà đát tha yết đa địa sắc sá na át địa sắc sỉ đế mô vam bác bạt chiết ca ra da tăng ha đa da thuật đề tát bà bạt ra nõa tì thuật đề bát ra để nể bạt đát da a du thuật đề tát mạt da a địa sắc sỉ đế mặc nễ mạt nễ đát lan đa bộ đa cu đê bát lị thuật đề, tì tát phổ tra bột địa thuật đề xả da xả da tì xả da tì xả da tát mạt ra tát mạt ra bột đà át địa sắc sỉ đa thuật đề bạt chiết lê, bạt chiết la át tì bạt chiết lam bà thuật đô, ma ma tát bà tát tỏa tả ca da tì thuật đề, tát bà yết đế bát lợi thuật đề tát bà đát tha yết đa tam ma thấp bà sa yết địa sỉ đế bột đà bột đà phổ đà da phổ đà da tam mạn đa bát lợi thuật đề tát bà đát tha yết đa địa sắt tra na át địa sắc sỉ đế sa bà ha"

"Nam mô bạt già phạt đế lộ lô ca bát ra để tì thất sắc tra da, bột đà da bạt dà phạt đế đát điệt tha: Úm tì du đà na sa ma tam mạn đà da bát bà sa sa bát ra nõa yết đế da ha na sa bà bá du thuật địa a tì tiện dã tô yết đa bạt chiết na a mật lật đa tì sái kê a ha ra a ha ra a tì tán đà ra ni du đà da du đà da da da na tì thuật đề ô sắc ni sa tì chiết na thuật đề sa ha sa ra hắc ra thấp nhị san

châu địa đế tát bà đát tha yết đa địa sắc sá na yết địa sắc sỉ đế điệt lê bạt chiết ra ca da tắng ha đa da thuật đề tát bà bạt ra nõa tì thuật đề, tát mạt na a địa sắc sĩ đế mạt nhĩ mạt nhĩ đát lăn đa bộ đa cu đê bát lợi thuật đề, tì tát phổ tra bột địa thuật đề xá da xá da tì xá da tì xá da tát mạt ra tát mạt ra bột đà át địa sắc sỉ đa thuật đề bạt chiết lê, bạt chiết la yết tì bạt chiết lam bà phạt đô ma ma tát bà tát đỏa tả ca da tì thuật đề tát bà yết đế bát lợi thuật đề tát bà đát tha yết tha tam ma thấp bà sa hắc địa sắc sỉ đế bột đà bột đà phổ đà da phổ đà da tam mạn đà bát lợi thuật đề tái bà đát tha yết đa địa sắc sá na át địa sắc sỉ đế sa bà ha"

(Tôn Thắng Đà La Ni này có nhiều bản y theo trong Kinh dịch ra, tùy mỗi người lựa chọn mà tụng trì)

Mật Tạng Bộ 2 - No 968 (Tr.353 →Tr.355)

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Đời Đường Kinh Bắc ĐỖ HÀNH KHẢI phụng chiếu dịch
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Kính lễ hết thảy Trí (Phật)

Ta nghe như vầy. Một thời Phật ở tại nước Xá Vệ rừng cây Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc cùng với các Đại Tỳ Kheo tám ngàn người đầy đủ các vị Bồ Tát ba vạn hai ngàn đầy đủ chánh trí hiểu biết các Pháp rõ ràng. Các vị đó là: Bồ Tát Quán Tự Tại, Bồ Tát Đắc Đại Thế, Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi Đồng Chơn, Bồ Tát Liên Hoa Thắng Tạng, Bồ Tát Kim Cang Thủ, Bồ Tát Trì Địa, Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Trừ Nhất Thiết Chướng, Bồ Tát Phổ Hiền, làm thượng thủ (đứng đầu), như vậy ba vạn hai ngàn các vị Bồ Tát. Lại có một vạn Phạm Ma Thiên, Thiện Tra Phạm Ma làm thượng thủ, ngoài ra còn có các loài khác đều đến trong Hội.

Khi đó bốn chúng vây quanh Thánh Tôn, cung kính cúng dường vì muốn nghe Pháp. Lúc đó trong Thiện Pháp đường nơi Tam thập tam Thiên có vị Trời tên là Thiện Trụ ở trong cung thọ hưởng các điều vui sướng, ca múa hát xướng, vui vẻ dạo chơi. Bỗng nhiên trong đêm có tiếng gọi: "Thiện Trụ! Mạng ông trong 7 ngày nữa sẽ hết, sau đó ở trong cõi Diêm Phù 7 lần vào Địa Ngục, hoặc làm người bần cùng thọ các khổ não". Thiện Trụ nghe xong hoảng hốt sợ sệt, lông tóc dựng đứng, liền vội đi đến chỗ Thiên Đế Thích Hoàn Nhơn, lạy nơi chân Thiên Đế khóc mà thưa rằng: "Thỉnh Thiên Đế thương xót cứu khổ ách cho tôi. Tôi đương thọ hưởng các điều vui sướng cõi Trời, bỗng nhiên có tiếng bảo rằng trong 7 ngày nữa sẽ chết, sanh 7 lần nơi cõi Diêm Phù Đề, vào trong Địa Ngục, sau đó làm người bần cùng chịu các điều khổ não. Tôi nay phiền muộn không biết làm sao. Cúi xin Thiên Đế thương xót cứu khổ độc cho tôi".

Thích Đề Hoàn Nhơn nghe như vậy xong, lấy làm kinh ngạc, yên lặng suy xét thấy Thiện Trụ Thiên Tử khi mạng chung phải thọ thân heo, thân heo xong lại làm thân chó, thân chó xong phải thọ thân độc (đười ươi), thân độc xong thọ thân khỉ, thân khỉ xong thọ thân rắn, thân rắn xong thọ thân thứu (chim hung dữ), thân thứu xong thọ thân chim. Trong 7 lần sanh ra đều ăn các thứ dơ uế. Thích Đề Hoàn Nhơn thấy như vậy rồi, lấy làm thương xót. Suy nghĩ không biết kế gì để cứu bạt khổ nạn cho Thiện Trụ, chỉ trừ Đức Như Lai A La Ha Tam Miệu Tam Bồ Đề, ngoài ra không ai có thể cứu được. Tức thời Thiên Đế sau đêm, đem các tràng hoa, các thứ hương bột, hương đốt, Thiên y, anh lạc, các thứ trang nghiêm đầy đủ, đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật đi nhiễu 7 vòng, tác đại cúng dường xong ngồi ở trước Phật đem các chuyện của Thiện Trụ mà bạch cùng Phật. Khi đó Đức Như Lai trên đảnh phóng ra ánh sáng lớn, đủ màu sắc chiếu sáng mười phương các cõi chúng sanh, lại trở về chỗ Phật xoay vòng bên phải xong nhập vào trong miệng Thế Tôn. Đức Phật mỉm

cười bảo Thích Đề Hoàn Nhơn rằng: “Có Phật Quán Đảnh Thanh Tịnh Các Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni hay diệt tất cả nghiệp chướng, Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, các khổ não sanh tử, phá đường Địa Ngục, dẫn đến Phật đạo. Thiên Đế! Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni này nếu người được nghe, các ràng buộc sanh tử nghiệp chướng bệnh hoạn khổ não thảy đều tiêu trừ, được quả báo lành, được trí tục mạng, được sanh nơi cõi Phật này đến cõi Phật khác, trong Trời này đến cõi Trời khác cho đến 33 cung Trời thường được túc mạng. Người hay tu trì sống được trăm tuổi, Thân Khẩu Ý trong sạch, tâm thường vui vẻ, các khổ nơi thân tiêu trừ, được các việc lành, Chư Phật nhớ ngó, chư Thiên hộ trì, chư Bồ Tát thương xót hộ niệm. Người trì tụng, các tội Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca và các Ngạ Quỷ thảy đều tiêu sạch không còn dư sót, như hư không. Tất cả cõi Phật, Bồ Tát, Thiên cung, các nhà sang quý thảy đều được thanh tịnh.

Tức thời Thích Đề Hoàn Nhơn lại bạch Phật rằng: “Cúi mong Thế Tôn thương xót nhiếp hộ tất cả chúng sanh nói ra Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni”.

Khi đó, Đức Thế Tôn nhận lời Thiên Đế cầu thỉnh nói Đà La Ni rằng:’

“Nam mô bạt dà phạt đế lệ lô chỉ dả bát ra để tì thỉ sắc tra dạ bột đà dạ đát điệt tha. Ô hồng tì du đà dạ ma ma (tên mình) **sa mạn đà bá bà sa võng ra nõa da đế da ha na tỏa bà bá vủ đề a tì sắc dã dạ tát da đa bà dã na mật lật đa tì san kế a ha ra a ha ra a du san đà ra ni du đà dạ du đà dạ da da na tì vũ đề ô sắc nị sa tì xà dạ vũ đề sa ha sa ra ra thấp nhị tam châu địa đệ tát ra bá đa tha dà đa địa sắc tra na địa sắc sỉ đế a địa lị bạt xà ra ca dạ tăng ha đa na vũ đề tát ra bá bá ra nõa tì vũ đề bát ra dạ nễ dạ đa bà dạ a du ũ đề sa ma da địa sắc sỉ đề ma nễ ma nễ ma ma nễ đa tha đa phổ đa cu trí bạt lợi vũ đề, tì sa phổ tra bột địa vũ đề xà dạ xà dạ tì xà dạ sa ma ra sa ma ra bột đà địa sắc sỉ đa vũ đề bạt xà lê bạt xà ra yết ra tì bạt xà lam bà bá đỏ ma ma ma ha da na bát ra bà ca dạ tì vũ đề tát ra bá da đệ bạt lê vũ đề tát ra bá đa da đa sa ma thú a sa địa sắc sỉ đế bột đà dạ bột đà dạ tì phổ đà dạ sa mạn đa bạt lợi vũ đề tát ra bá đa tha da đa địa sắc tra na địa sắc sĩ đệ sa ha.**



NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVI’SIṢṬAYA



TADYATHA: OṂ _ VI’SODHAYA MAMA (Xưng họ tên ….)



SAMANTA AVABHÀSA SPHARAṆA GATI GAHÀNA SVABHÀVA ‘SUDDHE



ABHIṢIṂCA SUGATA VACANA AMṚTA ABHIṢAIKAI



ÀHARA ÀHARA



ÀYUḤ SANDHÀRAṆI

‘SODHAYA ‘SODHAYA

GAGANA VI’SUDDHE

UṢṆÌṢA VIJAYA ‘SUDDHE

SAHASRA RA’SMI SAṂSUDITI

SARVA TATHÀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

A DHṚ

VAJRAKÀYA SAṂHATANA ‘SUDDHE

SARVA AVARAṆA VI’SUDDHE

ÀYUḤ ‘SUDDHE

SAMAYA ADHIṢṬITE

MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI’SUDDHE

VISPHUṬA BUDDHI ‘SUDDHE

JAYA JAYA

VIJAYA VIJAYA

SMARA SMARA

BUDDHA ADHIṢṬITA ‘SUDDHE

VAJRÌ VAJRAGARBHE

VAJRÀṂ BHAVATU

MAMA (Xưng họ tên…)

MAHÀ YÀNA PRABHÀ KÀYA VI’SUDDHE

SARVA GATI PARI'SUDDHE

SARVA TATHÀGATA SAMA 'SVASA ADHIṢṬITE

BUDDHYA BUDDHYA VIBUDDHYA

SAMANTA PARI'SUDDHE

SARVA TATHÀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE SVÀHÀ

Thiên Đế! Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni này tịnh các tội chướng, trừ các ác thú, 88 cu chi trăm ngàn hằng hà sa Chư Phật đều nói ra, tự giữ gìn và khen ngợi. Tất cả Như Lai đều ấn khả, vì muốn trừ tất cả các ác thú, tất cả Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, các loại tội ác khiến chìm đắm trong biển khổ, thọ các bệnh độc khiến được giải thoát. Vì muốn cho kẻ đoản mạng bạc phước, hạ tiện, nô tì, giặc cướp, các ác nghiệp chúng sanh bị đọa vào Địa Ngục mất bản tâm quay về đường chánh, nói Đà La Ni này trong cõi Diêm Phù Đề tịnh trừ các tội chướng, khiến được giải thoát. Thiên Đế! Ông nên trì Đà La Ni này nói cho Thiện Trụ Thiên Tử và các chúng sanh trong cõi Diêm Phù, các chư Thiên, Thiên Tử, các loài hàm thức, khen ngợi, đọc tụng, suy nghĩ, nhớ niệm, cung kính cúng dường, thọ trì tu hành. Ta nay đem Đà La Ni này giao cho ông giữ gìn, ông nên thọ trì. Người nghe được Đà La Ni này trong trăm ngàn kiếp các tội chướng thảy đều thanh tịnh, không đọa Địa Ngục, không sanh vào hành Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, Ngạ Quỷ, Ác thú; không thọ các thân A Tu La, La Sát, Dạ Xoa, Bố Đơn Na, Ca Tra Bố Đơn Na, Quỷ thần, cho đến chó, lừa, chim, cầm thú, muỗi mòng, rắn độc, các loài đi bằng bụng, các loài trùng kiến nhỏ nhít cũng không thọ. Cùng ở chỗ của Chư Phật; hoặc sanh vào giòng Bồ Tát, Bà La Môn, Đại Sát Đế Lợi, đại tánh cư sĩ, đại gia, do lực Đà La Ni này mà được sanh, cho đến ngồi nơi Bồ Đề thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Thiên Đế! Thanh Tịnh Chư Thú Tôn Thắng Đà La Ni oai thần rộng lớn đầy đủ công đức, có sức lực mạnh mẽ, hay cho đại cát tường, như Nhật tạng Ma ni châu xen chiếu lẫn nhau, không cấu tịnh như hư không, để ở nơi nào nơi đó tức sáng sủa, nơi để Đà La Ni này oai thần cũng như vậy. Người trì Đà La Ni này không bị các tội chướng làm nhiễm, sạch sẽ vắng lặng, thanh tịnh không nhơ như vàng ròng Diêm Phù Đàn. Người viết chép, tu tập, thọ trì, cúng dường Đà La Ni nên biết nơi đó các Địa Ngục, ác thú, tội chướng thảy đều thanh tịnh. Viết chép Đà La Ni này an trí trên ngọn phướng, trên cây, trên núi cao, hoặc trên lầu các, chỗ cao hoặc trong phù đồ. Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Thiện nam tử, Thiện như nhơn …v…v… được thấy phướng gần gũi, hoặc hình bóng ngã vào gió thổi qua phướng, các bụi dính vào thân đều tiêu các tội chướng, không còn bị đọa vào Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, Ngạ Quỷ, A Tu La, các ác thú, thường được Chư Phật, Như Lai thọ ký, được bất thối chuyển cho đến chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác. Dùng các thứ hương hoa, tràng phan, tán cái, anh lạc các thứ trang nghiêm đầy đủ cúng dường rộng lớn, ở nơi ngã tư đường tạo Tháp an trí Đà La Ni này hành đạo lễ

bái, nên biết người này là Đại Bồ Tát là Pháp tử của Phật, là Tháp Xá Lợi thường trụ".

Khi ấy Diêm La Pháp Vương trong đêm đi đến chỗ Phật dùng các món hoa Trời, các thứ hương, tạp hương, thiêu hương, Thiên y, anh lạc cúng dường nhiễu Phật 7 vòng, lễ nơi chân Phật và bạch Phật rằng: "Con chịu ân Phật mà không biết ân, nay vìmuốn báo ân Phật ủng hộ tất cả, xin nguyện phụng sự sức oai lực, sức công quả to lớn của Đà La Ni này đóng bít cửa Địa Ngục tịnh các ác thú".

Khi đó Tứ Thiên Vương nhiễu Phật ba vòng rồi đến trước Phật bạch rằng: "Cúi mong Thánh Tôn nói Pháp tu hành Đà La Ni này".

Phật bảo: "Tứ Thiên Vương! Hãy lắng nghe. Ta nay sẽ nói. Nếu có người đoản mạng cầu sống lâu, nên ở tháng Bạch nguyệt ngày rằm, mặc quần áo mới sạch, thọ tám trai giới, tụng Đà La Ni này 1.000 biến, các chướng bệnh thảy đều trừ diệt, được sống lâu, được đại an lạc, giải thoát các khổ Địa Ngục, Súc sanh, ác thú …v…v… cho đến các loài súc sanh, các ác thú được nghe Đà La Ni này, về su không còn thọ thân trong ác thú nữa, các bệnh lở loét thảy đều tiêu tan, thanh tịnh các thú. Su khi mạng chung, được sanh về các cõi Phật; sanh trong hoa sen không vào bào thai, thường biết túc mạng. Nếu có chúng sanh bị các tội nghiệp, sanh khi chết sanh vào ác thú, nên dùng Đà La Ni chú đất 21 biến, tán rải nơi thân chúng, hoặc là Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma Lô Ca, Ngạ Quỷ, A Tỳ Địa Ngục, cầm thú, côn trùng, đều được bỏ thân khổ não sanh lên cõi Trời, hưởng các điều vui sướng. Nếu ngày ngày tụng Đà La Ni 21 biến, tội tiêu, phước tăng, mọi người cung kính, sau khi chết được sanh về Cực lạc. Nếu thường niệm Đà La Ni này, sau khi chết được sanh về các cõi Tịnh, từ cõi Phật này qua cõi Phật khác, ở trong các cõi Phật có hào quang rộng lớn, được các Phật thọ ký cho đến chứng Đại Niết Bàn.

Người tu Đà La Ni này nên lập Đàn vuông bốn mặt bằng phẳng, rải các hoa sạch, thiêu các hương thơm, gối phải sát đất, hồ quỳ, một lòng niệm 10 phương Chư Phật, chấp tay để nơi tâm, hai ngón trò hai ngón cái co lại an trong lòng bàn tay, đọc sa độ tụng Đà La Ni này 108 biến, tức như cúng dường thừa sự 88 cu chi hằng hà sa na do tha trăm ngàn Chư Phật, như Phật cúng dường mà làm cúng dường, lại cúng dường Tứ Đại Thiên Vương, tất cả đều khen là Chơn Phật tử, dùng Đại Bồ Đề trang nghiêm tâm, được Trí Vô ngại. Phàm người muốn tụng niệm Đà La Ni này, nên chí tâm như Pháp kết ấn, chấp 10 ngón tay lại như trên, đây là Pháp tu hành Đà La Ni".

Phật bảo Đế Thích Hoàn Nhơn: "Thiên Đế! Ông nên đem Pháp này cứu vớt chúng sanh nơi Địa Ngục và các khổ não nơi ác thú, tịnh các nghiệp khiến được sống lâu, ông hãy lui về trao Đà La Ni này cho Thiện Trụ Thiên Tử, qua 7 ngày ông hãy cùng Thiện Trụ đến đây gặp Ta".

Thích Đề Hoàn Nhơn nghe lời Phật dạy trở về cung Trời đem Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử. Thiện Trụ thọ xong tu hành Pháp cúng dường sáu ngày sáu đêm, đến ngày thứ bảy, các ác nghiệp đều được giải thoát, được sống lâu, ở tại cõi Trời hưởng phước, hớn hở vui mừng mà nói lớn rằng: "A hồ Phật đà da, a hồ Đạt ma da, a hồ Tăng già da, a hồ Đà La Ni cứu bạt tất cả khổ nạn cho chúng sanh, nay con đã được giải thoát các khổ ác thú".

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn cùng quyến thuộc vây quanh dẫn Thiện Trụ Thiên Tử đem các món hương hoa, thiêu hương, đồ hương, tràng phan, tán cái, y phục, anh lạc, cỡi xe báu Trời trang nghêim đến chỗ tác đại cúng dường, nhiễu Phật vạn vòng, xong, ở trước Phật nghe tán Phật rồi ngồi một bên nghe Phật nói Pháp. Phật duỗi cánh tay phải màu vàng, an ủi Thiện Trụ Thiên Tử và thọ ký cho.

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH
HẾT

Mùa Đông năm Bính Tý 1996
Hoàn chỉnh Phạn Văn vào ngày 25/12/2006

Mật Tạng Bộ 2 - No 969 (Tr.355 →Tr. 357)

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

Hán dịch: Đời Đường Trung Thiên Trúc Tam Tạng Pháp sư ĐỊA BÀ HA LA dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Ta nghe như vầy. Một thời Đức Phật ở tại nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc cùng chúng Đại Tỳ Kheo tám ngàn người đầy đủ. Lại có các Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả đều được Chánh Trí Minh Cự (Ngọn đuốc sáng của Chánh Trí), hiểu rõ các Pháp không có ngăn ngại, tên các vị là: Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Liên Hoa Thắng Tạng, Bồ Tát Ly Chư Chướng, Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Đắc Đại Thế, Bồ Tát Chấp Kim Cang, Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Trì Địa, các Vị như vậy là Thượng thủ của ba vạn hai ngàn Bồ Tát.

Lại có vạn Phạm Thiên Vương, Phổ Tra Thiên …v…v… ở các thế giới khác đều lại chỗ Phật.

Lại có vạn hai ngàn Thiên Đế cùng vô lượng Thiên Long Bát Bộ, Nhơn, Phi Nhơn, đều lại chỗ Phật.

Bấy giờ Thế Tôn được tứ chúng đoanh vây, cung kính cúng dường để nghe nói Pháp. Khi đó trong chúng của Đế Thích có vị Thiên Tử tên là Thiện Trụ cùng các Thiên nữ ở nơi cung báu giải đãi vui chơi, thọ hưởng các điều sung sướng. Trong đêm có tiếng bảo Thiện Trụ rằng: “Sau 7 ngày nữa, mạng ông sẽ hết, 7 lần sống chết nơi cõi Diêm Phù Đề, sau đó lại vào Địa Ngục, từ Địa Ngục ra được làm thân người sanh vào nhà nghèo cùng chịu các điều khổ não”. Thiện Trụ nghe xong hoảng hốt sợ sệt, lông tóc dựng đứng, liền vội chạy đến nơi Thiên Đế nói lại các việc, cầu xin cứu hộ. Khi đó Thiên Đế nghe Thiện Trụ nói lấy làm quái lạ, yên lặng suy nghĩ: “Tại sao lại bị 7 lần sanh và sanh vào các loại nào?” Nghĩ như vậy rồi, liền thấy Thiện Trụ, tướng chết hiện ra, liền thọ thân heo, bỏ thân heo lại thọ thân chó, lần lượt thọ các thân chồn, khỉ, thân rắn độc, thân quạ, thân kên kên, như vậy 7 lần sanh đều ăn uống các đồ dơ thúi. Thiên Đế thấy như vậy rồi lấy làm thương xót tự nghĩ chuyện này không ai có thể làm được, chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới cứu bạt được thôi. Thời Thiên Đế nơi sau đêm đem các tràng hoa, y phục, anh lạc cùng các món hương đi đến nước Xá Vệ cúng dường Thế Tôn, đảnh lễ chân Phật rồi lui về một phía, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Nơi cung của con có một Thiên Tử tên là Thiện Trụ tham đắm vui chơi, bỗng nhiên trong đêm có tiếng bảo rằng: *“Sau 7 ngày nữa sẽ chết, trong cõi Diêm Phù Đề thọ 7 lần ác báo, trong các lần sanh ra đều ăn các thứ dơ thúi. Sau đó lại vào Địa Ngục, từ Địa Ngục ra được sanh làm người nơi nhà nghèo cùng, thọ các điều đau khổ”*, đến nhờ con cứu giúp, con nghĩ chỉ có Đức Thế Tôn mới cứu bạt được thôi”. Khi ấy Thế Tôn nghe Thích Đề Hoàn Nhơn thưa lại đầu đuôi, trên đảnh phóng quang rực rỡ đủ màu, chiếu khắp 10 phương các Thế giới, xong rồi quay về nơi Thế Tôn, xoay bên phải 3 vòng rồi vào trong miệng.

Đức Phật mỉm cười bảo Thiên Đế rằng: "Ta có Thanh Tịnh Chư Thú Quán Đảnh Tôn Thắng Đại Đà La Ni hay mãn các nguyện, cứu bạt các khổ, cũng làm đại nhiêu ích cho tất cả chúng sanh. Thiên Đế! Sức Thần chú của Ta hay diệt trừ tất cả nghiệp chướng Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma La giới và tất cả các khổ. Lại hay phá nát các đường Địa Ngục, khiến các chúng sanh quay về đường chánh.

Thiên Đế! Nếu có người được nghe qua, tất hay trừ diệt tất cả tội chướng các khổ sanh tử, được các việc lành tốt, được Trí túc mạng, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, từ cõi Trời này đến cõi Trời khác, sanh ra nơi nào cũng đều được túc mạng. Nếu có người tu học Kinh chú này, được sống trăm tuổi Thân Khẩu Ý thanh tịnh, vui vẻ sung sướng, Chư Phật ngó đến, chư Thiên ủng hộ, chư Bồ Tát nhớ nghĩ. Nếu thường đọc tụng Kinh chú này, tất cả khổ não trong 3 đường ác thảy đều tiêu diệt, được sanh vào các cõi Phật, các cung Trời, các nhà phước đức". Khi Thiên Đế nghe Phật khen nói Đà La Ni như vậy, liền đến trước Phật bạch rằng: "Xin nguyện Thế Tôn thương xót nhiếp hộ tất cả chúng sanh. Thỉnh Ngài nói hết Thanh Thịnh Chư Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đại Đà La Ni".

Khi ấy Thế Tôn nhận lời của Thiên Đế, liền nói Đà La Ni rằng:

"Nạp mồ nạp mồ đát tát mê bạt dà phạt đế thất phệ lộ ca bát ra để tất thất sắc tra tam Bồ đà da ma ha ni đát điệt tha. Ô hồng tất du đà da tam ma tam mạn đà a bà bà ha sa ra bá ra nõa da để da ha na tát bà bà bà bà vũ đề a tì tiên dã ma tô da đà bạt ra bạt thiện na, a mật lật da tì sai kế a yết ra a yết ra a du tán đà ra ni du đà da du đà da tát bà yết ma bà ra nỏa nễ mê lô bạt ra da da na tì vủ đề ô sắc nị sa sa bạt ra hắc ra đát na tì xá da đạt ma đà đô tô tì vũ đề ma ha tát ra yết ra thấp nhi san châu địa đế mạt ni ma ha mạt ni tô chơn đà mạt ni bạt ra tát bà đát tha yết đa địa sắc sá na địa sắc sỉ đa ma ha mẫu đát phệ bạt chiết ra cá da, tăng ha đa na tô vũ đề tát bà bà ra nõa tì vủ đề bát lặc đệ bà nễ bà đa da a du vủ đề tam ma da át địa sắc sỉ đề mạt nễ ma mạt nễ đát lan đa bộ đa cu đê bát lý vủ đề tì tát, phổ đa bột địa vũ đề xá da xá da tì xá da tì xá da tì xá tát ma ra tát ma ra tát bà Bồ đà át địa sắc sỉ đa vũ đề bạt chiết phệ bạt chiết ra yết tì bạt chiết vam và thuật đô ma ma (tên ..) **tát bà tát đỏa da cá da tì vũ đề tát bà dà đề bát lý vũ đề tát bà đát tha yết đa tam ma thấp phạ sa át địa sắc sỉ đề Bồ đà Bồ đà Bồ đà da Bồ đà da tam mạn đa mạt ra đạt ma đà đô bát lý vũ đề tát bà đát tha yết đa át địa sắc tra na át địa sắc sỉ đế sa bà ha"**

Phật bảo: "Thiên Đế! Đà La Ni này do 88 ức trăm ngàn hằng hà sa Chư Phật cùng nói, giữ gìn ủng hộ và ấn khả. Như thế Chư Phật vì muốn cứu vớt các khổ độc nơi Địa Ngục, Súc sanh, Diêm La giới chìm đắm trong biển khổ, vì muốn lợi ích cho kẻ đoản mạng, bạc phước, tôi tớ, hạ tiện, tất cả chúng sanh bị ác nghiệp, vì muốn an lạc các cõi các đường, quên mất bổn tâm, tất cả chúng sanh bị khổ não, do đó Chư Phật mới nói ra Tôn Thắng Đại Đà La Ni này.

Thiên Đế! Ông nên đem Đà La Ni này trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử khiến cho đọc tụng tu tập, lại cũng vì chư Thiên, Thiên Tử và hết thảy chúng sanh trong Diêm Phù Đề mà nói rộng ra khiến các chúng sanh kia thọ trì đọc tụng, cúng dường, cung kính, tôn trọng ngợi khen. Thiên Đế! Ta đe, Đà La Ni này giao phó cho

ông, ông nên giữ gìn. Người trì Đà La Ni này hay diệt trừ các tội nghiệp trong trăm ngàn kiếp, sanh ra lúc nào cũng thường gặp Phật, cho đến chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Thiên Đế! Pháp ấn Đà La Ni này của Ta đầy đủ đại cát tường như Nhật Tạng Bảo (châu báu mặt trời) chiếu khắp mọi nơi, cũng như vàng Diêm Phù Đàn, không nhơ không bẩn, không có cát bụi. Nếu có người hay đọc tụng, thọ trì, viết chép, nhớ niệm tu hành cúng dường tức được mọi việc như đã nói ở trên.

Thiên Đế! Nếu có ngừơi để nơi đầu phướng trên núi cao, trên lầu cao, tầng tháp cao, các nơi cao khiến bốn chúng gần gũi được thấy, cũng được các công đức như đã nói ở ter6n, hoặc hình bóng ngã vào, hoặc gió thổi cát bụi bay qua chạm đến nơi thân, cũng được các công đức như đã nói.

Thiên Đế! Nếu bốn chúng hay ở nơi ngã tư đường tạo tháp miếu an trí Đà La Ni này ngày ngày dùng các tràng hoa, phướng lọng, anh lạc, hương thơm cúng dường, cũng hay nhiễu, bái, cung kính, nên biết người này là Đại Bồ Tát, là Chơn Phật tử, là Pháp Kiều (cái cầu Pháp), cũng như tháp báu Xá Lợi của Chư Phật".

Khi ấy Diêm Ma Pháp Vương nghe được như vậy, trong đêm đem các hoa báu đủ màu, các thứ hương thơm, y phục, anh lạc đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật, nhiễu Phật 7 vòng rồi lui ngồi một bên, dùng các món cúng dường Như Lai, cúng xong bạch Phật rằng: "Con nay muốn báo ân dức của Phật, xin phụng sự đại oai lực, đại quả báo này ủng hộ hết thảy, đóng bít cửa Địa Ngục, thanh tịnh các thú đại Đà La Ni này".

Bấy giờ Tứ Đại Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu Phật 7 vòng rồi đứng về một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài nói Pháp tu hành Đà La Ni này"

Phạt dạy: "Tứ Thiên Vương! Các ông lắng nghe và nhớ kỹ. Ta sẽ vì các ông và chúng sanh nói Pháp tu hành Đà La Ni này. Nếu có người đoản mạng muốn cầu sống lâu, hoặc có bệnh khổ muốn được tiêu trừ, hoặc bị ác nghiệp đáng đọa vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh, các chốn bất Thiện, thảy đều nơi tháng Bạch nguyệt ngày 15 tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới thanh tịnh, thọ trì tám trai giới, sau đó tụng Đà La Ni này 1.000 biến tức được an lạc sống lâu, bệnh khổ tiêu trừ, các nghiệp báo thảy đều tiêu diệt không sót. Nếu tai nghe qua chú này, khi chết được sanh về Cực Lạc thế giới, sanh trong hoa sen, được Trí túc mạng. Nếu có người bị các ác nghiệp khi chết rồi, dùng Đà La Ni này chú nơi đất tán rải nơi tử thi, tức được xa lìa các khổ, được sanh lên cõi Trời thọ các khoái lạc. Nếu ngày ngày thường thọ trì Tôn Thắng Đà La Ni 21 biến cũng được các công đức như trên đã nói. Đời đời thường sanh cõi Phật, trong các Phật làm Đại quang minh, cùng Phật chung ở, được Phật thọ ký, cho đến được Đại Niết Bàn. Nếu có người nơi Pháp môn này muốn cầu các nguyện nên làm một cái Đàn vuông bằng phẳng, ở trong Đàn tán rải các hoa, thiêu các hương thơm, nhất tâm niệm 10 phương Chư Phật, gối phải sát đất, hồ quỳ, chắp tay, co hai ngón trỏ đè hai ngón cái để nơi tâm xưng lớn: 'Lành thay!'. Sau đó tụng Đà La Ni này. Nếu có người ngày ngày tụng đủ 108 biến tức là cúng dường tất cả Như Lai hằng hà sa Chư Phật Thế Tôn, cũng là cúng dường Tứ Đại Thiên Vương, nên biết người này được tất cả khen ngợi, dùng Đại Bồ Đề trang nghiêm nơi tâm, được Trí Vô ngại, là Chân Phật tử".

Khi Phật nói lời này xong, bảo Thiên Đế rằng: “Thiên Đế! Ông hãy đem Pháp Đà La Ni này trao cho Thiện Trụ Thiên Tử. Sau 7 ngày hãy cùng lại chỗ Ta”. Khi ấy Thiên Đế vâng lời Phật dạy trở về bổn cung, kêu Thiện Trụ Thiên Tử lại trao cho Thần chú. Thiện Trụ thọ xong, cung kính cúng dường, phụng hành đủ 7 ngày, tất cả nghiệp ác thảy đều tiêu trừ, ở trong cõi Trời được sống lâu, hớn hở vui mừng nói lớn lên rằng: “Kỳ tai Phật đà, kỳ tai Đạt ma, kỳ tai tăng già, kỳ tai Tôn Thắng Đà La Ni ấn lực hay tiêu trừ tất cả khổ ách, khiến ta được giải thoát các ác nghiệp”.

Thiện Trụ Thiên Tử được như vậy xong, liền đến chổ Thiên Đế mà nói rằng: “Tôi đội ơn Ngài đã vì tôi thỉnh Phật, Phật vì tôi mà nói Đại Đà La Ni khiến cho tôi tất cả ác nghiệp đều được tiêu trừ, tôi muốn đến chỗ Phật để tạ ơn Ngài. Cúi xin Thiên Đế hãy đi cùng tôi”.

Thời Thiên Đế đem các quyến thuộc cùng Thiện Trụ Thiên Tử đem các hương hoa, các thứ anh lạc, theo con đường cõi Trời đi đến chỗ Phật, dâng các món cúng dường Như Lai, nhiễu trăm ngàn vòng rồi lui về một phía. Khen ngợi Phật đức không hết lời. Khi ấy Thế Tôn duỗi cánh tay vàng xoa đầu Thiện Trự, dùng lời êm dịu mà thọ ký cho. Thiện Trụ Thiên Tử vui vẻ nhiễu Phật, lặng nghe Như Lai nói các Pháp yếu, được nghe Pháp xong rất lấy làm vui mừng cùng Thtiên Đế đảnh lễ Phật mà lui.

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KINH

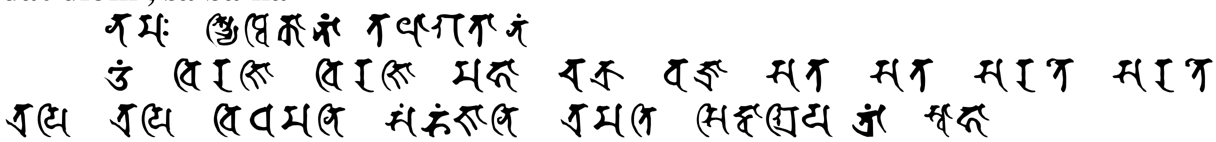
Mùa Đông năm Bính Tý 1996

ĐẠI LUÂN KIM CƯƠNG ĐÀ LA NI

Hán dịch : Tam Tạng Pháp sư ĐỊA BÀ HA LA
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

ĐẠI LUÂN KIM CANG ĐÀ LA NI

"Nạp mồ tát đát Lị gia, địa tì ca nẫm , đát tha yết đa nẫm. Án, tì la thời tì la thời, ma ha chước ca la, phạt xà lị , tát đa tát đa, sa ra đế sa ra đế đát lị duệ đát lị duệ , tì đà mạt nễ , tam bàn nhạ nễ , đát la mạt để , tất đà, a yết lị , đát diễm , sa bà ha "



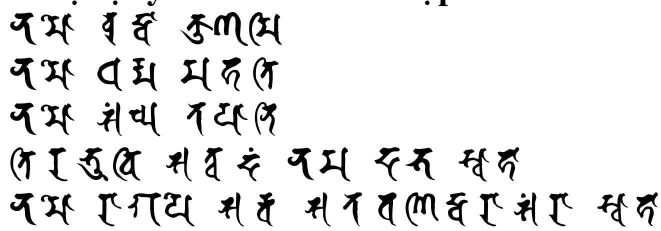
NAMAḤ STRYIDHVIKÀNÀMṂ TATHÀGATÀNAMṂ

OMṂ VIRAJI VIRAJI , MAHÀ-CAKRA VAJRI , SATA SATA , SARATE SARATE, TRAYI TRAYI , VIDHAMANI, SAMṂBHAMṂJANI TRAMATI SIDDHÀGRIYA TRÀMṂ SVÀHÀ

Tụng Đà La Ni này 21 biến, tức được vào tất cả Mạn Đà La (Đàn), chỗ làm đều thành (Tụng Chú có Thân Ấn, Thủ Ấn. Tác Ấn tụng Chú Pháp tức dễ thành. Nếu chưa vào Đàn chẳng được tác, khiến tụng Chú nay liền sẽ vào Đàn, tác Ấn hành dụng không có gì không thành tựu

NHẬT QUANG BỒ TÁT CHÚ :

Nam mô bột đà cù na mê
Nam mô đạt ma mạc ha đê
Nam mô tăng già đa tha ni
Để lị bộ tỳ tát khuất đam nạp ma



NAMO BUDDHÀ KUṆAMI
NAMO DHARMA MAHATI
NAMO SAMṂGHA TAYÀNI
TIRABHÙBI SATVADAMṂ_ NAMAḤ

(Tụng Chú này diệt tất cả chướng cũng hay tịch ma với trừ thiên tai. Lại nếu tụng 1 biến lễ Phật 1 bái , như vậy mỗi ngày 3 thời riêng biệt tụng Chú lễ Phật thì đời vị lai thường được 2 tướng đoan chính , đầy đủ quả báo)

Án ma lợi chi duệ. Tát bà tát đa bà, nghạch đà lợi sa lợi, sa bà ha



OṂ MACÌRÌYE SARVA SATVA SANDHÀRI ‘SARI SVÀHÀ

Tụng Chú này cực hộ nhân thân, nên mỗi ngày 3 thời riêng biệt đều tụng 108 biến

20/01/2008

Mật Tạng Bộ 2 - No 970 (Tr.357 →Tr. 361)

TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI
TỊNH TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG CHÚ KINH

Hán dịch: Đời Đường Thiên Trúc Tam Tạng ĐỊA BÀ HA LA phụng chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Ta nghe như vầy: một thời Đức Bạc Già Phạm ở tại Thất La Phiệt, đạo tràng Trúc Quân, rừng Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc, cùng chúng Đại Tỳ Kheo tám ngàn người đầy đủ. Các vị đều là bậc Thanh Văn tôn quý, là Đại A La Hán mọi ngừoi đều biết. Các vị đó là: Tôn giả Xá Lợi Tử, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, A Ni Luật Đà, các Đại A La Hán như vậy làm Thượng thủ.

Lại có vô lượng chúng Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả đều là bậc bất thối chuyển có đủ vô lượng công đức để trang nghiêm. Các vị đó là: Bồ Tát Quán Tự Tại, Bồ Tát Diệu Cát Tường, Đắc Đại Thế Bồ Tát, Từ Thị Bồ Tát Thắng Liên Hoa Tạng, Bồ Tát Tịnh Trừ Nhất Thiết Chướng, Bồ Tát Phổ Hiền làm thượng thủ trong ba vạn hai ngàn các Bồ Tát Ma Ha Tát, cùng với đại chúng ngồi trong Hội. Lại có một vạn Phạm Thiên Vương, Phạm Ma La Vương, Phổ Kiến Thiên Vương làm thượng thủ, cùng với đại chúng ngồi trong Hội.

Lại có một vạn hai ngàn Thiên, Đế Thích làm Thượng thủ, cùng vô lượng Thiên, Long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ma Hô Lạc Dà, Khẩn Na La, Ca Lầu La, Cưu Bàn trà, Tất Xá Dá, Nhơn, Phi Nhơn cùng với đại chúng ngồi trong Hội. Khi ấy bốn chúng vây quanh Thế Tôn, cung kính chiêm ngưỡng một lòng nghe Pháp.

Trong lúc đó ở tại Thiện Pháp đường, nơi Tam thập tam Thiên có một Thiên Tử tên là Thiện Trụ ở trong cung báu, có các Thiên nữ tùy tùng hầu hạ, trướcsau đoanh vây vui chơi, tấu các âm nhạc. Bỗng nhiên trong đêm, nơi hư không có tiếng kêu rằng: "Thiện Trụ Thiên Tử! Mạng ông đã tới, sau 7 ngày nữa, sẽ bỏ thân này đọa lạc nơi Diêm Phù Đề, 7 lần làm Súc sanh, ăn các vật dơ uế bất tịnh, lại đọa Địa Ngục thọ các thứ khổ, trải qua nhiều kiếp mới được làm người, dẫu được làm người lại bị mù hai mắt, ngu si bần tiện, các căn không đủ, trong miệng hôi thối, ăn uống thiếu thốn, tạo các nghiệp ác".

Khi ấy Thiện Trụ Thiên Tử nghe như vậy xong hoảng hốt sợ sệt, lông tóc dựng đứng, tâm thần không yên. Liền đem các món hương hoa cúng dụ đến chỗ Thiên Đế, hồ quỳ đảnh lễ bạch với Thiên Đế rằng: "Xin nghe tôi nói. Tôi ở trong Thiện Pháp đường cùng các Thiên nữ, Thiên chúng vui chơi khoái lạc. Ngay trong lúc đó, ở trong hư không có tiếng kêu tôi mà bảo rằng: "*Sau 7 ngày nữa mạng sẽ hết, xuống cõi Diêm Phù Đề, 7 lần làm súc sanh, ăn các vật dơ uế bật tịnh. Lại vào Địa Ngục thọ khổ nhiều kiếp, sau được sanh làm người không có hai mắt, thân thể khô gầy dung mạo xấu xa, trong miệng hôi thối. Bần cùng hạ tiện, bị các khổ bức, mọi người không ưa.* Thiên Đế làm sao cứu nạn lớn cho tôi".

Thiên Đế nghe như vậy rồi, lấy làm quái lạ, suy nghĩ rằng: “Thiện Trụ Thiên Tử, đời trước tạo phước nhơn gì mà được sanh Thiên, lại do ác nghiệp gì khi Thiên báo hết lại xuống cõi Diêm Phù Đề 7 lần làm súc sanh, lại vào Địa Ngục chịu khổ nhiều kiếp, khi được làm người lại đui mù đầy đủ các ác báo”. Khi Thiên Đế suy nghĩ như vậy xong, lại nghĩ Thiện Trụ Thiên Tử làm loại súc sanh nào, liền dùng Thiên Nhãn xem xét quả báo, trong chốt lát ở trong Định thấy Thiên Trụ thọ 7 lần làm súc sanh là: heo, chó, dã can, nhi hầu, mãng xà, quạ, kên kên ăn các vật hôi thối, trong tâm lấy làm thương xót vô cùng, lại nghĩ như vầy: “Ta dầu thấy được chút ít quả báo, nhưng làm sao có thể cứu được, bây giờ chỉ có Đức Như Lai Ứng Chánh Trí Hải, hiểu rõ các việc Thiện Ác nhân duyên, ta nên đến hỏi Ngài. Chắc là Đức Thế Tôn đại từ đại bi sẽ vì ta mà nói, khiến cho Thiện Trụ Thiên Tử được miễn khổ nạn này”. Tức thời Thiên Đế Thích sai các Thiên chúng đem các cung điện, tràng hoa, anh lạc, các thứ hương, hương bột, hương đốt, Thiên y để cúng dường. Thiện Trụ Thiên Tử liền cùng quyến thuộc mau đến nơi rừng Kỳ Đà phụng hiến Thế Tôn, đảnh lễ Phật rồi nhiễu Phật 7 vòng, ở trước Đức Phật cúng dường đầy đủ, làm Pháp sự xong, lui về một bên, thừa Phật Thánh chỉ, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thiện Trụ Thiên Tử cùng các Thiên nữ, Thiên chúng vui chơi nơi Thiện Pháp đường, bỗng nghe trong hư không có tiếng bảo rằng: ‘Thiện Trụ Thiên Tử sau 7 ngày nữa Thiên mạng sẽ hết, sẽ thọ các thân súc sanh, lại vào Địa Ngục, làm người không đủ bị các thứ khổ như đã nói ở trên …v…v… Cúi mong Thế Tôn vì bốn chúng và con nói rõ nhân duyên Thiện Trụ đã tạo, do phước đức gì mà được sanh lên cõi Trời thọ hưởng vui sướng trong nhiều kiếp, lại do nhân duyên gì khi mạng hết như đã nói thọ 7 lần làm súc sanh, ăn uống các thứ dơ uế, sau lại vào Địa Ngục chịu khổ nhiều kiếp, dầu được thân người nhưng lại hạ tiện, đui mù bị các khổ ác bức bách, nghèo cùng dơ dáy hôi thối, mọi người xa lánh, lại do phước gì được trong hư không có tiếng mách bảo khiến biết quả báo và các duyên như vậy. Cúi mong Thế Tôn thương xót Thiện Trụ cùng bọn chúng con, nói rõ nhân duyên báo ứng, từ bi cứu thế khiến được giải thoát”.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Thiên Đế rằng: “Thiện nam tử! Ông có lòng đại bi, vì Thiện trụ mà thưa hỏi các nhân duyên thiện ác đời trước mà được quả báo, lại thỉnh Ta cứu trừ các khổ nạn, thật là lành thay! Hãy nghe đây, ta sẽ vì ông mà nói rõ ràng”.

Khi ấy Thế tôn từ nơi đảnh phóng quang minh lớn chiếu khắp 01 phương các cõi Phật, ánh sáng kia có năm màu xanh, đỏ, vàng, trắng, cam xen lẫn nhau xoay vần bên phải trở về chỗ Phật nhiễu ba vòng rồi nhập vào miệng Phật. Phật nhiếp quang xong liền mỉm cười bảo dạy Đế Thích rằng: “Ông nên lắng nghe. Trong vô lượng kiếp về quá khứ có Đức Phật hiệu là Tỳ Bà Thi Như Lai Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, hóa độ Thế gian. Sau khi Ngài vào Niết Bàn, trong đời Tượng Pháp, lúc đó ở nước Ba La Nại, có một người Bà La môn chỉ có một con, được mẹ nuôi dưỡng lần lần lớn lên đi cày ruộng, người mẹ nghèo khổ đi các nơi xin ăn, quá bữa mà không được người con đói khát nổi tâm giận ác phát ra lời ác rằng: “Hôm nay tại sao không đem đồ ác lại, khiến ta khó chịu như vậy”, ba

lần sau lại nói rằng: “Mẹ ta không bằng loài súc sinh, ta thấy các loại heo, chó, dã can, nhi hầu, quạ, kên kên, thương yêu nuôi dưỡng con cái không ngừng nghỉ, không để cho đói khát. Tại sao mẹ ta không đến mà xem, đói khát như vậy mà không đem đồ ăn đến”. Rất lấy làm oán giận. Không bao lâu người mẹ xin được đồ ăn liền đem đến cho con, khiến lòng vui vẻ, lên bờ ngồi ăn. Bỗng nhiên thấy trong hư không có một vị Độc Giác hình tướng sa môn, từ hướng Nam bay qua hướng Bắc, đứa con thấy vậy lòng sanh kính ngưỡng, đứng dậy chấp tay cúi đầu làm lễ, thỉnh Ngài giáng hạ. Vị Bích Chi đó nhận lời cầu thỉnh hạ xuống. Người con vui vẻ trải tòa cỏ tranh dâng hoa thơm, chia bớt phần ăn dâng lên cúng dường. Vị Bích Chi ăn xong lại nói Pháp yếu khiến được lợi ích. Người xon sau này lại được xuất gia được làm chức Duy Na Tri Sự. Khi đó có người Bà La Môn tạo lập Tăng phòng cho chúng Tăng ở. Lại có một Thí chủ đem nhiều bơ dầu đến cúng. Khi đó có nhiều phàm Tăng đến ăn uống trong chùa. Duy Na thấy vậy sanh tâm hiềm giận không đem bơ dầu ra cúng dường. Các Tăng hỏi rằng: “Đây là của Đàn Việt cúng hiện tiền Tăng, tại sao cất lại không đem ra?”. Ông Duy Na tức giận mắng rằng: “Các ông không mắt sao? Bơ dầu đâu mà cất dấu, chỉ có nước tiểu và phân thôi”.

Phật bảo Đế Thích: “Người con của Bà La Môn kia, nay là Thiện Trụ Thiên Tử; do vì mắng mẹ là súc sanh nên nay phải chịu làm súc sanh 7 lần. Do làm Duy Na dùng lời uế ác bị nghiệp cảm, nên ăn đồ dơ uế. Vì dấu đồ ăn của Chư Tăng nên đọa Địa Ngục thọ các khổ; mắng nhiếc Tăng đui mù nên không có mắt, trong bảy trăm lần sanh ra đều bị đui mù, thường chịu đui tối rất là khổ não. Thiên Đế nên biết nghiệp quả như thế không mất bao giờ. Lại nữa Thiện Trụ Thiên Tử được sanh lên Trời do ở đời trước cúng dường vị Bích Chi, dâng hoa hiến tòa, chia sớt phần ăn và do nghe Pháp nên được phước Trời trải qua nhiều kiếp thọ hưởng vui sướng. Lại do vị Bích Chi Phật bay qua phát tâm kính ngưỡng hạ giáng, cúi đầu, chấp tay, đảnh lễ, do công đức đó được Thần cung điện ở trong hư không dùng lời mách bảo quả báo, là Thần cung điện của Thiện Trụ”.

Khi ấy Thiện Trụ nghe Phật nói rồi, biết được mọi việc đều do quả báo, liền ở trước Phật ăn năn lỗi lầm do ở đời trước mắng nhiếc mẹ, chúng Tăng, tham lam, bỏn sẻn, khiến cho đời sau phải bị tội nặng, nay theo lời Phật, hết lòng sám hối, té ngã nơi đất khắp thân máu chảy dính đầy giỏ hoa, mê man bất tỉnh hồi lâu mới tỉnh, than khóc như mưa không kềm hãm đặng.

Phật dạy Thiện Trụ và Thiên Đế: “Trong 10 nghiệp ác, ác khẩu là trên hết, nên biết lời ác như là lửa lớn, nhưng lửa lớn chỉ thiêu đốt tài sản của báu Thế gian, lửa lớn ác khẩu thiêu đốt 7 Thánh tài, đốt tất cả các công đức và phải chịu lấy quả báo về sau. Như Thiện Trụ một lời giận mẹ, chửi rủa chúng Tăng, khi hết phước báo cõi Trời phải vào Địa Ngục. Chúng Tăng, cha mẹ, chư Tăng không nên phỉ báng, cần phải tôn trọng, cung kính, cúng dường, dùng lời khen ngợi, nhớ nghĩ ân sâu lòng từ ái. Trong ba đời chỉ có cha mẹ, ba đời phước điền không qua chúng Tăng, cúng dường Chơn Tăng, Hiền Thánh, công đức không mất, muốn cầu có thể thành đạo, không nên thốt lời khinh chê, hủy báng chúng Tăng, phụ mẫu sanh dưỡng lao nhọc cực khổ mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm, nuôi cho khôn lớn, dạy bảo nên người, mong con thành tài. Nếu con xuất gia, mong con đắc đạo, thoát vòng sinh tử,

ân đức ấy thực khó báo đền. Do đó ta bảo A Nan vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ đi trăm ngàn vòng quanh núi Tu Di, khắp chân máu chảy cũng không trả được ơn nhũ bộ trong một ngày, huống là khởi niệm ác buông lời mắng chửi". Phật dạy Đế Thích: "Thiện Trụ Thiên Tử, nay được thấy Ta, được tịnh Ngũ Nhãn, sám hối các tội khiến được tiêu diệt không còn dư sót". Đức Thế Tôn lại bảo Thiện Trụ rằng: "Ông dđừng nên than khóc, ta có Pháp môn gọi là **Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni,** ngươi trì chú này lìa được các khổ, được giải thoát. Thiện Trụ! Đà La Ni Phật Đảnh Tôn Thắng này là trăm ngàn vạn ức cu chi Chư Phật đã nói, Ta nay cũng nói. Ở trong các Phật Đảnh, là trên hết, hay trừ diệt tất cả nghiệp chướng, khiến được thanh tịnh, hay cứu bạt Địa Ngục, Súc sanh, Diêm Ma giới, hay trừ các khổ não sanh tử của chúng sanh".

Lại bảo Thiên Đế: "Thanh Tịnh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni này, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni hay thọ trì, hoặc đọc, hoặc tụng, do công đức này, mười ác, năm nghịch torngngàn vạn kiếp thảy đều tiêu trừ, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, không chuyển thân này được Trí túc mạng, từ cõi Phật này sanh về cõi Phật khác, được Phổ Hiền, Văn Thù, Quán Tự Tại, Đại Thế Chí xoa đầu thọ Bồ Tát ký, ở trong Đạo tràng được nghe Chánh Pháp, được tát vân trí, sống lâu, tịnh Thân Khẩu ý, không bị hoạnh tử, đầy đủ cá cmón học xứ, thân thể thanh tịnh, tất cả mọi chỗ đều được an vui. Người trì niệm Đà La Ni này, khi mạng chung được sanh về nơi các cõi Phật".

Khi ấy, Thiên Đế nghe Phật khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Tôn Thắng Đà La Ni rất là vui mừng, một lòng mong muốn bạch Phật rằng: "Cúi xin Thế Tôn thương xót Thiện Trụ và bọn chúng con và các chúng sanh đời mạt Pháp sau này, nói Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni. Con xin tu hành nguyện cho tất cả chúng sanh vĩnh viễn xa lìa tám nạn khổ". Khi ấy Thế Tôn vì Thiên Đế, Thiện Trụ Thiên Tử cùng bốn chúng mà nói chú rằng:

"Na mô bạt già phạt đế lệ lô ca bát ra để tì thất sắc tra da bột đà da bạt đà phạt đế đát điệt tha. Úm tì du đà da sa ma tam mạn đa phạ bà sa sa bá ra nõa yết đế ca ha na sa bà phạ du đệ a tì tiến dã tô hắc đa phạt chiết na a mật lật đa sa lộ kế a kha ra a ha ra a du tán đà ra ni du đà da du đà da dà dà na tì du đề ô sắc nị sa tì chiết ra du đề sa ha sa ha yết ra thấp nhị san châu địa đế tát bà đa tha yết đa địa sắt sá da át địa sắt sỉ đế mộ đát sa bạt chiết ra ca da tăng đa ha da du đề tát bà bạt ra nõa tì du đề bát ra để nhỉ bạt đát a da du du đề tát mạt da át địa sắc sỉ đế ma ni ma ni đát đạt đa bộ đa cu đê bát lợi du đề tì tát phổ tra bột địa du đề chiết da chiết da tì chiết da tì chiết da tát mạt ra tát mạt ra bột đà át địa sắc sỉ đa du đề bạt chiết lê bạt chiết la yết tì bạt chiết lam bà bạt độ ma ma (tên …) **tát bà tát đỏa tả ca da tì du đề tát bà yết đề bát lợi du đề tát bà đát tha yết đa tam ma thấp phạ sa át địa sắc sỉ đế bột đà bột đà phổ đà da phổ đà da tam mạn đà bát lợi du đề tát bà đa tha yết đa địa sắc tra da na át địa sắc sỉ đế ma ma mộ đệ lê sa phạ ha".**

Phật bảo Thiên Đế: "Thanh Tịnh Chư Thú Đà La Ni này hay trừ hết thảy nghiệp chướng, hay trừ ba ác đạo, Đà La Ni này là 88 cu chi hằng hà sa Chư Phật

đồng nói, giữ gìn ủng hộ, ngợi khen, tất cả Như Lai đều ấn khả, hay trừ tất cả tội chướng của chúng sanh, hay cứu độ Địa Ngục, Súc sanh, Ngạ Quỷ, Diêm La Vương xứ. Nếu như chúng sanh phước mỏng, đoản mạng, bệnh tật, hạ tiện, xấu xa, đui mù, câm điếc, đọa vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh, thọ các thứ khổ não, nghe được Đà La Ni này, ác báo được tiêu diệt, đều được giải thoát. Nếu có chúng sanh từ lâu tạo các nghiệp ác thập ác, ngũ nghịch, các thứ tội chướng dẫn nặng, dầu nhẹ, thảy đều tiêu trừ, được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vĩnh viễn xa lìa các nạn khổ, Súc sanh, Diêm Ma xứ, cho đến các loài A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Bố Đơn Na, Ca Tra Bố Đơn Na, A Bà Sa Ma Ha, các ác thú như vậy, thảy đều giải thoát".

Phật bảo Thiên Đế: "Nếu có người hay thọ trì chú này, từ đây về sau không còn sanh vào ác thú, được gần gũi Chư Phật, cùng ở chung với chư Bồ Tát hoặc sanh vào các dòng Tôn quý Bà La Môn …v…v… hay ở nơi các Đạo tràng của các Đức Phật cho đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, được thân Như Lai Chánh Biến Tri và được giải thoát".

Phật bảo Thiên Đế và Thiện Trụ Thiên Tử: "Thanh Tịnh Chư Thú Tôn Thắng Đà La Ni này của Ta oai thần rộng lớn, đủ các công đức thế lực như cát tường Nhật Ma ni bảo châu trong sạch, không có cát bụi, chiếu khắp hư không Thế giới, như 7 báu tối thắng trong đời. Hết thảy chúng sanh từ hàng Quốc vương, Vương tử, Vương mẫu, trăm quan Tể tướng thảy đều ham muốn, ưa thấy không nhàm chán, do vì Diệu bảo không dơ uế, cáu bẩn. Thiên Đế! Đà La Ni này cũng lại như vậy, nếu có người đọc tụng, viết chép, cúng dường, do công đức này, được tất cả Thiên Long, Bát Bộ tôn trọng không có xa lìa. Như Diệu bảo kia vậy. Được như vậy đều là do sức của Đà La Ni hay làm cho Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh các tội chướng nặng thảy đềut iêu diệt, do sức Đà La Ni này hay khiến kẻ thọ trì được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ".

Phật bảo Thiên Đế và Thiện Trụ Thiên Tử: "Nếu có Quốc vương, Vương tử, Vương mẫu, Thái tử, bách quan, Tể tướng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn viết chép cúng dường Đà La Ni, an trí trong tháp báu, hoặc trên tòa sư tử, trên đài Kim Cang, nơi tháp Xá Lợi, treo trên đầu phướng, nếu có bốn loài chúng sanh, hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, làm mười điều ác, năm tội Vô Gián, bốn Giới nặng và hết thảy các tội, phải đọa vào cõi Diêm Ma, sáu đường chịu khổ. Nếu các người này được bụi cát nơi các chỗ trên bay dính nơi thân, các tội nặng thảy đều tiêu diệt, hoặc gió thổi qua các tháp …v…v… động chạm đến một ít nơi thân phần, cũng được sanh lên cõi Trời, thọ hưởng các điều vui sướng, lại tùy ý sanh về các cõi Tịnh Độ. Nếu có người trì Đà La Ni này, khi rửa mặt, rửa tay, đem nước này đổ, các loại trùng kiến được gặp nước này, cũng được sanh lên cõi Trời; do đó, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, kẻ trai lành, người gái tín, nếu hay trai giới thanhtịnh, ngày đêm sáu thời đọc Đà La Ni này, trong ba đời, năm nghịch, bốn tội trọng, mười điều ác, hết thảy tội chướng thảy đều tiêu diệt, được chư Bồ Tát, chư Như Lai lấy tay xoa đầu, thọ Bồ Tát ký mà bảo rằng: "Thiện nam tử! Ông hay thọ trì Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni, đời sau ông sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề".

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu như sau này có người nơi ngã tư đường tạo các táhp báu, hoặc dựng phướng cao an để kinh chú Đà La Ni này, lại dùng các món hoa hương, anh lạc, bảy báu, trang nghiêm đầy đủ, áo quần, đồ ăn uống, các thứ thuốc thang mà dâng lên cúng dường, công đức của người này vô lượng vô biên. Người này được phước đức không kể xiết, người này chính là Bồ Tát Ma Ha Tát, là Chơn Phật tử, do vì cứu bạt tất cả chúng sanh lui tới nơi tháp”.

Khi ấy Diêm La Pháp Vương nơi nửa đêm cùng trăm ngàn quyến thuộc đem các hương hoa, các thứ cúng cụ đến chỗ Phật dâng hiến cúng dường, nhiễu Phật 7 vòng đảnh lễ chân Phật, mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nghe Thế Tôn tuyên nói Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni, nên con đến đây vì muốn được nghe, tùy Phật chỉ dạy và xin tự hộ”.

Khi ấy lại có bốn Trời Hộ Thế Đao Lợi Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhơn, Không Cư Dạ Ma Thiên, Đề Sử Đa Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên …v…v… các Vị đều đem quyến thuộc cùng các hương hoa, anh lạc đi đến chỗ Phật mà cúng dường, nhiễu Phật 7 vòng và bạch Phật rằng: “Cúi xin Thế Tôn vì chúng con mà nói Pháp thọ trì cúng dường thành tựu Đà La Ni Tôn Thắng Phật Đảnh”.

Phật bảo Hộ Thế Chư Thiên, Đại Phạm Thiên Vương, Diêm Ma Vương cùng các Thiên rằng: “Các ông hãy lắng nghe. Ta sẽ vì các ông mà nói. Nếu như có tất cả chúng sanh bị khổ nạn, các tội chướng nặng không thể cứu hộ được, nên nơi Bạch nguyệt ngày mười lăm tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, thọ tám trai giới, trước tượng Phật hồ quỳ, một lòng tụng Đà La Ni này 1.000 biến, người này dầu tạo các tội chướng nặng nề thảy đều tiêu diệt, được môn Tổng Trì Đà La Ni, biện tài vô ngại, được thanh tịnh, giải thoát”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu có người trì tụng, chỉ nghe một chữ của Đà La Ni này qua tai, cũng hay thâm nhập vào tạng thức, cũng là Chơn Phật tử, cũng như một chút Kim Cang rớt xuống nơi đất, tức nhập tới bến mới dừng, chú này cũng như vậy, một khi lọt vào tai tức hay huân tập chủng tánh thành Đẳng Chánh Giác, xa lìa phiền não, không làm chướng ngại, sau này dầu có đọa vào Địa Ngục, Súc sanh, Ngạ Quỷ cũngkhông mất nhơn này, lại nhờ chú lực lần lần tu tập cho đến quả Phật. Thiên Đế! Nếu có bốn loài chúng sanh một khi nghe được Đà La Ni này, trong đời này sẽ không bị các tạ bệnh, khổ não, cũng không còn thọ thân bào thai, sanh nơi hoa sen, xa lìa các kiết sử, được ngũ nhãn thanh tịnh, được Trí túc mạng, về sau sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Phật bảo Thiên Đế: “Nếu có người mới chết, hoặc chết đã lâu, có người dùng Đà La Ni này, chú nơi nắm đất vàng 21 biến, tán rải trên thi hài, người chết kia tức được vãng sanh 10 phương Tịnh Độ. Nếu như thần thức người chết đọa vào Địa Ngục, Súc sanh, Ngạ Quỷ, Diêm La Vương xứ, đất đó dính vào hài cốt cũng được giải thoát, lìa bỏ nơi ác đạo, được sanh lên Trời”.

Phật bảo: “Thiên Đế! Nếu có người đoản mạng muốn cầu sống lâu, ngày rằm mỗi tháng tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, thọ tám trai giới, một lòng tụng Đà La Ni này một ngàn tám biến, khiến được sống lâu, tất cả nghiệp chương thảy đều tiêu diệt”.

Phật bảo: "Thiên Đế ! Như lại có người tụng Đà La Ni này nơi tai của các loài súc sinh một lần thì loại đó qua hết thân này, không còn thọ lại thân cầm thú nữa, dầuc ó đọa Địa Ngục cũng được giải thoát".

Phật bảo: "Thiên Đế! Lại như có người bị bệnh nặng chịu các khổ não, nghe Đà La Ni này, tức được xa lìa các khổ, tội chướng tiêu diệt, cho đến bốn loại chúng sanh nghe được thân này cũng xa lìa các khổ bệnh và thân bào thai, sanh nơi hoa sen, thường nhớ túc mạng, đời đời không quên mất".

Phật bảo Thiên Đế: "Nếu có người tạo đủ mười ác, năm nghịch, bốn trọng các tội căn bản do các nghiệp ác này sau khi chết phải đọa vào A Tỳ đại Địa Ngục, thọ các thứ khổ, trải qua nhiều kiếp, sau đó lại đọa vào các loại cầm thú ở mãi trong ác đạo không thể cứu hộ được, người này ngày rằm mỗi tháng nên ở trước Thánh tượng, dùng đồ bằng vàng đựng đầy 1 thăng nước sạch, an để trong Đàn, thọ giới Bồ Tát, trai giới thanh tịnh, nơơi trong Đàn mặt xây về hướng Đông, đốt hương lễ bái, hồ quỳ, chắp tay chí thành đọc tụng Đà La Ni mãn một ngàn tám biến không được gián đoạn. Lấy nước này tán rải bốn phương và trên dưới, khiến hết thảy đều thanh tịnh. Làm Pháp này xong tất cả ác nghiệp đã tao đáng đọa Địa Ngục, Súc sanh, Ngạ Quỷ thảy đều giải thoát, tất cả tội báo thảy đều tiêu trừ. Diêm La khen ngợi, Tư mạng hoan hỷ, không còn giận ghét, trở sanh cung kính, chắp tay khen ngợi công đức. Sau khi bỏ thân, sanh về nơi các cõi Phật, 10 phương Tịnh Độ tùy ý vãng sanh. Lại ngày rằm, chú nơi bơ mật hoặc tất bát ngàn tám biến, đem cho người ăn, người kia dầu tạo mười ác, năm nghịch, các thứ tội chướng thảy đều tiêu diệt, sau này lại được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề".

Phật bảo Thiên Đế: "Nếu muốn làm Pháp Mạn Đà La này, bạch nguyệt ngày rằm dùng hương, đất vàng cù ma di trộn lại làm bùn, tô đắp Đàn. Đàn này vuông vức bốn khuỷu, dùng năm màu phân chia thành ba tràng, ở bốn bên làm một tùng quyến thuộc, dùng màu trắng làm giới. Ở giữa Đàn tán các thứ hoa, dùng bốn bình nước sạch để bốn góc, trên có vẽ hoa sen, các bình phải bằng nhau, không có cái lớn cái nhỏ, dùng bình Quân Trì để đầy Ngưu Hoàng, cung kính an trí nơi giữa hoa sen, nơi giữa Đàn tán rải các thứ hoa, thiêu các thứ long não, uất kim, trầm thủy …v…v… đốt các thứ đèn bằng bơ, bằng dầu, các dầut hơm, dâng hiến cơm, cháo, sữa, lạc, bơ, dầu, đường phèn, đường cát, đào, lựu, các loại nước uống, đựng đầy trong các đồ báu dâng cúng trong Đàn. Khi đó hành giả trì giới Bồ Tát, giữ gìn luật nghi thanh tịnh, ăn ba món bạch thực, mặc quần áo mới sạch sẽ, ngồi ở phía Tây Đàn, chắp tay hồ quỳ, chí tâm tụng niệm. Trước cần kết Phật hộ thân ấn, tụng Đà La Ni mãn ngàn tám biến, tất cả ác nghiệp, mười ác, tội chướng, thảy đều tiêu trừ, được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, được Chư Phật, Bồ Tát xoa đầu thọ Bồ Tát ký. Nếu muốn đến các cung điện của các Bồ Tát tức được Bồ Tát đem đến đó, tùy ý vãng sanh mười phương cõi Phật".

Phật bảo Thiên Đế: "Như vậy, Tôn Thắng Đà La Ni Chú này, trong đời Mạt Pháp, nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Quốc vương, Quốc mẫu, Vương tử, Vương mẫu, Thái tử, Phi Hậu, trăm quan, Tể tướng, nhơn, phi nhơn, cho đến hết thảy chúng sanh muốn được giải ngộ, đều phải tác Mạn Đà La Pháp, thanh tịnh đồ địa, hoặc dùng nước, đất và cù ma di mà nghiêm sức, rải hoa, đốt hương,

đèn, treo tràng phang, bảo cái, dùng các món trân bảo, ẩm thực cúng dường, đây gọi là Đàn Ba La Mật. Khi làm Đàn, có các phiền não mà không giận dữ, gọi là Sằn Đề Ba La Mật; tu hành cần mãn không có giải đãi, gọi là Tỳ Lê da Ba La Mật; chuyên chú nơi Pháp tắc một lòng không tán loạn, gọi là Thiền Na Ba La Mật; an bày đầy đủ, phân minh rõ ràng, gọi là Bát Nhã ba La Mật. Thiên Đế! Đây là tạo Pháp sự, đầy đủ sáu món Ba La Mật, cho nên cần phải khai thị cho hết thảy chúng sanh được nhiều lợi ích mau được Bồ Đề".

Phật nói Kinh này xong, Thiên Đế, Thiện Trụ lui về nơi cung điện của mình.

Thiện Trụ Thiên Tử y giáo tụng trì mãn 7 ngày xong tự thấy các tội báo thảy đều tiêu trừ, được thêm số Trời sống lâu vô lượng, liền cùng Đế Thích dẫn các chư Thiên, đem các hương hoa, các món thù diệu, Thiên y, anh lạc, đến chỗ Phật để cúng dường, đầu mặt lễ nơi chân Phật, hớn hở vui mừng nhiễu Phật ngàn vòng.

Khi ấy Phật duỗi cánh tay màu vàng xoa đầu Thiện Trụ Thiên Tử thọ ký Bồ Tát và bảo rằng: "Kinh này gọi là Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni Tịnh Trừ Chư Thú Nghiệp Chướng Chú Kinh. Ông và bốn chúng cần nên thọ trì".

Khi ấy bốn chúng, Bồ Tát Ma Ha tát, cùng Thiên Long Bát Bộ, Càn Thát Bà, A Tu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Dà, Cưu Bàn Trà, Tì Xá Giá, Nhơn, Phi Nhơn, nghe Phật nói, thảy đều vui vẻ, tin chịu vâng làm, đảnh lễ mà lui.

TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI
TỊNH TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG CHÚ KINH
HẾT

Tiết Đông chí Bính Tý 1996

Mật Tạng Bộ 2 - No 971 (Tr.361 →Tr.364)

PHẬT NÓI KINH TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI

Hán dịch: Đời Đường Tam tạng Sa môn NGHĨA TỊNH phụng chiếu dịch
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Ta nghe như vầy: một thời Đức Bạc Già Phạm ở tại thành Thất La Phiệt, rừng Thệ Đa, vườn Cấp Cô Độc, cùng với Đại Tỳ Kheo chúng một ngàn hai trăm năm mươi người đầy đủ, Bồ Tát Ma Ha Tát một vạn hai ngàn người.

Khi ấy tại Hội Thiện Pháp đường, nơi Tam thập tam Thiên có một vị Thiên Tử tên là Thiện Trụ cùng chư Thiên và các Thiên nữ trước sau đoanh vây, vui hưởng các điều tôn quý, ca múa, hát xướng dạo chơi, vui vẻ thọ hưởng các điều khoái lạc nơi cõi Trời. Lúc đó Thiện Trụ Thiên Tử nơi trong đêm nghe có tiếng bảo rằng: "Thiện Trụ Thiên Tử! Qua 7 ngày nữa mạng ông sẽ hết, sau đó sanh vào cõi Diêm Phù Đề 7 lần thọ thân súc sanh, sau nữa lại vào Địa Ngục thọ các khổ, từ Địa Ngục ra lại được làm người sanh vào dòng bần tiện, khi còn ở trong thai đã không có hai mắt". Thiện Trụ Thiên Tử nghe như vậy vô cùng hoảng sợ, lông tóc dựng đứng, rất là buồn khổ, liền mau đến chỗ Thiên Đế buồn rầu than khóc, đảnh lễ Thiên Đế và bạch rằng: "Cúi xin Thiên Tôn! Nghe tôi nói, tôi cùng các Thiên nữ đang vui chơi thọ hưởng các điều vui sướng thời có tiếng bảo rằng: *'Thiện Trụ Thiên Tử! Sau 7 ngày nữa sẽ chết, sau khi chết sanh vào cõi Diêm Phù Đề bảy lần làm thân súc sanh, lại vào Địa ngục, từ Địa ngục ra được làm thân người sanh nơi nhà bần tiện, ở trong thai mẹ đã bị đui mù'* Tôi nghe như vậy rất lấy làm hoảng sợ, không có cách gì. Làm thế nào khiến tôi thoát khỏi khổ này?".

Khi Thiên Đế Thích nghe Thiện Trụ Thiên Tử nói xong, rất lấy làm quái lạ, lặng yên suy nghĩ: "Thiện Trụ Thiên Tử thọ 7 thân nơi ác đạo là thân gì?". Phút chốc liền vào trong Định, liền thấy Thiện Trụ bị 7 lần làm thân nới ác thú như là heo, chó, dã can, nhị hầu, mãng xà, quạ, kên kên, ăn các đồ dơ uế bất tịnh.

Khi Thiên Đế quán thấy Thiện Trụ Thiên Tử đọa 7 lần làm thân ác thú, rất lấy làm xót thương buồn rầu khổ não, trong tâm suy nghĩ lấy cách nào mà cứu, chỗ nào để quy y, khiến cho trừ được các khổ ách. Lại suy nghĩ rằng: "Chỉ có Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đại từ bi mới có thể khiến cho Thiện Trụ Thiên Tử được miễn khổ nạn". Khi Thiên Đế Thích nghĩ như vậy xong, sáng sớm đem các thứ hoa, áo quần đẹp đẽ cõi Trời để trang nghiêm. Xong cầm các hương hoa đi đến rừng Thệ Đa, nơi chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường, đảnh lễ chân Phật, nhiễu Phật 7 vòng, xong trường quỳ chấp tay bạch Phật rằng: "Thiện Trụ Thiên Tử nghe có tiếng nói: bảy ngày sau sẽ chết, bảy lần làm thân súc sanh, nghe như vậy rồi rất là buồn khổ. Cúi xin Thế Tôn đại từ đại bi thương xót làm lợi ích làm sao khiến cho Thiện Trụ thoát được khổ này". Bấy giờ Thế Tôn nghe như vậy xong, Ngài liền mỉm cười, trên đảnh phóng ra các ánh sáng chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên thế giới rồi trở về chỗ Phật. Nếu Thế Tôn nói các việc quá khứ thì ánh sáng kia nhập vào nơi lưng. Nếu nói việc vị lai thì ánh sáng kia nhập vào nơi ngực. Nếu nói chuyện Địa Ngục thì ánh

sáng nhập vào dưới chân. Nếu nói chuyện bàng sanh thì ánh sáng nhập vào cẳng chân. Nếu nói việc Ngạ Quỷ thì nhập vào các ngón chân. Nếu nói việc Người thì nhập vào nơi đầu gối. Nếu nói chuyện Luân Vương thì nhập vào bàn tay trái. Nếu nói việc Chuyển Luân Vương thì nhập vào bàn tay phải. Nếu nói việc trên Trời thì nhập nơi rún. Nếu nói việc Thanh Văn thì nhập vào miệng. Nếu nói việc Độc Giác thì nhập vào mi gian. Nếu nói việc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thì nhập vào nơi đảnh.

Khi ánh sáng kia trở về nơi Phật rồi, xoay quanh Phật ba vòng rồi nhập vào miệng.

Lúc đó Đức Thế Tôn bảo Thiên Đế rằng: "Thiên Đế! Có Đà La Ni tên là Như Lai Phật Đảnh Tôn Thắng hay tịnh các ác thú, sanh tử khổ não, lại hay tịnh trừ tất cả Địa Ngục, Diêm Ma Vương Giới, Bàng sanh, các thứ khổ. Lại hay phá nát các tội nơi Địa ngục, khiến quay về đường chánh nẻo lành. Thiên Đế! Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni này có đại thần lực không thể nghĩ bàn. Nếu như có người chỉ nghe qua tai một lần, các nghiệp ác đã tạo từ nhiều đời trước thảy đều tiêu diệt, được thân thanh tịnh thù thắng, tùy theo chỗ sanh nhớ trì không quên, từ cõi Phật này sanh đến cõi Phật khác, từ cõi Trời này đến cõi Trời khác, cho đến trải qua 33 cõi Trời, đều được nhớ trì không quên.

Lại nữa Thiên Đế! Nếu có người sắp chết nhớ niệm Đà La Ni này liền được sống thêm, tịnh Thân, Khẩu, Ý không còn các bệnh khổ, tùy theo phước lợi thọ được các điều an ổn, lại được tất cả Như Lai ngó đến, tất cả Thiên Thần thường luôn ủng hộ, mọi người kính trọng, ác chướng tiêu trừ, được các Bồ Tát che chở.

Nếu có kẻ trai lành, người gái tín chốc lát tụng trì Đà La Ni này, nên biết người này hết thảy các khổ ác đạo đều phá tiêu, trừ sạch không còn dư sót. Nơi các cõi Phật, các hạnh nguyện sâu dày của Bồ Tát tùy ý mà đến không có chướng ngại". Khi đó Đế Thích một lòng muốn nghe.

Khi ấy Đức Bạc Già Phạm xem thấy tâm niệm của Đế Thích, dùng tâm Đại từ bi nói Pháp Đà La Ni, tức nói chú rằng:

"Nam mô bạt dà phạt đế thất lị lô chỉ dã bát lợi để tì thất sắc tra dã bột đà dã bạt dà phạt đế đát điệt tha. Úm tì du đà dả sam ma tam mạn đà a bà bà sa sam phát ra nõa yết để lô yết na tiêu bà bà tì thuật đệ a tì tiến dã đô mạn tô yết đa bạt ra bạt dã na a mật lật đa tì sư kế a yết ra a yết ra a du san đà lặt nễ du đà dã du đà dã dà dà na tì thuật đệ ô sắc nị sa tì chiết dã thuật đệ tát ha tát ra yết lặc thấp nhị san châu địa đế tát bà đát tha yết đa a địa sắc sá na a địa sắc sỉ đa bà điệt sa bạt chit ra ca dã tăng yết đát na, thuật đệ tát bà a phạt lặc nõa tì thut đệ bát lặt để nể bạt đái dã a du thuật đệ tam ma da a địa sắt sỉđế mạt nễ mạt nễ ma mạt nễ đát lân đa bộ đa cu trí bát lặc thuật để tì túy bố tra bột địa thuật đệ chiết dã chiết dã tì chiết dã tì chiết dã, tam mạt ra tam mạt ra tát bà bột đà a địa sắt sỉ đa thuật đệ, bạt chiết ra bạt chiết ra yết tì bạt chiết lam bà bạt đô ma ma a mục yết tả (tên …) **tát bà tát đỏa kê dã ca dã tì thuật đệ tát bà yết đế bát lợi thuật đệ tát bà đát tha yết đa tam ma thuật hòa sa a địa**

sắc sỉ đế bột đà bột đà phổ đà dã phổ đà dã, tam mạn đa bát lợi thuật đế đệ tát bà đát tha yết đa a địa sắc trá na a địa sắc sỉ đế sa ha".

Khi Đức Thế Tôn nói chú này rồi, bảo Thiên Đế rằng: "Đà La Ni ấn này gọi là Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni, cũng hay trừ diệt các thứ ác nghiệp chướng, hay trừ các uế ác khổ. Thiên Đế! Đà La Ni này được 88 hằng hà sa cu chi trăm ngàn Chư Phật đều nói, tùy hỷ thọ trì. Đức Như Lai Đại Nhật ấn khả, vì muốn phá tất cả loài ác đạo hữu tình, vì khiến tất cả Địa Ngục, Bàng Sanh, Diêm Ma Vương giới, các hữut ình nơi đó được giải thoát... cũng như giải thoát tất cả các khổ bức bách của hữu tình trong biển sanh tử, cũng hay khiến kẻ đoản mạng, vô phước, không chỗ cứu độ, hay tạo các tạp nhiễm, ác nghiệp được lợi ích. Sức Đà La Ni này giữ gìn trong Nam Diêm Phù Đề lại khiến các kẻ tà kiến, không tin Thiện Ác, trong ba đường ác bị lưu chuyển trong biển khổ sanh tử, các hữu tình bạc phước mau được đường Chánh. Như vậy các loại được chở che, được giải thoát các khổ".

Phật bảo Thiên Đế: "Nay Ta đem Đà La Ni này giao phó cho ngươi, ngươi nên đem trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử khiến đọc tụng, thọ trì, nhớ nghĩ cung kính cúng dường không được quên mất. Lại cũng nên lưu bố rộng rãi trong cõi Nam Diêm Phù Đề để làm lợi ích vô lượng, lại cũng vì tất cả các Thiên Tử đem Đà La Ni ấn này giao cho ông. Thiên Đế! Ông nên nhớ nghĩ, trì giữ không được lãng quên.

Lại nữa Thiên Đế! Nếu có người trong khoảng chốc lát được nghe Đà La Ni này, trong ngàn kiếp trở lại đây các ác chướng, tội ác nặng nề phải bị chìm đắm trong biển sanh tử, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Bàng Sanh, Diêm Ma Vương giới, A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Quỷ Thần các thân, Bố Đơn Na, Ca Tra Bố Đơn Na, A Bà Sa Ma Ra, rắn, rít, lằn, muỗi, trùng, kiến các thân, các loài chim chóc, mãnh thú, các loài hữu tình không còn thọ nữa và được chuyển sanh nơi cõi Chư Phật, được Nhất sanh bổ xứ cùng các Bồ Tát đồng ở, hoặc được sanh vào Đại tánh Bà La Môn, Sát Đế Lợi, nhà tôn quý. Thiên Đế! Các chỗ sanh thù thắng như trên đều do nghe Đà La Ni này, tùy theo chỗ sanh đều được thân thù thắng tốt đẹp, được quả báo như vậy, cho đến nơi Bồ Đề tối thắng, đều do khen ngợi công đức của Đà La Ni này.

Thiên Đế! Đà La Ni này gọi là Cát Tường vì hay trừ ba đường ác. Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni này như Nhật Tạng Ma Ni bảo, không có cáu bẩn, cũng như hư không, chiếu khắp mọi nơi không ngăn ngại. Nếu có hữu tình lòng tin trong sạch trì đọc Đà La Ni này, cũng như vậy, như Thiện hảo Kim Minh sáng sủa đẹp đẽ, mọi người ưa nhìn, không dính các uế ác, cũng như hoa sen không nhiễm bùn.

Thiên Đế! Người trì Đà La Ni này cũng được như vậy, do nơi Tịnh nghiệp tức được sanh cõi lành. Thiên Đế! Nơi nào có Đà La Ni này, nếu có người hay viết chép, thọ trì, đọc tụng, ngợi khen cúng kính, cúng dường, tất cả ác đạo đều được thanh tịnh, các khổ Địa Ngục mau được tiêu trừ.

Thiên Đế! Nếu có kẻ trai lành, người gái tín viết chép Đà La Ni này an để trên ngọn phướng, trên núi cao, trên lầu gác, cho đến an để trong Tháp. Thiên Đế! Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nam nữ ...v...v... ở nơi trước phướng ...v...v... hoặc được thấy hoặc gần gũi, hoặc gió thổi Đà La Ni cát bụi bay qua chạm được nơi thân. Thiên Đế! Các chúng sanh này có các tội nghiệp đáng ohải

đọa vào Địa Ngục, Bàng Sanh, Diêm Ma Vương giới, A Tu La thân, các ác, các khổ, thảy đều không thọ, lại không bị các tội cấu làm đắm nhiễm. Thiên Đế! Các hữu tình này được Chư Phật thọ ký, được bất thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, huống là đem các món hương hoa, thiêu hương, đồ hương, tràng hoa, phan cái, y phục, anh lạc, các món kỹ nhạc trang nghiêm, nơi ngã tư đường tạo Suất Đổ Ba (tháp), an để Đà La Ni này, chắp tay cung kính nhiễu quanh Tháp, quy mạng đảnh lễ, người cúng dường đầy đủ như vậy, gọi là Bồ Tát Ma Ha tát, là Chơn Phật tử trì Pháp đúng đắn. Đây là Pháp thờ Như Lai toàn thân Xá Lợi".

Khi đó Diêm Ma Pháp Vương, nơi đầu hôm đi đến chỗ Phật, dùng các Thiên y, các thứ hương hoa, đồ hương, mạt hương, Chiên đàn, trầm thủy cung kính cúng dường, nhiễu Phật 7 vòng, đảnh lễ chân Phật mà thưa rằng: "Con nghe Như Lai nói Pháp Đại Đà La Ni, khen ngợi công đức tu trì không thể nghĩ bàn. Thế Tôn đại từ bi thương xót các loài hữu tình bị các khổ, Thế Tôn! Con cũng xin ủng hộ giữ gìn, không cho các người tu trì đọa vào Địa Ngục, theo Đức Như Lai mà dạy dỗ hộ niệm".

Bấy giờ, Hộ Thế Tứ Đại Thiên Vương nhiễu Phật ba vòng, rồi đứng về một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Cúi xin Ngài vì bọn con nói lại Pháp Đà La Ni".

Bấy giờ Thế Tôn bảo Bốn Thiên Vương rằng: "Các ông hãy lắng nghe. Ta sẽ vì các ông mà nói Pháp thọ trì Đà La Ni cho các hữu tình bị đoản mạng. Nếu muốn thọ trì, nên tắm gội sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, bắt đầu từ mồng một cho đến ngày rằm, giữ gìn trai giới, một lòng tụng Đà La Ni này mãn ngàn biến, khiến mạng sống ngắn ngủi được tăng thêm, vĩnh viễn xa lìa các tật bệnh, tất cả nghiệp chướng cũng thảy được tiêu trừ, tất cả các khổ Địa Ngục, các loài Cầm thú, hết thảy các loài có thân mạng, nghe tiếng Đà La Ni này lọt vào tai một lần, khi bỏ thân này, không còn thọ lại nữa".

Phật bảo: "Nếu như sau này có người bỗng nhiên bị khổ bệnh và các việc bức bách, nghe Đà La Ni này, tức được xa lìa các bệnh, các khổ cũng được tiêu trừ, dù đáng đọa vào các ác đạo cũng được giải thoát. Được sanh vào Thế giới Diệu Hỷ, khi bỏ thân này, không còn thọ thân bào thai, được sanh trong hoa sen, tùy theo chỗ sanh được Trí túc mạng nhớ mãi không quên".

Phật dạy: "Nếu có người trước đã từng tạo các nghiệp ác nặng nề, sau khi chết bị đọa vào Địa Ngục, Bàng sanh, Diêm La Vương giới, Ngạ Quỷ cho đến cung Nại Xoa Ca, hoặc sanh trong nước, hoặc sanh vào các loại cầm thú. Dùng một nắm đất chú 21 biến, tán rải trên thân phần của người chết, vong kia liền được sanh Thiên".

Nếu có người mỗi ngày tụng Đà La Ni này mãn 21 biến, tiêu được các của cúng dường thì thắng trong Thế gian, khi bỏ thân được sanh về Cực Lạc Thế giới, nếu hay niệm tụng sau này sẽ được sống lâu, thọ hưởng các điều vui sướng. Khi bỏ thân, sẽ được vãng sanh về các cõi của Chư Phật, thường cùng ở chung với Chư Phật, được nghe Chư Phật nói các Pháp vi diệu, được Chư Phật thọ ký Bồ Đề, thân quang chiếu diệu khắp các Thế giới, cho đến được Vô Thượng Niết Bàn.

Lại nữa, nếu muốn tụng Đà La Ni này, tắm gội sạch sẽ, nơi trước Phật dùng đất sạch làm Đàn lớn nhỏ tùy ý, vuông vức bằng phẳng, dùng các hoa cỏ thơm, tán rải trên Đàn, đốt các thứ hương thơm, hai gối sát đất, hoặc ngồi tôn cư, tâm thường niệm Phật, kết Mẫu Đà La Ni ấn: trước co hai ngón trỏ, dùng hai ngón cái đè lên, sau đó chắp tay để nơi tâm, tụng Đà La Ni mãn 108 biến. Ở trong Đàn dụ như mây mưa, các thứ hoa hay biến khắp cả cúng dường 88 cu chi hằng hà sa số na dữu đa trăm ngàn Chư Phật, được Chư Phật khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Thật là ít có, đây là Chơn Phật tử, chứng được Vô ngại Trí Tam Muội và Bồ Đề Tâm trang nghiêm Tam Muội, người trì Đà La Ni nên làm như vậy".

Phật bảo: "Thiên Đế! Ta dùng Phương tiện thiện xảo khiến các chúng sanh đáng đọa vào Địa Ngục đều khiến giải thoát, thanh tịnh hết thảy các đường ác, tiêu diệt không còn dư sót, khiến người thọ trì được sống lâu.

Thiên Đế! Ông nên đem Đà La Ni này trao cho Thiện Trụ Thiên Tử, khiến bảo đọc tụng, qua 7 ngày nữa ông cùng Thiện Trụ đến đây gặp Ta".

Khi ấy Thiên Đế ở trước Thế Tôn thọ Pháp Đà La Ni, giữ gìn nhớ rõ, trở về bổn cung trao lại cho Thiện Trụ Thiên Tử.

Thiện Trụ Thiên Tử thọ được Đà La Ni rồi, y Pháp thọ trì, mãn 6 ngày 6 đêm, tất cả các nguyện đều được, các khổ đáng đọa vào ác thú nay được giải thoát, được tăng thọ mạng vào phần Bồ Đề, hết thảy các phước thảy đều vân tập, vui vẻ vô cùng, lớn tiếng nói rằng: "Thật là khó có! Như Lai nói Pháp vi diệu, thật là khó có, oai lực linh nghiệp của Đà La Ni. Thế Tôn đại bi hay vì chúng con và các Hữu tình nói ra Thần chú này. Con nay đã được giải thoát các khổ trong đường ác".

Bấy giờ, Thiên Đế Thích qua 7 ngày rồi, cùng Thiện Trụ Thiên Tử, và các Thiên chúng nghiêm sức hoa tràng, đem các diệu hương, tràng phan, bảo cái, Thiên y, anh lạc, các món trang nghiêm đến chỗ Phật cúng dường, dùng Thiên diệu y, các món anh lạc, dâng hiến Thế Tôn, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, hớn hở vui mừng, ngồi về một bên, nhìn ngắm Tôn nhan mắt không tạm rời.

Khi đó Thế Tôn duỗi cánh tay sắc vàng trăm phước trang nghiêm đầy đủ các tướng, dùng tay phải xoa đầu Thiện Trụ Thiên Tử, nói các Pháp yếu thọ ký Bồ Đề.

Phật dạy Thiện Trụ Thiên Tử rằng: "Đà La Ni ấn này gọi là Tịnh Trừ Nhất Thiết Ác Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni, ông nên thọ trì".

Bấy giờ Thiện Trụ Thiên Tử, Thiên Đế cùng Thiên chúng, hết th3y đại hội nghe Phật nói xong, đều rất vui mừng, tin chịu vâng làm.

PHẬT NÓI KINH TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH ĐÀ LA NI

HẾT

Tiết Đông chí Bính Tý 1996

Mật Tạng Bộ 2_ No.972 (Tr.364_ Tr.368)

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ PHÁP
MỘT QUYỂN

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_Chùa Đại Hưng Thiện_Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Phàm Pháp **Niệm Tụng Đà La Ni**. Trước tiên ở **Tam Muội Gia Mạn Đà La** (Samaya-maṇḍala) nhìn thấy Thánh Chúng, được Quán Đỉnh, biết Bản Tôn. Theo Thầy nhận được Tam Muội Gia (Samaya :Bản thệ). Liền ở khoảng giữa núi, nơi nhàn nhã, hoặc ở tịnh thất, vẽ tượng Bản Tôn **Tôn Thắng Đà La Ni**, an ở vách tường phía Đông, còn người trì tụng ở phía đối diện

Ở chỗ Niệm Tụng ấy, đào sâu xuống đất một khuỷu tay rưỡi. Trong đất, nếu có gạch ngói, xương, tro, lông, tóc với các vật dơ uế…đều nên trừ bỏ đi. Nếu không có, thì quay lại lấy đất cũ (bản thổ) lấp lại cho đầy khiến cho bằng phẳng. Nếu đất có dư thì là đất cát tường. Dùng Cồ Ma Di (phân bò) hòa với đất tốt, làm bùn xoa tô mặt đất khiến cho bằng phẳng. Lại lấy Cồ Ma Di (phân bò) hòa với nước, tụng **Vô Năng Thắng Đà La Ni** 21 biến gia trì vào Cồ Ma Di (phân bò)

Vô Năng Thắng Chân Ngôn ấy là:

« Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam (1) Án (2) hổ lỗ, hổ lỗ (3) chiến noa lý (4) ma đặng nghĩ (5) sa-phộc hạ »

𑖡𑖦𑖾 𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖡𑖯𑖽 𑖌𑖼 𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖮𑖲𑖩𑖲 𑖓𑖜𑖿𑖚𑖩𑖰 𑖦𑖝𑖒𑖰 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

Namaḥ samanta-buddhānāṃ _ Oṃ hulu hulu caṇḍali mataṅgi svāhā

Gia trì xong. Sau đó từ góc Đông Bắc, bắt đầu xoay vòng theo bên phải. Tiếp lấy lá **Thục Quỳ** hoặc lá **Liên Tử**, lau chùi khiến cho sáng sạch. Ở bên trên lấy phấn trắng hòa với nước, dùng dây chia ra chín vị trí. Mài **Bạch Đàn Hương** trên đá, dùng xoa bôi chín vị trí.

Chín vị trí ấy là:

_Chính giữa an vị trí của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) [*Chủng Tử là* Aḥ (𑖀𑖾)]

_Bên phải an vị trí của Bồ Tát **Quán Tự Tại** (Avalokiteśvara) [*Chủng Tử là* Sa (𑖭)]

_Phía sau Quán Tự Tại, an vị trí của Bồ Tát **Từ Thị** (Maitreya) [*Chủng Tử là* Yu (𑖧𑖲)]

_Phía sau vị trí của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na, an vị trí của Bồ Tát **Hư Không Tạng** (Ākāśa-garbha) [*Chủng Tử là* A (𑖀)]

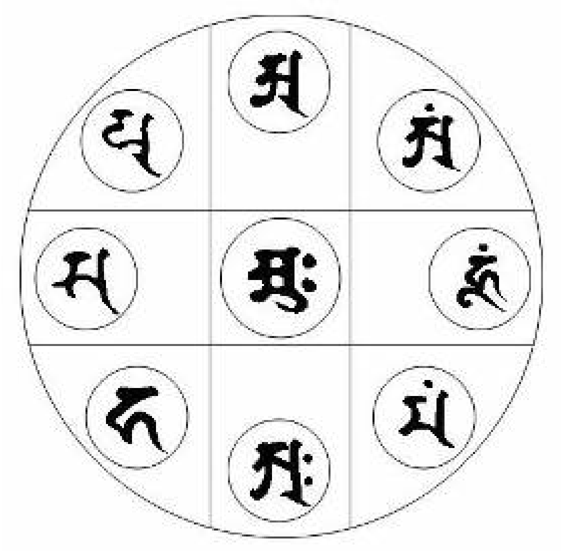
_Bên trái của vị Bồ Tát này, an vị trí của Bồ Tát **Phổ Hiền** (Samanta-bhadra) [*Chủng Tử là* Aṃ (𑖀𑖽)]

_Bên trái vị trí của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na, an vị trí của Bồ Tát **Kim Cương Thủ** (Vajra-pāṇi) [*Chủng Tử là* Hūṃ (𑖮𑖳𑖽)]

_Bên dưới vị trí của Bồ Tát Kim Cương Thủ, an vị trí của Bồ Tát **Văn Thù Sư Lợi** (Maṃjuśrī) [*Chủng Tử là* Maṃ (𑖦𑖽)]

_Trước mặt Đức Phật Tỳ Lô Giá Na, an vị trí của Bồ Tát **Trừ Cái Chướng** (Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin) [*Chủng Tử là* A (𑖀)]

_Bên phải vị trí của Bồ Tát Trừ Cái Chướng, an vị trí của Bồ Tát **Địa Tạng** (Kṣīti-garbha) [*Chủng Tử là* Ha (𑖮)]



Đây gọi là chín vị trí, đều dùng Bạch Đàn Hương xoa bôi, dùng làm **Nghênh Thỉnh** vị trí của Hiền Thánh

Bốn bên của Đạo Trường, sáng sớm phụng hiến cháo sữa. Thời Trai (giữa trưa) hiến Lạc, cơm kèm thức ăn béo có vị ngọt với dùng các loại nước uống và các quả trái.

Bốn cửa an bốn lò hương

Bốn góc an bốn cái bình sạch chứa đầy nước thơm, cắm hoa hoặc cây có lá xanh, dùng để cúng dường

Bốn góc thắp bốn cái chén đèn bơ

Phía trước Đạo Trường, ở trước mặt người niệm tụng an trí hai cái bát nhỏ chứa đầy nước thơm Át Già (Ārgha) cúng dường. Lấy vật khí bằng vàng, bạc, đồng đã tôi luyện, sứ hoặc vật khí bằng ngói mới, hoặc cái chén bằng vỏ ốc, hoặc lá cây mới sạch…chẳng được dùng thứ khác.

Khi muốn chứa thức ăn thời trước tiên nên rửa sạch vật khí, úp che dùng khói hương xông ướp bên trong. Chứa đầy thức ăn xong, lại dùng khói hương xông ướp. Dùng **Vô Năng Thắng Đà La Ni** gia trì vào nước rưới vảy. Liền ở trong Đàn, xoay theo bên phải an bày. Sau đó ở trước Đàn, an cái giường có chân thấp, cách mặt đất nửa thốn (tấc Tàu). Hoặc trải chiếu bằng cỏ tranh, hoặc cái chiếu bằng vật sạch để người niệm tụng ngồi.

Người niệm tụng muốn tắm gội sạch sẽ thì pháp tắm gội (táo dục) như trong **Tô Tất Địa** (Susiddhi-kara) nói. Hoặc dùng phép tắm gội thì quán Thật Tướng của Pháp dùng để tắm gội

Hoặc dùng **Hộ Trì Bản Luật Nghi Giới** của hàng Tại Gia, Xuất Gia không có hủy phạm, dùng để tắm gội

Hoặc mỗi ngày, ba thời ở trước mặt Phật, lễ Phật tỏ bày **Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh, Phát Nguyện, Hồi Hướng** dùng để tắm gội

Hoặc dùng **Thanh Tịnh Chân Ngôn** gia trì bảy biến, dùng để tắm gội trong sạch

Ngay lúc tụng chính thời quán ***Tất cả Pháp vốn có tính trong sạch, Ta cũng được trong sạch***. Tác ý như vậy, liền tụng **Táo Dục Chân Ngôn** là:

"Án, sa-phộc bà phộc, thuật đà, tát phộc đạt ma, sa-phộc bà phộc, thú độ hám"

Oṃ _ svabhāva śuddha _ sarva dharma svabhāva śuddha-uhaṃ

Mỗi ngày vào Đạo Trường niệm tụng thì xác định Thời Tiết ấy, hoặc hai Thời là sáng sớm, hoàng hôn. Hoặc ba Thời thì gia thêm thời Ngọ. Hoặc bốn Thời thì y theo **Du Già** gia thêm thời nửa đêm. Nếu đối với **Bản Giáo Tôn Thắng Đà La Ni Kinh**, mỗi kỳ Bạch Nguyệt, ngày 15 trừ diệt nghiệp chướng, tăng Phước, sống lâu…chủ yếu tụng một ngàn biến, chứng **Xuất Thế Tam Ma Địa**, chẳng quên mất Đà La Ni

Vào ngày ấy, một ngày một đêm chẳng ăn là bậc thượng. Hoặc ăn ba loại thức ăn màu trắng (tam bạch thực: sữa, lạc, cơm), hoặc ăn cháo làm bậc Trung, hoặc như ăn Thường Trai làm bậc Hạ. Thân mặc quần áo sạch, tâm nên chân thành, tin trong sạch, tâm chẳng do dự.

_Nếu muốn Trì Tụng, đến Đạo Trường, trước tiên quỳ hai gối sát đất, lễ Đức Phật Tỳ Lô Giá Na với tám vị Đại Bồ Tát, tỏ bày Sám Hối, phát năm Nguyện lớn.

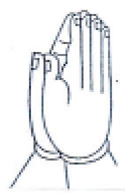
1_ Thề nguyện độ vô biên chúng sinh
2_Thề nguyện gom chứa vô biên Phước Trí
3_ Thề nguyện học vô biên Pháp Môn
4_ Thề nguyện phụng sự vô biên Như Lai
5_ Thế nguyện thành Bồ Đề vô thượng (Agra-bodhi)

_ Ngồi Kiết Già xong, dùng hương xoa bàn tay, kết **Tam Muội Gia Ấn**, tụng Chân Ngôn là:

"Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam (1) a tam minh (2) để-lý tam minh (3) tam muội duệ, sa-phộc hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Asame trisame samaye svāhā

Ấn ấy là: Chắp hai tay lại, dựng hai ngón cái, ấn ở năm chỗ là:vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng đều tụng Chân Ngôn một biến gia trì rồi bung tán trên đỉnh đầu.



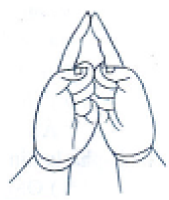
Do Tam Muội Gia Ấn, sức uy thần của Chân Ngôn cho nên hay tịnh **Như Lai Địa** (Tathāgata-bhūmi), viên mãn **Ba La Mật** (Pāramitā), hay thành tựu **Tất Địa** (Siddhi) thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian

_ Tiếp kết **Pháp Giới Sinh Ấn,** tụng Chân Ngôn là:

"Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam (1) đạt la-ma (2) đà đổ (2) sa-phộc sa-phộc cú hám"

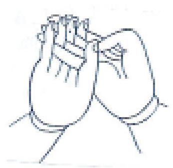
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Dharma-dhātu svabhāvaka-uhaṃ

Tướng kết Ấn là: Hai tay an ngón cái bên trong lòng bàn tay, đều nắm quyền, dựng hai ngón trỏ cùng hợp cạnh bên, an ở trên đỉnh đầu



Từ đỉnh đầu hướng xuống bên dưới từ từ bung tán, tụng Chân Ngôn ba biến, liền quán thân của mình ngang đồng với Pháp Giới, lìa các sắc tướng giống như hư không.

_ Tiếp kết **Kim Cương Tát Đỏa Pháp Luân Ấn**, tụng Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mạn đa phộc nhật-la nam. Án, phộc nhật-la, đát-ma cú hám"
Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ_ Oṃ vajra-atmaka-uhaṃ
Tướng kết Ấn là: Hai tay ngược nhau cài chéo các ngón, đem ngón cái trái an trong lòng bàn tay phải, cùng trụ với ngón cái phải. Liền tụng Chân Ngôn ba biến đắc được thân của mình như **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-satva)

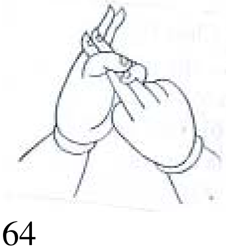


_ Tiếp kết **Kim Cương Giáp Trụ Ấn**. Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mạn đa phộc nhật-la nam. Án, phộc nhật-la, ca phộc giả, hồng »
Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ_ Oṃ vajra-kavacāya hūṃ
Tướng Ấn ấy là: Chắp hai tay lại, giữa rỗng. Hai ngón trỏ đều an ở lưng ngón giữa, kèm hợp hai ngón cái ở trên lóng giữa của ngón giữa thì thành Ấn.



Đồng với năm chỗ lúc trước, đều tụng Chân Ngôn một biến. Do gia trì này thì thân của mình thành **Bị Kim Cương Giáp Trụ** (Mặc giáp trụ Kim Cương), tất cả Thiên Ma không thể gần gũi.

_ Tiếp kết **Bất Động Tôn Ấn**. Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mạn đa phộc nhật-la nam (1) chiến noa, ma hạ lô sa noa (2) tát-phả tra gia (3) hồng, đát-la tra, hám hàm"
Namaḥ samanta-vajrāṇāṃ_ Caṇḍa mahā-roṣaṇa sphaṭya hūṃ traṭ _ hāṃ māṃ
Kết Ấn là: Hai tay đều đem ngón cái vịn trên móng ngón út với ngón vô danh, đều kèm dựng ngón giữa, ngón trỏ. Tay trái làm vỏ bọc, tay phải làm đao, đưa đao vào vỏ, dạng có Đao Ấn



Chuyển xoay theo bên trái, Tịch Trừ các Ma, loài gây chướng trong Đạo Trường.

Chuyển xoay tám phương theo bên phải, kết **Thượng Hạ Phương Ngung Giới**

Sau đó tưởng núi Tu Di (Sumeru) trong Đạo Trường. Ở trên đỉnh núi, tưởng lầu gác bảy báu. Ở trong lầu gác có Đức Phật Tỳ Lô Giá Na với tám mươi câu chi Bồ Tát Ma Ha Tát mãn túc mười Địa, dùng làm quyến thuộc tự vây quanh. Bốn cửa, bốn góc đều có bốn vị Bồ Tát [Câu ( ), Sách ( ), Tỏa ( ), Linh ( )] với tám vị Cúng Dường dùng làm Nội Ngoại Cúng Dường [4 Nội Cúng Dường : Hý ( ), Man ( ), Ca ( ), Vũ ( ) và 4 Ngoại Cúng Dường: Hương ( ), Hoa ( ), Đăng ( ), Đồ ( )]. Quán tưởng phụng hiến, mỗi mỗi thật rõ ràng.

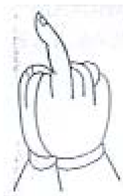


_ Tiếp kết **Phụng Thỉnh Thánh Chúng Như Lai Câu Ấn**. Chân Ngôn là:

"Nẵng mạc tam mãn đà một đà nam (1) Ác, tát phộc đát-la, bát-la để ha đế, đát tha nghiệt đương củ xả (3) mạo địa giả ca lý-gia, bả lý bố la ca (4) sa-phộc hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Aḥ _ sarvatra-apratihate tathāgata-aṃkuśa bodhicārya paripūraka svāhā

Tướng kết Ấn là: Hai tay cài chéo các ngón bên trong (Nội Phộc) nâng lên, duỗi ngón trỏ phải rồi co lại như hình móc câu



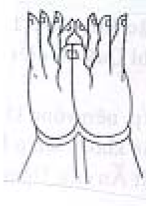
Tụng ba biến. Do sức uy thần của Ấn Chân Ngôn cho nên chư Phật Như Lai cùng với chúng Thánh chẳng trái ngược Bản Thệ thảy đều tập hội.

_ Tiếp kết **Phụng Hiến Tọa Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:

"Nẵng mạc tam mãn đà một đà nam, Ác"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_ Aḥ

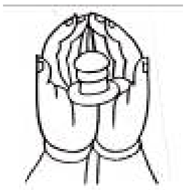
Tướng kết Ấn là: Chắp hai tay lại giữa rỗng. Hai ngón út, hai ngón cái cùng hợp nhau, mở duỗi sáu ngón còn lại, hơi co như hoa sen nở. Tụng ba biến.



Do uy lực của Ấn này với Chân Ngôn, tuôn ra tất cả tòa báu vi diệu, giống như biển mây phụng hiến Như Lai, tất cả Thánh Chúng

_ Tiếp **Phụng Hiến Át Già**. Tụng Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mãn đà một đà nam (1) nga nga nẵng, tam ma tam ma, sa-phộc hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_Gagana sama-asama svāhā
Liền dùng hai tay nâng vật khí ngang trán, quỳ gối tụng ba biến, phụng hiến Át Già tắm gội chúng Thánh.



_ Tiếp kết **Phụng Hiến Đồ Hương Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mãn đà một đà nam (1) vi du đà, hiến độ nạp bà phộc gia, sa-phộc hạ"

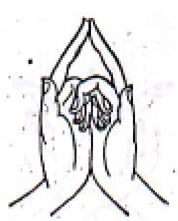
Namaḥ samanta-buddhānāṃ_Viśuddha gandha-udbhavāya svāhā
Tướng kết Ấn là: Tay phải dựng đứng lòng bàn tay hướng ra bên ngoài, đem tay trái nắm cổ tay phải



Tụng ba biến. Do uy lực của Ấn Chân Ngôn này, tuôn ra tất cả biển mây hương xoa bôi, cúng dường tất cả Như Lai với các chúng Thánh.

_ Tiếp kết **Phụng Hiến Hoa Man Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam. Ma hạ muội đát-lý-dạ, tỳ-dữu na nghiệt đế, sa-phộc hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_Mahā-maitrya abhyudgate svāhā
Tướng kết Ấn là: Hai tay cài chéo các ngón bên trong rồi ngửa lòng bàn tay, ngón trỏ cùng trụ nhau. Tụng ba biến



Do uy lực của Ấn này với Chân Ngôn, tuôn ra tất cả biển mây vòng hoa (hoa man), cúng dường tất cả Như Lai, chúng Thánh

_ Tiếp kết **Phụng Hiến Thiêu Hương Ấn**. Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam (1) đạt ma đà đát-phộc noa tỳ âm nghiệt đế, sa-phộc hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_Dharma-dhātu anugate svāhā

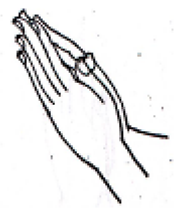
Tướng kết Ấn là: Hai tay ngửa lòng bàn tay, đem ngón út, ngón giữa, ngón vô danh co lại, dựng thẳng cùng ngược nhau

Tụng ba biến. Do uy lực của Ấn Chân Ngôn này, tuôn ra tất cả biển mây hương đốt, cúng dường tất cả Như Lai với các chúng Thánh.

_ Tiếp kết **Phụng Hiến Ẩm Thực Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam. A la la, ca la la, mạt lân nại nê, mạt lý, sa-phộc hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_Arara karara valiṃ-dade mahā-valiḥ _svāhā

Tướng kết Ấn là:Chắp hai tạy lại giữa rỗng, kín đáo khiến mở lòng bàn tay như vật khí

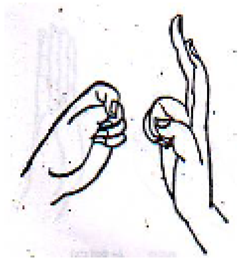


Tụng ba biến. Do uy lực của Ấn Chân Ngôn này, tuôn ra vô biên biển mây thức ăn uống, cúng dường tất cả Như Lai với các chúng Thánh

_ Tiếp kết **Phụng Hiến Đăng Minh Ấn**. Tụng Chân Ngôn là:
"Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam (1) đát tha nghiệt đát tử, sa-phả la ninh (2) phộc bà sa na (3) nga nga nhu na lý-dã, sa-phộc hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_Tathāgata-arci spharaṇa-avabhāsana gagana-udārya svāhā

Tướng kết Ấn là:Tay phải nắm quyền dựng ngón giữa, (?và ngón trỏ) đem ngón cái vịn lóng giữa của ngón giữa (?lóng giữa của ngón vô danh). Tụng ba biến



Do uy lực của Ấn Chân Ngôn này, tuôn ra vô biên biển mây đèn sáng, cúng dường tất cả Như Lai với các chúng Thánh

Lại nữa **Như Lai Đại Thừa Kinh** đã nói, nên quán tưởng các biển mây cúng dường vật của nhóm phướng, lọng, phan, lưới, chuỗi Anh Lạc, quần áo, lụa là….tràn đầy khắp Pháp Giới, thành thật nói **Già Tha** (Gātha:Kệ), khen ngợi rằng:

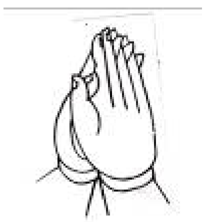
Dùng sức Công Đức Ta
Sức Như Lai gia trì
Cùng với sức Pháp Giới
Cúng dường khắp mà trụ

_ Tiếp kết **Hư Không Tạng Minh Phi Ấn.** Chân Ngôn là:

"Nẵng mạc tam mạn đa một đà nam. Tát phộc tha, khiếm, ô na-nghiệt đế, sa-phả la, hứ hàm, nga nga kiếm, sa-phộc hạ"

Namaḥ samanta-buddhānāṃ_Sarvathā khaṃ udgate sphara hīmaṃ gaganakaṃ svāhā

Tướng của Khế ấy là: Hay tay cài chéo các ngón rồi chắp lại, bên phải đè bên trái. Tụng bảy biến



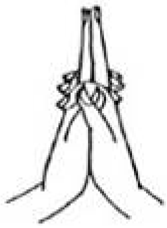
_ Tiếp tưởng ở trong trái tim của thân mình có vành trăng sáng tròn, mỗi mỗi thật rõ ràng. Ở trên vành trăng tưởng chữ **Khiếm** (_Khaṃ) màu trắng phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả Thế Giới ở mười phương

Chữ **Khiếm** này có nghĩa là **Thật Tướng**. ấy là ***Tất cả Pháp ngang đồng với hư không. Lìa các sắc tướng, lìa các chướng ngại***. Tức ở trong Lý chân thật

Quán thân mình làm tượng Phật Mẫu Bồ Tát **Kim Cương Ba La Mật** (Vajra-pāramitā_Bodhisatva) tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen ấy có chày Kim Cương Ngũ Cổ. Tay phải ngửa lòng bàn tay, rũ bàn tay làm thế **Thí Nguyện**, có đủ mão đội đầu, chuỗi Anh Lạc. Diện mạo từ mẫn, thế nhổ bứt cứu giúp tất cả chúng sinh



Tác Quán đó xong. Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm thành quyền, dựng hai ngón giữa. Dùng **Kim Cương Ba La Mật Ấn** này gia trì ở bốn chỗ là :ấn trái tim, vầng trán, cổ họng, đỉnh đầu



Ấn xong liền bung bàn tay. Tụng **Kim Cương Ba La Mật Chân Ngôn** là:

"Án, tát đát-phộc, phộc nhật-lý, hồng"

Oṃ _ satva-vajrī hūṃ

Ngay lúc ấn bốn chỗ thời đều tụng một biến.

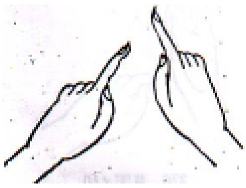
_ Liền đem Ấn lúc trước an ở trên trán, tụng ba biến dùng làm **Quán Đỉnh** (Abhiṣiṃca). Quán Đỉnh xong, đem tay Ấn ấy chia ra hai bên, dùng Kim Cương Quyền nối tiếp phía sau đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

"Án, phộc nhật-la, tỳ săn già"

Oṃ _ Vajra- abhiṣiṃca

Tụng ba biến.

_ Liền kết **Bị Giáp Ấn**: hai tay đều tác Kim Cương Quyền, đều dựng thẳng ngón trỏ. Ngang trái tim cùng cột ràng nhau, như nối tiếp Giáp Trụ



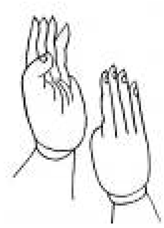
Tiếp ở sau lưng cũng lại như vậy. Tiếp hai vai cũng nối tiếp như thế. Tiếp đến dưới đỉnh đầu, sau cổ họng, trước trán…lui về phía sau não, đem hai Kim Cương Quyền nối tiếp chầm chậm rũ bàn tay ở hai bên, từ từ hạ xuống như thế rũ đai.

Liền đem hai lòng bàn tay cùng vỗ nhau ba tiếng. Tụng **Bị Giáp Chân Ngôn** là:

"Án, châm"

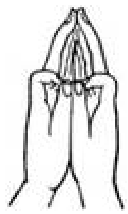
Oṃ ṭuṃ

_ Lại **Phách Chưởng** (Vỗ tay)



Chân Ngôn là:
"Án, phộc nhật-la, đổ sử-gia, hộc"
𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖝𑖲𑖬𑖿𑖧 𑖮𑖺𑖾
Oṃ _ Vajra tuṣya hoḥ

_ Tự tưởng thân của mình thành **Bản Tôn** xong. Chắp hai tay lại, co hai ngón trỏ cùng ngược móng ngón, đem hai ngón cái đè đầu hai ngón trỏ như thế búng ngón tay.



Liền tụng **Tôn Thắng Đà La Ni** là :
1_Nẵng mộ bà nga phộc đế
2_ Đát-lặc lộ chỉ-dã
3_Bát-la để
4_Vĩ thủy sắt-tra dã
5_Bột đà da
6_Bà nga phộc đế
7_ Đát nễ-dã tha
8_Án
9_Vĩ thú đà dã
10_Tam ma tam mãn đa phược bà sa
11_Tát-phả la noa
12_Nghiệt để, nga hạ nẵng
13_Tát-la bà phộc, thuật đệ
14_A tỳ săn tả hàm
15_Tố nga đa, phộc la, phộc tả nẵng
16_Mật-lật đa, tỳ sái kế
17_A hạ la, a hạ la
18_A dục, tán đà la nê
19_Tuất đà dã, thú đà dã
20_Nga nga nẵng, vĩ thuật đề
21_Ổ-sắt-nê sa
22_Vĩ nhạ dã, vĩ thuật đề
23_ Sa hạ sa-la
24_La thấp-nhị, tán tổ nỉ đế
25_Tát phộc đát tha nghiệt đa
26_ Địa sắt-xá nẵng, địa sắt-xỉ đa
27_ Mẫu nại lệ

28_ Phộc nhật-la ca gia
29_ Tăng hạ đát na, thuật đệ
30_ Tát phộc, phộc la noa, vĩ thuật đệ
31_ Bát-la để nễ mạt đa dã
32_ A dục, thuật đệ
33_Tam ma da, địa sắt-xỉ đế
34_ Ma nê, ma nê
35_ Đát thát đa, bộ đa, câu chi
36_ Bả lý thuật đệ
37_ Vĩ sa-bố tra
38_ Bột địa, thuật đệ
39_ Nhạ dã, nhạ dã
40_ Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
41_ Sa-ma la, sa-ma la
42_ Tát phộc bột đà địa sắt-xỉ đa, thuật đệ
43_ Phộc nhật-lệ, phộc nhật-la nghiệt tỳ
44_ Phộc nhật-lãm bà phộc đổ
45_ Ma ma (Họ tên là...)
46_ Tát phộc tát đát-phộc
47_ Nan tả, ca dã, vĩ thuật đệ
48_ Tát phộc nghiệt để
49_ Bả lý thuật đệ
50_ Tát phộc đát tha nghiệt đa
51_ Tam ma, thấp-phộc sa, địa sắt-xỉ đế
52_ Bột đình-dạ, bột đình-dạ
53_ Mạo đà dã, mạo đà dã
54_ Tam mãn đa, bả lý thuật đệ
55_ Tát phộc đát tha nghiệt đa
56_ Địa sắt-xá nẵng
57_ Địa sắt-xỉ đa
58_ Ma hạ mẫu nại-lệ
59_ Sa-phộc hạ

Namo bhagavate trailokya prativiśiṣṭaya buddhāya bhagavate

Tadyathā

Oṃ _ Viśodhaya sama

Samanta-avabhāsa, spharaṇa gati gahāna, svabhāva viśuddhe

Abhiṣiṃca tumāṃ, sugata vara vacana amṛta-abhiṣekai

Āhara āhara, āyuḥ-sandhāraṇī

Śodhaya śodhaya, gagana viśuddhe

Uṣṇīṣa-vijaya viśuddhe, sahasra-raśmi, saṃsudīti sarva tathāgata-adhiṣṭana-adhiṣṭite mudrī

Vajra-kāya saṃhatana viśuddhe

Sarva avaraṇa śuddhe pratinivattāya āyuḥ śuddhe

Samaya adhiṣṭite maṇi maṇi

Tathātā bhūta koṭi pariśuddhe

Cisphuṭa buddhi śuddhe

Jaya jaya, vijaya vijaya, smara smara

Sarva buddha adhiṣṭita śuddhe

Vajrī vajra-garbha, vajrāṃ bhavatu

Mama sarva-satvānāṃca kāya viśuddhe

Sarva gati pariśuddhe

Sarva tathāgata sama śvasa adhiṣṭite, buddha buddha, bodhaya bodhaya

Tam mãn đa bạt lị thuật đệ

Samanta pariśuddhe

Sarva tathāgata adhiṣṭana adhiṣṭita, mahā-mudrī svāhā

Tiếng đã tụng chẳng cao chẳng thấp, chẳng chậm chẳng gấp rút. Một lòng duyên quán Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** mỗi mỗi thật rõ ràng. Tụng bảy biến xong, đưa Ấn bung tán trên đỉnh đầu.

_ Lấy tràng hạt kết bằng hột Bồ Đề, an ở trong lòng bàn tay, tụng **Gia Trì Niệm Châu Chân Ngôn** là:

"Án, vĩ lô già na, ma la, sa-phộc hạ"

Oṃ _ Vairocana māla svāhā

Tụng bảy biến xong, an trên đỉnh đầu. Đem tay trái để ngang trái tim nâng tràng hạt, tay phải dời hạt châu. Mỗi khi tiếng ngang với **Sa-phộc hạ** (Svāhā) thì dời một hạt châu. Niệm tụng đến 108 biến, cho đến một ngàn biến.

_ Lại lấy tràng hạt cuộn lại ở trong lòng bàn tay, chắp tay an ở trên đỉnh đầu rồi phát Nguyện mong cầu điều màu nhiệm trong sạch. Nguyện cho tất cả chúng sinh thảy đều đắc được.

_ Lại kết **Bản Tôn Ấn**, tụng bảy biến hoặc ba biến

_ Lại kết **Kim Cương Ba La Mật Ấn**

_ Lại kết năm loại **Cúng Dường Ấn** kèm tụng năm loại Chân Ngôn để cúng dường, đủ như bên trên nói

_ Liền kết **Bất Động Tôn Ấn**, tụng một biến, đem Ấn chuyển theo bên trái liền thành **Giải Giới**

_ Cầm vật khí Át Già phụng hiến cúng dường. Liền kết **Tam Muội Gia Ấn** lúc trước đưa ngang trên đỉnh đầu, phụng tống (đưa tiễn). Tụng **Tam Muội Gia Chân Ngôn** một biến.

Chẳng mở Ấn này, liền tụng **Kim Cương Giải Thoát Chân Ngôn** là:

"Án, phộc nhật-la, mô cật-xoa, mục"

𑖌𑖼 𑖪𑖕𑖿𑖨 𑖦𑖲𑖎𑖿𑖬 𑖦𑖲𑖾

Oṃ_ Vajra-mukṣa muḥ

Phụng tống chư Phật, chúng Thánh

_ Như lúc trước: Lễ bái, tỏ bày Sám Hối, Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh, Phát Nguyện, Hồi Hướng xong, ra khỏi Đạo Trường. Sau đó ở chỗ yên tĩnh, chuyển đọc Kinh Đại Thừa, quán **Đệ Nhất Nghĩa Đế**. Dùng Phước màu nhiệm này hồi hướng đến điều đã mong cầu, trợ thành Tất Địa.

_ Nếu tác Pháp **Tức Tai** (Śāntika): Hướng mặt về phương Bắc. Đàn ấy tròn trịa, quán chúng Thánh màu trắng. Vật đã cúng dường trong Đạo Trường đều màu trắng. Thân mặc áo trắng, ngồi hướng mặt về phương Bắc, đốt **Trầm Thủy Hương**

_ Nếu tác Pháp **Tăng Trưởng** (Puṣṭika). Ngồi hướng mặt về phương Đông. Bản Tôn với cúng dường, kèm thân của mình, quần áo thảy đều màu vàng, đốt **Bạch Đàn Hương**

_ Nếu tác Pháp **Giáng Phục** (Abhicāruka). Ngồi hướng mặt về phương Nam. Bản Tôn với cúng dường, kèm thân của mình, quần áo đều là màu xanh hoặc màu đen, đốt **An Tức Hương**

_ Nếu tác Pháp **Kính Ái** (Vaśikaraṇa). Ngồi hướng mặt về phương Tây. Quán Bản Tôn màu đỏ với thức ăn uống, quần áo đều là màu đỏ, đốt **Tô Hợp Hương**

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG NGHI QUỸ PHÁP
MỘT QUYỂN (Hết)

01/08/2010

Mật Tạng Bộ 2 - No 973 (Tr368 →Tr.376)

TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH
TU DU GIÀ PHÁP NGHI QUỸ
QUYỂN THƯỢNG

Phạn Hán dịch: Tam Tạng THIỆN VÔ ÚY dịch
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Dịch âm Phạn Chú : HUYỀN THANH

Phẩm Tựa Thứ Nhất:
TÔN THẮNG CHƠN NGÔN

Kính lạy hết thảy Bạt Già Phạm
Cùng Kim Cang Bộ ở phương Đông
Hùng mạnh A Súc Kim Cang Tạng
Bảo Sanh Như Lai Hư Không Tạng
Đạt Ma Câu Ra Vô Lượng Thọ
Quán Tự Tại Vương mắt hoa sen
Tỳ Thủ Yết Ma Đại Mâu Ni
Bất Không Thành Tựu Tát Đỏa Tôn
Bốn Ba La Mật bốn cúng dường
Tám Đại Phật Đảnh Chuyển Luân Vương
Vì muốn tất cả người tu hành
Mau thành Tôn Thắng Đại Tất Địa
Ham thích Không tướng nói Du Già
Người cầu có tướng thì nói tướng
Có không một thể là Đại Không
Do đó nay Ta nói tương ưng
Chữ nghĩa quán rõ thật tường trì
Ba loại Bát Nhã đồng một thể
Thân Khẩu Ý là ba Môn mật
Ứng, Hóa, Pháp Thân là Tam mật
Năm Luân tức là Năm Trí Luân
Ngũ Trí tức là năm phần thân
Năm Luân nhiếp hết năm Pháp giới
Ba Mật tức chính là ba Thân
Do đó nay Ta lễ Du Già
Du Già tức là Đại Nhật Tôn
Cho nên nay Ta tu Du Già
Vì lợi Pháp giới các hàm thức.

Nay Ta lược nói pháp **Tôn Thắng Đà La Ni** trừ tất cả chướng, diệt tất cả các Thân nơi Địa Ngục, Bàng sanh, nên nghĩa **Tôn Thắng Phật Đảnh**. Do đó, Như Lai vì **Thiện Trụ Thiên Tử** nói trừ bảy lần làm thân súc sanh, tức là Pháp Du Già không đồng sự Pháp. Ở trong một niệm chứng vô chủ chuyển Năm Trí thành năm phần Pháp Thân, ngộ ba Mật là ba Thân. Khi mới phát Tâm thời có trăm sáu mươi thứ tâm, độ ba vô số kiếp tu hành, chứng Phổ Hiện Sắc Thân Tam Muội Da, tức là lúc mới phát tâm thời thành Chánh Giác.

Ta nay vì người cầu Tướng nên nói Tướng có, nếu muốn cầu Không Tướng thời lại nói Pháp niệm tụng Không Tướng, có nhiều thứ nhưng nay Ta chỉ nói hai thứ nhiếp hết thảy.

Một là vì người cầu Trừ Tai, Tăng Ích tại Thế gian, lược nói Pháp có Tướng.

Hai là vì người cầu Vô Thượng Bồ Đề Du Già, nói Pháp vô sanh, thuận nhập Phổ Hiện Sắc Thân. Trong Pháp Thế gian niệm tụng có bốn thức là: Tức Tai, Tăng Ích, Hàng Phục, Nhiếp triệu tức là các Đàn Pháp vuông, tròn, tam giác, bán nguyệt và các Pháp Hộ ma lư.

Nếu lúc niệm tụng ***cầu Tăng Ích***, mỗi Chơn ngôn trên dưới thêm hai chữ **"Na mô"** (_NAMO).

Nếu niệm tụng ***cầu Tức Tai***, cuối câu Chơn ngôn thêm hai chữ **"sa ha"** (_SVÀHÀ) .

Nếu niệm tụng ***cầu Hàng Phục***, thêm ba chữ **"Hồng phấn tra"** (_HÙṂ PHAṬ) .

Nếu niệm tụng ***cầu Nhiếp Triệu***, trước câu Chơn ngôn thêm ba chữ **"ha lị ha"** (_HÀRI HAḤ) .

Tức Tai, Tăng Ích, Hàng Phục, Nhiếp Triệu thêm câu và xưng tên của người cầu và việc làm, các màu sắc là vàng, trắng, đỏ, xanh, hoặc trên mặt hoặc y phục nơi thân, các món cúng dường ăn uống hương vị đều tương ưng với màu sắc các Pháp Hộ Ma cũng riêng khác nhau, trăm thứ của thiêu đốt khác nhau. Nếu như muốn tu, cần phải theo Bổn Pháp mà làm cho tương ưng.

Phẩm Thứ Hai
TÔN THẮNG CHƠN NGÔN PHÁP TẮC TRÌ TỤNG

Lại nữa, muốn làm Pháp Trì tụng, trước cần nhập Thanh Tịnh Pháp giới Tam Ma Địa nói trên, đảnh tưởng chữ "**Lam**" (_ RAṂ) hình lửa ba góc, màu như mặt trời vừa mọc, khắp thân là lửa Trí thiêu đốt bốn Đại, năm Uẩn chỉ còn không tịch.

Pháp giới Chơn ngôn rằng:

"Nam mô tam mãn đà một đà nẫm Lam"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ RAṂ

Tâm niệm, miệng đọc tưởng đảnh và khắp thân thành lửa Trí ba góc. Hình như đây lại nhập vào Ngũ Luân Tam Ma Địa.

Nhập Kim Cang Luân Tam Ma Địa, tưởng từ rún trở xuống hình vuông, màu vàng tử kim là Kim Cang Luân.

Chơn ngôn rằng:

"Nam mô tam mãn đà một đà nẫm A"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ A

Mỗi khi tưởng, thời miệng đọc và qui mạng tâm tưởng bốn thể của chữ hình như bên chữ **A** (_ A) là Kim Cang Luân màu vàng, lại quán chữ **PHẠ** (_ VA) nơi rún, là Đại Bi Thủy Luân màu như sữa, hình trăng tròn.

Chơn ngôn rằng:

"Nam mô tam mãn đà một đà nẫm vam"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ VAṂ

Lại Hỏa Luân Chơn ngôn rằng:

"Nam mô tam mãn đà một đà nẫm Lam"

NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ RAṂ

Ở nơi tâm tưởng Hỏa Luân, ba góc màu như mặt trời mọc, ánh sáng chiếu như lửa mới cháy. Hình như tam giác Mạn Đà La (_RAṂ).

Lại tưởng chữ **HA** như nửa mặt trăng ngửa (_HA) màu đen, còn gọi là chữ **Hàm** (_ HÀṂ) tức là Thiên Phong Luân, an trú nơi mi.

Lại tưởng trên đảnh có chữ **Khiếm** (_KHAṂ) là Đại Không Luân. Hình gồm các màu sắc, đây là năm Trí Luân là: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không. Dùng Phổ Biến Ấn gia trì năm chỗ thành Chơn Thật Trí. Lại nói Phổ Biến Chơn ngôn:

"Úm tát bà tha khiếm ốt na nghiệt đế tát võng ra hê, hế dà dà na, kiếm sa bà ha"

OṂ_ SARVATHÀ KHAṂ _ UDGATE SPHARA HÌMAṂ GAGANAKAṂ_ SVÀHÀ

Hai tay mười ngón xoa nhau, để trên đầu và thân năm chỗ, tức thành Kim Cang Bất Hoại Thân, tức là nhập Tam Muội Da, đồng với tất cả Chư Phật Bồ Tát Tam Muội Thân, làm thân Tam Muội Da, làm Phật sự.

Nhập Tam Muội Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra nhạ lị tam ma dã"

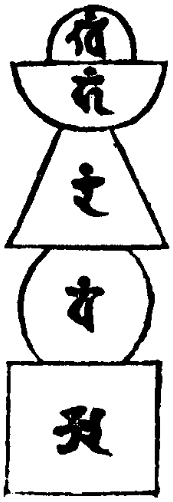
OṂ_ VAJRAJÀLI SAMAJAḤ

Mỗi chỗ đều tụng Chơn ngôn gia trì.

Hai tay xoa nhau, chắp lại, ngón Trí áp ngón Thiền, đây là **Nhất Thiết Phật Tam Muội Da Ấn**, do một Ấn này sanh ra tất cả Ấn; nên kết Ấn này trước,

dùng Ấn gia trì năm chỗ (Đảnh , vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng) gọi là Ngũ Chi.

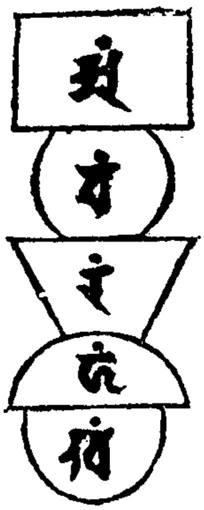
Điểm Đại Không đủ mọi màu sắc gọi là chữ Khiếm (_ KHAṂ) chữ Hàm (_ HAṂ) là Phong Đại, chữ Lam (_RAṂ) là Hỏa Đại, chữ Noan (_VAṂ) là Thủy Đại, chữ A (_ A) là Địa Đại. Kim Cương Luân ở dưới rốn, Đại Không Luân ở trên đảnh, Phong Luân ở trên My (Lông mày) , Hỏa Luân trên trái tim, Thủy Luân ở trong rốn.



Năm Uẩn bốn Đại thành Kim Cang Bất Hoại, năm uẩn gọi là vô Lậu Trí Thân, còn gọi Vô Vi Mạn Đà La Địa, do mạn Đà La năm Luân gia trì. Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không năm Đại hữu vi thành năm Đại vô vi. Do đó, quán tướng Mạn Đà La Địa, trước khởi Không lần lượt đến Phong. (Quán ngược đồ hình ở dưới)



AṂ VAṂ RAṂ HAṂ KHAṂ



Dùng tâm tịnh Pháp giới trước đốt các uế ác ở trong Địa Mạn Đà La sau đó y trước sau an lập năm đại Luân, tức dùng Kết Giới, Hộ Thân, Tịch Trừ Quang Hiển, Tịnh Trừ Ba Nghiệp, Kiêm Cố Tâm Bồ Đế …v…v… sau đó lại nhập Kim Cang Tam Muội Da Chơn ngôn.

“Úm phạ nhật ra mãn đà đát ra tra”



OṂ_ VAJRABANDHA _ TRÀṬ

Kết như Ấn Kim Cang ở trên, nắm lại thành quyền an để nơi tâm. Khi để nơi tâm, từ từ mở tay ra, đây là kết Kim Cang Giới Ấn ba lần. Để nơi tâm xong, do Chơn ngôn và Ấn lực hay tịnh ba nghiệp, vững chắc tâm Bồ Đề.

Lại ở chỗ trì tụng trừ các uế ác và các chướng.

Phàm khi dâng hương hoa, mạt hương, đồ hương và các thứ cúng dường, trừ bỏ các uế ác, tăng trưởng sáng sủa. Tác Kim Cang giới, kết các phương giới hộ thân và hộ chỗ ở như trên đã nói. Khi tu các việc đều nhất nhất tụng Chơn ngôn, tác Ấn gia trì mau được thành tựu không có các chướng nạn, nên dùng Hàng Tam Thế Chơn ngôn và Ấn gia trì hay thành biện các việc.

Hàng Tam Thế Chơn ngôn:

"Úm nịnh tam bà phạ nhựt ra hồng"



OṂ_ NISUṂBHA VAJRA HÙṂ

Hàng Tam Thế Chơn ngôn thủ ấn hay thành biện các việc vậy.

Hai tay nắm thành quyền, thẳng ngón Phong, co hai ngón Không nhập vào lòng bàn tay, dùng các ngón Địa, Thủy, Hỏa mà đè lên, dùng Định Ấn để nơi tim, trí ấn chạm xúc các vật và kết địa giới bốn phương trên dưới. Xoay bên phải ba vòng tức thành kết giới.

Phẩm Thứ Ba:
TRIỆU THỈNH BỔN TÔN

Lại nữa, cần cảnh giác tất cả Chư Phật, bát đại Bồ Tát, Phật Đảnh Luân Vương cùng bổn bộ Tôn từ trong Tam Muội nhìn ngó xem xét người tu Chơn ngôn, giáng đến Đạo tràng.

Phát Sanh Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra để sắc tra"

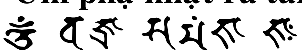


OṂ_ VAJRA TIṢṬA

Định Huệ hai tay ngón Địa móc như cái khóa, ngón Không nhập vào lòng bàn tay, dùng Thủy luân và Hỏa luân áp Không luân, Phong phan hướng tới dựa nhau, đưa chưởng lên trên. Tụng Chơn ngôn, đem Ấn đưa từ dưới lên phát khởi Chư Tôn. Đây là Phát Sanh Ấn.

Lại thỉnh Bổn Tôn Ấn Chơn ngôn:

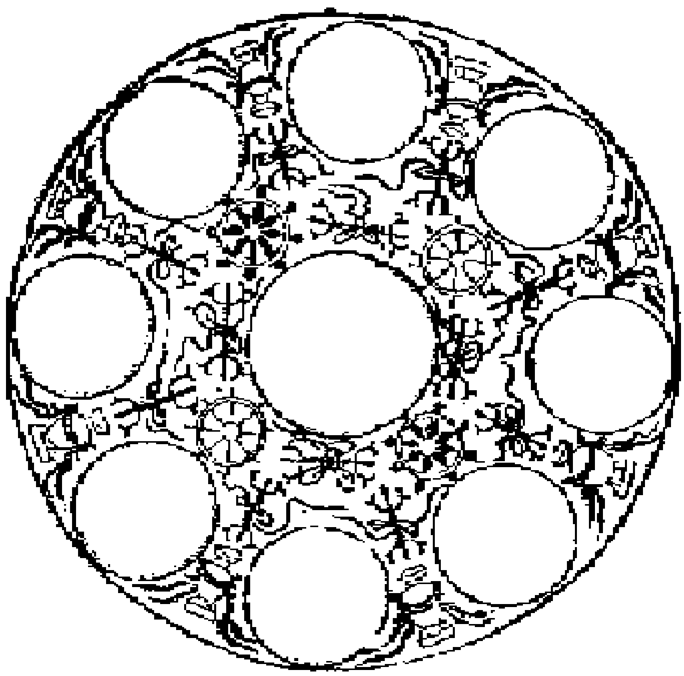
"Úm phạ nhật ra tam man nhạ nhạ"



OṂ_ VAJRA SAMAṂJA JAH (?OṂ VAJRA SAMAJA JAḤ).

Hai tay xoa nhau làm thành Kim cang quyền, không mở quyền, dùng Trí Phong Luân phát trí Đại Không, tay Định cũng vậy, như vậy ba lần bật tức thành Phụng Thỉnh Chư Tôn. Tâm tưởng Bổn Tôn ở tại Đàn trong lầu các. Tưởng trong lầu các có sen báu, trên quán vòng tròn có chính vòng (luân) Kim Cang giới đạo, ở trong

mỗi vòng có các Bổn Tôn (mỗi số là mỗi luân). Trong vòng tròn lớn chia ra làm chín vòng tròn nhỏ, tám bình báu, mười hai chày Kim Cang, bốn bánh xe báu. Trên tám miệng bình đựng tám chày Kim Cang. Bốn bánh xe bốn mặt là bốn chày Kim cang, cổ bình và chày đều có dây cột nơi cổ, bố trí quanh vòng lớn mỗi tọa của chín vị Thánh (ở giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai đầu đội mão báu Ngũ Trí, ngồi trên tòa có bảy sư tử, kết già phu kết Pháp giới ấn), còn các Chư Tôn nơi phẩm Mạn Đà La có chỉ đầy đủ.



Nghinh Thỉnh Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra cu xá nhạ"



OṂ_ VAJRA AṂKU'SA JAḤ

Dùng Hàng Tam Thế Ấn, hai ngón Phong làm như Câu, động đậy tức thành phụng thỉnh. Cầu xin giáng lâm. Thỉnh nhập vào chỗ Đạo tràng niệm tụng. Thỉnh Nhập Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra bạt xá hồng"



OṂ_ VAJRA PÀ'SA HÙṂ

Kết Kim Cang Quyền, thẳng hai ngón Địa, hai ngón Không xoa nhau trong lòng bàn tay, phải đè trái. Phụng thỉnh nhập Tam Muội Da, y thỉnh mà trụ.

Thỉnh Trụ Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra kiện tra a"



OṂ_ VAJRA GHAṂṬA AḤ

Kết Kim Cang Quyền, thẳng hai ngón Địa, hai ngón Không xoa nhau trong lòng bàn tay, phải đè trái. Thỉnh triệu cho đến hoan hỷ khiến kiên cố.

Kiên Cố Chơn ngôn:

"Úm tát ra phạ đát tha nghiệt đa tì phổ địa nại lặc mãn phạ nhựt ra để sắc tra"

OṂ_ SARVA TATHÀGATA ABHISAṂBODHI DṚḌHA VAJRA TIṢṬA

Trí Định chắp lại thật chặt.

Lại tưởng quán tẩy Bổn Tôn và tự thân.

Quán đảnh Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra nhược ca tra"

OṂ_ VAJRA UDAKAṬHA HÙṂ

Bàn tay Định, Thủy luân và Không luân dựa nhau, bốn ngón kia thẳng, bưng bình nước tưởng tắm gội Bổn Tôn, hoán tự thân nơi đảnh, dâng hiến Ứ Già tưởng quán tôn đảnh. Dùng Ấn này tụng Chơn ngôn 7 biến.

Phẩm Thứ Tư:
TU DU GIÀ PHỤNG HIẾN HƯƠNG HOA

Lại hiến hương, hoa, ẩm thực, đèn sáng …v…v… dùng bổn Chơn ngôn gia trì, dâng hiến.

Dâng Thiêu Hương Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra độ tệ"

OṂ_ VAJRA DHUPE

Kết Kim Cang Quyền để trên lư hương, tụng Chơn ngôn 7 biến, tức thành Chân thực Bảo Hương, biến khắp mười phương hư không Pháp giới.

Hiến Hoa Chơn ngôn:

"Úm phạ nhật ra phù sắc tệ"

OṂ_ VAJRA PUṢPE

Kim Cang Chưởng gia trì, tụng Chơn ngôn 7 biến, tức thành chân thật Bảo Hoa.

Hiến Bảo Đăng Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra địa tệ"

OṂ_ VAJRA ALOKE

Kết Kim Cang Quyền, thẳng hai ngón Không, để nơi tâm tụng Chơn ngôn 7 biến, tức thành Bảo Đăng biến khắp Pháp giới.

Hiến Đồ Hương Chơn ngôn:

"Úm phạ nhựt ra nga độ"



OṂ_ VAJRA GANDHE

Hai tay úp lại, mở các ngón Không, Trí, áp ngón Không Định, tụng Chơn ngôn 7 biến.

Lại quy y tam bảo, phát lộ sám hối, tùy hỷ công đức, khuyến thỉnh, phát tâm Bồ Đề, ngợi khen Phật đức, phát nguyện cao cả.

* ***Quy mạng Tam Bảo***. Bắt đầu từ hôm nay cho đến khi ngồi nơi Bồ Đề Đạo tràng, quy y ba thân Vô Thượng của Như Lai. Quy y Phương quảng Đại Thừa Pháp tạng. Quy y tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát, Tăng, không thối chuyển. Nên cần uy mạng tam Bảo như vậy.

* Lại cần ***phát lộ sám hối***. Từ vô thỉ cho đến hôm nay phiền não ngăn che, trôi lăn trong sanh tử ba nghiệp tao ra vô biên tội chướng. Ngày nay thành tâm sám hối tất cả. Sám hối như vậy, khiến các tội tiêu diệt.

* Lại ***phát tâm Bồ Đề***: Bắt đầu từ hôm nay cho đến khi ngồi nơi Bồ Đề Đạo tràng, nguyện phát tâm Bồ Đề vô thượng. Thệ độ vô lượng các loài hữu tình, đều khiến xa lìa các khổ sanh tử. Hôm nay phát tâm xa lìa ngã pháp hai tướng, ngã pháp bình đẳng không có tự tánh. Nên cần phát tâm bồ Đề như vậy. Dùng Chơn ngôn gia trì khiến tâm bồ đề bền chắc không lui sụt.

Chơn ngôn rằng:

"Úm Bồ địa chất đa mâu đát bạt đà dạ nhị"



OṂ_ BODHICITTAM UTPÀDA YÀMI

Kim Cang hợp chưởng, tụng phát tâm bồ Đề Chơn ngôn 7 biến.

* ***Tùy hỷ công đức:*** Ba đời Như Lai và chư Bồ Tát vì chúng sanh tu vô lượng công đức, có tất cả các công đức, con đều tùy hỷ.

* ***Khuyến thỉnh Thường trụ***: Duy nguyện Chư Phật ở lâu nơi đời, y du dà lý thú, không trụ Niết Bàn.

* Lại ***thỉnh Chuyển Đại Pháp luân***: Biến khắp 10 phương giới, phát các nguyện cao cả. Nguyện cho chúng sanh được nhiều tiền tài, của báu, thường ban phát trí huệ đầy đủ, thọ hưởng vui, kham nhẫn, làm đại thiện duyên, thường được túc mạng, trí huệ, nhớ niệm hữu tình. Nguyện cho chúng sanh sanh ra nơi nào, thường được các điều thù thắng như trên.

* Lại ***vận tâm cúng dường***: Dùng tâm vận tưởng hết thảy các hoa đều đầy đủ, biến khắp hư không 10 phương giới. Dùng các món thượng diệu nơi cõi Trời như đồ hương, Thiêu hương, đăng minh, tràng phan, bảo cái, kỹ nhạc, ca hát, trân châu, la võng, bảo linh, hoa man, bạch phất, như ý bảo thọ ...v...v... tối thắng thượng diệu cung điện, lầu các, cột báu trang nghiêm ở cõi Trời, áp mão, anh lạc ...v...v... Hành giả vận tâm biến khắp Pháp giới, dùng tâm chí thành cúng dường. Đây là cúng dường trên hết. Do đó Hành giả phải có tâm quyết định hành Pháp này. Trì tụng Chơn ngôn và kết Thủ ấn tưởng như trên, tức được thành tựu.

Vận Tâm Chơn ngôn:

"Úm tát bà tha khiếm ôn đát nghiệt đế tát võng ra hê ma am nga nga nẵng kiếm sa bà ha"

OṂ_ SARVATHÀ KHAṂ_ UDGATE SPHARAṆA HÌMAṂ GAGANAKAṂ _ SVÀHÀ

Tụng Chơn ngôn 7 biến, tức thành cúng dường khắp hết.

Hai tay Kim Cang Hợp chưởng để trên đảnh, tụng Chơn ngôn 7 biến tức thành các món cúng dường đầy đủ.

Lại tụng Chơn ngôn và ấn thân 5 chỗ hộ thân.

"Úm chất đa bát ra để phệ năng ca lộ nhị"

OṂ_ CITTA PRATIVEDHAṂ KARA UMI

Tụng Chơn ngôn khiến trụ trong Tam Muội Da của tất cả Như Lai mau thành biện, tất cả Phật sự mau được thành tựu.

Phẩm Thứ Năm:
TU DU GIÀ NGŨ TRÍ

Lại nữa, người tu Du Già trụ trong tâm Bồ Đề mau vào quán tâm Bồ Đề Trí.

Quán Bồ Đề Chơn ngôn:

"Úm Bồ địa chất đa mâu đát bá na dạ nhị"

OṂ_ BODHICITTAM UTPÀDA YÀMI

Đây là Bồ Đề Tâm Chơn ngôn, còn gọi là Đại Viên Cảnh Trí, mau khiến phát tâm Bồ Đề, vừa mới phát tâm thời thành Chánh Giác, tức là *nghĩa của Pháp Thân.*

Lại nói Bình Đẳng Tánh Trí Chơn ngôn:

"Úm để sắc tra phạt chiết la"

OṂ_ TIṢṬA VAJRA

Tụng Chơn ngôn này mau khiến tâm tánh không tán loạn tức là *nghĩa của Ứng Thân.*

Lại nói Thành Sở Tác Trí Chơn ngôn:

"Úm duệ tha tát ra phạ đát tha nghiệt đa sa đa tha ngân"

OṂ_ YATHA SARVA TATHÀGATA STATHÀ HAṂ

Lại nói Diệu Quan Sát Trí Chơn ngôn:

"Úm sa phạ bà phạ truật độ ngân"

OṂ_ SVABHÀVA 'SUDDHA UHAṂ

Đây là Diệu Quan Sát Trí, nghĩa là Ứng Thân, cũng là nghịa của *Hậu Đắc Trí Pháp Thân.*

Lại nói Phương Tiện Cứu Cánh Trí Chơn ngôn:

"Úm tát ra phạ mộ ngân"



OṂ SARVA SAMA UHAṂ

Đây là Phương Tiện Cứu Cánh Trí, nghĩa của Hóa Thân, ở trong môn tu học dùng phương tiện làm cứu cánh, tức là nghĩa của *Hậu Đắc Trí Pháp Thân*. Trong Thai Tạng, an ở năm phương.

Ngũ Trí Chơn ngôn ấn: Định Huệ hai tay xoa nhau bên ngoài, nắm lại thành quyền, thẳng hai ngón Hỏa, hai ngón Địa hợp nhau, hai ngón Phong co lại vịn lưng tiết trên hai ngón hỏa cách hai ba phân. Hai ngón Không thẳng hình như chày Kim Cang năm chia, ấn này dùng cho Ngũ Trí. Sau lại dùng Đại Nhật Pháp giới ấn gia trì năm chỗ, tức thành đầy đủ 5 phần Pháp Thân, Vạn Đức Thân.

Pháp Giới ấn: Hai tay kết Kim Cang quyền, tay Trí nắm ngón Phong, tay Định gia trì 5 chỗ, sau để nơi tâm. Thân ta tức là thân Tỳ Lô Giá Na, trên đầu có mão Ngũ Phật, tức là năm Đảnh Luân vương, đủ nghỉa Năm Trí. Lại dùng Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Tâm Ấn gia trì năm chỗ.

Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Tâm chơn ngôn:

"Úm độ rô hồng, hồng phấn tra"



OṂ_ ṬRÙMṂ HÙMṂ PHAṬ

Hai tay xoa nhau bên trong, nắm lại thành quyền, thẳng hai ngón giữa. Chơn ngôn ấn này thông dụng cho tất cả việc, triệu thỉnh, phụng tống, kết giới, hộ thân.

Lại nói Căn Bản ấn: Hai tay xoa nhau, bên ngoài chắp tay thành quyền, ngón Phong bên phải co như câu, gia trì năm chỗ, tu Tăng Ích thì dùng ngón Phong bên trái co như câu, làm Pháp Nhiếp triệu.

Lại trong Kinh nói: Hai tay chắp lại, ngón cái phải đè móng ngón cái trái, tu Tức Tai thì dùng. Khi làm Pháp Hàng phục, dùng ngón cái trái đè móng ngón cái phải.

Cầm xâu chuỗi trong lòng bàn tay để trên đảnh, để nơi tâm niệm tụng nhất nhất theo bổn Pháp tương ưng, niệm tụng mau được thành tựu tất cả nguyện, trừ không chí tâm và làm các việc ác, khiến tự hại.

Phẩm Thứ Sáu:
TU DU GIÀ BỔN TÔN CHƠN NGÔN

Lại nữa, Ta nay lược nói Pháp tu Bổn Tôn chơn ngôn. Mỗi tháng ngày rằm tự tụng hoặc nhờ tụng mãn một ngàn biến, hay trừ tất cả tai ương, tăng trưởng thọ mạng, phước đức; hoặc mỗi ngày ba thời quán Bổn Tôn nơi nguyệt luân, hoặc tưởng tự thân là Bổn Tôn nơi tâm nguyệt luân. Xoay vòng an bố Tôn Thắng Chơn ngôn như tự luân hình (chữ chạy theo vòng tròng). Khi trì tụng, tưởng màu sắc đều tương

ưng, đều biến thành Mạn Đà La Thánh chúng, tức tự thân là Tôn Thắng Phật Đảnh Pháp Giới Mạn Đà La.

BỔN TÔN TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH CHƠN NGÔN:

1_ NAMO BHAGAVATE
Nam mô bạc già bà đế

2_ TRAILOKYA
Đát-lê lộ ca gia

3_ PRATIVI'SIṢṬAYA
Bát-la để vĩ thủy sắt-tra gia

4_ BUDDHÀYA
Bột đà gia

5_ BHAGAVATI
Bạc già bà đê

6_ TADYATHÀ
Đát điệt tha

7_ OṂ
Án

8_ VI'SUDDHAYA VI'SUDDHAYA
Vi thú đà gia, vi thú đà gia

9_ SAMA SAMA SAMANTA
Sa ma, sa ma, tam mãn đa

10_ VABHÀSA
Phộc bá sa

11_ SPHARAṆA GATI GAHÀNA
Tát-phả la na, nghiệt để, già ha na

12_ SVABHAVA VI'SUDDHE
Tát phộc bà phộc, vĩ truật đề

13_ ABHIṢIṂCA TVAMAṂ

A tỳ tru giả đổ ma-ám

14_ SUGATA VARA VACANA

Tô nghiệt đa, phộc la, phộc giả na

15_ AMṚTA ABHIṢAIKAI

A mệ-lật đa, tỵ sái kế

16_ ÀHARA ÀHARA

A ha la, a ha la

17_ ÀYU SANDHÀRAṆI

a dụ, tán đà la ni

18_ ‘SODHAYA ‘SODHAYA

Du đà gia, du đà gia

19_ GAGANA VI’SUDDHE

già già na, vĩ truật đề

20_ UṢṆÌṢA VIJAYA VI’SUDDHA

Ô sắt-ni sa, vĩ xã gia, vĩ truật đề

21_ SAHASRÀ RA’SMI SAṂSUDITE

Sa ha sa-la, la thấp-di , tán chú địa đế

22_ SARVA TATHÀGATÀVARUKANI

Tát bà đát tha nghiệt đa, phộc lô yết nễ

23_ ṢAṬPARAMITA PARIPÙRAṆI

Sa tra-ba la mật đa, ba lị bố la ni

24_ SARVA TATHÀGATA HṚDAYA

Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt-lị đà gia

25_ ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

Địa sắt-tra na, địa sắt-xỉ đa

26_ MAHÀ MUDRE

Ma ha mẫu điệt-lê

27_ VAJRA KÀYA

Phộc chiết-la, ca gia

28_ SAMHÀTANA VI'SUDDHE

Tăng ha đát na, vi truật đệ

29_ SARVÀVARAṆA BHAYA DURGATI PARI'SUDDHE

Tát bà phộc la noa, bà gia, đột lật-yết để, ba lị truật đề

30_ PRATINI VARTTAYA

Bát-la để nễ, phộc lị-đa gia

31_ AYUḤ 'SUDDHE

A dụ, truật đề

32_ SAMAYA ADHIṢṬITE

Tam ma gia, địa sắt-xỉ đế

33_ MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

Ma nễ, ma nễ, ma ha ma nễ

34_ TATHÀTA BHÙTA

Đát đạt đa, bộ đa

35_ KOṬI PARI'SUDDHE VISPHOṬA BODHI 'SUDDHE

Cú tri, bả lị truật đệ, vi tát-phổ tra, bột địa. Truật đề

36_ JAYA JAYA

Nhạ gia, nhạ gia

37_ VIJAYA VIJAYA

Vi nhạ gia, vi nhạ gia

38_ SMARA SMARA

Tát-ma la, tát-ma la

39_ SARVA BUDDHA

Tát bà bột đà

40_ ADHIṢṬITA 'SUDDHE

Địa sắt-xỉ đa, truật đề

41_ VAJRÌ VAJRAGARBHE

Phộc chiết-lê, phộc chiết-la nghiệt tỳ

42_ VAJRAṂ BHAVATU MAMA

Phộc chiết lam, bà phộc đổ, ma ma *(Tự xưng tên mình. Nếu vì người khác thì xưng tên họ của người ấy, nghĩa là tùy tương ứng trong bốn việc mà làm)*

43_ SYA

Tả

44_ 'SARIRAṂ SARVA SATVÀNÀṂCA

Xả lị lam, tát phộc tát đỏa nẫm giả

45_ KÀYA PARIVI'SUDDHE

Ca gia, ba lợi tỳ truật đề

46_ SARVA GATI PARI'SUDDHE

Tát bà nghiệt để, ba lị truật đề

47_ SARVA TATHÀGATA'SCA ME SAMA 'SVASA YAṂTU _ SARVA TATHÀGATA

Tát bà đát tha nghiệt đa thất-giả, mê tam ma, thấp-phộc sa, diễm đổ. Tát phộc đát tha nghiệt đa

48_ SAMA 'SVASA ADHIṢṬITE

Tam ma, thấp-phộc sa, địa sắt-xỉ đế

49_ BUDDHYA BUDDHYA

Bột điệt gia, bột điệt gia

50_ VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Vi bộ đà gia, vi bộ đà gia

51_ SAMANTA PARI'SUDDHE

Tam mạn đa, ba lị truật đề

52_ SARVA TATHÀGATA HṚDAYA

Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt-lị đà gia

53_ ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

Địa sắt-tra na, địa sắt-xỉ đa

54_ MAHÀ MUDRE

Ma ha mẫu điệt-lê

55_ SVÀHÀ

Sa-phộc ha

(Bổn Đà La Ni này Trung Thiên Trúc THIỆN VÔ ÚY đem qua Trung Quốc, sau lại có Ngài PHẬT ĐÀ BA LỢI lưu truyền, các bản đều thiếu. Đây là bản lưu truyền đầy đủ)

Niệm tụng tùy ý theo hơi thở hoặc tưởng an Bổn tôn nơi tâm nguyệt luân, nơi tự thân từ từ rộng lớn biến khắp Pháp giới. Dùng các chữ Chơn ngôn bố trí xung quanh nguyệt luân, tức phát nguyện rộng rãi hồi hướng cho tất cả Hữu tình, đem các thiện nghiệp ban cho chúng sanh khiến xa lìa các khổ Địa Ngục …v…v… tùy hỷ các việc, nhất y như trên, sau đó tụng Chơn ngôn cầu các thắng nguyện đều được đầy đủ. Nguyện hồi hướng Chơn ngôn rằng:

"Úm tát ra phạ cu xá ra mộ ra ninh bát ra ninh độ dạ nhị tát ra phạ cu xá ra mộ la tam ma đa bát ra bán dá đạt ra mãn đa sa phạ bà phạ tất địa dạ ra nga nẵng đa duệ "

Trì tụng Chơn ngôn xong, lại tưởng tiễn đưa Bôn Tôn, giải Kim Cang giới. Lại dùng Chơn ngôn giải giới:

"Úm phạt chiết ra mộ khất sa mộ "

OṂ_ VAJRA MUKṢA MUḤ

Hai tay xoa nhau thành Kim Cang quyền, để lên đảnh đây là giải tất cả các kết giới, cũng hay tiễn đưa Bổn Tôn.

Từ đây về sau là các việc họa tượng, hộ ma, các Pháp sự.

- *Pháp thứ nhất:* Nếu người muốn được sống lâu không bị đọa vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc sanh, A Tu La …v…v… và tiêu trừ các tội nghiệp, mỗi thời chí tâm tụng Đà La Ni 21 biến, khởi tâm Từ Bi thương xót hết thảy chúng sanh, tức được tiêu trừ các tội chướng trong các đường ác.
- *Pháp thứ hai:* Nếu có các loại La Sát, quỷ thần vào trong nước làm não hại chúng sanh, xưng **"Nam mô Phật ",** chí tâm tụng Đà La Ni này 108 biến, các tai nạn trên đều được tiêu trừ.
- *Pháp thứ ba:* Nếu có người không tin, chế tâm một chỗ, chuyên tâm làm Pháp này, tức được đại nghiệm khiến kẻ kia khởi lòng tin. Nếu làm Pháp có hiệu nghiệm, tức có gió lớn thổi vào thân, trên thân có các ác nạn và đen xấu được gió kia thổi đến, thảy đều tiêu diệt.
- *Pháp thứ tư:* Nếu muốn làm đại tự tại, trong 7 ngày đối bốn phương, mỗi phương tụng 108 biến, dùng 7 thứ hoa đắp thành hình người để ở 4 phương, tức được thành tựu các nguyện.
- *Pháp thứ năm:* Nếu muốn tiêu trừ các tội chướng nơi thân, tức ở 4 chân cửa thànhh làm Pháp như trên.
- *Pháp thứ sáu:* Nếu người muốn tiêu diệt các tội nặng trong đời trước, ở nơi ngã tư đường tụng chú.

- *Pháp thứ bảy:* Nếu người muốn tiêu các tội lỗi của chúng sanh, ở trước tháp Phật làm Pháp trên.
- *Pháp thứ tám:* Nếu người muốn cứu các tội khổ chúng sanh nơi Địa Ngục, mỗi ngày kết Phật Đảnh Ấn, tụng 21 biến, hướng bốn phương xả ấn tức được.
- *Pháp thứ chín:* Nếu người muốn cho Ngạ quỷ được uống nước, lấy nước sạch gia trì 21 biến, tán rải bốn phương, trong tâm tưởng các loài Ngạ quỷ đều được uống nước đầy đủ.
- *Pháp thứ mười:* Nếu người muốn cứu các tội khổ của loài súc sanh, lấy đất vàng sạch gia trì 21 biến, rải trên thân súc sanh, và rải 4 phương, các tội khổ tức được tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười một:* Nếu người muốn cứu tội khổ của loài người, Trời, đọa lạc vào các chỗ khủng bố, lấy các thứ hoa đủ màu gia trì 21 biến vào 5 thứ nước nóng thơm, tắm rửa Phật và rải trên đảnh Phật, các nạn tức tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười ba:* Nếu Sa môn, Bà La Môn, Tỳ xá, Thủ Đà 4 chúng muốn được phước báo đầy đủ, mỗi ngày phát nguyện, sám hối, tụng chú 7 biến, đem công đức hồi thí cho tất cả chúng sanh, làm Pháp này tức được như nguyện.
- *Pháp thứ mười bốn:* Nếu người muốn tiêu trừ nghiệp chướng cho tất cả chúng sanh, dùng lụa 5 màu làm các phất, gia trì chú nơi phất để phất tượng và kinh, thường làm Pháp này khiến tội nghiệp chúng sanh được tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười lăm:* Nếu bị khẩu thiệt, lấy mật đựng trong đồ sạch, dùng châu sa hòa mật, gia trì 21 biến, đem bôi nơi miệng Phật tượng, khẩu thiệt tức tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười sáu:* Nếu người bị bệnh nằm liệt giường, hoặc muốn được chúng sanh ái trọng, hoặc muốn cứu các việc Thế gian, Xuất Thế gian, tâm chưa quyết định, bị Quỷ thần làm não loạn sanh ra vọng tưởng điên đảo, dùng trăm tám miếng vàng lá, gia trì Chơn ngôn 21 biến, đem dán nơi đảnh tượng Phật, làm hình châu Ma ni các việc, tức được tiêu trừ, cầu gì đều được.
- *Pháp thứ mười bảy:* Nếu ở trong nước bị Quỷ làm bệnh, các bệnh thời khí tất dịch, nơi trên bốn cửa thành dùng vải xanh viết Chơn ngôn, dùng gỗ Bạch đàn hương làm một cái tráp đựng, dùng sáp gắn lại đem treo 4 cửa thành, dùng lọng năm màu che trên, tất cả Quỷ thần, tật bệnh đều tiêu trừ.
- *Pháp thứ mười tám:* Nếu trong nước năm thứ lúa bị mất mùa, mưa gió không đều, dùng lụa trắng làm cái phướng viết Chơn ngôn trên đó và vẽ Phật Đảnh ấn treo cao trăm tám thước ở hướng chánh Nam, tức được mưa hòa gió thuận, lúa thóc được mùa, nhân dân an lạc, rồng ác chuyển tâm, vua A Tu La không làm chướng ngại.
- *Pháp thứ mười chín:* Nếu mưa lớn không dứt dùng lụa vẽ Chơn ngôn 21 tấm, treo hướng chánh Nam của đất nước, mưa tức dừng.
- *Pháp thứ hai mươi:* Nếu trong nước có giặc giã, dùng vải xanh viết Chơn ngôn 21 bức, ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ, hao tay cầm cung tên, đem treo ở hướng chánh Đông, ác giặc tư nhiên tan rã.

- *Pháp thứ hai mươi mốt:* Nếu quốc vương sắp bị các tai nạn, nên dùng các vật tạo trăm tám cái tháp Phật, dùng lá vàng bạc dán và viết Chơn ngôn trong tướng luân (tháp), đem để trong tháp, tức được tiêu trừ các tai họa, tăng các phước đức.
- *Pháp thứ hai mươi hai:* Nếu kẻ giàu người nghèo muốn hộ mình, hộ người, cầu tài bảo xứng ý, nên khởi lòng lành, không tán loạn, mỗi ngày mỗi thời trước Phật kết ấn tụng chú 7 biến, nhìn ngắm mặt tượng, mắt không nháy, làm Pháp này tức được phước đức tăng trường, sống lâu không đọa ác đạo.
- *Pháp thứ hai mươi ba:* Nếu có người nữ muốn cầu con trai, con gái, trong trăm ngày đem các đồ ăn uống ngon ngọt thí cho kẻ nghèo, kẻ bệnh, lúc cho miệng tụng Chơn ngôn không ngớt, làm Pháp như vậy tức được sanh con trai, con gái phước đức.
- *Pháp thứ hai bốn:* Nếu vợ chồng không hòa thuận, lấy vải gia trì Chơn ngôn 21 biến, đem may áo cho vợ chồng mặc, tức được hòa thuận.
- *Pháp thứ hai lăm:* Nếu người nữa không có chồng, lấy muối sạch không kể nhiều ít gia trì 21 biến, đem cúng Hiền Tăng, tức được.
- *Pháp thứ hai sáu:* Nếu có ngoại đạo, quốc vương, vương tử, đại thần, trăm quan không tin Phật Pháp, lấy sữa ba con bò vàng không tật bệnh, tụng Chơn ngôn gia trì nước 21 biến, cho bò uống. Mặt trời vừa mọc đem sữa đựng trong đồ bằng bạc gia trì 21 biến, đem tán rải nơi đất sạch bốn phương. Người cầm sữa này phải mặc đồ trắng, miệng nói: ***"Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ và Thiên Đế Thích nay có việc cần phải làm đó***". Sau đó vào thành, quốc vương, vương tử, bá quan, ngoại đạo không tin Phật Pháp, thấy Hành giả đều vô cùng hoanh hỷ, nói gì đều tin theo, đươc lòng tin không thay đổi.
- *Pháp thứ hai bảy:* Nếu nơi chỗ ở có các ác quỷ thần, ác độc long …v…v… Hành giả muốn hàng phục, dùng sữa bò gia trì 21 biến, đem rải trong ao có rồng, rồng tức hiện lại, Hành giả bảo rằng: "***Ngươi không được làm tổn hại chúng sanh trong giới này***", tức an trí rồng ở một chỗ. Nếu không lại và không ngừng việc ác, tức tụng Chơn ngôn gia trì cát 21 biến rải nơi ao, ao tức cạn khô. Hành giả đem rồng đi an trí nơi khác. Nếu là ác Quỷ thần, hành giả gia trì đồ ăn uống 21 biến, thí cho họ và bảo rằng: "***Nếu các người không làm tổn hại chúng sanh thì được ở, nếu trái lại tức phải đi nơi khác***". Nếu Quỷ thần không chịu liền dùng cây sắt dài 12 chỉ, gia trì 21 biến, đóng nơi đất, ác quỷ thần tức bỏ chạy, Hành giả an trí Quỷ thần ở một chỗ, không cho đi đâu.
- *Pháp thứ hai tám:* Hành giả mỗi khi muốn đi đâu, làm một cái phất trắng gia trì trăm tám biến, cầm nơi tay mà đi. Nếu gặp các loài Súc sanh, dùng phất phủi một cái, các loài đó được xa lìa các khổ, ác nghiệp được giải thoát.
- *Pháp thứ hai chín:* Nếu muốn cho tiên vong xa lìa khổ được giải tháot, Hành giả ngồi nơi Thi đà lâm 7 ngày, ngày ba thời tụng Chơn ngôn nhiều ít. Mãn 7 ngày xong, lấy đất nơi chỗ ngồi mà rải, các vong tức xa lìa các khổ, được giải thoát, sanh lên cõi Trời, vĩnh viễn xa lìa ác đạo.
- *Pháp thứ ba mươi:* Nếu có người làm ăn buốn bán ế ẩm, cầu gì không được. Hành giả kết ấn tụng chú 21 biến, an trí hình tượng Thiện Trụ nơi bí mật cúng dường, tức được thành tựu việc cầu.

- *Pháp thứ ba mốt:* Nếu có người đi vào trong rừng núi muốn phòng hổ lang, sư tử, độc xà thú, trước khi vào ở nơi cửa núi tụng chú 21 biến, gia trì nơi đất vàng 7 biến, ngậm nơi miệng thổi ào trong núi rừng, bảo rằng: "***Tất cả các loài, độc dữ trong núi đều tiêu, đất này là của ta, nếu y theo ta thì được ở, nếu không vâng lệnh ta thì mau đi chỗ khác, nếu không đi miệng bị cấm bế mở ra không được".*** Hành giả thấy hổ lang, sư tử, các cầm thú không hả miệng được tức bảo đi. Nếu không đi, Hành giả thấy chúng mở miệng ra tức hội chúng lại một chỗ, dùng tay phải xoa nơi đầu chúng gia trì 21 biến bảo rằng: ***"Ta khiến các người được mở miệng, đi ra và giữ gìn vùng đất này, không được làm tổn hại chúng sanh trong giới này"***. Hành giả đuổi chúng xong. Hành giả ở trong núi chừng hai tháng, không được đi nơi đây đó và ở lâu, khiến các cầm thù không được an ổn.
- *Pháp thứ ba hai:* Nếu trong núi có các Quỷ thần, rồng không muốn cho Hành giả ở ẩn trong núi, Hành giả biết vậy tức y theo Pháp phân chia bảo rằng: "***Ta muốn ở chỗ này, cần các ngươi đồng ý, nếu như không bằng lòng cho ta cùng ở, các người phải đi ra khỏi ba trăm do tuần. Nếu không chịu nghe theo, ta sẽ cấm các người không biết Đông Tây ở mãi một chỗ***". Liền dùng cây sắt dài 12 chỉ, gia trì trăm tám biến, thì các loại kia liền đi khỏi trăm do tuần an ở.
- *Pháp thứ ba ba:* Nếu có các rồng bị ngoại đạo cấm chế, cột trói khiến trong nước không mưa, Hành giả ở nơi có rồng, làm một tiểu đàn dùng cây dâu làm tám cái then để giữa đàn, để ba chén sữa, lạc để trên đàn. Gia trì sữa lạc và then trăm tám biến, đem theo đóng bốn phương tám hướng của ao rồng, dùng bơ lạc rải xuống ao, lại lấy vàng lá gia trì dán lên lá sen trong ao bảo rằng: "Thiện tri thức bị ách nạn, ngoại đạo cột trói, nay ta làm Pháp này dùng Đà La Ni giúp người được thoát, khiến cho Pháp và Chơn ngôn trôi theo nước". Hành giả thổi ba hơi, cấm Pháp của ngoại đạo tức bị tiêu, rồng được giải thoát các nạn, hiện lại cúng dường Hành giả thưa rằng: "Ngài vẩn bảo việc gì?". Hành giả đáp: "Ông nên theo thời tiết làm mưa, đem Đà La Ni an trí nơi đảnh, từ đây về sau ông không còn bị nạn nữa".
- *Pháp thứ ba bốn:* Nếu như có mưa lụt lớn làm tổn hại người, tụng Chơn ngôn gia trì trong nước 21 biến, đem đổ nơi nước lụt, tức không hại người.

Phẩm Thứ Sáu:
TU DU HỌA TƯỢNG

Nay Ta lại nói tu Du Già, hữu tướng vô tướng mau thành Tất Địa, chỉ có khác trong ngoài thôi. Tướng Pháp bên ngoài là trước cần vẽ tượng, chọn lựa ngày tháng tốt, buổi sáng bắt đầu vẽ, tháng tốt là tháng giêng, hai, ba, tư, năm, sáu, bảy, mười hai, đây là các tháng tốt. Ngày tốt là: ngày nhật nguyệt thực, ngày động đất, ngày Quỷ tú, đây là những ngày tốt nhất; hoặc ngày rằm, ngày hai ba. Chọn ngày tháng xong, kêu thợ vẽ tắm gội, thọ Tam Muội Da giới, hoặc thọ Pháp quán đảnh, mỗi khi ra vào cần tắm rửa thay quần áo, ăn ba món Bạch thực, không ăn các món uế ác, không trả giá cả, dùng vải lụa trắng mà vẽ như trong Pháp họa tượng, y theo đồ tượng, lớn nhỏ tuỳ ý. Nơi trung tâm vẽ vòng tròn lớn màu trắng, vòng tròn lớnchia ra làm chín vòng nhỏ, một vòng ở giữa, tám vòng tám hướng, tám hướng có

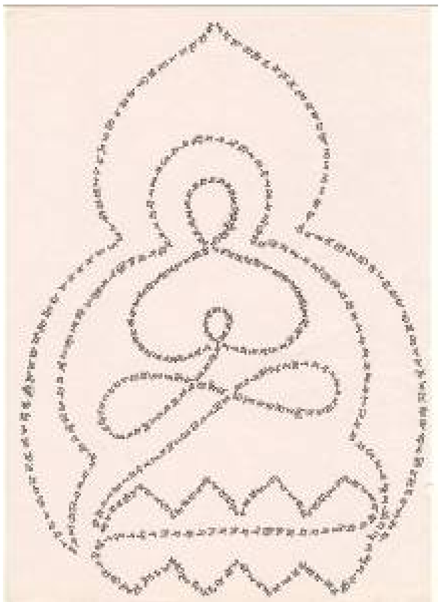
tám bình báu, trong miệng bình để các hoa thơm, trên để chày Kim Cang ba chia, bốn góc nơi vòng tròn ở giữa để bốn Bảo luân (bánh xe báu), nơi trên để chày Kim Cang đứng. Cổ bình và chày đều cột các dây lụa để thòng xuống. Nơi vòng tròn ở giữa vẽ Phật Tỳ Lô Giá Na, đầu đội mão Ngũ Phật, có các hoa báu, ngồi kết già phu trên toà, có bảy sư tử, tay kết Pháp Giới ấn. Trong vòng tròn bên trái vẽ Bạch Tán Cái Phật Đảnh Luân Vương, đầu đội mão báu ngũ Phật, tay trái cầm hoa sen, trên hoa để bạch tán cái, tay phải đưa lên, ngồi bán già, quanh thân có hào quang năm màu. Vòng tròng bên phải vẽ Tối Thắng Phật Đảnh Luân Vương đầu đội mão Ngũ Trí, các món trang nghiêm, quanh thân hào quang đủ màu bao bọc, tay phải cầm hoa sen, trên hoa sen có bánh xe báu tám căm, tay trái dơ lên, ngồi kết già phu trên toà sen. Chỗ vòng tròn phía trước, vẽ Tôn Thắng Phật Đảnh còn gọi là Trừ Chướng Phật Đảnh Luân Vương ngồi kết già phu trên đài sen, thân màu da thịt (bạch nhục) trắng, hai tay để dưới rún như đang nhập định, tay bưng hoa sen có Kim Cang Câu như luân vương, Ở trên đầu đội mão Ngũ Trí, các món trang nghiêm đều như vậy, thảy đều ngồi trên hoa sen trắng, vòng tròn phía sau Đức Tỳ Lô vẽ Phóng Quang Phật Đảnh, còn gọi là Quang Tụ Phật Đảnh Luân Vương, tay trái cầm hoa sen, trên hoa sen hình Phật Đảnh ấn, trên đảnh phóng quang, đầu đội mão năm trí báu quang minh, trang nghiêm như trên, tay phải dơ bàn tay lên. Bên trái của Tôn Thắng Phật Đảnh, trong vòng tròn vẽ Châu Thắng Phật Đảnh Luân Vương, tay trái cầm đao, tay phải giơ bàn tay lên, áo mão, trang sức như các vị trên. Trong vòng tròn bên phải Tôn Thắng Phật Đảnh vẽ Quảng Sanh Phật Đảnh Luân Vương, tay trái cầm chày Kim Cang, tay phải đưa bàn tay lên, áo mão trang sức …v…v… đều như trên. Vòng tròn bên phải Quang Tụ Phật Đảnh vẽ Vô Biên Thanh Phật Đảnh Vương, tay phải cầm hoa sen, trên hoa có Thương khư (ốc tù và) tay trái đưa bàn tay lên mão, trang nghiêm …v…v… như trên, vòng bên trái Quang Tụ Phật Đảnh vẽ Phát Sanh Phật Đảnh Luân Vương, tay trái cầm hoa sen nở, tay phải để nơi gối phải, hào quang áo mão trang nghiêm y trên, các Vị đều có mặt mày từ bi. Phía dưới, bên trái vẽ Hàng Tam Thế trong nửa vòng tròn, đứng một chân như đang chạy, thân màu xanh có nanh nhe ra nơi miệng, có bốn tay, hai tay kết Tam Muội Da ấn, một tay kết Tâm ấn, một tay cầm chày Kim Cang. Bên phải trong hình tam giác màu lửa cháy, vẽ Bất Động ngồi bán già trên cục đá, trợn một mắt, một mắt liếc về phía trái, tóc màu đỏ thòng một búi ở bên trái, thân như đồng tử, một tay cầm kiếm, một tay cầm quyển sách. Ở giữa hai Minh Vươngvẽ Hành giả, trước mặt để lư hương, trên tượng vẽ lọng báu, hai bên vẽ 6 vị Trời Thủ Đà Hội cõi mây hiện ra nửa thân, bưng hương, hoa, nhất nhất y như trên. Hoặc như quán tưởng ở ngoài Hành giả, tưởng thân mình là Pháp thân Tỳ Lô Giá Na biến khắp Pháp giới đồng một thể tướng không khác. Nay Ta lược nói Pháp quán tưởng và hoạ tượng xong. Phàm người muốn làm Pháp thọ trì Thần chú Phật Đành Tôn Thắng Đà La Ni, trước cần họa tượng.

Pháp họa tượng: Dùng lụa tốt màu trắng cao một trượng, màu sắc vẽ không được dùng keo da mà dùng các chất keo thơm sách, hoạ sĩ phải thanh tịnh không ăn mặn, ngũ tân (thịt cá, các thứ cay hôi). Ngày mồng một bắt đầu, trong 7 ngày phải vẽ xong. Trước vẽ núi Cam Lộ, trong núi có cây cối, hoa quả, chim thú, sông suối, trong có hang Thiền định, trong hang vẽ Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi kết

già phu, bên phải vẽ Thiên Đế Thích và các quyến thuộc vây quanh, bên trái vẽ Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ, dung mạo trang sức như hình Bồ Tát, đầu tóc áo mão các thứ trang nghiêm cũng như vậy. Tay trái cầm quạt, tay phải cầm gậy và vẽ các quyến thuộc Càn Thát Bà vây quanh Thiện Trụ ca hát …v…v… Bên phải Phật vẽ bốn Thiên Vương và quyến thuộc, phía trái Phật vẽ Phạm Thiên Vương và các Ma Vương cùng các quyến thuộc, vẽ xong lập Đàn thọ Pháp.

Pháp làm Đàn: "Trước cần chọn đất sạch không có gạch đá, dùng năm thứ nước thơm hòa đất sạch làm bùn, dùng đất vuông một trượng nơi giữa đàn vuông vức một khuỷu. Ở giữa làm Phật Đảnh màu xanh, nơi bốn mặt Đàn an để đồ ăn uống, chia làm bảy phần. Bốn bên để bốn lư hương, đốt các thứ hương thơm cửa phía Nam để một bình bằng đồng đựng đầy nước thơm. Phía Đông để tòa Đế Thích. Phía Bắc để tòa Càn Thát Bà Thiện Trụ, phía Tây tòa của Hành giả, mặ xây về Đông. Tượng Phật ở hướng Đông, mặt xây về Tây. Lại dùng vải năm màu làm phướng treo. Bốn bên ngoài Đàn, an để năm chén đàn, một chén ở giữa cao, bốn chén để bốn góc dưới như hình cái tháp. Trong Đạo tràng, tán rải các thứ hoa, và các vật cúng dường an trí ngoài Đàn. Ở trong Đàn bảy ngày tụng chú mãn vạn biến, Phật Đảnh phóng hào quang. Chú sư trong 7 ngày cần phải phát lồ sám hối, khởi lòng đại bi, phát nguyện rộng lớn, cầu không thối chuyển. Được như vậy tức biết thành tựu, không còn nghi ngờ.

TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH CHƠN NGÔN DU GIÀ PHÁP
QUYỂN THƯỢNG (Hết)



Đây là bản Phạn Văn của chùa Linh Vân . So với Bản trước thì có vài sự sai khác nên chúng tôi xin dịch âm để cùng tham khảo

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVI'SIṢṬAYA BUDDHÀYA BHAGAVATE

TADYATHÀ : OṂ

VI'SUDDHAYA VI'SUDDHAYA

SAMA SAMA SAMANTA VAHÀSA

SPHARAṆA GATI GAHANA

ABHIṢIṂCA TUMAṂ

SUGATA VARA VACANA

AMṚTA ABHIṢAIKAI MAHÀ VANTRA PADAI

AHARA AHARA

ÀYU SANDHÀRAṆI

'SADDHAYA 'SADDHAYA

GAGANA VI'SUDDHE

UṢṆÌṢA VIJAYA VI'SUDDHE

SAHASRA RA'SMI SAṂSUDITE

SARVA TATHÀGATÀVARUKANI

ṢAṬPÀRAMITA PARIPÙRAṆI

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬINA ADHIṢṬITA

MAHÀ MUDRA

VAJRAKÀYA SAṂHÀTANA VI'SUDDHE

SARVA AVARAṆA BHAYA DRARGATI PARIVI'SUDDHE

PRATINI VARTTAYA

AYUḤ 'SUDDHE

SAMÀYA ADHIṢṬITE

MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

TATHÀTA BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE

VISPHOṬA BODHI 'SUDDHE

JAYA JAYA_ VIJAYA VIJAYA

SMARA SMARA

SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA 'SUDDHE

VAJRÌ BHAVATU MAMA

'SARARAṂ SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA PARIVI'SUDDHE

SARVA GATI PARIVI'SUDDHE

SARVA TATHÀGATA 'SCA ME SAMÀ 'SAVASA YAṂTU

SARVA TATHÀGATA SAMÀ 'SVASA ADHIṢṬITE

BUDDHYA BUDDHYA _ VIBUDDHYA VIBUDDHYA

BODHAYA BODHAYA _ VIBODHAYA VIBODHAYA

SAMANTA PARA'SUDDHE

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

MAHÀ MUDRE

SVÀHÀ

Hoàn chỉnh Phạn Văn vào ngày 03/01/2007_ HUYỀN THANH

Mật Tạng Bộ 2 - No 973 (Tr.377 →Tr.383)

TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH CHƠN NGÔN DU GIÀ PHÁP

QUYỂN HẠ

Phạn Hán dịch: Tam Tạng THIỆN VÔ ÚY

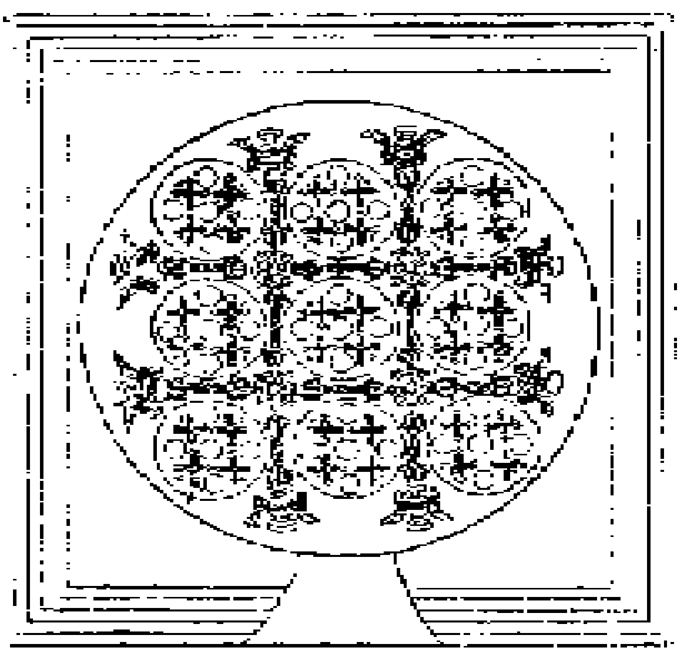
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Dịch âm Phạn Chú : HUYỀN THANH

Phẩm Thứ Tám:
ĐẠI QUÁN ĐẢNH MẠN ĐÀ LA

Nay Ta lại nói Quán Mạn Đà La và các Thánh chúng, tịnh cùng không tịnh, cần phát tâm Bồ Đề, làm tịnh trong ngoài như nhau, không cần chọn lựa ngày giờ. Nếu chọn lựa thanh tịnh nhất nhất phải y theo trong ngoài như đã nói ở trên. ngày, tháng, thời tiết, đất đai sạch sẽ, Phật đường, chùa chiền, chốn lan nhã già lam, núi rừng, cây cối phải y theo bốn loại Mạn Đà La: vuông, tròn, ba góc, bán nguyệt và các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng. Mỗi mỗi đều y theo phương hướng mà làm Mạn Đà La.

Nay lược từ trong Kim Cang Đảnh Đại Tỳ Lô Giá Na Kinh và mười quyển giải thích: Tô Bà Hô, Tô Tất Địa, Như Ý Luân, Thất Cu Chi, Ma Hê Thủ La, Bất Không Quyến Sách, các Kinh theo nghi thức làm Đàn chọn Pháp có 3 loại, chỉ có màu sắc là khác như sau



Trước tưởng năm luân (vòng tròn) như đã nói và tịnh Pháp xong. Sau đó, nếu vẽ Mạn Đà La và tượng, kiết giới, phụng thỉnh, cúng dường …v…v… đều dùng Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Tâm Chơn ngôn và ấn khế, Nan Thắng Phẫn Nộ Minh Vương Chơn ngôn và khế. Tịch trừ hộ thân, sau đó bắt đầu làm các Pháp sự, hòa các màu sắc đều dùng hai chú ấn trên.

Nhất Thiết Phật Đảnh Luân Vương Chơn ngôn:

“Úm độ rô hồng, hồng, phấn tra”



↳ OṂ_ TRÙṂ HÙṂ PHAṬ

Ấn: Hai tay xoa nhau bên trong, chắp tay lại, thẳng hai ngón giữa đều dựa nhau, gia trì năm chỗ để hộ thân, gia trì các vật dùng, màu sắc, đất quang hiển, thanh tịnh các vật. Nếu khi Triệu thỉnh, hai ngón giữa đưa qua lại ra vào ba lần, nếu

Phụng tống Bổn Tôn hướng ra ngoài bật ba lần, nếu kết giới Hộ thân, tịch trừ …v…v… dùng Nan Thắng Phẫn Nộ Minh Vương và Thủ ấn khiến mọi sự đều thành, tất cả chỗ đều dùng.

Nan Thắng Phẫn Nộ Minh Vương Chơn ngôn:

“Úm vi chỉ ra na độ na độ na hồng”

[illegible]

⇘ OM̐_ VIKRANDA DHUNA DHUNA _ HÙM̐

Nếu không có hai Minh Vương và ấn này, làm các Pháp của Phật Đảnh không thành tựu. Cần phải làm các Pháp Chơn ngôn ấn khế xong, sau mới thêm hai ấn Chơn ngôn này. Nếu không như vậy, không được vậy thì không nói Chơn ngôn ấn khế này cho. Dùng tất cả Phật Đảnh Chơn ngôn ấn, Nan Thắng Phẫn Nộ Vương Chơn ngôn tức tất cả mọi sự nghiệp đều được thành biện. Mọi việc, thỉnh triệu, kết giới, quang hiển, tịch trừ, hộ thân, hộ mình, hộ người, hộ giới đạo tràng, phụng tống Chư Tôn đều dùng hai Chơn ngôn ấn khế. Công đức của ấn khế Chơn ngôn này chỉ có Phật mới nói hết được. Tất cả Bồ Tát, thanh Văn, đều không hiểu hết được, vì sao? Vì tất cả Phật Đảnh, Tâm là tối thượng. Trong tất cả Phật Đảnh, Tôn Thắng Phật Đảnh hay trừ tất cả phiền não nghiệp chướng, nên gọi là Tôn Thắng Phật Đảnh Tâm, còn gọi là Trừ Chướng Phật Đảnh.

Vô Năng Thắng Phẫn Phộ Vương Ấn như Phật Đảnh Tâm Ấn đổi lại, tiết trên ngón giữa phải co dựa vào tiết trên ngón giữa trái, tức thành.

Pháp tắc hoạ Mạn Đà La: Vuông tám khuỷu, mười hai khuỷu, hoặc ba tám khuỷu, nếu vì chúng sanh mà làm thì bảy khuỷu hoặc tám khuỷu cũng được. Nếu làm lớn hoặc quan phủ trong nước tạo một trăm tám khuỷu, ít là ba tám khuỷu.

Tám khuỷu, bốn khuỷu làm chính giữa, trong vòng tròn lớn chia làm năm vòng tròn nhỏ. Bốn góc hình bán nguyệt, mỗi vòng vẽ chín Tôn vị, trong vòng bán nguyệt vẽ Lục Túc Tôn, bốn mặt vòng tròn lớn vẽ tám cái bình bốn bánh xe, mười sáu chày Kim Cang dựng đứng, thảy đều cột các dây lụa, bốn khuỷu chia làm hai viện, lại mỗi viện chia ra làm ba đạo. Ở viện thứ hai phía ngoài vẽ ba đạo, trắng, vàng, đỏ y nghi ba Phật Đảnh và Giới, Định, Huệ nghĩa. Phía ngoài viện thứ ba vẽ năm đạo, trắng, vàng, đỏ, xanh, đen là nghĩa năm Phật Đảnh, năm Trí. Trong hai viện, chia ra làm ba đạo, ở trong viện thứ nhất là chư Thánh chúng ngồi xây về phía trong. Đạo thứ hai để bảo bình, lư hương, đèn sáng, Ứ già, các món ăn uống, hoa quả. Đạo thứ ba là biện sự thị giả, chỗ cho các người lui tới dâng các món cúng dường, ở viện thứ hai cũng như vậy.

Nơi trung đài vẽ tám vòng tròn lớn, chia ra làm chín vòng, trong mỗi vòng tròn lại chia làm chín vòng, ở trong vẽ chín vị Thánh. Vòng tròn ở giữa vẽ Phật Tỳ Lô Giá Na, bốn mặt vẽ Tôn Thắng Phật và bốn Đảnh Luân Vương. Bốn góc vẽ bốn Ba La Mật Bồ Tát. Ở giữa hình bán nguyệt, bốn góc vẽ bốn Đại Đảnh Luân Vương, bốn cúng dường Ba La Mật, đều y theo Pháp tắc.

Viện thứ nhì hướng Đông, vẽ Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi kết già phu, tướng đang nói Pháp. Ở dưới tòa hai bên, vẽ Đế Thích và Thiện Trụ, hai gối sát đất, chấp tay cung kính nhìn ngắm Như Lai, thưa thỉnh làm sao trừ tai nạn, làm sao được sống lâu, tại sao 7 lần sanh làm súc sanh …v…v… Như vậy thưa thỉnh xong. Khi ấy Thế

Tôn từ bi thương xót liền vào Trừ Chướng Tam Ma Địa, từ trên đảnh Như Lai phát ra Nhạ Da Tam Ma Địa, tướng như Luân Vương màu trắng đầu đội mão báu Ngũ Phật, tay cầm Kim Tỏa Câu, nơi ót chiếu hào quang quanh thân tròn như bánh xe. Khi hiện Tam Ma Địa này, 10 phương Thế Giới 6 lần chấn động, 10 phương Thế giới tất cả Địa Ngục, sáu đường chúng sanh đọa nơi ác đạo, thảy đều trừ diệt các nghiệp ác, không còn thọ lại nữa, đều được sanh về cõi Trời và 10 Tịnh độ, do Thiện Trụ Thiên Tử tiêu trừ 7 lần phải sanh vào ác đạo nên gọi là Trừ Chướng Phật Đảnh Luân Vương, tức là thứ nhất trong năm Phật Đảnh Luân Vương, và ba Phật Đảnh tám Đại Luân Vương vậy. Hai bên trái, phải của Phật, vẽ Bồ Tát Di Lặc tay cầm Pháp giới ấn, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi tay cầm hoa sen xanh. Các Vị đều kết Bổn ấn, một tay cầm phất và đều hướng về phía Phật. Lại hai bên phải trái của Phật vẽ Như Lai hào tướng, Như Lai tâm, Như Lai Thiệt tướng, Như Lai nhãn, Như Lai tỷ, Như Lai nha, Như Lai nhĩ, Như Lai thần, Như Lai yêu, Như Lai sóc, Như Lai vô uý, Như Lai mã âm tàng, Như Lai mi, Như Lai khẩu, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Vương, Như Lai Vô Năng Thắng Minh Phi.

Bốn góc viện có: Hương Ba La Mật Tam Muội Da, Bảo Ba La Mật Tam Muội Da, Hoa Ba La Mật Tam Muội Da, Đồ Hương Ba La Mật Tam Muội Da, đối nhau ở trong vòng tròn, ngoài ra Như Lai hào tướng …v…v… thảy đều cầm bổn ấn khế, các thứ trang nghiêm, ngồi kiết già.

Bốn mặt vẽ 10 phương Chư Phật và Bồ Tát, bốn Đại A La hán, bốn Phật Bích Chi chia ở 4 góc mặt

Ở giữa mặt phía Bắc vẽ Bồ Tát Quán Tự Tại, hai bên vẽ Liên Hoa Bộ nội quyến thuộc, Bồ Tát Đắc Đại Thế …v…v… Bồ Tát Bạch Xứ Tôn Quán Tự Tại, Bồ Tát Thất Cu Chi Quán Tự Tại, Bồ Tát Bất Không Quyến Sách Quán Tự Tại, Bồ Tát Đa La Quán Tự Tại, Bồ Tát Như Ý Luân Quán Tự Tại, Bồ Tát Thương Ly Quán Tự Tại, Bồ Tát Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Thủy Cát Tường Quán Tự Tại, Bồ Tát Mã Đầu Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Liên Hoa Quân Trà Lợi Minh Vương Quán Tự Tại, Bồ Tát Nhất Kế Minh Vương Quán Tự Tại, các vị Thánh giả đều chấp bổn khế và trang nghiêm đầy đủ, ngồi bán già trên tòa sen.

Lại ở giữa mặt phía Nam , vẽ Bồ Tát Chấp Kim Cang Vương Bí Mật Chủ, tay cầm chày Kim Cang, ngồi Kiết Già Phu. Hai bên vẽ Kim Cang Bộ Nội Thánh Chúng, an trí thứ lớp: Bồ Tát Kim Cang Mẫu, Bồ Tát Kim Cang Quyền, Bồ Tát Kim Cang Tỏa, Bồ Tát Kim Cang Nhãn, Bồ Tát Kim cang Phẫn Nộ, Bồ Tát Kim Cang Sách, Bồ Tát Kim Cang Quân trà Lợi, Bồ Tát Kim Cang Tiếu, Bồ Tát Kim Cang Hỏa, Bồ Tát Kim Cang Đạt, Bồ Tát Kim Cang Hỉ, Bồ Tát Kim Cang Bổn, Bồ Tát Kim Cang Tâm, Bồ Tát Kim Cang Tô Bà Hô, Bồ Tát Kim Cang Đồng Tử, Bồ Tát Kim Cang Xích Thân, Bồ Tát Kim Cang Thanh Diện, các vị Kim Cang Bồ Tát đều cầm chày Kim Cang, Luân, quyến sách, gậy, lòi tói, bổn ấn khế ngồi bán già, quanh thân lửa cháy rực rỡ, anh lạc trang nghiêm nơi thân, thảy đều như Pháp hình (hình đã ghi rõ trong nghi quỹ).

Ở cửa phía Tây, hai bên an trí 08 Đại Bồ Tát là: Bồ Tát Hư Không Tạng, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Trừ Cái Chướng, Bồ Tát Từ Thị, Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi Đồng tử, Bồ Tát Trì Địa, Bồ Tát Liên Hoa Thủ, Bồ Tát Bí Mật Chủ …v…v…

mỗi mỗi đều chấp bổn khế ấn và trang nghiêm nơi thân đầy đủ. Ngoài viện an trí mười phương các thần Hộ Pháp cùng các quyến thuộc, hai bên vẽ bốn trụ giả. Góc Đông Bắc vẽ Y Xá Na tay cầm Đát Lợi Thư Na, hai bên có hai thị giả tay cầm Ấn khế.

Cửa Đông phía Đông Bắc, vẽ Đề Đầu Lại Tra Thiên Vương, tay cầm đàn Tỳ bà có bốn thị giả.

Cửa Đông phía trên hướng Nam, vẽ Hộ Pháp Đế thích Thiên tay cầm chày Kim cang, có bốn thị giả. Bốn mặt ngoài viện, vẽ bốn Phật Bích Chi, bốn Thanh Văn.

Góc Đông Nam vẽ Hỏa Thiên Thần ngồi trong lửa, tay cầm xâu chuỗi, hai bên vẽ hai thị giả, phía Nam vẽ Diêm La Vương tay cầm Tử Vương ấn, Diêm La Phi và các loài quỷ quyến thuộc.

Hai bên góc Tây Nam, vẽ La Sát Vương tay cầm kiếm, có hai thị giả tay cầm đao, đều ngồi hai bên. Mặt cửa phía Tây hướng Tây Nam, vẽ Thủy Thiên Thần mặc giáp mũ, trên đầu có đầu rắn, tay cầm quyển sách, có bốn thị giả quỳ hai bên chắp tay.

Phương dưới cửa Bắc vẽ Địa Thần, A Tu La Vương tay cầm Bảo Bình, có bốn thị giả.

Cửa Nam mặt phía Tây, vẽ Nhật Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngựa, hai tay cầm hoa sen nở ngồi trong vòng tròn. Vẽ bảy sao y theo bổn sắc, tay cầm bổn ấn, vẽ hai bên Nhật Thiên Tử và quyến thuộc.

Mặt phía Đông vẽ Nguyệt Thiên Tử và Phi cưỡi xe năm con ngỗng, tay cầm phướng gió trên có có con thỏ ngồi trong vành trăng, có hai tám sao đều cầm bổn khế, tùy phương hướng, màu sắc, hình Chư Thiên ngồi quanh Nguyệt Thiên Tử.

Mặt Đông và Nam vẽ các Tất Địa chư Tiên, có ba bốn thị giả như trên

Các Thánh chúng y theo Pháp vẽ bổn hình dầy đủ, đây là Mạn Đà La bậc Thượng. Nếu như vẽ ấn khế, trên đài sen vẽ phóng ánh sáng rực rỡ, đây là Mạn Đà La bậc Trung. Nếu trên đài sen vẽ các chủng tử Phạm tự phóng ánh sáng chung quanh, đây là Mạn Đà La bậc Hạ.

Nếu quốc vương muốn trừ tai nạn, ở giữa viện thứ ba vẽ năm non bốn biển vua chúa, quan binh các thần kỳ trong nước, như Pháp mà vẽ. Nếu bị nghịch tặc nổi lên, ở viện thứ tư vẽ hình nghịch tặc và các hình trạng biến dị. Ở trong dưới nửa đàn mà trấn. Như vậy vẽ xong kết giới, tịch trừ, triệu thỉnh, dâng các Bảo Bình, lư hương, đèn sách, hoa quả, ứ già …v…v… đều an trí dưới tòa các Thánh vị, tùy theo lớn nhỏ sắp đặt. Nếu lớn một trăm tám khuỷu, Bảo Bình hai lăm cái; nếu tám khuỷu trở lại thì mười lần một cái, hoặc sáu cái, còn các món cúng dường khác tùy thời mà dâng cúng, trong chính vòng tròn ở giữa, hai viện ngoài cộng chung là 16, bốn góc bốn cửa đối nhau.

Nếu làm Mạn Đà La Tăng Ích, Tức Tai thì tròn; nếu Hàng Phục thì làm hình tam giác; nếu Nhiếp Triệu thì làm hình bán nguyệt. Các thứ khác giống nhau.

Phẩm Thứ Chín:
CHỨNG DU GIÀ TẤT ĐỊA

Lại nữa, như vậy vẽ Mạn Đà La Thượng, Trung, Hạ, y Pháp cúng dường, niệm tụng mãn mười vạn biến, tức được Thượng Tất Địa; nếu một trăm, hai trăm, ba trăm cho đến bốn trăm vạn biến, dầu không tác Pháp, cũng được thành tựu, được thành tựu các việc mong cầu trong Thế gian, trừ những người tạo tội ngũ nghịch, phản bội ân đức; nếu tụng đủ ngàn vạn biến, tức được Vô Sanh Tất Địa, thân đồng Bổn Tôn; nếu tụng mượi vạn cho đến trăm vạn biến, tức có hiện tướng không được thủ xả, một lòng chuyên chú không nghĩ khác, tự tâm là Phật, Như Thật Trí nơi tâm tức là Bồ Đề, do đó kẻ trì chỉ cầu Vô Thượng Bồ Đề. Có tướng hiện tự biết, không nên sanh tâm phân biệt, sẽ bị đọa vào trong cảnh giới Tỳ Na Dạ Ca; nếu đèn tự nhiên cháy cao lên hai trượng …v…v…, chưa đốt hương, lư hương tự nhêin phát lửa, hoặc phướng không có gió tự nhiên lay động, hoặc mưa các hoa …v…v… răng rụng lại mọc, tóc trắng thành đen, hoặc trước có bệnh tự nhiên khỏi, hoặc phước đức tăng tưởng, hoặc ngu si tự nhiên thông minh, hoặc tự nhiên làm thơ hay văn giỏi, thế xuất thế các việc tùy ý đều thành, hoặc chưa hiểu chơn ngôn ấn khế, các Pháp bí mật tự nhiên hiểu rõ … các việc như vậy đều do tội chướng tiêu trừ, chưa phải tướng thành tựu chân ngôn. Hoặc thấy các cõi Phật, hoặc thấy tự thân là cõi Phật đầy khắp Pháp giới, các việc như vậy không nói hết, là tướng gần thành tựu chân ngôn, cần nên cố gắng niệm tụng, tức được thành tựu, như Pháp tụng trì tức được Vô Sanh Tất Địa.

Tất Địa có ba loại: **Hạ Tất Địa** được trường sanh bất tử, làm chúa trong hàng Địa Tiên, hoặc các việc trong thế gian công diệu, hợp luyện xích bạch (các Pháp luyện đơn) đa văn, trí huệ, phước đức đầy đủ, sống lâu ngàn ngàn năm.

Trung Tất Địa là ẩn hình làm Chuyển Luân Thánh Vương, sống lâu một kiếp.

Thượng Tất Địa là gia trì vào thuốc hiện ra ba tướng, được chứng từ năm Địa đến Bát Địa, thành thân Bồ Tát, chỉ trong khoảng khắc, vô lượng Chư Thiên, Đại Phạm, Thiên Vương Đế Thích, Tỳ sa Môn thống lãnh vô lượng các Thiên chúng lại nghinh đón, trong một niệm đến mười cõi vi trần các thế giới của Chư Phật, trước mỗi Chư Phật thừa sự cúng dường, tùy loại chúng sanh mà hóa độ, như vậy gọi là Hữu Tướng Tất Địa. Niệm tụng các thứ thuốc, khí trượng, quang minh, Sa Hùng Hoàng, Ngưu Hoàng, lớn nhỏ, Viễn chí, Long Não Hương, thủy tinh, Trân Châu …v…v… đều có số lượng; các khí trượng là: Phạt chiết la, chày năm chia, chày một chia, bánh xe, câu, xâu chuỗi, bảo quan …v…v… tất cả thảy đều y Pháp mà làm.

Vô Tướng Tất Địa là: ba loại Tất Địa. Trên là Hạ Tất Địa, Trung Tất Địa là Vô Tướng Tất Địa. Hoặc thân thành Bổn Tôn, hoặc được thân Ứng hoá, cho đến mười Địa thành thân Bồ Tát, là Trung Tất Địa. Thượng Tất Địa được ba nghiệp thành ba mật; ba mật là: ba thân; ba thân tức là trí Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai, nếu được thân Tỳ Lô Giá Na, chứng Pháp giới phổ hiện sắc thân, cùng Pháp giới đồng một thể tánh, ngoài tâm ra không có vật gì là sở đắc.Chư Phật là tướng hư không . Hư Không cũng không có tướng; tâm đồng hư không nên người tu Du Già cũng đồng một thể, trong một niệm vượt qua ba vọng chấp, vượt qua ba a tăng kỳ các hạnh, vừa

phát tâm liền thành Chánh Giác, tức là Thân Tất Địa là Vô Tướng Tất Địa, là Pháp Tất Địa Tối thượng.

Phẩm Thứ Mười:
DU GIÀ HỘ MA

Nay ta lại nói Pháp Hộ Ma. Hộ Ma có nhiều thứ, nay ta lược nói bốn thứ, nhiếp được hết thảy các Pháp Hộ Ma như: Tức Tai lư trong, Tăng Ích lư vuông, Nhiếp Triệu lư bán nguyệt, Hàng Phục lư tam giác. Như vậy bốn loại Hộ Ma lại có hai thứ: một là Ngoại Hộ Ma, hai là Nội Hộ Ma.

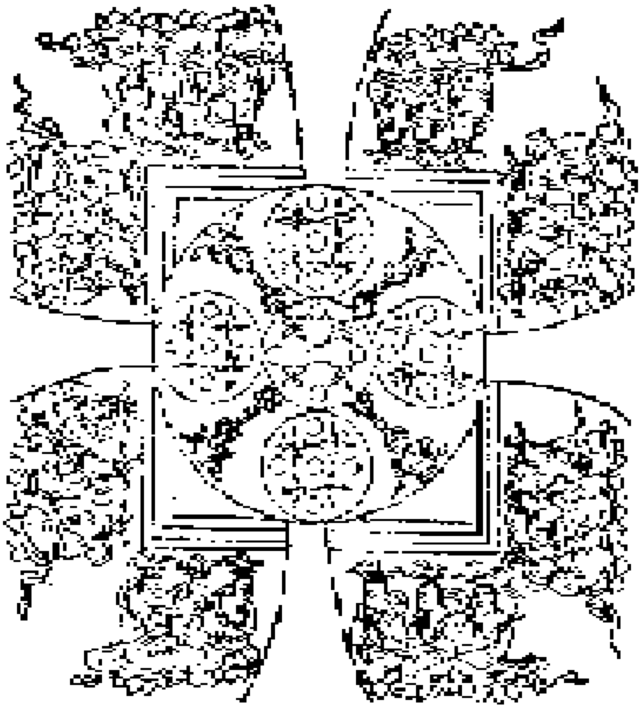
Ngoại Hộ Ma là y theonghi tắc độ lượng đối Mạn Đà La ở ngoài trừ địa, bùn đất bốn khuỷu, ở giữa đào sâu một khuỷu, vuông rộng …v…v… cao tám chỉ, vành rộng 4 chỉ, phía ngoài để các duyên cũng rộng 4 chỉ, hai khuỷu chia ra hai bên, có 4 mặt an trí Thánh chúng. Bốn phía trải cỏ tranh, dùng thanh gỗ mới đè lên, dùng bùn sạch làm một bánh xe rộng một cánh tay, cao 1 chỉ, có 8 căm để dưới đáy lò, lấy cây phong làm củi dài 1 khuỷu. Khi nhen lửa, không được dùng miệng thổi, cần phải tịnh trừ lò lửa theo Pháp mà làm, dùng quạt mà quạt. Đốt lửa xong, rải nước thơm, thỉnh Hỏa Thiên ngồi vào trong lò, ném hoa vào trong lò, dâng hiến nước Ứ Già, lấy muỗng lớn múc bơ mỗi chút bỏ vào trong lửa, làm ba lần; sau đó lấy dầu sữa, lạc mật, mỗi thứ hộ ma ba biến; lại lấy cháo sữa, cơm nếp và cháo ngũ cốc hộ ma; lại lấy Trắc Trầm hương, Bạch Đàn hương, tử Đàn hương, dài một tấc. Nhúng bơ ba lần bỏ vào trong lửa; lại lấy cây lá dài 12 chỉ, chặt hai đầu bằng, bôi bơ, quăng vào trong lửa; lại dùng Dương chi (nhành Dương) y trên, quăng vào lửa; lại lấy Trầm Hương quăng vào. Lại lấy Trầm Hương, Bạch Đàn, Tử Đàn, Tiễn Hương, các thứ bôi bơ, mật mà đốt; An Tức Hương, Đinh Hương, Huân Lục Hương, Kiên Đát Sa Ra Hương, hòa bơ mà đốt; Cam Tùng, Linh Lăng hòa mật đốt; Như Đàu, An Tức, Sa Dà La, Long Não, Đinh Hương hoà Đậu Khấu, Bạch Giới Tử, Kiên Mộc, Chỉ Hương, trước sau mỗi thứ hộ ma ba lần. Sau đó phụng tống Hỏa Thiên trở về bổn vị. Lại thỉnh triệu Bổn Tôn, dâng hoa hiến Ứ Già, thỉnh ngồi trong lò, khiến sanh hoan hỷ, liền lấy bơ, các vật …v…v… dùng muỗng lớn hộ ma ba lần, muỗng nhỏ múc hộ ma trăm tám lần hoặc ngàn lần, sau lại hộ ma mật, sữa, lạc, dầu, các thứ hương và ngũ cốc y như ở tên, dâng Ứ Già thỉnh Bổn Tôn về bổn vị. Mỗi chỗ cúng dường hương và cây đều ba lần, để cháo ngũ cốc tại trong bình, chén, trước sau tại Mạn Đà La ác Phật Đảnh Luân Vương và Chư Phật, Bồ Tát ở ngoại viện, cho đến các Hộ Thế Thiên Thần, tất cả đều hộ ma cúng dường. Theo các màu sắc, mỗi thứ hộ ma ba lần, các cây, bơ phải hộ ma cho hết, các thứ hương hoa cúng dường hòa với cháo ngũ cốc. Trước vì quốc chủ, hoàng hậu, thái tử, vương công, tể tướng, bá quan, chúng sanh trong Pháp giới, cho đến tự thân, mỗi loại phải ba lần hộ ma cúng dường. Sau cuối, ở bên phía lò cúng dường, cơm bánh, trái, tất cả đều gia trì hộ ma. Bốn góc hỏa đàn để bốn Bảo Bình, lư hương, đĩa trái cây …v…v… thảy đều y theo Đại Đàn Pháp: vuông tròn, ba góc, bán nguệyt lư lửa y như đại Đàn Pháp mà dùng, nếu hay như vậy làm Pháp đều thành tựu.

Nếu có tướng ác: Khi đang làm Hộ ma tự nhiên lửa tắt, hoặc có khói đen, hoặc có tiếng như lừa kêu là các tướng không thành. Nếu màu lửa cùng Bổn Pháp tương ưng tức là thành tựu, hoặc có tiếng liên tục, cùng Bổn Pháp không tương ưng là tướng không thành. Nếu làm Pháp Tức tai lửa màu trắng, làm Pháp Tăng Ích lửa màu vàng, làm Pháp Hàng phục lửa màu đỏ, làm Pháp Nhiếp Triệu lửa màu xanh. Tương mạo như là cái lọng , bạt chiết la, liên hoa, đạc, ánh lửa phát ra âm thanh vi diệu đều là tướng cùng Bổn Pháp tương ưng, là tướng thành tựu. Phàm lúc niệm tụng hộ ma tác Pháp, y thời mà làm, mau được Tất Địa như là đầu hôm, canh hai, canh ba làm Tức Tai, nửa đêm làm Nhiếp Triệu, sáng sớm làm Tăng Ích, giữa trưa làm Hàng Phục. Bốn thứ Hộ Ma, mỗi thứ cây, hương, hình lò đều khác nhau. Tô Tất Địa có nói đầy đủ, khi lấy củi làm Pháp, đã có nói trong nghi Hộ Ma.

Thứ hai Nội Hộ Ma: ba chỗ đồng một thể, ba chỗ đồng thể là Đại Mạn Đà La tức Hộ Ma Mạn Đà La. Hộ Ma Mạn Đà La tức tụ nơi thân, nơi thân tức là Hỏa Thiên, Hỏa Thiên tức là Như Lai Tỳ lô Giá Na. Như Lai Tỳ Lô Giá Na, Hỏa Thiên tự thân ba chứ không hai, không có sai biệt. Đồng một thể đầy đủ ba thân. Đại Nhật biến chiếu cả Pháp giới, không nơi nào không có, không sanh, không diệt, không gì khônglà Đại Nhật, gọi là Pháp Thân. Hộ Ma là: phương này gọi là Hỏa Thiên. Lửa hay thiêu cây cỏ …v…v… không gì còn sót, Hỏa Thiên tức làTrí, Trí Hỏa hay thiêu đốt tất cả vô minh, không còn dư sót, Giá N Đại Nhật tức là Pháp Thân, Hỏa Thiên Trí hỏa tức là Ứng Thân. Tự thân hay trụ phương tiện tức là Hóa Thân. Do đó, Kinh nói rằng: phương tiện là cứu cánh hay làm các việc Phật, cho nên tự thân là Hóa Thân. Ba thứ đều đồng một thể tánh, nhập vào Năm Trí Luân, trên đảnh quán Pháp giới chúng sanh trí, Hỏa Thiên trừ tất cả nghiệp chướng hay mãn tất cả nguyện. Bốn loại Hộ Ma tùy bổn mà làm Pháp, nếu Tức Tai y ngoại Hộ Ma hay chuyển tất cả chướng, sanh tất cả phước đức, nhất nhất y kinh Tỳ Lô Giá Na nói mười hai loại Hỏa Pháp, trước sau mà dùng.

Phẩm Thứ Mười Một:
DU GIÀ CẦU VŨ PHÁP

Ta nay lại nói Pháp cầu mưa, do vì lợi quần sanh vậy. Thời tiết nóng nảy không có mưa, cây lúa không sanh, mọi vật hoang tàn, trong nước không an, hạn hán kéo dài, các loài chết khát. Hành giả thấy chúng sanh bị thọ các khổ như vậy, khởi lòng từ bi tức tạo Mạn Đà La cầu mưa. Mạn Đà La lớn nhỏ tùy theo mà tạo, đài cao một thước, dùng bùn sạch hòa phân bò xoa tô đất, thêm ở ngoài Đàn bốn năm thước dùng bùn đất sạch tô đắp, dùng các bột hương hòa nước mà đồ (đắp) dưới và phía ngoài ba thước. Mạn Đà La cao một thước, bốn cửa để bốn dường, ngoài đài một hai khuỷu họa vẽ tám Đại Long Vương, Phi và các quyến thuộc: Đông phương, ba đầu, thân dài ba khuỷu; Nam phương, năm đầu, thân dài năm khuỷu; Tây phương, bảy đầu, thân dài bảy khuỷu; Bắc phương, tám đầu, thân dài tám khuỷu; Trung ương, chín đầu, thân dài chín khuỷu; Phi cũng y như trên; các tùy tùng một đầu, hai đầu, ba đầu, bốn đầu, sáu, bảy, tám đầu.



Đàn cầu mưa lớn nhỏ khác nhau, nếu cầu cả nước thì vuông ba tám khuỷu, nếu tỉnh, quận thì vuông 15 khuỷu, nếu thành ấp, làm xã thì vuông tám khuỷu.

Nếu không có Chủ thỉnh, tự mình làm thì vì pháp giới chúng sanh mà làm. Hoặc tại núi rừng nơi lan nhã, hoặc tại chùa, tịnh xá, già lam, tụ lạc, thành ấp niệm tụng. Rộng bốn khuỷu hoặc hai khuỷu, tùy ý lớn nhỏ, Mạn Đà La chia làm ba viện, ở giữa vòng lớn chia làm năm vòng, trong mỗi vòng lại chia ra năm vòng.

Ở giữa vẽ Phật Đảnh Tôn Thắng Luân Vương ngồi tòa, Kim Xí Điểu Vương giương cánh giận giữ như đang muốn bắt rồng để ăn óc, đứng một chân, các rồng đều chắp tay cúi đầu. Bổn Tôn cầm Kim cang Câu, giận dữ nhìn về phía trước.

Bốn vòng kia, các vòng ở trung tâm đều vẽ Bạch Tán Cái Phật Đảnh

Còn bốn vòng nọ vẽ bốn Ba La Mật Bồ Tát, đều ngồi tòa Kim Xí Điểu, hình trạng như ở trung viện, dơ chân thế như bắt rồng. Dùng bốn ấn đè nơi đuôi các rồng.

Ngoại viện bốn góc vẽ bốn cúng dường

Mặt Đông vẽ Phật và hai Bồ Tát, hai bên vẽ Vô Năng Thắng Vương, Nan Thắng Phẫn Nộ Vương.

Mặt Bắc nơi trung tâm, vẽ Bồ Tát Quán Tự Tại, hai bên Bộ Mẫu Tôn, Bộ Tâm Tôn Minh Vương, Tôn Bà Phạ, Ha Na Yết Lợi Bà Trì Minh Vương.

Mặt phía Nam vẽ Bồ Tát Bí Mật Chủ Chấp Kim Cang Vương, hai bên vẽ Bộ Mẫu Tôn, Bộ Tâm Tôn, Quân Trà Lợi, Bồ Tát Kim Cang, Phẫn Nộ Đại Minh Vương …v…v…

Cửa Tây Nam Bắc, vẽ Hàng Tam Thế, Bất Động Minh Vương

Ngoại viện vẽ bốn phương, mười phương các Thần Hộ Giới Đàn và quyến thuộc, bộn vị thị giả.

Cửa Nam Đông Tây, vẽ Nhật Thiên Tử, Nguyệt Thiên Tử và Phi, bốn mặt trên không vẽ bảy sao, hai tám sao, các vị đều cầm bổn ấn.

Bốn mặt nhân xứ vẽ các Tất Địa Tiên, mỗi mỗi đều có thị giả, cùng các Đại Bồ Tát và các thị giả, y theo thứ lớp mà an để.

Đàn ba tám khuỷu là làm cho cả nước, mười lăm khuỷu, tám khuỷu y như trên họa vẽ, trong nước năm non bảy núi có các rồng đều vẽ ngoài Mạn Đà La.

Tạo Mạn Đà La xong trong ngoài các viện, dâng các món ăn uống cơm canh, như Đại Đàn cúng dường, ẩm thực, hương hoa như nhau.

Nếu Đàn bốn khuỷu hoặc hai khuỷu, không cần như Pháp họa tượng, chỉ vẽ ấn khế, hoặc vẽ chủng tự hoặc viết tên. Bên ngoài Mạn Đà La ấy , nơi trong sạch bẳng phẳng khoảng 2 thước dùng lá Khổ Luyện giã nhỏ hòa nước màu xanh. Bốn mặt vẽ các Đại Long Vương cùng quyến thuộc thị giả, cùng các Phi ba đầu, năm đầu, bảy, tám, chín đầu …v…v… y theo bổn phương mà vẽ nơi bốn cửa trong các giới đạo hiện ra nửa thân. Long Vương ở Trung ương và Phi cùng quyến thộc hướng Chư Tôn cung kính cúng dường, hàng phục, mưa xuống đầy đủ.

Nếu Đàn ba mươi tám khuỷu, mười lăm khuỷu trở lên để Bảo Bình hai lăm cái; tám khuỷu trở xuống để năm cái bình cũng được; mỗi ngày dùng nước sạch hòa ngũ cốc, ngũ bảo, bỏ trong bình, nơi miệng bình để cành lá trúc, lấy lụa xanh dài bảy, tám thước cột nơi cổ bình, trên đàn treo tán cái màu xanh, bốn mặt treo phan màu xanh, bốn bảy cái. Chánh Đông treo phan xanh bốn chín thước, các vật cúng dường hương hoa, ăn uống y như Đại Đàn. Bốn mặt phía ngoài, cách Đàn ba năm khuỷu, làm một lò Hộ Ma, đủ bốn loại. Trong lò, bốn phương vẽ chủng tử tự, chữ "A" (𑖀) hình vuông, màu vàng. Ở hướng Đông, chữ HA(𑖮) màu xanh, hình bán nguyệt. Ở hướng Tây, chữ VAM (𑖪𑖽) màu trắng, hình tròn. Ở hướng Bắc, chữ LAM (𑖩𑖽) màu đỏ, hình tam giác. Ở hướng Nam, đáy lò vẽ các ấn khế, hướng Đông vẽ Bánh xe (luân), hướng Bắc vẽ hoa sen, hướng Nam vẽ chày Kim Cang, hướng tây vẽ Câu, y theo các phương mà vẽ.

Triệu thỉnh Hỏa Thiên, Bổn Tôn và các Minh Vương, y như Pháp Hộ Ma không khác, chỉ có ngày đầu là Tiêu Tai, ngày thứ hai Tăng Ích, ngày thứ ba Nhiếp Triệu, ngày thứ tư và năm Hàng Phục, thứ sáu và bảy Cực Phẫn Nộ Hàng Phục. Nếu trong ngày có mưa, tức ngưng tác Pháp, phải cần hộ ma Tức Tai, Tăng Ích vì các rồng vậy. Khi hàng phục, dùng cây gừng hai đầu nhọn dùng để chạm vào lửa, đem cây Khổ Luyện, Gai và Hắc Giới Tử Du bôi hai đầu hộ ma, hoặc đem sáp hòa Hắc Giới Tử , thuốc Độc làm hình rồng tác Hộ ma. Khi được mưa rồi, cầu xin hoan hỷ.

Lại Pháp nơi lụa trắng, vẽ chữ Phạn chú Tôn Thắng Đà La Ni, bốn phía vẽ các ấn khế gia trì niệm tụng đem quăng xuống ao có rồng, tức được mưa. Nếu trong nước mưa gió không đều, âm dương không thuận, hạn hán lâu ngày, cỏ cây không mọc, lúa thóc không lên …v…v… hoặc có nghịch tặc sát hại vô số chúng sanh. Thấy việc như thế, Hành giả cần phát tâm Đại từ, đại bi làm Pháp Hàng Phục. Do lòng từ bi, kẻ kia được sanh Thiên, không có các tội trước. Cần vì nước trừ các chướng, tụng Phật Đảnh Tôn Thắng Chơn ngôn một ngàn biến, sau đó nhất nhất y Pháp làm Pháp Hộ Ma Hàng Phục tức được như ý.

Lại Pháp mỗi ngày bốn thời Hộ Ma niệm tụng gia trì Bạch Giới Tử ném nơi tim Long Vương một ngàn tám biến, tức được tùy ý.

Hoặc tưởng thân mình là thân Trừ Cái Chướng phật Đảnh cỡi Kim Xí Điểu Vương hung dữ bay đi muốn bắt rồng mà ăn, dùng Kim Cang Câu, móc rồng tức được mưa. Hoặc mỗi ngày tụng vào Bạch Giới Tử ném rồng hoặc hòa Bạch Giới Tử, An Tức Hương, dầu Xích Giới Tử, hộ ma ngàn biến hoặc trăm tám biến hoặc ở trong Đàn, nơi các Minh Vương hộ ma thảy đều hàng phục như Pháp mà làm, tức mưa xuống, tai nạn đều tiêu, tức cần quán đảnh, các Long Vương rộng bày cúng dường, khiến sanh hoan hỷ, tăng thêm các món cúng dường. Các thứ ăn uống đem để trên lá sen đem bỏ xuống sông suối, hoặc trong ao rồng, các lụa dây ở năm phương, đem chôn dưới đất, các thứ cúng Phật, Bồ Tát y Pháp xử trí. Khi làm Pháp mặc áo màu xanh. Trong Đàn Hộ Ma để năm bình các món ăn uống, y Đại Đàn Pháp không khác; nếu không đúng như vậy, làm Pháp không thành. Sau này có làm nữa, cần như trước đúng Pháp mà làm, mau được thành tựu.

Phẩm Thứ Mười Hai:
NHẬP THÀNH TỰU CẢNH GIỚI

Nay ta lại nói Hành giả muốn thành tựu tướng của Chơn ngôn. Nêu nói cho đầy đủ hết kiếp cũng khôngnói đặng, chỉ có Phật mới hay nói được thôi. Nếu Hành giả tụng trăm ngàn vạn biến tức được thành tựu. Nếu khi sắp thành tựu, trước có bảy cảnh giới cát tường, phải biết hành giả mau được Tất Địa.

Thứ nhất: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Đại Như Ý quảng Đại Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, ta được tất cả Như Lai thọ ký hoán đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Ma Địa. Ta và Như Lai một lúc cùng phát thệ rằng: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được được vào trong mười phương cõi Phật. Lui tới tự tại, trong mỗi cõi có chín mươi chín hằng sau cu chi na dữu đa trăm ngàn tất cả Như Lai nhớ nghĩ gia bị". Được cảnh giới này, nên gia công tinh tấn, không nên thủ xả.

Thứ hai: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Ma Ni Bảo Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da cung điện. Ta cùng Như lai thọ Đại Liên Hoa Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Ma Ni Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Hiện tiền ta và Như Lai cùng nói lời rằng: "Lành thay! Thiện nam tử, ông được Đại Liên Hoa Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Ấn Tam Muội Da".

Thứ ba: Mộng thấy vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Chư Phật, Đại Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da. Ta và Chư Như Lai thọ Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm và ta thọ tất cả Như Lai Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đà La Ni Tam Muội Da phẩm. Tất cả Kim Cang đồng khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được các Như Lai Kim Cang Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại ma Ni Bảo Đại

Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Kim Cang nhiếp thọ gia bị Đại Ma Ni Bảo Kim Cang Ấn Tam Muội Da".

Thứ tư: Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, thấy ta và các Như Lai thọ Đại Ma Ni Bảo Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Bí Mật Thành Tựu Tam Muội Da, được các Như Lai khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông nay được tất cả Như Lai Đại Ma Ni Bảo Chủng Tộc Tôn Thắng Phật Đảnh Quán Đảnh Mạn Đà La Ấn Bí Mật Tâm phẩm hiện tiền gia bị, Pháp Quán đảnh này là tất cả Như Lai Đại Như Ý Bảo Chủng Tộc Bí Mật tâm Chơn ngôn Tam Muội Da phẩm".

Thứ năm: Mộng thấy vào mười phương quốc độ tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da, được các Như Lại thọ Bất Thối Chuyển Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm, được Chư Như Lai đều khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông nay được mười phương quốc độ ba đời Chư Phật, tất cả Như Lai Bất Thối Chuyển Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm".

Thứ sáu: Mộng thấy ta với mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cội Bồ Đề, nơi tòa Kim Cang thành Đẳng Chánh Giác, làm Đại Pháp Vương Quán Đảnh Địa Pháp. Thấy khắp mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi tòa sư tử thọ tất cả Như Lai Bất Thối Pháp Vương Quán Đảnh Đại Pháp. Chư Như Lai đều khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Ngươi thật bền chắc, nay được tất cả Như Lai Bất Thối Như Lai quán đảnh hộ niệm lâu dài không bỏ".

Thứ bảy: Mộng thấy Như Lai Thích Ca Mâu Ni nơi cội Bồ Đề, ngồi tòa Kim Cang, phóng Đại quang minh, chuyển Đại Pháp luân, đốt Đại Pháp cự, tuôn mưa Đại Pháp võ, dựng Đại Pháp tràng, thổi Đại Pháp loa, đánh Đại Pháp nhạc, phá Đại Ma quân và thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai ngồi cội Bồ Đề nơi tòa Kim Cang chuyển Đại Pháp Luân, dẹp Đại Ma quân, Tối Thắng Đại Bí Mật Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da phẩm. Thời Chư Như Lai đều khen rằng: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông được chân ngôn Bảo Kiên Cố Giải Thoát Chuyển Pháp Luân Đại Quán Đảnh Bí Mật Mạn Đà La Ấn tam Muội Da".

Như vậy y Pháp cần phải cố gắng quán tưởng thọ trì đọc tụng không có gián đoạn, tức được bảy loại mộng tốt. Chứng Nhất Thiết Như Lai Năm Đảnh Luân Vương Chơn Ngôn Thần Biến Pháp, nhập vào mười phương quốc độ ba đời tất cả Phật Đảnh Luân Vương Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai Đại Mạn Đà La Ấn Tam Muội Da hội. Nhập tất cả Tam Muội Da xứ. Được thấy mười phương quốc độ ba đời tất cả Như Lai Tôn Thắng Phật Đảnh Luân Vương Như Lai Đại Tỳ Lô Giá Na, bốn Ba La Mật …v…v… Đông phương Như Lai A Súc, Chấp Kim Cang Bí Mật Chủ …v…v… Nam phương Như Lai Bảo Sanh, Hư Không Bảo …v…v… Tây phương Như Lai Vô Lượng Thọ, Liên Hoa Nhãn …v…v… Bắc phương Như Lai Bất Không Tất Địa, Tỳ Thủ Yết Ma …v…v… bốn Trí, bốn Tam Muội Da …v…v… vô lượng Thánh chúng sắc thân vi diệu cung kính cúng dường, gìn giữ mười phương quốc độ ba đời tất cả Tôn Thắng Phật Đảnh Tỳ Lộ Giá Na Như Lai, tất cả danh hiệu được mười phương quốc độ ba đời, tất cả Tôn Thắng Phật Đảnh Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai thọ cho Trừ

Chướng Phật Đảnh Ấn Đà La Ni Tam Muội Da Thần Thông Pháp phẩm trên hết. Nếu trong quá khứ đã tạo mười ác, năm nghịch, bốn trọng, các tội nặng nề thảy đều trừ sạch. Nếu có chúng sanh ở nơi các đọa xứ được nghe Đại Quán Đảnh Quang Vương Tôn Thắng phật Đảnh Luân Vương Chơn ngôn qua tai một, hai, ba, bảy lần, tức được tiêu trừ tất cả tội chướng. Nếu Hành giả Du già thương xót sáu nẻo Hữu tình ở nơi đảnh núi cao lễ mười phương, mỗi phương tụng Tôn Thắng Chơn ngôn một biến, mắt nhìn các loại chúng sanh đều được xa lìa tất cả tội khổ. Đời sau được sanh vào cõi Bất Động phật, hoặc viết trên phướng, treo trên đảnh núi cao, trên đầu ngọn cây, phướng bay hướng nào tất cả chúng sanh hướng ấy có các tội mười ác, năm nghịch, bốn trọng, thảy đều tiêu diệt. Hoặc viết chữ Phạn, an trí trên phướng cũng được như trên đã nói. Bảy loại mộng tốt tương ưng, nên biết Hành giả Du già mau chứng Phổ Hiện Sắc Thân Đại Tam Ma Địa, nhập vào Vô Sanh Bình Đẳng Năm Trí, thành tựu than Như Lai Đại Tỳ lô Giá Na.

TÔN THẮNG PHẬT ĐẢNH CHƠN NGÔN DU GIÀ NGHI QUỸ
QUYỂN HẠ (Hết)

Hoàn chỉnh Phạn Văn vào ngày 03/01/2007_ HUYỀN THANH

Mật Tạng Bộ 2_ No.974A (Tr.383_ Tr.384)

TÔN THẮNG PHẬT ĐỈNH ĐÀ LA NI

Hán dịch : Đời Tống_ Tây Thiên Trung Ấn Độ_ Nước Ma Già Đà, chùa Na Lan Đà _ Tam Tạng Sa Môn PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

1) Nẵng mô bà nga phộc đế
2) Tát phộc đát-lạt lộ chỉ-dã
3) Bát la để vĩ thủy sắt-tra dã
4) Một đà dã
5) Đát nễ-dã tha
6) Án_ Một long, một long, một long
7) Thú đà dã, thú đà dã
8) Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã
9) A sa ma, sa ma
10) Tam mãn đá phộc bà sa
11) Sa-phả la na nga để, nga nga nẵng
12) sa-phộc bà phộc, vĩ thuật đệ
13) Tị tru tả đổ hàm
14) Tát phộc đát tha nga đa
15) Tô nga đa
16) Phộc la, phộc tả nẵng
17) Mật-lật đa tị sái kế
18) La-mật hạ mẫu nại la, mãn đát-la bát nãi
19) Án_ A hạ la, a hạ la
20) A dữu tán đà la ni
21) Thú đà dã, thú đà dã
22) Nga nga nẵng, sa-phộc bà phộc, vĩ truật đệ
23) Ô sắt-nị sái vĩ nhạ dã, bả lị truật đệ
24) Sa ha sa-la thấp-minh tán tổ nễ đế
25) Tát phộc đát tha nga đa
26) Phộc lộ kế nãnh
27) Tát phộc đát tha nga đá mạt đế
28) Sắt tra-bá la nhĩ đá
29) Bả lị bố la ni
30) Ná xả bộ nhĩ , bát-la để sắt-xỉ đế
31) Tát phộc đát tha nga đa hột-lị nãi dã
32) Địa sắt-xá đá
33) Địa sắt-xỉ đế
34) Án_ Mẫu nại lê, mẫu nại lê
35) Ma hạ mẫu nại lê

36) Phộc nhật la ca dã
37) Tăng hạ đát nễ , bả lị truật đệ
38) Tát phộc yết ma phộc la noa, vĩ truật đệ
39) Bát-la để nĩnh phộc đá dạ dục, vĩ truật đệ
40) Ấn_ Mẫu nĩnh, mẫu nĩnh, ma hạ mẫu nĩnh
41) A mẫu nĩnh, a mẫu nĩnh
42) Vĩ mẫu nĩnh, vĩ mẫu nĩnh, ma hạ vĩ mẫu nĩnh
43) Mạt để, mạt để, ma hạ mạt để
44) Đá tha bộ đá
45) Cú trí, bả lị truật đệ
46) Vĩ sa-bố tra, vĩ truật đệ
47) Ấn_ Hê hê
48) Nhạ dã, nhạ dã, ma hạ nhạ dã
49) Sa-ma la, sa-ma la
50) Sa-phả la, Sa-phả la
51) Tát phộc một đà
52) Địa sắt-xá nẵng
53) Địa sắt-xỉ đế
54) Truật đệ, truật đệ
55) Phộc nhật lê, phộc nhật lê, ma hạ phộc nhật lê
56) A phộc nhật lê, phộc nhật la nghiệt tỳ
57) Nhạ dã nghiệt tỳ
58) Vĩ nhạ dã nghiệt tỳ
59) Phộc nhật-la, nhập-phộc la nghiệt tỳ
60) Phộc nhật lộ na-nga đế
61) Phộc nhật lộ nạp-bà phệ
62) Phộc-nhật la tam bà phệ
63) Phộc-nhật lê, phộc-nhật lê noa
64) Phộc-nhật lãm bà phộc đổ, ma ma (Xưng tên, cầu điều cần làm)
65) Tát lị lam, tát phộc tát đát-phộc
66) Nan tả, ca dã, bả lị truật đệ
67) Tát phộc nga để, bả lị truật đệ thất giả
68) Tát phộc đát tha nga đá
69) Tam ma sa phộc sa
70) Địa sắt-xỉ đế
71) Tát phộc đát tha nga đá thất-giả hàm
72) Tát ma sa-phộc tát diễm đổ
73) án_ Tất-địa dã, tất-địa dã
74) một đình, một đình
75) Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã
76) Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã
77) Mộ tả, mộ tả
78) Vĩ mộ tả dã, vĩ mộ tả dã

79) Thú đà dã, thú đà dã, vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã
80) Tam mãn đá đát bả lị mô tả dã
81) Tam mãn đá la thấp-minh, bả lị truật đệ
82) Tát phộc đát tha nga đa tam ma dã
83) Địa sắt-xá nẵng
84) Địa sắt-xỉ đế
85) Án_ Mẫu nại-lê, ma hạ mẫu nại-la
86) Mẫu đát-la bát ná
87) Địa sắt-xỉ đế
88) Sa-phộc hạ

20/09/1997

Mật Tạng Bộ 2_ No.974B (Tr.384_ Tr.385)

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Phạn văn : HOẰNG PHÁP Đại Sư
Hán dịch : Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ
Phạn Việt dịch : HUYỀN THANH

NAMO BHAGAVATE
Nẵng mồ bà nga phộc đế (Quy mệnh Thế Tôn)

TRAILOKYÀ
Đát-lạt lộ-chỉ dã (Ba đời hoặc ba cõi)

PRATIVI'SIṢṬAYA
Bát-la để vĩ thủy sắt-tra dã (Tối thù thắng)

BUDDHÀYA
Một đà dã (Đại Giác)

BHAGAVATE
Bà nga phộc đế (Thế Tôn)
*) Phần trên là : **Đệ Nhất Quy Kính Đức Môn**

TADYATHÀ
Đát nễ-dã tha (Ấy là, hoặc liền nói)

OṂ
Án (Ba Thân, Vô Kiến Đỉnh Tướng)
*) Phần trên là **Đệ nhị chương biểu** (Biểu thị sáng tỏ) **Pháp Thân Môn**

VI'SODHAYA VI'SODHAYA
Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã (Thanh tịnh)

SAMA SAMA SAMANTÀVABHASA
Sa ma, sa ma, sa mãn đá phộc bà (Chiếu diệu khắp cả)

SPHARAṆA
Sa-phả la noa (Duỗi tràn khắp nơi)

GATI GAHÀNA
Nga để, nga hạ nẵng (Rừng 6 nẻo đông đúc)

SVÀBHÀVA VI'SUDDHE
Sa-phộc bà phộc, vĩ truật đệ (Tự nhiên thanh tĩnh)

*) Phần trên là **Đệ tam Tĩnh trừ ác thú môn**

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ

A tị tru tả đổ hàm (Quán đỉnh cho tôi)

SUGATA

Tố nga đá (Thiện Thệ)

VARA VACANA

Phộc la, phộc tả nẵng (Lời giảng dạy thù thắng)

AMṚTA ABHIṢAIKAI MAHÀ MANTRA PADAI

A mật-lị đa tị sái kế, ma ha mạn đát-la bả nãi (Cam Lộ, cũng nói là Câu Quán Đỉnh Bất Tử)

AHARA AHARA

A hạ la, a hạ la (Nguyện xin nhiếp thọ, nhiếp thọ, nhiếp thọ. Lại do dùng 3 lần để nhiếp thắng các khổ não)

ÀYUḤ SANDHARAṆI

A dữu tán đà la ni (Trụ vững chắc giữ gìn Thọ Mệnh)

*) Phần trên là : **Đệ tứ Thiện Minh Quán Đỉnh môn**

'SODHAYA 'SODHAYA GAGANA VI'SUDDHE

Thú đà dã, thú đà dã, nga nga nẵng, vĩ truật đệ (Như Hư Không thanh tĩnh)

UṢṆÌṢA

Ô sắt-ni sái (Phật Đỉnh)

VIJAYA VI'SUDDHE

Vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ (Tôn Thắng thanh tĩnh)

SAHÀSRA RA'SMI

Ngàn ánh sáng

SAṂCODITE

Tán tổ nễ đế (Cảnh giác)

SARVA TATHÀGATÀVALOKANI ṢADBÀRAMITÀ PARIPURAṆI _ SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

Tát phộc đát tha nga đa phộc lộ già nãnh, sa tra-bá la nhĩ đá , ba lị bố la ni. Tát phộc đát tha nga đa hột-la ná dã địa sắt-xá nẵng, địa sắt-xỉ đá (Nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

MAHÀ MUDRI

Ma hạ mẫu nại-lê (Ấn Khế)

VAJRAKÀYA SAMHÀTA VI'SUDDHE

Phộc nhật-la ca dã, tăng hạ đá nẵng, vĩ truật đệ (Kim Cương câu tỏa thân thanh tịnh)

SARVAVARAṆI PAYA DRARGATI PARIVI'SUDDHE

Tát phộc phộc la noa, bá dã, nạp lị-nghiệt để, bả lị vĩ truật đệ (Tất cả chướng thanh tĩnh. Ấy là : Nghiệp chướng, Báo chương, Phiền Não chướng đều thanh tịnh)

*) Phần trên là : **Đệ ngũ Thần Lực gia trì môn**

PRATINI VARTTAYA ÀYUḤ 'SUDDHE

Bát-la để nãnh, miệt la-đa dã, a dục truật đệ (Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh)

SAMAYA ADHIṢṬITE

Tam ma dã địa sắt-xỉ đế (Thệ nguyện gia trì)

MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

MA ni, ma ni, ma ha ma ni (Báu của Thế Gian cũng nói là Pháp Bảo, ấy là tư lương của 2 loại Phước Tuệ)

*) Phần trên là : **Đệ lục Thọ mệnh tăng trưởng môn**

TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE

Đát đạt đá, bộ đa cú trí, bả lị truật đệ (Chân Như thật tế tràn đầy thanh tịnh)

VISPHUṬA BUDDHI 'SUDDHE

Vĩ sa-phổ tra, một đà, truật đệ (Hiển hiện Trí Tuệ thanh tịnh)

JAYA JAYA _ VIJAYA VIJAYA

Nhạ dã, nhạ dã. Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã (Tối thắng, tối thắng. Tức là Chân Tục Nhị Đế Pháp Môn)

SMARA SMARA

Sa-ma la, sa-ma la (Niệm trì Định Tuệ tương ứng)

*) Phần trên là : **Đệ thất Định Tuệ tương ứng môn**

SARVA BUDDHÀ

Tát phộc một đà (Tất cả chư Phật)

NAMO VIPA'SYANE TATHÀGATÀYA

Nẵng mô Tỳ Bà Thi Ninh đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai)

NAMO 'SIKHINE TATHÀGATÀYA

Nẵng mô Thi Khí nẵng đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Thi Khí Như Lai)

NAMO VI'SABHÙ TATHÀGATÀYA

Nẵng mô Tỳ xá phù-phệ đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai)

NAMO KRAKASAṂDHAYA TATHÀGATÀYA

Nẵng mô Ca-la câu tôn đà dã đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai)

NAMO KANAKAMUṆIYE TATHÀGATÀYA

Nẵng mô ca nẵng ca mâu ni nẵng duệ đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai)

NAMO KA'SYAPAYA TATHÀGATÀYA

Nẵng mô Ca diệp bà dã đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Ca Diệp Như Lai)

NAMO 'SAKYAMUṆIYE TATHÀGATÀYA

Nẵng mô Thích Ca Mâu Ni nẵng duệ đát tha nghiệt đa dã (Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai)

NAMO ÀRYA AVALOKITE'SVARAYA BODHISATVA

Nẵng mô a lợi-gia phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la dã, mạo địa tát đa-phộc (Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)

ADHIṢṬITA 'SUDDHE

Địa sắt-xỉ đa, truật đệ (Gia trì thanh tĩnh)

VAJRI VAJRAGARBHE

Phộc nhật-lị, phộc nhật-la nghiệt tỳ (Kim Cương Tạng)

VAJRÀ BHÀVATU

Phộc nhật-la, bà phù đổ (Nguyện thành Kim Cương)

MAMA

Ma ma (Tôi, tự xưng tên họ…Nếu vì người khác thì xưng tên họ của người ấy)

*) Phần trên là : **Đệ bát Kim Cương cúng dường môn**

‘SARIRAṂ SARVA SATVANAṂCA KAYA PARIVI’SUDDHE

Thiết lị lam, tát phộc tát đát-phộc nan tả, ca dã, bả lị vĩ truật đệ (Tất cả Thân Hữu Tình được thanh tịnh)

SARVA GATI PARI’SUDDHE

Tát phộc nga để, bả lị truật đệ (Tất cả các nẻo đều thanh tịnh)

SARVA TATHÀGATA’SCA ME SAMA ‘SVASA YAṂTU _ SARVA TATHÀGATA SAMÀ ‘SVASA ADHIṢṬATE

Tát phộc đát tha nghiệt đa thất giả, minh tam ma , thấp phộc sa diễm đổ. Tát phộc đát tha nghiệt đa tam ma thấp-phộc sa, địa sắt-xỉ đế (Tất cả Như Lai an ủi khiến được gia trì)

BUDDHYA BUDDHYA _ VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Một địa-dã, một địa-dã. Vĩ một địa-dã, vĩ một địa-dã (Sỡ Giác, sở giác)

BODHAYA BODHAYA_ VIBODHAYA VIBODHAYA

Mạo đà dã, mạo đà dã. Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã (Hay khiến cho Giác Ngộ. Hay khiến cho có sự tinh tốc được Giác Ngộ)

SAMANTA PARI’SUDDHE

Tam mãn bả bả lị truật đệ (Thanh tịnh tràn ngập khắp)

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬATE

Tát phộc đát tha nghiệt đa hột-lị ná dã, địa sắt-xá nẵng, địa sắt-xỉ đa (Nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

MAHÀ MUDRI

Ma ha mẫu nại-lị (Đại Ấn, ấy là Như Lai Đại Ấn)

*) Phần trên là : **Đệ cửu Phổ chứng thanh tĩnh môn**

SVÀHÀ

Sa-phộc hạ (Cát tường, thành tựu)

SAMAPTA (Kết thúc, chấm hết)

*) Phần trên là : **Đệ thập thành tựu niết Bàn môn**

Thầy dạy rằng : Đà La Ni này có 9 bản là các Bản dịch của Đỗ Hành Khải, Nguyệt Chiếu Tam Tạng, Nghĩa Tịnh Tam Tạng,Phật Đà Ba Lị , Thiện Vô Úy Tam Tạng, Kim Cương Trí Tam Tạng, Bất Không Tam Tạng, Bản chú thích của Pháp Sùng, Phạn Bản sở truyền của Hoằng Pháp Đại Sư.

Nay dùng Bản Phạn của Hoằng Pháp Đại Sư và bản dịch của Tam Tạng Kim Cương Trí thêm chữ cho đầy đủ thành bản Hán Phạn song đối. Hoằng Pháp Đại Sư ở Nhật Bản được ngài Huệ Quả A Xà Lê trao cho bản Phạn bằng lá cây Đa La , trong đó có ghi Phạn Hiệu của 7 vị Phật và Quán Âm nên khác với bản Phạn khác, mong người đời sau biết cho

Luật Cửu năm thứ hai_ Tân

21/09/1997

Mật Tạng Bộ 2 _ No.974C (Tr.386_ Tr.388)

GIA CÚ LINH NGHIỆM PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI KÝ

(Ghi sự linh nghiệm về việc thêm câu của Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni)

Hán văn : Triều Nghị Đại Kiêm Thị Ngự Sử VÕ TRIỆT thuật
Việt dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni là Tạng Bí Mật của hết thảy Như Lai gồm hết các Pháp Môn Trí Ấn của Đại Nhật Như Lai, lành tốt trong sạch phá hết thảy đường ác. Đà La Ni có Đại Thần Lực vậy. Đây là Bản do Ngài Phật Đà Ba Lị truyền trong năm Nghĩa Phụng, khắp Thiên Hạ trì tụng rất nhiều. TRIỆT từ thuở nhỏ cũng thường trì niệm. Đầu năm Vĩnh Thái, sau khi có tang vợ lại càng thêm chuyên tâm cầu Pháp Xuất Ly. Khi đó trong Điện có ông Thị Ngự Sử TƯƠNG NA cũng thường trì tụng Đà La Ni này. Một ngày kia, trong Thất riêng, tự đến mà nói rằng*:" Nay được Đạo rốt ráo phi thường khó gặp*" TRIỆT cung kính hỏi ra mới biết là Tôn Thắng Đà La Ni vậy.Bảo cần nên tụng, câu văn có nhiều tiếng khác, liền lạy mà tụng . (Tương Na) lại nói **:" Ta nhận ở nơi Vương Khai Sĩ. Khai Sĩ thọ nơi Kim Cương Trí Tam Tạng. Sư nói *:" Tây Quốc*** (Ấn Độ) ***cũng ít có Bản này. Ta đem Bản Phạn bí mật truyền cho".*** Đọc tụng khen là việc kỳ lạ, nếu không cầu Bản đó thì thật lấy làm tiếc. Về sau, mỗi khi gặp Tịnh Sĩ đều cầu hỏi. Bỗng gặp được Tế Công có văn bản này.

Trong năm Khai Nguyên, ở dưới núi Ngũ Đài có một cư sĩ tịnh tu họ Vương có việc phải đi xa. Sau khi trở về thì cha mất không nhìn được mặt, nên chí tâm tụng Tôn Thắng Đà La Ni số hơn 10 vạn biến, chí thành cầu nguyện cho thấy được cha sanh về cõi nào, nhưng vẫn không thấy, muốn bỏ xuống núi. Bỗng gặp một Lão Nhân bảo cư sĩ rằng*:" Nhân Giả trì niệm thật là khổ nhọc ! Nhưng câu văn phần nhiều sai sót. Nay Ta trao cho Bản đầy đủ*". Cư sĩ lạy rồi nhận lấy. (Lão Nhân) lại nói *:" Có thể tụng Ngàn biến một ngày* " Bỗng nhiên vào lúc nửa đêm, nghe ngọc khua sáo thổi xuống nơi đình chùa. Bấy giờ cư sĩ sợ hãi đứng dậy nhìn xem, thấy chư Thiên số có 10 người vây quanh một vị Trời. Vị đó hỏi trước rằng:"*Ngươi có biết Ta không* ?". Cư sĩ trả lời:" *Không biết* ". Vị Trời nói rằng*:"Ta tức là cha ngươi.Do năm nay, ngươi tụng Tôn Thắng Đà La Ni mà Ta được Thần Lực như vầy. Từ đó về sau Phước càng tăng thêm, không biết ngươi được Bản nào?Từ ấy đến nay , Ta nhờ sức của ngươi mà được làm vua Thiên Tiên. Nên biết chỗ trì niệm của ngươi công hiệu không thể lường được*". Nói xong liền bay đi. Cư sĩ cảm thán lễ lạy, từ đó lại thêm tinh tấn.Sau khi đến Đông Kinh, có một Học Sĩ tu hành là Vương Thiếu Phủ cũng có Bản Tôn Lắng của Ngài Ba Lỵ , tụng trì đủ số một vạn. Bỗng nhiên ở trong đêm, mộng thấy một vị Phạm Tăng đi lại bảo Thiếu Phủ rằng*:"Hiền Giả niệm tụng rất tinh thành, nhưng Bản Văn có sai thiếu nên không đủ công lực"*. Vương Thiếu Phủ

cúi lạy cầu thỉnh văn chính.Phạm Tăng bèn trao cho Bản có câu văn đầy đủ. Ghi lại rồi tiễn vị Tăng ra khỏi cửa, ánh sáng tỏ như ban ngày, cho đến nơi giường thấy tôi tớ đang ngủ, bất giác la lên*:" Sáng rồi*". Tôi tớ nói*:" Nay mới nửa đêm*", bỗng nhiên ánh sáng lần lần tắt. Vương Thiếu Phủ thấy việc lạ lùng, mhắm mắt mà tụng cho đến sáng càng thêm tinh cần.

Đầu năm Thiên Bảo, Ngũ Đài Sơn Vương Khai Sĩ và Vương Thiếu Phủ ở Đông Đô đều không biết nhau, bỗng nhiên Vương Thiếu Phủ bị chết thình lình, 7 ngày sau sống lại. Trong Thành đều mừng rỡ , thảy đều hỏi thăm Cư Sĩ. Khi ấy Vương Khai Sĩ cũng đến hỏi thăm lý do sống lại. Vương Thiếu Phủ nói:" Đầu tiên Ta đang nằm, bỗng nhiên thấy 2 Sứ Giả đến bắt Ta đem đi, trải qua 10 dặm đến dưới gốc cây lớn. Hai Sứ Giả ngồi nghỉ, Ta cũng vậy. Bỗng nhớ đến Tôn Thắng, liền nhắm mắt tụng 21 biến, mở mắt ra xem thì không thấy 2 Sứ Giả. Bỗng chốc có 4 người đến quỳ rồi nói rằng*:" Nhân Giả tu hành thế nào mà được lợi ích như thế ? Hai Sứ Giả đến bắt Ngài cũng được sanh Thiên* ".Vương Thiếu Phủ nói:" *Tôi chỉ tụng Tôn Thắng Đà La Ni*". 4 người kia nói:" *Xin do Công Đức Lực này,. Vì Đệ Tử mà tụng vậy để cứu bạt khổ nạn*" Vương Thiếu Phủ nhắm mắt tụng 21 biến, mở mắt ra lại không thấy 4 người kia. Thoắt chốc, trong Hư Không lại nghe tiếng Mâu Giáp khua vang. Có một vị áo đỏ mặc Giáp , tùy tùng rất nhiều, đến trước mặt quỳ gối thưa rằng:" *Tôi là Ngũ Đạo Minh Tư, tuy địa vị rất là tôn quý nhưng vẫn là Thần Đạo, mong được sanh Thiên, 6 người kia do Pháp lực của Thầy mà được sanh Thiên Nay xin thỉnh Ngài đến chỗ con mà tụng, mong chút Phước Ấm*". Ta cùng đi đến một ngôi nhà chu vi 10 dặm. Ở đây toàn là tội nhân bị cùm trói hành phạt, trao khảo đánh đập. Vị Thần mời Vương Thiếu Phủ lên Tòa cao, còn mình thì quỳ ở dưới lắng nghe. Vương Thiếu Phủ nhắm mắt lại chí tâm tụng 49 biến, mở mắt ra xem không có lấy một người, chỉ toàn thấy gông cùm xiềng xích gẫy nát. Vương Thiếu Phủ sợ quá không biết là do đâu. Bỗng nhiên có 4 người đến nói*:" Lệnh vua sai đến bắt vì làm loạn cõi Âm, dám phá cõi của Ta"*. Liền bắt Vương Thiếu Phủ vào một hang trống rồi cho sống lại. Quả thật, Tôn Thắng Đà La Ni có thần lực không thể nghĩ bàn".

Ngay lúc đó, Ngũ Đài Son Vương Khai Sĩ và Vương Thiếu Phủ đều cùng nói rõ Bản Trì Tụng, xem lại câu văn thảy đều giống nhau như một Bản, hai người cùng lạy tạ. Vương Sơn Nhân nói*:" Bản của tôi thọ nơi Thánh Công Ngũ Đài Sơn*". Vương Thiếu Phủ nói:" *Bản của tôi thọ nơi Kim Cang Trí Tam Tạng có để trong rương Phạm"*.Ba người cùng xem xét lại , thấy giống nhau như một. Nên biết chúng sanh nghe Pháp có lúc lưu truyền Giáo Pháp , cũng có lúc cảm thán, Thế Gian chân thật khó có. Đây là lấy từ Phạn Bản của Kim Cang Trí Tam Tạng, còn Truyền Bản của Ngài Phật Đà Ba Lị cũng có câu văn đồng nhau. Như trong Bản cũ có 9 câu 69 chữ. Ngoài Ba Lị Tăng Huệ Lâm nhân lúc sửa Đại Tạng Mục Lục chua nhập vào Tạng Kinh hơn 600 quyển cùng với Bản của Võ Triệt Đà La Ni Cảm Ứng Thần Nghiệm thảy đều y nhau. Tựa của quyển , năm Nguyên Hòa thứ 14, Ất Sửu. Tương Đại Phu triều trước với đồng sự là Xá Nhân Trương Thừa Phước cùng trăm Trai Tăng mỗi mỗi đều thọ trì Tôn Thắng Đà La Ni có công hiệu, từng bị Minh Tư (cõi Âm) bức bách , do oai lực bất khả tư nghị của Chân Ngôn mà không bị khổ lại còn

cứu bạt các khổ cho quần sanh. Có ghi nơi Truyện" *Lâm ở Thành Đô Phủ*" được chép trong Tạng Kinh vào thời Như Ý, năm thứ hai, tháng 3, ngày 13

SỰ CẢM ỨNG CỦA PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Khai Nguyên, năm thứ 26, mùa Đông. Có Thần Đô Trương Phiếu Trưởng Sử, từ thuở nhỏ đã hiếu dưỡng cha mẹ. Sau khi cha mẹ chết bị trầm luân nơi Ác Đạo. Do thành tâm báo ân, luôn nghĩ cứu độ, bèn vào trong núi tụng trì Tôn Thắng Đà La Ni , chí thành cầu nguyện mong thấy vong linh cha mẹ được sanh về cõi an lạc. Ngày ngày đọc tụng không dứt, trong 6 năm vẫn không thấy hiệu nghiệm nên muốn thoái tâm. Bỗng nhiên thấy một ông già dung mạo khác thường nói rằng:"*Đây không phải là Chú không linh nghiệm, cũng không phải là người không tận lực . Nhưng tại vì cách Phật khá xa, phiên dịch phần lớn thiếu sót rất nhiều".* Ông lão liền truyền miệng cho.*"Nay sao lục một Bản y câu văn ,tụng trì mãn 7 ngày tất được thấy cha mẹ"* Liền y theo Khẩu Quyết của ông lão, chí tâm lễ lạy, ngước đầu lên thì ông lão biến mất, không rõ là Hiền Thánh nơi nào, sợ hãi vô cùng, càng thêm chí thành , y như lời dạy của Văn Bản chuyên tâm thọ trì. Trải qua 6 ngày, tức vong linh cha mẹ đều đến, thương tiếc khôn nguôi, buồn vui lẫn lộn là lẽ đương nhiên, rồi nói rằng*:" (Chúng ta)bị đọa trong Địa Ngục lớn, thọ các khổ, trải qua nhiều năm. Nhờ công lực chí thành của con, nay gần được sanh Thiên. Nay từ cõi Tiên mà xuống cùng con gặp nhau*". Oai quang và tướng cũng đổi thay, thuật lại đầy đủ các nhân duyên như khi còn sống. Phàm làm con hiếu, xem được việc cảm ứng này sao lại không để tâm nơi lời Thánh dạy, không cần biết đến, chạy theo 6 Tình, ham đắm Dục Lạc thì được ích gì ? !... Như Thích Tử Mục Liên cứu mẹ , việc này có trong sách sử. Trưởng Sử chí thành mà có cảm ứng như vậy. Sau lại có Tăng Truyện, tụng niệm được Xá Lợi và Cảnh Giới rất nhiều. Sau đến Đông Đô ghi lại việc này vì muốn cho người biết được để làm theo mà lưu truyền cho Đệ Tử nhà Phật. Trường Khánh năm thứ ba, tháng 4, trung tuần, Huyện Úy Mã Dương Thu Mãn trước ở Phụng Thiên . sau dời về núi Bổ , trụ ở Đông Thành Thạch Tử, Phường Cựu Đệ , trì Bản Tôn Thắng của Ba Lợi 15 năm chưa từng bỏ qua. Sau lại đến núi Bổ trải qua nhiều tháng, bỗng nhiên mộng thấy một vị Thần mặc giáp, dung mạo khác thường nói rằng*:" Ngươi chí thành trì tụng Chân Ngôn này sao lại không đến chùa Cảnh Phước phường Đông Lang ? Có một vị Tăng trì niệm Bản Tôn Thắng linh nghiệm. Nếu trì thì công lực tăng thêm rất nhiều*". Nghe rồi rất sợ hãi, mồ hôi tuôn ướt áo, mong sáng để đi đến gặp vị Tăng kia. Sau nhiều ngày mới được gặp vị Tăng đó, Pháp Danh là Nghĩa Truy. Gặp rồi thưa hỏi, quả nhiên vị này đã tu Pháp Môn đó từ lâu, xa gần đều theo học. Tăng hỏi rằng*:" Có việc gì mà đến đây ?*" (Mã Dương Thu Mãn) ngồi xuống xong xuôi mới trình bày việc trong mộng. Truy nói:" *Lạ thay ! Lạ thay ! Ta cất Bản này, xưa nay chưa ai biết được. Nay ông được Thần Nhân chỉ dẫn. Ta không dám cất dấu*". Rồi bảo Đệ Tử đem tráp đến mở ra , đúng thật là chân truyền. Nhận xong liền trở về xem lại Bản cũ của Ba Lợi có rất nhiều sai sót, mới y Pháp tu hành theo Bản mới, thần nghiệm vô cùng. Được truyền Tôn Thắng Du Già,

2 quyển mới biết Thánh dạy rõ ràng, làm các Pháp Độ không thể dùng Phàm Trí. Ghi lại nhân duyên truyền cho người cùng chí hướng.

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Nam mô bà nga phạ để, đát ra lộ chỉ dã, bát ra để vĩ thỉ sắt tra dã, một đà dã, bà nga phạ để.

Đát nễ dã tha : Úm_ Vĩ thuật đà dã, vĩ thuật đà dã. Sa ma sa ma, tam mãn đa phạ bà sa, sa bạt ra nõa nga để nga ha nẵng, sa phạ bà phạ, vĩ thuật đệ. A tỳ tiến tả đô hàm, tát nga đa, a dữu tán đà, a mật lật đa tỳ kế. A ha ra , a dữu tán đà ra ni, thú đà dã thú đà dã. Nga nga nẵng vĩ thuật đệ. Ô sắc nị sái vĩ nhạ dã, vĩ thuật đệ. Sa ba sa ra , ra thấp minh, tán tổ nễ để.

Tát phạ đát tha nga đa, phạ lô yết nễ sa tra bà ra mật đa bà lợi đế ra ni.

Tát bà đát tha nhiệt đa ngật lị đà dã,địa sắt sa nẵng, địa sắc xỉ đa, ma ha mẫu nại ra. Phạ nhật ra ca dã, tăng ha đa nẵng, vĩ thuật đệ.

Tát phạ ra nõa bà da đột lật yết đế , bạt lị thuật đệ. Bát ra để ninh tỳ a đa dã dục, thuật đệ. Tam ma dã, địa sắc xỉ đế.

Ma ninh, ma ha ma ninh.Đát khuyết đà bộ đa câu trí , bạt lị thuật đệ. Vĩ sa phổ tra một trì thuật đệ.

Nhạ dã, vĩ nhạ dã. Sa ma ra, sa ma ra. Tát phạ một đà, địa sắc xỉ đa thuật đệ. Phạ nhật rị , phạ nhật ra, tát bệ phạ nhật lam, bà phạ đô, ma ma (Xưng tên) Xá lợi lam. Phạ tát đỏa nẫm dã, ca da, bạt lị thuật đệ.

Tát phạ nga đế, bạt lị thuật đệ.

Tát phạ đát tha nghiệt đa, thất dã, minh ma thấp phạ bà diễn đô.

Tát phạ đát tha nghiệt đa, ma thấp phạ sa, địa sắc xỉ đế.

Một địa dã, vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã, tam mãn đa , bạt lị thuật đệ

Tát phạ đát tha nghiệt đa, ngật lị đà dã, địa sắc sá nẵng, địa sắc xỉ đa, ma ha mẫu nại ra, tát phạ ha

GIA CÚ LINH NGHIỆM TÔN THẮNG ĐÀ LA NI
(Một quyển_ Hết)

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI
GIA TỰ CỤ TÚC BẢN

Nẵng mô bà nga phộc đế,Đát-lại chỉ dã, Bát-la để , vĩ thủy sắt-tra dã,Một đà dã, bà nga phộc để

Đát nễ-dã tha : Án_Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã

Sa ma sa ma, tam mãn đá phộc bà sa

Sa-phả la noa, nga để, nga hạ nẵng,Sa-phộc bà phộc, vĩ truật đệ

A tị tru tả đổ hàm

Tố nga đá, phộc la, phộc tả nẵng.A mật-lật đá tị sái kế,ma hạ mạn đát-la bả nãi.A hạ la, a hạ la.A dữu, tán đà la ni.Thú đà dã, thú đà dã.Nga nga nẵng, vĩ truật đe.Ô sắt-ni sái vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ

Sa ha sa-la , la thấp-minh, tán tổ nễ đế

Tát la-phộc đát tha nga đá, phộc lộ ca nãnh

Sa tra-bá la nhĩ đá, bả lị bố la ni

Tát la-phộc đát tha nga đá hột-lị ná dã.Địa sắt-xá nẵng, địa sắt-xỉ đá.Ma hạ mẫu nại-lị.Phộc nhật-la ca dã, tăng hạ đá nẵng, vĩ truật đệ

Tát la-phộc phộc la noa , bá dã, nạp nghiệt để, bả lị vĩ truật đệ

Bát-la để nãnh , miệt la-đá dã.A dục, truật đệ.Tam ma dã, địa sắt-xỉ đế

Ma ni, ma ni, ma ha ma ni

Đát đạt đá, bộ đa cú trí, bả lị truật đệ

Vĩ sa-phổ tra , một địa, truật đệ

Nhạ dã, nhạ da.Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã

Sa-ma la, sa-ma la

Tát la-phộc một đà, địa sắt-xỉ đa, truật đệ

Phộc nhật-lị, phộc nhật-la nghiệt tỳ.Phộc nhật-lam, bà phộc đổ

Ma ma (Xưng tên…..) **Thiết lị ổn, tát la-phộc tát đát-phộc nan tả, ca dã, bả lị vĩ thú đe.Tát la-phộc nga để, bả lị truật đệ**

Tát la-phộc đát tha nghiệt đa thất-giả, minh tam ma thấp-phộc sa diễm đỗ

Tát la-phộc đát tha nghiệt đa, tam ma thấp-phộc sa, địa sắt-xỉ đế

Một địa-dã, một địa-dã

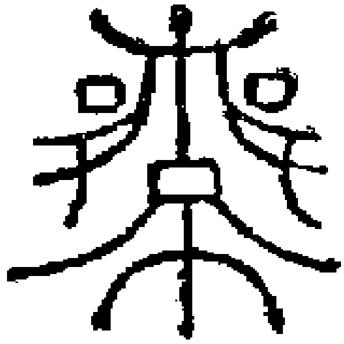
Vĩ một địa-dã, vĩ một địa dã

Mạo đà dã, mạo đà dã

Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã

Tam mãn đá , bả lị truật đệ

Tát la-phộc đát tha nghiệt đá hột-lị ná dã.Địa sắt-xá nẵng, địa sắt-xỉ đa.Ma hạ mẫu nại-lị, Sa-phộc ha



Đà La Ni này trong Bản của Thiên Trúc Tam Tạng THIỆN VÔ ÚY đem truyền tại cõi này. PHẬT ĐÀ BA LỢI lại đem lưu truyền các Bản đều thiếu. Do đây nên lấy Bản đầy đủ để lưu hành

11/11/2003

GHI CHÚ NGHĨA CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Hán dịch : Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí
BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch : HUYỀN THANH

Nẵng mô bà nga phộc đế (Quy mệnh Thế Tôn)
NAMO BHAGAVATE
Đát-lạt lộ chỉ-dã (3 đời, 3 cõi)
TRAILOKYA
Bát-la để vĩ thủy sắt-tra dã (Tối thù thắng)
PRATIVI'SIṢṬAYA
Một đà dã (Đấng Đại Giác)
BUDDHÀYA
Bà nga phộc đế (Thế Tôn)
BHAGAVATE
Đát nễ-dã tha (Ấy là, liền nói Chú)
TADYATHÀ
Án (Tất cả Pháp vốn chẳng sinh, cũng nói là 3 Tạng, Như Lai Vô Kiến Đỉnh Tướng)
OṂ
Vĩ thú đà dã (Tĩnh trừ), **vĩ thú đà dã**
VI'SODHAYA VI'SODHAYA
Sa ma, sa ma, tam mãn đa phộc bà sa (Chiếu diệu khắp mọi nơi)
ASAMA SAMA SAMANTA AVABHÀSA
Sa-phả la noa (Giang duỗi vòng khắp)
SPHARAṆA
Nghiệt để, nga ha nẵng (Rừng đông đúc của 6 nẻo)
GATI GAHÀNA

Sa-phộc bà phộc, vĩ thuấn đệ (Tự Tính thanh tĩnh)

SVABHÀVA VI'SUDDHE

A tỳ tru giả đổ hàm (Quán Đỉnh cho tôi)

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ

Tố nghiệt đa (Thiện Thệ)

SUGATA

Phộc la, phộc giả nẵng (Lời dạy bảo Thù Thắng)

VARA VACANA

A mật-lị đa tỳ sái kế (Cam Lộ Quán Đỉnh, cũng nói là Bất Tử Cú Quán Đỉnh. Cam Lộ là Pháp Thân Giải Thoát)

AMṚTA ABHIṢEKAI

A ha la, a ha la (Nguyện xin nhiếp thọ. Nguyện rũ lòng thương nhiếp thọ. Cũng nói là Hoại khắp cả , thoát các khổ não)

ÀHARA ÀHARA

A dục, tán đà la ni (Nhận giữ gìn Thọ mệnh)

ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ

Thú đà dã, thú đà dã (Thanh tĩnh)

'SODHAYA 'SODHAYA

Nga nga nẵng, vĩ thú đệ (Như hư không thanh tĩnh)

GAGANA VI'SUDDHE

Ô sắt-nị sa vĩ nhạ dã, vĩ thuấn đệ (Phật Đỉnh Tôn Thắng thanh tĩnh)

UṢṆÌṢA VIJAYA VI'SUDDHE

Sa ha sa-la la thấp-nhĩ (1000 ánh sáng)

SAHASRA RA'SMI

Tán tổ nễ đế (Cảnh Giác)

SAṂSUDÌTI

Tát phộc đát tha nghiệt đa, địa sắt-tra nẵng, địa sắt-xỉ đa (Nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

SARVA TATHÀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Ma ha mẫu nại-lị (Ấn Khế. Nếu giải rộng là Thân Ấn, Ngữ Ấn, Tâm Ấn, Kim Cương Ấn như Lý Thú Bát Nhã có ghi)

MAHÀ MUDRÌ

Phộc nhật-la ca dã , tăng ha đa nẵng, vĩ thuấn đệ (Thanh tịnh câu tỏa Thân Kim Cương)

VAJRAKÀYA SAṂHATANA VI'SUDDHE

Tát phộc phộc la noa, bá dã nạp nghiệt để, bả lị vĩ thuấn đệ (Tất cả chướng thanh tịnh. Tất cả chướng là Nghiệp chướng, Báo chướng, Phiền Não chướng đều thanh tịnh)

SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARIVI'SUDDHE

Bát-la để nễ mạt đa dã, a dục thuấn đệ (Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh)

PRATINI VARTTÀYA ÀYUḤ 'SUDDHE

Tam ma gia địa sắt-xỉ đế (Thệ nguyện gia trì)

SAMAYA ADHIṢṬITE

Ma ni, ma ni, ma ha ma ni (Báu của Thế Gian , cũng nói là Pháp Bảo tức là Phước Đức Trí Tuệ)

MAṆI MAṆI MAHÀMAṆI

Đát tha đa , bộ đa cú trí, bả lị thuấn đệ (Chân Như Thật tế tràn đầy thanh tịnh)

TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE

Vĩ tát-phổ tra , một địa, thuấn đệ (Hiển hiện Trí thanh tịnh)

VISPHUṬA BUDDHI 'SUDDHE

Nhạ dã, nhạ dã (Tối thắng, tối thắng là 2 Đế Chân Tục)

JAYA JAYA

Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã (Thù thắng, thù thắng là 2 Môn Bi Trí)

VIJAYA VIJAYA

Sa-ma la, sa-ma la (Niệm trì Định Tuệ tương ứng)

SMARA SMARA

Tát phộc một đà địa sắt-xỉ đa, thuấn đệ (Tất cả Phật gia trì thanh tịnh)

SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ‘SUDDHE

Phộc nhật-lệ (Tâm Bồ Đề kiên cố như Kim Cương)

VAJRÌ

Phộc nhật-la nghiệt bệ (Chứng Kim Cương Tạng)

VAJRAGARBHE

Phộc nhật-lam bà phộc đổ (Nguyện thành Kim Cương)

VAJRÀṂ BHAVATU

Ma ma (Tôi, họ tên… Nếu vì người khác niệm tụng thì xưng tên của người đó)

MAMA

Thiết lị ổn, tát phộc tát đát-phộc nan tả, ca dã, vĩ thuấn đệ (Tất cả thân Hữu Tình đều thanh tịnh)

‘SARIRAṂ SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA VI’SUDDHE

Tát phộc nghiệt để, bả lị thuấn đệ (Tất cả các nẻo đều thanh tịnh)

SARVA GATI PARI’SUDDHE

Tát phộc đát tha nghiệt đa, tam ma thấp-phộc sa, địa sắt-xỉ đế (Tất cả Như Lai an ủi khiến được gia trì)

SARVA TATHÀGATA SAMA ‘SVASA ADHIṢṬITE

Một-dạ, một-dạ, mạo đà dã (Khiến ngộ Năng Giác, khiến ngộ Năng Giác)

BUDDHYA BUDDHYA BODHAYA

Thuấn đệ (Thanh tịnh khắp cả)

‘SUDDHE

Tát phộc đát tha nghiệt đa, địa sắt-tra nẵng, địa sắt-xỉ đa (Nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

SARVA TATHÀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Ma ha mẫu đát la (Núi Đại Ấn, nhập vào Tỳ Lô Giá Na Man Trà La thọ Quán Đỉnh, sau đó Quán Đỉnh Sư nhận được Bản Tôn Du Già Tam Ma Địa, quán Trí nhất niệm tĩnh tâm. Du Già tương ứng Hành Giả, Biệt Tôn Tâm đẳng đồng với Tỳ Lô Giá Na và các Bồ Tát. Hay hiện nhập tướng thành tựu, mau chứng Trí Tát Bà Nhã)

MAHÀ MUDRA

Sa-phộc ha (Niết Bàn. Có 4 loại Niết Bàn là : Tự Tính Thanh Tịnh Niết Bàn, Hữu Dư Y Niết Bàn, Vô Dư Y Niết Bàn, Vô Trụ Xứ Niết Bàn)

𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SVÀHÀ

Như trên đã chú thích, dùng Đường (Chữ Hán), Phạm (Chữ Phạn) song đối mà hiển rõ yếu lĩnh của câu cú

Bảo Vĩnh, năm thứ hai, mùa Đông tháng 12, ngày 03. Dùng Như Lai Tạng Bản ghi chép xong.

Cốc Đâu Suất, Viện Kê Đầu. Xà Lê NGHIÊM GIÁC

Vĩnh Bảo , năm thứ ba, Mậu Tuất, tháng 9 khiến được nhẫn tả, giảo chính xong. TỪ NGUYÊN

Văn Chính, năm thứ sáu, Quý Mùi, tháng 6. Dùng Bản của Viện Chân Ngôn trên núi Đông Dung, nhờ người khác ghi chép rồi tự xem xét xong.

LONG CAN

01/08/2006

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI CHÂN NGÔN

Hán dịch: Không rõ tên người dịch
Việt dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Phục hồi Phạn Chú : HUYỀN THANH

Nam Mô Bạt nga phạ đề (1) đát-lặc lộ ca , bát- ra để vĩ thỉ sắc tra da (2) mẫu đà da (3) bạt nga phạ đế (4)

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVI'SISṬAYA BUDDHÀYA BHAGAVATE

Đát nễ-dã tha (5) : Úm (6) Vĩ thú đà da (7) sa ma sa mạn đa(8) phạ bà sa(9) tắc-bạt ra nõa (10) nga đế nga ha na(11) sa phạ bà phạ vĩ thuật đề (12)

TADYATHÀ : OṂ _VI'SODHAYA , SAMA SAMANTA AVABHÀSA SPHARAṆA GATI GAHÀNA SVABHÀVA VI'SUDDHE

A tỳ tiến dã đổ hàm (13) tát nga đa, phạ ra phạ dã na(14) A mật lị đa tỳ sái kế (15) a ha ra (16) a ha ra (17) a dữu tán đà ra ni(18)

ABHISIṂCA TUMÀṂ. SUGATA VARA VACANA AMṚTA ABHIṢEKAI _ ÀHARA ÀHARA ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ

Thú đà da(19) thú đà da (20) Nga nga na, vĩ thuật đề (21)

'SODHAYA 'SODHAYA GAGANA VI'SUDDHE

Ô sắc ni sa nhạ dã, vĩ thuật đề(22) sa ha tát-ra, yết ra thấp-nhị, tán chú tắc đế(23)

UṢṆÌṢA JAYA VI'SUDDHE SAHASRA RA'SMI SAṂSUDÌTI

Tát bà đát tha nga đa, địa sắc tra na, địa sắc sỉ đa, mẫu nại lệ(24) phạ nhật-la ca da , tăng ha đa na, vĩ thuật đề(25)

SARVA TATHÀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA MUDRI VAJRAKÀYA SAṂHATANA VI'SUDDHE

Tát bà phạ ra nõa, vĩ thuật đề(26)

SARVA AVARAṆA VI'SUDDHE

Bát la để nễ phộc đa da, a dữu thuật đề (27)

PRATINI VARTTAYA ÀYUḤ ‘SUDDHE

Sa ma da , địa sắc sỉ đế (28)

SAMAYA ADHIṢṬITE

Ma nễ, ma nễ (29)

MAṆI MAṆI

Đa tha đa, bộ đa câu đê, bạt lị thuật đề(30)

TATHÀTA BHÙTA KOṬI PARI’SUDDHE

Vĩ tắc-phổ tra, mẫu địa thuật đề (31)

VISPHOṬA BUDDHI ‘SUDDHE

Nhạ dã (32) nhạ dã(33) Vĩ nhạ dã (34) vĩ nhạ dã(35)

JAYA JAYA. VIJAYA VIJAYA

Tắc ma ra(36) tát bà mẫu đà, địa sắc-sỉ đa, thuật đề(37)

SMARA SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA ‘SUDDHE

Phạ nhật-lê, phạ nhật-ra nga bệ(38) phạ nhật-lam bà phạ đô(39) ma ma ta(40) Tát bà tát đỏa nẫm dã(41) ca da, vĩ thuật đề(42)

VAJRÌ VAJRAGARBHE VAJRAṂ TU MAMAṢYA SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA VI’SUDDHE

Tát bà nga đế, bạt lị thuật đề (43)

SARVA GATI PARI’SUDDHE

Tát bà đát tha nga đa(44) sa ma thấp phạ sa, địa sắc sỉ đế(45)

SARVA TATHÀGATA SAMA ‘SVASA ADHIṢṬITE

Mẫu địa dã(46) mẫu địa dã(47). Mẫu đà da(48) mẫu đà da (49)

BUDDHYA BUDDHYA BODHAYA BODHAYA

Sa mạn đa, bạt lị thuật đệ (50)

SAMANTA PARI’SUDDHE

Tát bà đát tha nga đa, địa sắc-tra na, địa sắc sỉ đế (51) ma ha mẫu niết lị(52) sa phạ ha (53)

SARVA TATHÀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ SVÀHÀ

Tôn Thắng Đà La Ni Tâm Chân Ngôn :

" Úm _ A mật lật đố bà tỳ, sa phạ ha "



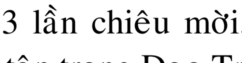
OṂ_ AMṚTA UDBHAVE SVÀHÀ

PHÁP ĐỌC ÂM PHẠN

Phàm Đà La Ni Chân Ngôn toàn là âm Phạn, chỉ lấy tiếng không lấy nghĩa. Xưa nay phần nhiều bị mất âm gốc. Vì phiên dịch văn tự có khác cho nên phần nhiều kẻ tu học nghi ngờ không quyết định, ghi không rõ ràng (Xem chú ở bên) tự quyết định cho là như thế không cần biết đúng sai. Nay Dịch Giả (Người viết Bản Kinh này bằng chữ Hán) thêm phần chú thích cho hợp với gốc rễ (xem chú ở bên) Xem lại Bản mới không sai một mảy, không nghiên cứu mà là nghiên cứu. Đây là bệnh chung của Đà La Ni. Nếu không có ghi chú ở bên thì không đọc đúng âm, y theo đây mà điều chỉnh, sở hữu chữ ở bên miệng đều do uốn lưỡi mà ra tiếng, ra vào theo 4 Âm làm gốc, hợp với Chú , 2 chữ cùng hòa một lúc đọc nhanh, đây là Nhị Hợp.

Đà La Ni này có 53 câu, trong đây cũng có một ít ngưng nghỉ, xin kẻ hậu học rõ biết từng câu để khỏi bị sai lầm (Trong mỗi câu, nghỉ một lúc. Những chữ ghi Nhị Hợp thì đọc mau) Hết thảy Phật Bộ Đà La Ni, hết thảy Bồ Tát Kim Cang Đà La Ni Chân Ngôn đồng như vậy, cũng như tên của tiếng Hán, tên của Ta… cũng có 4 âm : Bình (Đều) Thượng (cao) Khứ (mau) Nhập (nuốt vào) tiếng cùng nhau mà đọc. Theo đây âm Phạn của Nam Thiên Trúc và âm của chư Thiên là một loại. Nếu cần niệm tụng Phạm Âm , trước cần phải học Phạm Âm , chỉ có 14 âm cùng 10 âm của tiếng Hán, xem trong Phẩm Văn Tự của Kinh Niết Bàn tức ngộ được Phạm Âm . Phần dịch Kinh ở trên để riêng, đem thẳng vào sách là Ca Diếp Lợi Sa dịch. Như Học Giả thọ Chân Ngôn nơi Thầy rồi, nên lập Đạo Tràng, mỗi ngày tắm gội, mặc áo mới sạch, theo Thời niệm tụng. Nếu không đủ 4 Thời thì 2 Thời không thể thiếu. Đầu tiên khi vào Đạo Tràng , quỳ 2 gối, kết Kim Cang khởi Ấn , 2 tay Kim Cang Quyền, Đàn Huệ (2 ngón út) cùng móc nhau, Tấn Lực (2 ngón trỏ) trụ 3 lần chiêu mời. Chân Ngôn là :

"**Úm_ Ma chiết lộ để sắc tra** "



OṂ _ VAJRO TIṢṬA

3 lần chiêu mời, mỗi lần tụng một biến, tức quán chư Phật như cát sông Hằng tụ tập trong Đạo Tràng, dùng Tâm quán thành rồi liền cần vẽ Tượng.

PHÁP VẼ TƯỢNG

Phàm muốn làm Pháp thọ trì Tôn Thắng Đà La Ni Chương Cú . Trước cần vẽ Tượng. Lấy lụa trắng tốt đẹp, nhờ Đồng Nữ dệt thành 3 bức cao một trượng, trong các màu sắc không được dùng keo da (ND: Bây giờ có thể dùng hộp màu). lấy nước thơm . Người thợ vẽ cần thọ Tam Quy Ngũ Giới, mặc áo mới sạch, mỗi lần vào nhà cầu thì mỗi lần tắm gội, cho đến khi vẽ xong, cần tu Tịnh Trai không được ở cùng đàn bà, nơi chốn vẽ không được nuôi gà chó, không cho người uống rượu ăn thịt đến gần, nếu không thì làm Pháp sẽ không thành.Cẩn thận cho đến lúc vẽ xong, người làm Công Đức cùng Họa Sĩ ở lẫn lộn với kẻ khác.

Bắt đầu ngày mồng một khởi công. Nếu như khởi đầu vào ngày mồng một tháng Giêng là tốt nhất. Vẽ 5 ngọn núi Cam Lồ. Trong núi có cây cối, hoa quả, suối chảy, ao nước , chim Ca Lăng Tần Già (Kalaviñka)Cộng Mạng, sư tử, các thú. Trên đỉnh núi có hang động, trong động vẽ Thích Ca Mâu Ni ngồi Kiết Già Phu, bên phải vẽ Thiên Chủ Đế Thích cùng với hết thảy quyến thuộc vây quanh, bên trái vẽ Càn Thát Bà Nhi tên là **Thiện Trụ ,** mặt mày đoan chánh như Bồ Tát, có các Anh Lạc, mão hoa trang nghiêm, dùng miếng lụa trắng cột ở bắp tay trái, tay phải cầm cây Trượng (gậy tròn) sau đó vẽ quyến thuộc Càn Thát Bà vây quanh ca múa tấu nhạc. Hai bên Đức Phật vẽ 4 vị Thiên Vương với các Tùy Tùng. Bên trái, phía dưới vẽ Phạm Thiên Vương và tượng Ma Vương đứng. Bên phải, phía dưới vẽ Ma Hê Thủ La. Hướng dưới, trong nước có Long Vương màu trắng và đỏ.

Vẽ Tượng xong, thiết lễ Trai Tăng 49 vị. Sau đó, đeo treo trong Đạo Tràng 49 ngày niệm tụng không được ra khỏi Đạo Tràng cũng không cho ai vào trong Đạo Tràng. Vật cúng dường mỗi mỗi đều tự đem vào, chỉ đốt Trầm Hương tốt. Mỗi ngày ăn các món tốt , không ăn các thứ rau. Bơ, Mật, sữa, cháo đựng đầy trong bát cúng dường, dùng các hoa quả ngon ngọt cúng dường, không lấy các thứ hoa quả của cây có gai và cây ở nơi ô uế. Trải qua 7 ngày, lấy đất nơi Phước Đức làm Đàn. Có Pháp cầu thỉnh riêng như trong Kinh Hoa Nghiêm.

PHÁP LÀM ĐÀN TÔN THẮNG

Phàm làm Đàn. Thứ nhất là ở nơi có núi sâu không có người đến, thứ hai là nơi có nguồn suối, thứ ba là chùa núi có hình thế, thứ tư là nơi Thành Ấp có chùa lo81n Phước Đức.

Trước khi làm Đàn, niệm tụng Quân Trà Lợi Kim Cang Tâm Chân Ngôn 7 ngày, thấy cảnh giới trong mộng như: Hoa tốt đẹp, Bà La Môn Tăng, Trời, Người, Đạo Sĩ, Hình Tượng, Càn Thát Bà, Thiên Chúng, Kim Cang, Bồ Tát, Phật….lầu gác, tháp báu, cung điện chư Thiên. Đây là mộng tốt.

Nếu thấy heo con , chó, lục súc… tức cần phải tắm rửa sạch sẽ, cầu thỉnh . Lại dời đi chỗ khác y như trên tụng Quân Trà Lợi Chân Ngôn cho đến khi có ứng.

Nếu hợp được Thánh Tâm tức ở nơi đó dẹp bỏ ngói, đá, ác vật. Nơi đất Phước Đức đắp cao lên , đất vuông 8 khuỷu tay, bên trong làm Đàn 4 khuỷu tay, cao một gang tay, lấy đất vàng tốt nhào thành bàn tròn, một cân bột Bạch Đàn trộn với bùn rồi tụng Chú. Chú có trong Đà La Ni tập thứ 8 : Ô Sô Sắc Ma Đàn Pháp có nói

Chú bùn và Chú nước. Cần một Đồng Tử khoảng 15 tuổi (trên dưới 15 tuổi) để sai khiến các việc nơi Đạo Tràng. 4 góc Đàn , mỗi nơi để một cái bình, miệng bình cắm nhành lá. Trước Đàn để một bình nước bằng đồng hoặc bằng sành. Lấy 5 thứ Hương : Trầm, Tô Hợp, Bạch Đàn, Long Não, Tiên Hương… Lấy nhựa hương làm nước Ứ Già. Lại lấy riêng một chén hoặc đồng hoặc bạc hoặc vàng đựng đầy nước Uất Kim. Quỳ dài bưng nước Hương cầu thỉnh chư Phật ba đời, hằng sa Bồ Tát khắp Pháp Giới Kim Cang, 33 cõi Trời (Tam Thập Tam Thiên) , Thiên Chủ Đế Thích, Phạm Vương, Chúng Trì Chú Tiên “ **Ngày này giờ này nhận sự cúng dường của con. Hôm nay con kết Đàn trì niệm Phật Đảnh Tôn Thắng Chân Ngôn. Cúi xin Thánh Chúng xót thương giáng lâm Đạo Tràng nhận sự cúng dường của con làm cho Pháp Giới an ninh không có các khổ não. Nếu có các khổ não ,xin được xa lìa, giải thoát**” Phát Nguyện như vậy xong, đem Chú nước hương để trên Đàn, tụng Tôn Thắng 40 biến, tưởng hằng sa chư Phật ngự trong Đạo Tràng. Nếu có Địa Thiên Vương trong Đạo Tràng này gây các việc sợ hãi thì không được dùng lời khác và sân hận các hàng người… Nếu như có người khác ở ngoài đến cũng nên dùng lời nhỏ nhẹ, không được to tiếng, cúng dường các món ăn uống.

Dựa theo Đàn lúc trước, treo 49 lá phan, 4 mặt treo 4 phan Thiên Vương và phan Kim Cang, gia trì Chú dây mà treo quanh 8 khuỷu tay bên ngoài làm Giới. Đàn mở 4 cửa, mỗi cửa để một lư hương, trong lư đốt các hương thơm tốt, không để cho gà, chó, đàn bà đến bên Đàn. Ngày đêm 6 thời hoặc 4 thời niệm tụng.

PHÁP NIỆM TỤNG TÔN THẮNG

Phàm muốn niệm tụng Tôn Thắng Chân Ngôn. Ngồi ở mặt Đông của Đàn, hướng về phương Tây. Một ngày 4 thời, 6 thời , cứ một thời lấy 108 biến làm hạn định. Mỗi thời đủ biến số rồi thì phát nguyện rộng lớn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển tức thời Tượng Vẽ phóng ra ánh sáng lớn. Ngay lúc đó Pháp Thành, không được nghi. Niệm tụng trừ số gốc, mỗi thời cầu thỉnh. Duỗi 2 cánh tay kết Kim Cang Hợp Chưởng để trên đảnh, duỗi thẳng 2 chân để toàn thân sát đất, lễ Đông Phương Bất Động Như Lai. Nơi biển Tâm (Tâm Hải) tuôn ra dâng hiến.Chân Ngôn là:

“**Úm_ Tát bà đát tha nghiệt đa, bố nhu bà tát tha na da, a đáp ma nam, niết lị da đa dạ nhị. Tát bà đát tha nghiệt đa, bạt chiết la tát đỏa, địa sắc tra, tát phạ hàm, hồng**”



OṂ (Quy mệnh) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) PÙJA (Cúng dường) PASVÀNÀYA (Thừa sự) ATMÀNÀṂ (Thân của con) NIRYÀTA (Phụng hiến) YÀMI (Nay con) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRASATVA (Kim Cang Tát Đỏa) ADHIṢṬA (Thủ hộ) SVÀMAṂ (Cho con) _ HÙṂ (Chủng tử của Kim Cang Bộ)

Làm cúng dường như vậy. Tâm Hải hiến niệm “ *Vì muốn thừa sự hết thảy Như Lai nên con dâng hiến Thân này , cúi xin hết thảy Như Lai (và Kim Cang Tát Đỏa) xót thương gia hộ* “

(HT : Câu in nghiêng là nghĩa của Chân Ngôn lễ Bất Động Như Lai ở phương Đông _ Các câu bên dưới cũng vậy)

Lại co 2 chân dùng Kim Cang Hợp Chưởng để ở trái tim, cúi vầng trán sát đất lễ Nam Phương Bảo Sanh Như Lai. Dùng Tâm Hải lưu xuất dâng hiến. Chân Ngôn là :

"**Úm_ Tát bà đát tha nghiệt đa, bố nhạ, tỳ sai ca da, đáp ma nam, niết lị dạ đa, dạ nhị. Tát bà đát tha nga đa, bạt chiết la , ra đát na , a tỳ tiến dã hàm, đát-lạc**"

OṂ (Quy mệnh) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) PÙJA (Cúng dường) ABHIṢEKÀYA (tác Quán Đỉnh) ATMÀNÀṂ (Thân của con) NIRYÀTA YÀMI (Nay con phụng hiến) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRA RATNA (Kim Cang Bảo) ABHIṢIṂCA MAṂ (Nguyện Quán Đỉnh cho con) TRÀḤ (Chủng tử của Bảo Bộ)

Niệm như vậy *:" Vì cúng dường hết thảy Như Lai , cầu thỉnh Quán Đảnh. Nay con dâng hiến thân xong, nguyện hết thảy Như Lai dùng Kim Cang Bảo quán đảnh cho con "*

Lại dùng Kim Cang Hợp Chưởng để nơi đảnh , để miệng chạm đất lễ Tây Phương Vô Lượng Thọ Như Lai. Lại dùng thân dâng hiến. Chân Ngôn là:

"**Úm _ Tát bà đát tha nghiệt đa, bố nhạ , bát ra vật lặc đa da, đáp ma nam, niết lị da đa, dạ nhị. Tát bà đát tha nghiệt đa, bạt chiết la, đạt ma, bát ra vật lặc đa da hàm, hật-rị** "

OṂ (Quy mệnh) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) PÙJA (Cúng dường) PRAVARTTANÀYA (Triển chuyển) ATMÀNÀṂ (Thân của con) NIRYÀTA YÀMI (Nay con phụng hiến) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRA DHARMA (Kim Cương Pháp) PRAVARTTÀYA (Chuyển tác) MAṂ (Con) HRÌḤ (Chủng tử của Liên Hoa Bộ)

Niệm như vậy*:" Nay con lần lượt cúng dường hết thảy Như Lai nên dâng hiến thân này. Nguyện hết thảy Như Lai vì con mà chuyển Pháp Luân Kim Cang"*

Lại dùng Kim Cang Hợp Chưởng để ở trái tim, cúi vầng trán sát đất lễ Bắc Phương Bất Không Thành Tựu Như Lai. Lại dùng thân dâng hiến. Chân Ngôn là:

"**Úm_ Tát bà đát tha nghiệt đa, bố nhạ, yết ma ni, a đáp ma nam, niết lị da đa ta, dạ nhị. Tát bà đát tha nghiệt đa, bạt chiết la, yết ma , câu rô, hàm, ác**"

OṂ (Quy mệnh) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) PÙJA (Cúng dường) KARMAṆI (Sự nghiệp) ATMÀNÀṂ (Thân của con) NIRYÀTA YÀMI (Nay con phụng hiến) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) VAJRA KARMA (Kim Cương Nghiệp) KURU (Tác làm) MAṂ (Con) AḤ (Chủng tử của Yết Ma Bộ)

Lại niệm như vậy :" *Nay con vì muốn cúng dường hết thảy Như Lai sự nghiệp nên dâng hiến thân này. Nguyện hết thảy Như Lai vì con làm Kim Cang Sự Nghiệp* "

Sau lại kết Kim Cang Trì Ấn để trên đảnh , quỳ gối phải sát đất, tưởng lễ dưới chân của hết thảy Như Lai và Bồ Tát. Tay phải ngửa, tay trái che đậy lên, ngón cái và ngón út móc nhau. Đây là Trì Ấn. Chân Ngôn là :

"**Úm_ Bạt chiết la, vật** "



OṂ _ VAJRA VIḤ

Lại Sám Hối. Sám Hối xong, kết Ấn tụng Thanh Tịnh Chân Ngôn là:

"**Úm_ Tát phạ bà phạ, truật đà. Tát bà đạt ma tát phạ bà phạ, truật độ hàm**"



OṂ _ SVABHÀVA 'SUDDHA_ SARVA DHARMA SVABHÀVA 'SUDDHA UHAṂ

Mười ngón tay hợp lại như hoa sen búp, tụng Chân Ngôn ấn lên Trái tim, vầng trán, cổ họng, đảnh đầu , tức trừ hết thảy tội.

Lại Tùy Hỷ, Khuyến Thỉnh, Hồi Hướng, Phát Nguyện. Sau đó ngồi Bán Già, 2 tay Kim Cang Quyền để trên 2 gối, trái tim, lưỡi và 2 tay. Chữ Hồng , hào quang vàng thù thắng (Thắng Kim Quang) giống như Như Lai trụ ở tướng Thuyết Pháp. Thân ở trong Nguyệt Luân như ngồi trong tấm kính trong sạch, ánh sáng chiếu khắp Pháp Giới làm sạch hết thảy cõi Chúng Sanh. Liền đưa mắt nhìn xem Như Lai trong Hư Không, lần lượt nhìn khắp 8 hướng, tỏa bấn (Tán Xạ) lửa Kim Cang, Kết Giới và Tịch Trừ làm cho nơi đó thành Kim Cang Thành.

Lại trụ 4 Vô Lượng Tâm Tam Ma Địa. Trong Tâm Nguyệt (vành trăng ở trái tim) quán Yết Ma Kim Cang, dùng Tâm Đại Từ Bi (Mahàkàruṇa-citta) chặt đứt hết thảy khổ cho chúng sanh. Quán Yết Ma Luân biến khắp Pháp Giới. Chân Ngôn là :

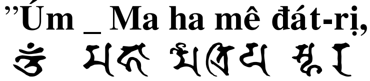
"**Úm _ Ma ha ca lô noa da tát bán ra**"



OṂ _MAHÀ KÀRUṆÀYA SPHARA

Lại vận tâm Từ (Maitri_citta) biến Yết Ma Luân (Karma-cakra) khắp cõi chúng sanh ban cho vô lượng vui sướng. Chân Ngôn là :

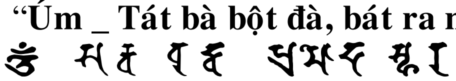
"**Úm _ Ma ha mê đát-rị, tát bán ra** "



OṂ _ MAHÀ MAITRIYA SPHARA

Lại vận Tâm Hỷ biến Yết Ma Luân tràn khắp cõi chúng sanh. Chân Ngôn là:

"**Úm _ Tát bà bột đà, bát ra mẫu na, tát bán ra**"



OṂ _ SARVA BUDDHA PRAMODA SPHARA

(Bản khác ghi là : **Oṃ _ 'Suddha Pramoda sphara**)

Lại vận Yết Ma Luân tràn khắp cõi chúng sanh thành tựu Đại Xả. Chân Ngôn là:

“**Úm_ Ma hô bế khất sái, tát bán ra** “

OṂ _ MAHÀ UPEKṢA SPHARA

Sau lại kết Tam Muội Da Ấn . Kiên Cố Phược , 2 ngón cái hợp nhau thẳng. Chân Ngôn là:

“ **Úm _ Tam Ma Da, tát đát phạm**”

OṂ _ SAMAYA STVAṂ

Lại kết Duyệt Hỷ Tam Muội Da Ấn. Như trước Phược, co Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa) vào giao nhau, hợp thẳng Địa (ngón út) Không (ngón cái). Chân Ngôn là :

“**Úm _ Tam ma da hác, tát ra đa, tát đát phạm**”

OṂ _ SAMAYA HOḤ SURATA STVAṂ

Lại kết Khai Tâm Ấn. Trước ở vú phải để chữ Phạn **Đát-ra** (_TRÀ) Vú trái để chữ **Tra** (_Ṭ) như cánh cửa, như Kim Cang Phược , Khế và Chân Ngôn đều kéo đẩy 3 lần trên trái tim. Chân Ngôn là:

“**Úm _ Phạ nhật ra, mãn đà, đát la tra**”

OṂ _ VAJRA BANDHA TRÀṬ

Lại ở trước mặt một khoảng, quán hoa sen 8 cánh, trên có chữ A ( ) phóng ánh sáng lớn màu trắng như thủy tinh. Dùng Kim Cang Phược, ló 2 Phong (2 ngón trỏ) như cái vòng vịn lấy chữ ấy, để ở trong Tâm Điện (Cung điện ở trái tim). Chân Ngôn là:

“ **Úm _ Phạ nhật ra, vị xá, ác** “

OṂ _ VAJRA AVI’SA AḤ

Lại cũng để ở trái tim, kết Kim Cang Phược đều co 2 Không (2 ngón cái) vào lòng bàn tay, 2 Phong (2 ngón trỏ) trụ nơi 2 Không. Đem Ấn chạm nơi ngực. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Phạ nhật ra, mẫu sắt trí, hàm**”

OṂ _ VAJRA MUṢṬI VAṂ

Dùng đây đóng cửa Tâm xong, tưởng chữ rõ ràng.

Lại kết Hàng Tam Thế Ấn. Hai tay đều nắm Kim Cang Quyền, 2 Địa (2 ngón út) móc ngược nhau, 2 Không (2 ngón cái) đứng thẳng. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Tát bà nễ, tát bà, hồng, khất rị hận nõa, khất rị hận nõa,hồng, khất rị hận noa, bá dã, hồng, a na dã, hác, bà nga phạm, phạ nhật ra,hồng phấn**”

OṂ _ SUMBHA NISUMBHA HÙṂ _ GṚHṆA GṚHṆA HÙṂ _ GṚHṆA APAYA ÀNAYA HOḤ _ BHAGAVAṂ VAJRA HÙṂ PHAṬ

Kết Ấn này, xoay bên trái thành Tịch Trừ, xoay bên phải thành Kết Giới.

Lại kết Định Ấn. Hai tay xoa nhau (Cài chéo các ngón với nhau) ngửa để dưới rốn , dùng Tấn Lực (2 ngón trỏ) vịn Thiền Trí (2 ngón cái). Chân Ngôn là:

" **Úm _ Ta ma địa, bát na mê, hật rị**"



OṂ _ SAMÀDHI PADME HRÌḤ

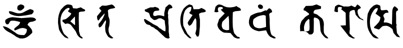
Ngồi ngay thẳng, suy nghĩ như vầy *:" Hết thảy các Pháp đều từ nơi Tâm mà khởi, từ xưa đến nay không có nơi chốn".*

Nhập vào Tịch Tĩnh rồi, sau đó quán trong Hư Không có vô số chư Phật nhiều như hạt mè đầy khắp đại địa không thể đếm được. Thời chư Phật đều duỗi tay phải, búng ngón tay cảnh giác , bảo Hành Giả rằng *:" Thiện Nam Tử ! Chỗ chứng của ngươi chỉ có thanh tịnh, chưa chứng Tát Bà Nhã (Sarva Jña_ Nhất Thiết Trí) , cần phải nhớ niệm Tâm Bồ Đề (Bodhicitta) thành tựu hết thảy Hạnh Nguyện của Phổ Hiền"*

Hành Giả nghe Cảnh Giác xong, tự quán nơi thân ở trước chư Phật mà làm lễ, rồi bạch Phật rằng***:" Sao gọi là Tâm Bồ Đề ?"***

Phật bảo***:" Ngươi nên quán Tự Môn (Môn chữ) trong tâm, bản tánh thanh tịnh như mặt trăng tròn",*** liền trao Chân Ngôn là:

" **Úm_ Chất đa bát ra để vị đàm, ca rô nhị**"



OṂ _ CITTA PRATIVEDHAṂ KARA UMI

Hành Giả tụngmột biến rồi suy nghĩ như vầy***:"Tâm Bồ Đề là Thể Tính kiên cố"*** .Trên vành trăng (Nguyệt Luân) quán (chày) Ngũ Trí Kim Cang.Chân Ngôn là :

"**Úm _ để sắc tra, phạ nhật ra** "

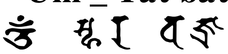


OṂ _ TIṢṬA VAJRA

Qúan Kim Cang toàn màu vàng ròng phóng ra ánh sáng sạch đẹp ngay trong Nguyệt Luân giống như thủy tinh ở nơi đất bóng sạch đẹp.

Lại quán Phạ Nhật Ra (Vajra_ Chày Kim Cang) rộng lớn khắp cả Pháp Giới. Chân Ngôn là :

" **Úm _ Tát bát ra, phạ nhật ra** "



OṂ _ SPHARA VAJRA

Lại quán Phạ Nhật Ra (Vajra) dần dần thu nhỏ lại đồng Thể với các Như Lai ở trong Hư Không , lượng ngang bằng Thân của Ta rồi dừng lại. Chân Ngôn là:

" **Úm _ Tăng hạ ra, phạ nhật ra** "



OṂ _ SAṂHARA VAJRA

Lại suy nghĩ như vầy **:*"Thân Ta bây giờ thành thân Kim Cang".*** Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra đạt ma câu hàm “

OṂ _ VAJRA ATMAKA UHAṂ

Mỗi mỗi tự biết rõ Ngũ Trí Kim Cang ấy, tức lại biến thành thân Bản Tôn. Thân có 4 cánh tay, 2 tay trên làm như thế bắn tên, tay phải bên dưới cầm chày Kim Cang để ở trái tim , tay trái bên dưới kết Kim Cang Quyền cầm cái chuông Kim Cang để cạnh eo lưng, nhăn mày, miệng cười , dây đai màu trắng, mão Ngũ Phật, khoác Thiên Y, ngồi Báb Già trên hoa sen trong Nguyệt Luân. Liền kết Căn Bản Ấn, tụng Chân Ngôn là :

“ Trá chỉ, hồng , nhạ “

ṬAKKI HÙṂ JAḤ

Dùng Ấn gia trì 4 nơi : trái tim, vầng trán, cổ họng, đảnh đầu. Sau đó kết Kim Cang Giới Tự Tại Ấn. Kiên cố Phược, thẳng 2 Hỏa (2 ngón giữa) co phần đầu chạm nhau, duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) để nơi lưng (ngón giữa). Chân Ngôn là:

“ Úm-Bộ khiếm “

OṂ _ BHUḤ KHAṂ

Dùng Ấn để nơi đảnh, sau lại để nơi trán. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, tát đát phạ”

OṂ _ VAJRA SATVA

Tiếp, để bên phải đảnh đầu. Chân Ngôn là :

“ Úm_ Phạ nhật ra, ra đát na “

OṂ _ VAJRA RATNA

Lại để sau ót, tụng Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, đạt ma

OṂ _ VAJRA DHARMA

Lại để bên trái đảnh đầu. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, yết ma “

OṂ _ VAJRA KARMA

Lại dùng Kim Cang Quyền để nơi trán, chia ra hướng về sau ót, duỗi 2 Phong (2 ngón trỏ) cột xoắn 3 vòng. Liền bung duỗi từ Địa Luân (Ngón út). Sau đó từ 2 lông mày rũ xuống làm thế rũ dây đai. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, ma lệ, tịch tru dã hàm “

OṂ _ VAJRA MÀLE ABHIṢIṂCA MÀṂ

Lại tưởng 2 chữ Phạn ở ngay mặt 2 Phong (2 ngón trỏ).**Úm** (_OṂ) bên phải , **Châm** (_ ṬUṂ) bên trái phóng ra ánh sáng màu xanh lục giống như dây tơ.

Liền dùng dây tơ quấn quanh trái tim 3 vòng. Tiếp đến lưng, rốn, eo, 2 gối. Lại quay ngược lại đến sau eo, tiếp đến trái tim, cổ, trán, sau ót. Liền như thế rũ Thiên Y lúc trước . Tụng Chân Ngôn là :

" **Úm, châm** "



OṂ ṬUṂ

Lại kết Ấn Hỷ Duyệt. Kim Cang Phược, vỗ tay 3 lần. Chân Ngôn là :

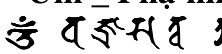
" **Úm_ Phạ nhật ra, đổ sử hác** "



OṂ _ VAJRA TUṢYA HOḤ

Lại quán Tịnh Nguyệt Luân. Quán chữ  (AḤ) hóa thành Bản Tôn, kết Kim Cang Nhập Ấn. Kết Phược xong, co kèm Không (2 ngón cái) vào bên trong. Chân Ngôn là :

"**Úm _ Phạ nhật ra, tát đát phạ, ác** "



OṂ _ VAJRASATVA AḤ

Lại có Chân Ngôn là :

" **Phạ nhật ra, tát đát phạ, nễ lị xả dã** "



VAJRASATVA DṚ'SYA

Tiếp dùng 4 Ấn , 4 Minh triệu nhập thân. Dùng Hỷ Duyệt Tam Muội Gia lúc trước, 2 Hỏa (2 ngón giữa) làm 4 Nhiếp. Chân Ngôn là :

" **Nhược, hồng, vam, hắc** "



JAḤ HÙṂ VAṂ HOḤ

Sở Quán lúc trước là Pháp Thân (Dharma kàya) . Nay Sở Nhập là Trí Thân (Jñàna Kàya), cùng hợp nhau biểu thị cho một Thể.

Tiếp nên dùng Tâm Cúng Dường Môn này trang nghiêm Thế Giới. Trong Đàn quán hoa sen trắng, cọng là Kim Cang Diệu Sắc, 8 cánh đủ râu nhụy với mọi báu tự trang nghiêm, thường tuôn ra vô lượng ánh sáng, trăm ngàn chúng hoa sen vây quanh. Trên đó, lại quán tưởng Tòa Đại Giác Sư Tử, dùng Bảo Vương (các loại ngọc ngà châu báu cực quý hiếm) đặt xen kẽ lẫn nhau. Ngay trong cung điện của Trời có các cây trụ báu bày hàng. Khắp nơi treo phan, lọng. Các xâu chuỗi ngọc treo xen kẽ, rũ treo các áo diệu bảo. Mây hương hoa bao phủ cùng các đám mây báu tuôn mưa các hoa báu. Đất đủ màu rực rỡ. Các nhạc khí tấu các âm thanh vui thích đẹp ý. Tưởng trong cung điện có các Hiền Bình tịnh diệu với Ứ Già. Cây hoa báu rộ nở. Đèn Ma Ni chiếu sáng đất Tam Muội Tổng Trì, Thái Nữ của Tự Tại, Phật Ba La Mật .... Hoa Bồ Đề Diệu Nghiêm, phương tiện làm Chúng Kỹ nhạc, ca ngâm Diệu Pháp Âm.

Dùng sức công đức của Ta
Sức gia trì của các Như Lai
Cùng với sức của Pháp Giới
Cúng dường khắp rồi trụ

Hư Không Khố Minh Chân Ngôn là :

“ **Na ma tát bà đát tha nghiệt đế biều, vĩ thấp phạ mục khế tệ. Tát bà tha khiếm, ổn nghiệt đế tát phả ra, hê hàm, nga nga na kiềm, sa phạ ha** “

NAMAḤ SARVA TATHÀGATEBHYAḤ_ VI’SVA MUKHEBHYAḤ_ SARVATHÀ KHAṂ UDGATE SPHARA HÌMAṂ GAGANAKAṂ SVÀHÀ

Tụng câu Chân Ngôn này 3 biến thì Thiện Nguyện đã phát đều được thành tựu. Ở trong Đàn, trên Tòa Sư Tử quán chữ (OṂ) làm **Bản Tôn**.

Trước Tôn an chữ (MA) làm **Ý Sanh Kim Cang** (Manoja-vajra)

Bên phải an chữ (HÀ) làm **Kế Lị Chỉ La Kim Cang** (Kilikila Vajra) .

Phía sau an chữ (SU) làm **Ái Lạc Kim Cang** (Ràga-vajra)

Bên trái an chữ (KHA) làm **Ý Khí Kim Cang** (Màna-vajra)

Ở góc Tây Bắc an chữ (VA) làm **Ý Sanh Kim Cang Nữ** (Manoja-vajriṇì)

Ở góc Đông Bắc an chữ (JRA) làm **Kế Lị Chỉ La Kim Cang Nữ** (Kilikila-vajriṇì)

Ở góc Đông Nam an chữ (SA) làm **Ái Lạc Kim Cang Nữ** (Ràga-vajriṇì)

Ở góc Tây Nam an chữ (TVA) làm **Ý Khí Kim Cang Nữ** (Màna-vajriṇì)

Cửa Đông an chữ (JAḤ) làm **Sắc Bồ Tát** (Rùpa Bodhisatva).

Cửa Nam an chữ (HÙṂ) làm **Thanh Bồ Tát** (‘Sabda Bodhisatva).

Cửa Tây an chữ (VAṂ) làm **Hương Bồ Tát** (Gandha Bodhisatva).

Cửa Bắc an chữ (HOḤ) làm **Vị Bồ Tát** (Rasa Bodhisatva).

Bên ngoài, góc Tây Bắc an chữ (SU) làm **Thời Xuân Bồ Tát** (Vasanta-bodhisatva)

Góc Đông Bắc an chữ (RA) làm **Thời Vũ Bồ Tát** (Varṣà-bodhisatva)

Góc Đông Nam an chữ (TA) làm **Thời Thu Bồ Tát** (‘Sarad-bodhisatva)

Góc Tây Nam an chữ (STVAṂ) làm **Thời Đông Bồ Tát** (Hemanta-bodhisatva)

Tiếp, ở tận cùng trái tim an chữ ÚM (_ OṂ), hai bên chữ an chữ NHƯỢC (_ JAḤ) thành **Bản Tôn**.

Liền kết nhóm Ấn của **Câu** (Aṃku’sa), **Sách** (Pà’sa), **Tỏa** (Sphoṭa), **Linh** (Ghaṃṭa) để cầu thỉnh. 2 tay Kim Cang Quyền, Địa Luân (Ngón út) cùng móc ngược nhau, dựng thẳng 2 Phong (2 ngón trỏ) Co Phong bên phải (Ngón trỏ phải) như móc câu. Kết xong tụng Chân Ngôn, Dùng ngón trỏ phải chiêu mời 3 lần. Đây là Kim Cang Câu Ấn. Chân Ngôn là :

“ ***Úm _ Phạ nhật ra, ương câu xá, nhược*** “

OṂ _ VAJRA AṂKU’SA JAḤ

Không đổi Ấn trước, 2 Phong (2 ngón trỏ) giao mặt nhau, 2 tay cùng trụ, hơi hở như cái lỗ. Đây là Kim Cang Sách Ấn. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Phạ nhật ra, bạt xá, hồng** “

OṂ _ VAJRA PÀ’SA HÙṂ

Không đổi Sách Ấn, 2 Phong (2 ngón trỏ) móc ngược nhau. Đây là Tỏa Ấn. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Phạ nhật ra, tát bố tra, vam** “

OṂ _ VAJRA SPHOṬA VAṂ

Không đổi Tỏa Ấn, Địa (ngón út) Phong (ngón trỏ) dựa mặt nhau. Đây là Linh Ấn. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Phạ nhật ra, kiện tra, hắc** “

OṂ _ VAJRA GHAṂṬA HOḤ

Do **Kim Cang Câu Ấn** hay hàng Bản Tôn

Do **Kim Cang Sách Ấn** hay dẫn Thánh Giả

Do **Kim Cang Tỏa Ấn** hay khiến thường đứng yên (Trụ chỉ)

Do **Kim Cang Linh Ấn** hay khiến vui vẻ.

Lại nên hiến Ứ Già. Dùng Kim Cang Hợp Chưởng Ấn, ngang bằng cạng tay hướng về bên trái , tụng Chân Ngôn để Ấn nơi bình Ứ Già rồi hiến. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Ra ma tố khư xả dã, ba ra lị đa, nẵng ma đới lật nẵng ma nhĩ bà nga vãn đam, nhược , hồng, vam, hốc. Hệ bát ra để xa câu sách mạn nhạ khác nẵng tra** “

PARAMASUKHÀ’SAYA _ SALALITA _ VILÀSANAMITAURNA MÀ MI BHAGAVAṂ TAṂ _ JAḤ HÙṂ VAṂ HOḤ _ HI HI HI HI _ PRATÌCCHA _ KASUMÀṂ JALIRNÀTHÀ

Tiếp, tay trái nắm Kim Cang Quyền đặt bên cạng eo, tay phải nắm Kim Cang Quyền ngửa để ở trái tim. Chân Ngôn là :

“ **Hác, Phạ nhật ra, tát đát phạ, tố ra đa, tát đát vam** “

HOḤ _ VAJRASATVA SURATA STVAṂ

Đây là Kim Cang Vương Ấn

Lại Quyền trái làm như cầm cây cung, Quyền phải làm như cầm mũi tên. Đây là Ý Sanh Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ **Úm _ Phạ nhật ra, tát đát liệt, hồng** “

OṂ _ VAJRA SATVE HÙṂ

Hai tay nắm Kim Cang Quyền, bên phải đè bên trái. 2 cánh tay giao nhau trước ngực. Đây là Kế Lị Chỉ La Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, kế lị, hồng “

OṂ _ VAJRA KILI HÙṂ

Lại dùng Kim Cang Quyền trái đỡ nơi chỏ (Khuỷu tay) phải. Dựng thẳng quyền phải như cây phướng. Đây là Ái Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, la lị , hắc “

OṂ _ VAJRA RÀGÌ HOḤ

Lại 2 Quyền đều để 2 bên hông. Đây là Ý Khí Kim Cang Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra nghiệt mạt hê nễ “

OṂ VAJRA KÀMA HINI

Lại làm như bắn cung, xong hướng xuống dưới nhẹ nhàng. Đây là Ý Sanh Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra nễ lị sắc trí sa dã kế ma tra “

OṂ VAJRA DṚṢṬI SAYAKE MAṬ

Lại ôm nhẹ nhàng như trên. Đây là Kế Lị Chỉ Lị Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra , kế lị chỉ lị, hồng “

OṂ _ VAJRA KÌLIKÌLE HÙṂ

Lại như cây phướng (Tràng) lúc trước. Đây là ái Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra ni, tát ma ra , ra tra “

OṂ _ VAJRIṆI SMÀRA RAṬ

Lại như trên, 2 Quyền để bên hông. Đây là Ý Khí Kim Cang Nữ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Hác , phạ nhật ra , ca mê thất phộc lý đát lam “

HOḤ _ VAJRA KÀME’SVARE TRÀṂ

Tiếp, 2 (quyền) ở bên trên buông xả. Đây là Thời Xuân Ấn. Chân Ngôn là:

“ Úm _ Phạ nhật ra, bố sắt bế “

OṂ _ VAJRA PUṢPE

Lại, 2 (quyền) ở bên dưới buông xả. Đây là Thời Vũ Ấn. Chân Ngôn là :

“ Úm _ Phạ nhật ra, độ bế “

OṂ _ VAJRA DHUPE

Lại nhắm 2 mắt. Đây là Thời Thu Ấn. Chân ngôn là :
“ **Úm _ Phạ nhật ra, lộ kế** “

OṂ _ VAJRA ÀLOKE
Lại dùng 2 (bàn tay) xoa nơi ngực . Đây là Thời Đông Ấn. Chân Ngôn là :
“ **Úm _ Phạ nhật ra, nghiễn đề** “

OṂ _ VAJRA GANDHE
Lại như Câu (Câu Ấn) lúc trước. Đây là Sắc Ấn. Chân Ngôn là :
“ **Úm** “

OṂ
Lại như Sách (Ấn) ở trên. Đây là Thanh Ấn. Chân Ngôn là :
“ **Úm** “

OṂ
Lại như Tỏa (Ấn) lúc trớc. Đây là Hương Ấn. Chân Ngôn là :
“ **Úm** “

OṂ
Lại như Linh (Ấn) lúc trước. Đây là Vị Ấn. Chân Ngôn là :
“ **Úm** “

OṂ
Sắc Chân Ngôn là :
“ **Úm _ Phạ nhật ra, ương câu thỉ, nhạ** ‘

OṂ _ VAJRA AṂKU’SE JAḤ
Thanh Chân Ngôn là :
“ **Úm _ Phạ nhật ra, bạt thế, hồng** “

OṂ _ VAJRA PÀ’SE HÙṂ
Hương Chân Ngôn là :
“ **Úm _ Phạ nhật ra, Thưởng ca lệ, vam** “

OṂ _ VAJRA ‘SAṂKARE VAṂ
Vị Chân Ngôn là :
“ **Úm _ Phạ nhật ra, kiện trí, hắc** “

OṂ _ VAJRA GHAMṬE HOḤ

Lại như Kim Cang Vương Ấn ở trên, hướng Quyền phải vào thân, xoay 3, 4 vòng. Tụng Chân Ngôn lớn tiếng khiến chấn động 10 phương Thế Giới. Hết thảy chư Phật, Bồ Tát gia trì Hành Giả mau được Tất Địa.Chân Ngôn là :

" **Trá chỉ, hồng nhược** "



ṬAKKI HÙṂ JAḤ

Lại lấy Quyền phải để ở trái tim liền làm an ổn 10 phương Thế Giới. Chân Ngôn là :

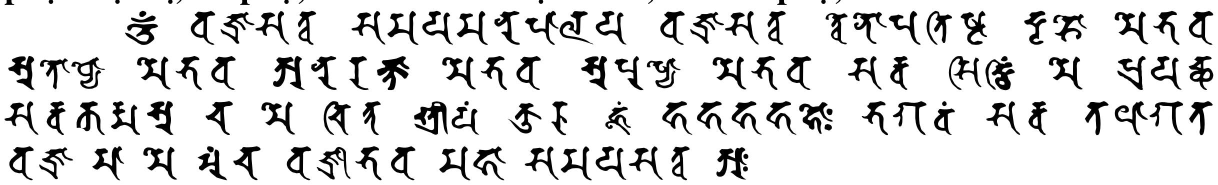
" **Hồng, trá chỉ, hắc** "



HÙṂ ṬAKKI HÀḤ

Lại kết Căn Bản Ấn, tụng Bách Tự Chân Ngôn hoặc 3 biến hoặc 1 biến. Không giải Ấn đó, liền tụng Bản Chân Ngôn 7 biến rồi xả Ấn trên đảnh. Tụng Bách Tự Chân Ngôn là :

" **Úm _ Phạ nhật ra tát đát phạ tam ma dã, ma nỗ bạn ca dã. Phạ nhật ra tát đát phạ, vĩ nỗ bạt đế sắc tra, nễ lị tru mê bà phạ, tát đô sắc du mê bà phạ, a nỗ ra thiết đô mê bà phạ, tát bố sắc du mê bà phạ. Tát phạ tát lạc mê bát ra dã xa, tát yết ma tát dã nhị , chỉ đa, thất lị lạc, câu rô, hồng, ha ha ha ha, hốc. Bà nga phạm, tát phạ đát tha nghiệt đa, phạ nhật ra, ma nhị muộn giả, phạ nhật rị, bà phạ, ma ha tam muội diễm, tát đát phạ, ác** "



OṂ _ VAJRASATVA SAMAYAM ANUPALÀYA VAJRASATVA TVEṆA UPATIṢṬA _ DṚḌHO ME BHAVA _ SUTOṢYO ME BHAVA _ ANURAKTO ME BHAVA _ SUPOṢYO ME BHAVA _ SARVA SIDDHIṂ ME PRAYACCHA _ SARVA KARMASU CA ME CITTAṂ 'SRÌYAṂ KURU HÙṂ _ HA HA HA HA HOḤ _ BHAGAVAṂ SARVA TATHÀGATA VAJRA MÀ ME MUṂCA _ VAJRI BHAVA _ MAHÀ SAMAYA SATVA _ ÀḤ

Căn Bản Chân Ngôn :

" **Trá chỉ, hồng, nhược** "



ṬAKKI HÙṂ JAḤ

Niệm tụng có 4 tùy theo điều yêu thích. Mỗi thời một ngàn hoặc một vạn. Chú tâm định số. Trong hết thảy các Thời lấy số đầu tiên làm hạn định, rồi dọn đồ cúng dường, trình bày điều cầu xin. Sau đó mới Thỉnh hết thảy. Đây dùng Tam Muội Gia Ấn lúc đầu để trên đảnh.

" **Úm _ Phạ nhật ra, tát đát phạ, mục** "



OṂ _ VAJRASATVA MUḤ

Phát Khiển xong. Trong mọi Thời rộng tu gốc rễ lành (Thiện Bản), chuyển tụng Kinh Điển Đại Thừa, cho đến trụ vào Thiền Tịch… đừng làm các sự nghiệp bất

thiện. Đối với Pháp Thiện Tĩnh quyết chí tu hành. Tâm cố gắng cắt đứt các việc ác. Tức trong hiện đời được thành tựu và 16 đời sau thành Vô Thượng Bồ Đề (Anuttàra-Bodhi)

Ở trong Nguyệt Luân quán chữ Hác (_ HÀḤ) làm thân Kim Cang Tát Đỏa màu chu sa, tay phải để ngay trái tim cầm chày Kim Cang, tay trái cầm cái chuông (Linh) . Liền kết Nhập Ấn kèm tụng 4 Minh dẫn vào thân của mình, mỗi mỗi rõ ràng xong. Liền quán trên gốc ấy (Bỉ căn) có chữ Hật-rị (_HRÌḤ) thành hoa sen trắng. Thân Tát Đỏa nhập vào hoa sen kia biến khắp các chi phần cũng như mặc áo. Chân Ngôn là :

" **Úm _ Bạt chiết la , ra nga da** (bỉ danh)**, hắc** "

OṂ VAJRA RÀGÀYA (Tên gọi của Tế Chủ….) HÀḤ

PHÁP RIÊNG NIỆM TỤNG TÔN THẮNG THỨ BA

Pháp thứ 1 : Nếu người muốn được sống lâu, không đọa vào các đường Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, A Tu La và diệt các tội. Mỗ Thời chí tâm tụng Tôn Thắng Đà La Ni 21 biến, khởi tâm thương xót hết thảy chúng sanh. Liền tiêu diệt được 4 thú (4 nẻo bất thiện) và tội lỗi

Pháp thứ 2 : Nếu có Phi Đằng La Sát, Quỷ Thần vào trong đất nước gây khủng bố não loạn hết thảy chúng sanh. Kết Ấn để ở đảnh , xưng**: " Nam mô Phật**" trong tâm nhớ tụng Tôn Thắng 108 biến, tức nơi đó các tai nạn đều tiêu diệt

Pháp thứ 3 : Nếu có người không tin, chỉ chế tâm một chỗ, chuyên làm Pháp này tức được Đại Nghiệm làm cho kẻ kia được tín tâm . Làm Pháp dược hiệu nghiệm liền có gió mát nhập vào nơi thân, trên thân da dẻ xấu xí và các ách nạn đều bị gió thổi khiến da xấu bị mất, ác nạn bị tiêu diệt.

Pháp thứ 4 : Nếu có người muốn được Đại Tự Tại . Trong 7 ngày, đối 4 phương tụng Tôn Thắng Đà La Ni 108 biến. Lấy 7 loại lúa trộn với đất vàng làm bùn, đắp làm hình người để ở 4 phương. An trí xong thì cầu gì đều xứng ý.

Pháp thứ 5 : Muốn diệt các tội nơi thân. Ở dưới cửa thành làm Pháp như trên liền được Quả Nguyện

Pháp thứ 6 : Muốn diệt các tội đã làm từ trước. Ở các ngã tư đường làm Pháp trên tất được.

Pháp thứ 7 : Muốn diệt hết thảy tội cho chúng sanh. Ở trước Tháp làm Pháp trên tức được.

Pháp thứ 8 : Muốn cứu hết thảy chúng sanh bị tội khổ nơi Địa Ngục. Mỗi Thời kết Phật Đảnh Ấn, tụng Chú 21 biến rồi hướng về phương Tây xả Ấn thì tội khổ nhất định tiêu diệt, không nên nghi.

Pháp thứ 9 : Muốn thí cho loài Ngạ Quỷ . Chú vào nước sạch 21 biến rồi đem rải 4 phương , tâm nghĩ thí cho Ngạ Quỷ, tức chúng được nước uống.

Pháp thứ 10 : Muốn cứu hết thảy tội khổ của Súc Sanh. Chú vào đất vàng 21 biến rồi rải trên súc sanh và rải 4 phương thì tội khổ liền được tiêu diệt.

Pháp thứ 11 : Muốn cứu các tội khổ của Người, Trời cùng các khủng bố, đọa lạc. Lấy hoa năm màu, Chú 21 biến rồi tán rải Tam Bảo và Phật Đảnh. Tức tội khổ được tiêu diệt.

Pháp thứ 12 : Nếu có vương nạn, binh nạn, khẩu thiệt khởi lên. Chú 21 biến vào nước 5 thứ hương nấu lên rồi tắm Phật và vẩy trên Phật Đảnh, tức được tiêu trừ.

Pháp thứ 13 : Nếu có Sa Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, 4 Chúng… muốn được đủ Phước Đức. Mỗi ngày Phát Nguyện, Sám Hối , tụng Tôn Thắng 7 biến rồi đem Công Đức này hồi thí cho hết thảy chúng sanh. Chỉ làm như vậy liền được như nguyện, tăng Phước, giàu sang.

Pháp thứ 14 : Nếu có chúng sanh muốn diệt trừ hết thảy chướng nạn, nghiệp chướng. Xé lụa 5 màu làm cái phất, tụng Chú rồi quét bụi nơi Tượng và Kinh. Thường làm Pháp này thì tội nghiệp của hết thảy chúng sanh được tiêu diệt.

Pháp thứ 15 : Nếu có khẩu thiệt nổi lên. Lấy Bạch Mật tốt đựng đầy trong chén sạch. Lấy Châu sa hòa Bạch Mật, Chú 21 biến rồi đem xoa môi của 108 Tượng Phật thì khẩu thiệt bị tiêu diệt.

Pháp thứ 16 : Nếu có người bị bệnh nằm liệt trên giường. Lại muốn được hết thảy mọi người nhớ nghĩ kính trọng. Lại có người muốn cầu hết thảy sự nghiệp của Thế Gian và Xuất Thế Gian, tâm không nhất định bị Quỷ Thần gây não loạn, mộng tưởng điên đảo. Nên lấy 108 lá Kim Bạc (Vàng lá) Chú 21 biến, dùng đắp 108 hình tượng. Trước Phật Đảnh, kết Ma Ni Bảo Châu Ấn liền được tiêu trừ hết thảy chướng nạn, sở cầu như ý.

Pháp thứ 17 : Nếu trong nước bị Quỷ Thần dựa cùng Khí Tật Bệnh lưu hành. Ở 4 cửa thành, dùng giấy xanh viết Chú, dùng Bạch Đàn làm cái tráp đựng, lấy sáp gắn tráp lại rồi treo trên 4 cửa thành , lấy 5 thứ lụa làm lọng che tráp, trước cửa để một Bản tức tật bệnh tiêu diệt.

Pháp thứ 18 :Nếu trong nước, ngũ cốc không tốt, mưa gió trái mùa. Nên lấy lụa trắng làm một cái phan, vẽ 21 đầu Tôn Thắng làm Phật Đảnh Ấn và đặt cao 80 thước trên đất, hướng về phương Nam. Tức mưa gió thuận thời, năm lúa tốt tươi, nhân dân an lạc, Rồng ác hồi tâm làm việc lành, A Tu La Vương không gây chướng nạn.

Pháp thứ 19 : Nếu gặp mưa lớn, nước không ngừng dâng cao. Dùng lụa tốt vẽ Tôn Thắng, 21 tấm , treo nơi Chánh Nam . Tức trời quang mưa tạnh.

Pháp thứ 20 : Nếu có ác tặc nổi lên. Lấy lụa xanh vẽ Tôn Thắng, 21 bức. Ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi tên là **Thiện Trụ** , 2 tay cầm tên rồi treo nơi chánh Đông thì ác tặc liền lui.

Pháp thứ 21 : Nếu quốc vương muốn gây tai họa. Dùng vật mới làm 108 Phù Đồ Tướng Luân, lấy lá giã lấy nước vẽ một Bản Tôn Thắng rồi an trí trên mỗi đầu Tướng Luân và đựng trong Tráp thì tai họa liền lui, được Phước Đức sống lâu.

Pháp thứ 22 : Nếu người sang kẻ hèn muốn được cứu độ và tự hộ thân, cầu tài bảo được vừa ý. Nên khởi lòng lành không tán loạn. Mỗi ngày trước tượng Phật, kết Ấn tụng Chú 7 biến, chiêm ngưỡng Phật không nháy mắt. Làm Pháp như vậy

liền được Phước Lực đầy đủ, sau khi mạng chung nhất định không bị đọa vào Địa Ngục.

Pháp thứ 23 : Nếu có người nữ muốn cầu con trai con gái. Ngày một bày biện các món ăn uống tốt đẹp ngon lành, đem cho kẻ ăn xin , người bệnh. Khi cho , miệng luôn luôn tụng Tôn Thắng không dứt. Làm như vậy tức được con.

Pháp thứ 24 : Nếu vợ chồng ghét nhau. Lấy lụa, Chú 21 biến rồi đem may áo cho vợ, chồng mặc liền được hòa thuận.

Pháp thứ 25 : Nếu có người nữ bị Quỷ dựa không rời bỏ. Nên chánh niệm trên thân Ma sa, dùng tay chận tức Quỷ mau bỏ chạy đi nơi khác. Nếu có người nữ không có chồng, lấy muối sạch không cần nhiều ít, gia trì 100 biến rồi cúng cho Hiện Tiền Tăng ăn liền được có chồng.

Pháp thứ 26 : Nếu có Ngoại Nhân, quốc vương, vương tử, đại thần, bách quan…. Không tin Phật Pháp. Lấy sữa bò vàng không có ghẻ lác, 3 con. Chú 21 biến vào nước, cỏ rồi cho bò ăn mỗi ngày. Khi muốn uống sữa, lại gia trì nơi bò. Sau đó, lấy bát đựng đầy sữa lại gia trì 21 biến rồi rải 4 hướng nơi đất. Người bưng sữa cần mặc áo mới sạch, miệng nói*:" Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ cùng Thiên Đế Thích. Việc ở đây nên tự lo lấy"* Người trì Chân Ngôn liền vào thành thì quốc vương, vương tử, đại thần, Ngoại Đạo, những kẻ không tin Phật Pháp thấy người trì Chú sanh lòng rất vui vẻ, khen ngợi và nghe theo, được lòng tin lớn không có thay đổi.

Pháp thứ 27 : Nếu nơi chỗ ở có các Rồng ác, người trì Chú muốn hàng phục. Nên lấy sữa bò đen, gia trì 21 biến, đun lên rồi rải nơi ao Rồng. Nếu Rồng hiện lên thì bảo *:" Không được phá hoại chúng sanh nơi đây*" rồi an trí nơi chốn cũ. Nếu không chịu hiện lên, không bỏ nghiệp ác. Liền gia trì 21 biến, vảy trong ao tức bằng thẳng như trên đất, rồi bảo rằng*:" Hãy đi nơi khác mà ở"*. Người niệm tụng gia trì trong 21 biến rồi nói:" *Không được đi lại lộn xộn*" Nếu chí tâm tức được ứng nghiệm.

Pháp thứ 28 : Nếu nơi chỗ ở có ác Quỷ Thần. gia trì đồ ăn 21 biến mà cho họ rồi bảo rằng*:" Ta bảo ngươi không được làm hại chúng sanh thì được ở nơi đây.Nếu không tức phải đi*" Quỷ Thần ác nếu không nghe lời, liền lấy đinh sắt dài mười hai chỉ, gia trì 21 biến rồi đóng xuống đất thì Quỷ Thần ác đều bỏ chạy đi nơi khác. Người Trì Tụng an trí chỗ cho Quỷ Thần rồi bảo*:" Các ngươi ở nơi đây không được đi lung tung"*

Pháp thứ 29 : Người niệm tụng mỗi khi muốn đi đâu, lấy cây phất trắng chú 108 biến rồi cầm cây phất mà đi sẽ không bị nạn khổ của các loài súc sanhv.v…được giải thoát.

Pháp thứ 30 : Nếu muốn các vong giải thoát các nạn khổ, người Trì Tụng ngồi trong Thi Đà Lâm, 7 ngày, ngày 3 thời tụng Chân Ngôn tùy ý nhiều ít, sau 7 ngày lấy đất nơi đó mà rải thì các vong liền được xa lìa các khổ, vĩnh viễn xa lìa ác đạo, được sanh Thiên.

Pháp thứ 31 : Nếu có người bị Tinh Quỷ nhập, người niệm tụng nơi trước giường người bệnh, ngay ngắn chánh niệm , tay để nơi mặt bệnh nhân, tâm không rời nơi mặt người bệnh thì bệnh liền lành.Nếu tâm có sai khác thì Quỷ trở lại, sau đó dùng tâm quán tưởng. Nếu buôn bán ế ẩm , sở cầu không được vừa ý, nên kết

Ấn niệm tụng mỗi thời 21 biến, để hình Thiện Trụ ở nơi kín đáo cúng dường thì sở cầu liền được.

Pháp thứ 32 : Nếu muốn đi vào trong núi rừng gặp hổ , lang, sư tử, các ác thú…khi muốn vào trước nơi cửa núi tụng Chân Ngôn 108 biến , gia trì vào đất vàng 7 biến rồi lấy đất ngậm nơi miệng, lần lượt phun ra vào trong núi, miệng nói*:" Các cầm thú ác độc trong đây thảy đều tiêu diệt, đất này thuộc về Ta. Nếu y theo Pháp của Ta làm theo thì được ở. Nếu không thuận theo tức mau đi khỏi, miệng liền bị ngậm không mở ra được"* Người Trì Niệm thấy các loại đó… tức gom lại một chỗ lấy tay xoa lên chúng gia trì 21 biến , bảo rằng*:" Ta cho ngươi được mở miệng*" rồi bảo đi ra khỏi giới, giữ gìn nơi đây không được tổn hại hết thảy tất cả chúng sinh Niệm Tụng Phát Khiển xong cho đến an trí một chỗ rồi, người Niệm Tụng ngồi trong núi 3 tháng hơn rồi đi, không được ở lâu thêm , vì ngồi lại lâu hơn làm các cầm thú không yên, sợ sệt bỏ đi nơi khác.

Pháp thứ 33 : Nếu muốn vào trong núi niệm tụng có các Quỷ Thần xen lẫn, không cho vào trong núi để ở, biết được vậy, tức y theo nơi mà phân chia miệng nói:"*Ta thích nơi đất đây ngươi hãy đồng ý. Nếu không chịu cho Ta cùng ở thì hãy đi khỏi ngoài 300 dặm. Nếu cưỡng lại, Ta sẽ cấm trói các người, không được lộn xộn".* Người Niệm Tụng liền lấy đinh sắt dài 12 chỉ , gia trì 108 biến rồi đóng nơi đó, tức khiến Quỷ Thần ác, cầm thú ra khỏi 100 dặm mới được an ổn.

Pháp thứ 34 : Nếu có các Rồng bị Ngoại Đạo cột trói, không cho làm mưa trong nước! Người Niệm Tụng ở nơi ao nước có Rồng, làm 1 Đàn nhỏ, lấy gốc cây dâu làm 8 cái cọc để trong Đàn, dùng 15 chén sữa lạc để trên Đàn, gia trì sữa, cọc 108 biến, rồi lấy cọc đóng 4 bên 8 hướng ở ao. Lại lấy sữa đỗ xuống ao, dùng vàng lá viết Chú để trên lá sen trong ao nước. Người Niệm Tụng bảo*:" Thiện Tri Thức này bị ách nạn, bị các Ngoại Đạo cột trói. Nay làm Pháp này xong, lấy Đà La Ni hộ ngươi*" Phát Khiển thâu lá sen lại, cùng niệm tụng Chân Ngôn. Người Niệm Tụng thổi hơi rồi bảo*:" Pháp cột trói của Ngoại Đạo liền bị hoại,"*Rồng liền được giải thoát không còn tai nạn, liền lại cúng dường người niệm tụng nói rằng*:" Ngài có việc gì sai khiến không?* " Người Niệm Tụng bảo*:" Ngươi nên y theo Thời, kéo mây tuôn mưa, đem Đà La Ni này an trên đảnh, sẽ khiến ngươi vĩnh viễn xa lìa ách nạn, xa lìa trần phược"*

Pháp thứ 35 : Nếu có lụt lội làm chìm đắm nhiều người.Ở nơi nước dâng lên đó, tụng Tôn Thắng 21 biến thì nước liền ngưng.

Như vậy, làm các Pháp đều kết Ấn, chế tâm 1 chỗ, không nghĩ việc khác, Phát Nguyện rộng lớn, tác Tâm rộng lớn.

TÔN THẮNG ẤN PHÁP

Co ngón trỏ, lấy ngón cái đè lên, chấp tay để ở trái tim, co ngón trỏ vào lòng bàn tay, ngón cái đè lên lóng giữa, chấp tay lại là thành.

Tối Thắng Chân Ngôn Tâm Trung Tâm dùng chung cho hết thảy niệm tụng. Thọ trì lâu dài dùng Thân Ấn. Chú là :

“ **Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô, hồng phấn tra, sa phạ ha** “



NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ_ OṂ BHRÙṂ HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ

Lại hàng phục, hô triệu, liệu bệnh, gia trì các thứ thuốc hương, dùng Chú :

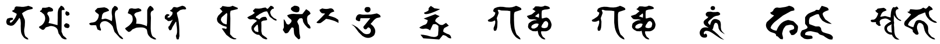
“ **Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô ế hế duệ hế, bàn đà , hồng , phấn tra** “



NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ OṂ BHRÙṂ EHYEHI BANDHA HÙṂ PHAṬ

Lại Phát Khiển Chân Ngôn :

“ **Nam mô tam mãn đa bột đà nẫm. Úm _ Tỳ rô , yết sái, yết sái, hồng, phấn tra, sa phạ ha** “



NAMAḤ SAMANTA BUDDHÀNÀṂ _ OṂ BHRÙṂ GACCHA GACCHA HÙṂ PHAṬ SVÀHÀ

Hàng Phục Khế . Ngón cái của 2 tay vịn gốc ngón vô danh, chấp tay lại, để 2 ngón trỏ trên 2 ngón cái.

Phát Khiển Khế. Tay phải : Ngón trỏ để ở gốc ngón cái, nắm tay lại thành Quyền (Tụng 7 biến) hướng ngón cái lên trên.

“**Úm _ Tam mãn dã, sa đa vam** “



OṂ _ SAMAYA STVAṂ

Chú này , tụng một biến tức thọ Bồ Đề Tâm Giới. Trong Kinh Kim Cang Đảnh vượt hơn 3 cõi.

VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT NGŨ TỰ TÂM CHÂN NGÔN

Bấy giờ Kim Cang Thủ Bồ Tát, hết thảy Bồ Tát… đều ở trước Tỳ Lô Giá Na Như Lai mỗi mỗi đều nói Tự Tâm Chân Ngôn.

Văn Thù Bồ Tát bạch Phật rằng :” Bạch Đức Thế Tôn ! Con cũng vì muốn cho hết thảy chúng sanh mau được thành tựu Bát Nhã Ba La Mật Đa, nên nói Bản Tâm Chân Ngôn “

Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi rằng :” Nay chính là lúc ông có thể nói”

Bấy giờ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói Chân Ngôn là :

“ **A , ra, bạt, giả na** “



A RA PA CA NA

Thiện Nam Tử, Thiện Nữ Nhân hay tụng trì Chân Ngôn này tức là thọ trì hết thảy Pháp Tạng của Như Lai, mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu muốn thọ trì, trước cần phải nhập vào Tam Ma Gia A Giá Lê Da. Vào ngày 14 , 15 của kỳ Bạch Nguyệt, trong Thất thanh tịnh, xoa đất làm một cái Đàn

tròn. Dùng Chiên Đàn, Long Não trộn lại tô trên Đàn. Chính giữa vẽ Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát có hình Đồng Tử, tay trái cầm hoa sen xanh, tay phải cầm tạng Kim Cang. Quanh Đàn vẽ 5 chữ Tâm Chân Ngôn, không được lẫn lộn sai sót. Đốt các thứ hương, rải các thứ Hoa thơm cúng dường.A Xà Lê kết Kim Cang Ấn tụng trì. Tụng xong, liền dẫn Đệ Tử vào Đàn, thọ Pháp Môn Tam Ma Gia, thọ Tâm Chân Ngôn. Xong dạy kết Ấn Kim Cang. Trước kết Kim Cang Phược. Phược xong dựng thẳng 2 ngón giữa co lóng ở trên. 2 ngón giữa cùng trụ , trên Ấn để hoa cúng dường. Xong lại bảo rằng :" Pháp Môn này là Tạng Bí Mật của chư Phật, cẩn thận không được xem nhẹ mà nói cho kẻ khác. Nếu nói tức phá Pháp Tam Muội Gia. Nay Ta vì ngươi mà nói nghĩa này. Ngươi nên lắng nghe, thọ trì và thường nhớ niệm"

Gọi là A (𑖀_A) đây là nghĩa Vô Thượng, là Pháp Môn chung của hết thảy chư Phật.

RA (𑖨_RA) là thanh tịnh không chướng, xa lìa các Pháp trần cấu

BẠT (𑖢_PA) là Đệ Nhất Nghĩa Đế, Chân Thật Lý

GIẢ (𑖓_CA) là Đại Tánh không tịch, không có Hành Tướng

NA (𑖡_ NA) là các Pháp thường Không Tánh ('Sùnyatà). Nói năng , chữ nghĩa đều không thể được.

Ngươi nên tu học Pháp Môn Tâm Chân Ngôn này, thường quán **Tâm xưa nay vốn thanh tịnh, không nhiễm , không dính mắc, không Ngã, không Ngã Sở, lìa tướng phân biệt, tự tánh Niết Bàn.** Vào Pháp Môn này gọi là Tam Ma Địa (Samàdhi) . Đây gọi là Chân Thật Niệm Tụng. Nên biết Công Đức của người này thù thắng vô lượng vô biên.Hành Giả thọ Pháp này xong. Mỗi ngày 4 Thời vào Đàn niệm tụng, cúng dường như trên. Suy nghĩ trong Tâm Pháp Môn Chân Ngôn, nhập Tam Ma Địa.

Như Pháp niệm tụng một biến hay trừ hết thảy khổ. Tụng hai biến , thì hết thảy tội đều tiêu diệt. Tụng ba biến thì Tam Muội hiện tiền. Tụng bốn biến được Tổng Trì chẳng quên (Ghi nhớ không quên). Tụng năm biến, hay thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Chí tâm tụng mãn một tháng thì Văn Thù Sư Lợi tự hiện thân , hoặc ở trong Hư Không vì Hành Giả nói Pháp, tức được Túc Mạng Trí, biện tài vô ngại, Thần Túc tự tại, thành tựu mọi sở nguyện, mau chứng Như Lai Pháp Thân và Kim Cang Thân.

Nếu không thể làm Đàn thì dùng lụa tốt như trên mà vẽ cũng được. Tụng Chân Ngôn mãn năm vạn biến sẽ được Trí Tuệ, Biện Tài không khác Văn Thù.

Lại có Pháp thọ trì riêng. Ở trước Tháp Xá Lợi, dùng các thứ hương trộn lại xoa tô đất, làm một Đàn tròn, viết 5 chữ Phạn Tự Chân Ngôn, đi nhiễu quanh hành Đạo, tụng mãn 50 vạn biến thì Văn Thù Sư Lợi liền hiện thân nói Pháp, thường được Phật và Chấp Kim Cang Bồ Tát gia bị, nơi cầu nguyện đều thành tựu

Ngoại Lục của Đạo Sư…

Ngự Nhật ghi : Dùng Ngự Ngoại Đề Bản Thư ghi chép…

-Hết_

Hoàn chỉnh Phạn Văn vào ngày 05/01/2007_ HUYỀN THANH

Mật Tạng Bộ 2 _ No.974F (Tr.396_ Tr.398)

PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI BIỆT PHÁP

Hán dịch : Vị Tăng của nước Quy Tư là NHẠ NA (**Jñàna**)phụng chiếu dịch
Việt dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Miệng nói tay ghi truyền cho vị Tăng KHỔ NĂNG của chùa Sùng Phước. Nhân đây mà lưu truyền.

Trước là **Vẽ Tượng** . Muốn thọ trì Chú này, trước cần vẽ tượng. Dùng lụa trắng tốt, ba bức cao một trượng, màu vẽ không được dùng keo da mà dùng nhựa hương. Họa Sĩ cần thanh tịnh, không được ăn ngũ tân. Từ ngày một bắt đầu, trong 7 ngày phải vẽ xong. Vẽ núi Cam Lồ, trong núi có đủ các thứ cây cối, hoa quả, suối khe, cầm thú. Giữa núi có hang , trong hang vẽ Thích Ca Mâu Ni ngồi Kiết Già, bên trái vẽ Đế Thích Thiên Chủ cùng các Thiên Chúng vây quanh, bên phải vẽ Càn Thát Bà Nhi tên là **Thiện Trụ** đoan chánh như Bồ Tát, đầu tóc áo mão đều y vậy, dùng các thứ Anh Lạc mão hoa trang sức. Dùng miếng lụa trắng buộc ở cánh tay trái, tay phải cầm cây gậy tròn và vẽ các Càn Thát Bà quyến thuộc vây quanh.Hai bên Đức Phật vẽ 4 vị Thiên Vương cùng các quyến thuộc. Lại bên trái đức Phật vẽ Phạm Vương và Ma Vương.Vẽ xong làm Đàn thọ Pháp.

Kết Đàn . Đàn Pháp này, trước cần đất sạch không có gạch đá. Lấy 5 thứ nước hương trộn với đất vàng làm bùn đắp Đàn vuông vức một trượng. Giữa Đàn rộng một khuỷu tay vẽ Phật Đảnh, tóc biếc như con ốc màu xanh. 4 mặt ngoài Đàn , để các món ăn uống 7 chén, 4 phương để 4 lư hương đều đốt các thứ hương thơm. Cửa Nam để một bình đồng chứa đầy nước 5 thứ hương, cửa Nam an Tòa Đế Thích. Cửa Đông an Tòa Thiện Trụ. Chú Sư ngồi nơi Tòa phía Tây , hướng mặt về phương Đông. Mặt tượng Phật hướng về phương Tây. Lấy phướng 5 màu treo 4 bên ngoài Đàn. Để 5 chén đèn , chính giữa là một chén cao, 4 góc mỗi góc một chén như bên dưới giống hình cái Tháp. Trong Đàn rải các thứ hoa. Vật cúng dường cũng để ngoài Đàn không được để trong Đàn. Làm Pháp 7 ngày, trong 7 ngày tụng đủ số một vạn.Phật Đảnh phóng đại quang minh. Chú Sư trong 7 ngày cần phát lồ sám hối, khởi nguyện Đại Bi. Bấy giờ Pháp được thành tựu, không có nghi, chuyên tâm cúng dường được vô lượng Phước.

Pháp thứ 1 : Nếu người muốn được sống lâu không đọa Địa Ngục, ác đạo, Ngạ Quỷ, súc sanh, A Tu La cùng diệt các tội nặng. Mỗi thời chí tâm tụng Chân Ngôn 21 biến, khởi nguyện Đại Bi thương xót hết thảy chúng sanh tức tiêu trừ Thập Ác, Ngũ Nghịch.

Pháp thứ 2 : Nếu có Phi Hành, La Sát, Quỷ Thần vào trong nước gây não loạn, khủng bố nhân dân. Thường kết Ấn xưng" **Nam mô Phật** " tâm tâm nhớ niệm tụng Đà La Ni này tức được như trên, các nạn tiêu diệt.

Pháp thứ 3 : Nếu có người không tin, chỉ chí tâm một chỗ, thường làm Pháp này tức được đại nghiệm. Xong khiến cho người không tin được tin. Nếu làm Pháp

có hiệu nghiệm thì có gió Bạch Tộc thổi đến nhập vào thân. Trên thân , da dẻ dơ xấu xí đen đúa và các nạn được gió thổi đến đều biến mất, ách nạn chướng nặng đều tiêu trừ

Pháp thứ 4 : Nếu muốn được oai lực tự tại.Trong 7 ngày hướng 4 phương, tụng Chú , dùng các thứ lúa làm hình người để 4 hướng. Tức sở nguyện được như ý

Pháp thứ 5 : Muốn được diệt các tội nặng nơi thân. Dước chân cửa Thành, làm như Pháp trên

Pháp thứ 6 : Muốn diệt các tội cho Tiên Vong. Ở ngã tư đường , làm Pháp như trên.

Pháp thứ 7 : Muốn diệt tội cho hết thảy chúng sanh. Trước Phật làm Pháp như trên.

Pháp thứ 8 : Muốn cứu được chúng sanh bị khổ nơi Địa Ngục. Mỗi thời kết Phật Đảnh Ấn, tụng Chú, hướng 4 phương mà xả thì tội chướng liền tiêu trừ.

Pháp thứ 9 : Muốn thí nước cho Ngạ Quỷ. Chú vào nước sạch 7 biến, tán rải 4 phương, dùng tâm mà thí cho thì Ngạ Quỷ liền được uống nước Cam Lồ.

Pháp thứ 10 : Muốn cứu tội khổ của súc canh. Chú vào đất vàng 21 biến, rải trên súc sanh và 4 phương . Tức được tiêu diệt tội chướng.

Pháp thứ 11 : Nếu muốn cứu Trời Người bị các tội sợ bị đọa lạc. Lấy hoa 5 màu , tụng Chú vào hoa, tán rải nơi Tam Bảo và trên Phật Đảnh. Tức hết thảy tội cấu tiêu diệt

Pháp thứ 12 : Nếu có nạn vua, nạn giặc giã, khẩu thiệt nổi lên. Chú vào 5 thứ nước hương 21 biến, rửa Phật và quán đảnh liền được an lạc.

Pháp thứ 13 : Nếu Sa Môn, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, 4 Chúng… muốn được đầy đủ phước báo. Mỗi ngày phát nguyện, sám hối, tụng Đà La Ni này đem công đức hồi hướng cho hết thảy chúng sanh. Chỉ làm như vật tất được như ý, hết thảy tội chướng đều tiêu diệt.

Pháp thứ 14 :Muốn diệt hết thảy tội chướng cho chúng sanh. Xé lụa 5 màu làm cây phất trần, Chú 21 biến quét thân Phật, Kinh. Chí tâm kết Ấn, Chú 21 biến thì tội chướng một đời liền tiêu.

Pháp thứ 15 : Nếu có Khẩu Thiệt.Lấy Mật đựng trong chén sạch, dùng Châu Sa hòa với Mật. Chú 21 biến rồi đem Mật, Châu bôi lên môi của trăm Tượng Phật thì Khẩu Thiệt liền tiêu diệt, được Phước vô lượng.

Pháp thứ 16 : Nếu người bệnh lâu, nằm liệt trên giường. Lại nếu muốn hết thảy người yêu nhớ cung kính , muốn hết thảy mọi việc Thế Xuất Thế được thành tựu, bị Quỷ Thần não loạn, mộng tưởng điên đảo. Dùng 100 lá vàng, Chú 21 biến rồi dán trên đảnh 100 Tượng Phật , trước Tượng làm hình Ma Ni Châu thì hết thảy tội tiêu, cầu gì đều được.

Pháp thứ 17 : Nếu trong nước bị Quỷ Thần gây bệnh cùng bệnh Thời Khí lưu hành. Ở 4 cửa thành, dùng giấy xanh vẽ Chú, dùng Bạch Đàn làm cái hộp để đựng, dùng sáp gắn lại. Đứng ở cửa thành, lấy lọng 5 màu che hộp. Mỗi cửa để một Bản. Tức Quỷ Thần , tật bệnh đều tiêu trừ không dám đến.

Pháp thứ 18 : Nếu trong nước không được mùa ngũ cốc, mưa gió thất thường. Lấy lụa trắng làm một cái phướng, vẽ Phật Đảnh Ấn treo ở cái phướng cao 80 thước (Thước Tàu) tức gió thuận mưa hòa , ngũ cốc tốt tươi, nhân dân an lạc, Quỷ Thần hồi tâm hướng thiện, A Tu La Vương không gây chướng ngại.

Pháp thứ 19 : Nếu trời mưa nhiều không dứt. Lấy lụa viết Chú, Chú 21 biến dựng nơi đó, liền tạnh mưa

Pháp thứ 20 : Nếu trong nước có oán địch giặc giã nổi lên. Lấy vải xanh viết Chú 21 tấm, ở giữa vẽ Càn Thát Bà Nhi **Thiên Trụ** với 2 tay cầm cung tên rồi dựng ở chánh đông của cõi nước thì các nạn tự lui.

Pháp thứ 21 : Nếu trong nước có các tai họa. Dùng đủ các thứ làm 100 Phù Đồ Bức Luân, lại giã lá lấy nước vẽ Chú 10 Bản , để trên đầu Bức Luân trong cái hộp thì tai họa liền tiêu , được phước sống lâu.

Pháp thứ 22 : Nếu kẻ sang người hèn muốn ủng hộ và hộ tự thân , cầu tài bảo xứng ý . Thường khởi thiện tâm, không cần thời gian. Lễ Phật, kết Ấn, tụng Chú 7 biến, chiêm ngưỡng mặt Phật không chớp mắt . Làm như vậy tức được đầy đủ Phước Đức, khi chết không bị đọa Địa ngục ác đạo.

Pháp thứ 23 : Nếu người nữ muốn có con. Trong 100 ngày làm các món ăn uống ngon ngọt cho kẻ nghèo khổ ăn xin và kẻ bệnh tật. Khi cho đồ ăn , miệng luôn tụng Chú không được gián đoạn tức được (sanh con).

Pháp thứ 24 : Nếu vợ chồng ghét nhau. Lấy lụa, Chú 21 biến rồi đem may áo cho mặc (thì vợ chồng) liền yêu thương nhau.

Pháp thứ 25 : Nếu đàn bà không có chồng. Cúng dường hiện tiền Tăng liền được, không có nghi.

Pháp thứ 26 : Nếu có người, quốc vương, đại thần, trăm quan… không tin Phật Pháp. Lấy sữa của 3 con bò vàng không bị ghẻ lác, Chú vào nước, cỏ 21 biến rồi cho bò ăn. Khi mặt trời mọc, vắt sữa đựng trong đồ bằng bạc, lại Chú vào sữa 21 biến rồi đổ nơi đất sạch 4 phương. Người lấy sữa phải mặc áo trắng, miệng nói:"*Càn Thát Bà Nhi Thiện Trụ và Đế Thích phải tự lo việc này*". Chú Sư liền vào thành thì quốc vương, đại quan, ngoại đạo không tin Phật Pháp thấy Chú Sư đều sanh lòng hoan hỷ. Chú Sư nói gì thảy đều tin nhận ngợi khen.

Pháp thứ 27 :Nếu có người trong Giới, nơi chốn ở có Quỷ Thần ác, nơi ao có Rồng ác.Nếu Rồng hiện lên, Chú Sư bảo rằng*:" Không được làm hại chúng sanh trong đây".* Y như trên mà an trí. Nếu ngang bướng không bỏ nghiệp ác. Chú Sư lấy cát, Chú 21 biến ném nơi này , Chú vào Rồng 21 biến thì Rồng không dám trái. Nếu là Quỷ Thần ác , Chú vào thức ăn 21 biến rồi thí cho. Chú Sư bảo*:" Ta bảo ngươi, nếu không làm hại chúng sanh thì được ở đây, nếu làm hại thì rời khỏi nơi đây"*. Nếu Quỷ Thần không nghe theo, liền làm cái cọc sắt dài 22 chỉ, Chú 21 biến rồi đóng xuống đất thì Quỷ Thần liền bỏ chạy. Chú Sư an trí Quỷ Thần xong lại bảo *:" Như đây mà ở, không được lộn xộn*".

Pháp thứ 28 :Chú Sư mỗi khi ra đi. Làm một cây phất , Chú 108 biến rồi cầm mà đi. Nếu gặp súc sanh, lấy phất phủi một cái thì súc sanh được lìa khổ, giải thoát.

Pháp thứ 29 : Nếu muốn Tiên Vong xa lìa khổ , được giải thoát. Ngồi trong Rừng Thi Đà 7 ngày. Ngày 3 thời tụng Chú nhiều ít. Mãn 7 ngày , lấy đất ở chỗ Chú Sư ngồi , vãi 4 phương . Ngay khi vãi (thì Tiên Vong) liền được lìa khổ, sanh lên Trời.

Pháp thứ 30 : Buôn bán ế ấm, cầu gì đều không được. Chú Sư kết Ấn, tụng Chú 21 biến. Để Tượng Thiện Trụ ở nơi kín đáo rồi cúng dường liền được sở cầu, buôn bán có lời.

Pháp thứ 31 : Nếu có người muốn vào núi rừng gặp sư tử, cọp, sói, cầm thú ác độc. Khi sắp vào nơi cửa núi, tụng Chú 108 biến, chú vào đất vàng rồi ngậm đất ở miệng, hà hơi vào trong núi, miệng nói *:" Cầm thú ác độc có ác độc đều tiêu diệt hết, đất này thuộc về Ta. Nếu hay y theo Pháp Ta thì tùy ý được ở. Nếu không y theo liền mau đi khỏi. Nếu không đi, miệng liền bị cấm*".Nếu Chú Sư thấy cầm thú, cọp, sói có miệng bị cấm liền gom lại một chỗ, lấy tay xoa trên đầu, Chú 21 biến rồi bảo rằng :" Ta đây mở miệng cho ngươi. Mau ra khỏi nơi đây và giữ gìn đất đai này, không được làm hại chúng sanh nơi đây". Chú xong đuổi đi đến nơi an trí cho chúng ở. Chú Sư ngồi trong núi hơn 2 tháng, không được ngồi thêm rồi đi khắp nơi, sau đó ngồi lại. Nếu ngồi lâu thì cầm thú không được an ổn. Cần phải biết như vậy

Pháp thứ 32 : Nếu vào trong núi. Các Quỷ Thần xen lẫn, Rồng xen lẫn không cho Chú Sư an ổn ở nơi này. Thấy vậy, Chú Sư liền y theo Pháp mà phân chia. Sư bảo:" *Ta chọn chỗ đất này. Hãy để cho Ta. Nếu đồng ý thì được ở. Nếu cưỡng lại không nghe thì Ta liền cấm trói ngươi không được đi đâu"*. Chú Sư lấy đinh sắt như Pháp mà đóng thì các loài đi ra khỏi Giới không dám vào.

Pháp thứ 33 :Nếu có các Rồng bị Ngoại Đạo cột trói khiến trong nước không có mưa gió. Chú Sư ở bên suối có Rồng, làm một cái Đàn nhỏ, lấy gốc Dâu làm 8 cái cọc để trong Đàn. Lấy 3 chén sữa, lạc để trên Đàn. Chú vào cọc 108 biến rồi đóng cọc ở 8 hướng của suối. Lấy sữa, lạc đổ xuống ao. Lấy lá kim bạc vẽ Chú để trên lá sen trong ao. Chú Sư nói*:" Thiện Tri Thức nay bị ách nạn, bị Ngoại Đạo cấm trói. Nay làm Pháp này xong , dùng Đà La Ni ủng hộ người"*. Phát Thệ xong, liền lấy đồ ăn uống, cà sa cùng Kim Bạc Chú… quăng xuống đáy nước. Chú Sư thổi hơi 3 lần thì Cấm Pháp của Ngoại Đạo liền bị hoại, Rồng được giải thoát không còn nạn. Khi Rồng ra khỏi liền đến cúng dường Chú Sư. Rồng nói*:" Ngài có điều gì sai bảo ?*". Chú Sư nói*:" Ngươi y theo thời làm gió mưa, đem Đà La Ni này để trên đảnh khiến cho ngươi vĩnh viễn không có tai nạn"*

Pháp thứ 34 :Nếu nước lụt làm chìm đắm người. Chú Sư chú vào nước 21 biến rồi rảy vào nơi nước lụt liền không còn (người) bị trôi chìm.

Pháp thứ 35 : Nếu thường niệm, nhất định sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn được an lạc.

Pháp thứ 36 : Nếu ngày ngày tụng 1000 biến cùng kết Ấn thì được thân Kim Cang Bất Hoại, đời này được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Pháp thứ 37 : Nếu ngày ngày kết Ấn tụng Chú 108 biến thì mau được chư Phật 10 phương thọ ký , nhất định không nghi.

Pháp thứ 38 : Nếu ngó 4 phương 4 hướng , kết Ấn tụng Chú 21 biến vì chúng sanh xưng tên và xả Ấn thì được hết thảy Quỷ Thần, Ma Vương, Tỳ Na Dạ

Ca, Ác Quỷ, Rồng…. Cung kính giữ gìn. Hết thảy điều cầu xin , tự nhiên đến. Nhan sắc tốt tươi, phước đức vô lượng, công đức vô biên, chư Phật 10 phương ngợi khen huống chi có người chí tâm trì tụng ắt mau chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, tùy ý thọ sanh 10 phương Tịnh Độ, liên hoa hóa sanh, được chứng Quả Phật.

TÔN THẮNG ĐÀ LA NI BIỆT PHÁP

(Hết)

14/11/2003

Mật Tạng Đồ Tượng 10 (Tr.666)

TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Phạn Văn : BẢO TƯ DUY
Hán Văn chú giải : PHÁP SÙNG
Phạn Việt dịch : HUYỀN THANH

NAMO BHAGAVATE (Quy mệnh Thế Tôn)

TRAILOKYA (Ba đời, cũng gọi là 3 cõi)

PRATIVI'SIṢṬAYA (Tối thù thắng)

BUDDHÀYA (Đại Giác)

BHAGAVATE (Thế Tôn)

*) Phần trên là **Đệ nhất Quy Kính Tôn Đức Môn**

TADYATHÀ (Ấy là, liền nói)

OṂ (Ba thân, cũng có nghĩa là Tướng)

*) Phần trên là **Đệ nhị chương biểu (Biểu thị rõ ràng) Pháp Thân Pháp Môn**

VI'SODHAYA VI'SODHAYA (Thanh tĩnh)

ASAMA SAMA SAMANTA VABHASA (Chiếu diệu rộng khắp)

SPHARAṆA (Giang duỗi khắp cả)

GATI GAHANA (Rừng 6 nẻo đông đúc)

SVABHÀVA VI'SUDDHE (Tự nhiên thanh tĩnh)

*) Phần trên là **Đệ tam Tĩnh Trừ Ác Thú Môn**

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ (Quán đỉnh cho tôi)

SUGATA (Thiện Thệ)

VARA VACANA (Ngôn Giáo thù thắng)

AMṚTA ABHIṢAIKAI MAHÀ MANTRÀ PADAI (Cam Lộ, lại nói là câu Quán Đỉnh Bất Tử)

ÀHARA ÀHARA (Chỉ có tôi nhiếp thọ, chỉ có tôi nhiếp thọ. Lại nói là Xả thoát các khổ não)

ÀYUḤ SANDHÀRAṆA (Kiên trụ giữ gìn thọ mệnh)

Phần trên là **Đệ tứ Thiện Minh Quán Đỉnh Môn**

‘SODHAYA ‘SODHAYA GAGANA VI’SUDDHE (Như hư không thanh tĩnh)

UṢṆÌṢA VIJAYA VI’SUDDHE (Tối Thắng thanh tĩnh)

SAHASRA RA‘SMI (1000 ánh sáng)

SAṂCODITE (Cảnh giác)

SARVA TATHÀGATÀVALOKANI ṢAṬPÀRAMITA PARIPÙRAṆI _ SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE (Nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

MAHÀ MUDRE (Ấn Khế)

VAJRAKÀYA SAṂHATANA VA‘SUDDHE (Sự thanh tĩnh của Thân Kim Cương câu tỏa)

SARVA VARAṆI PAYA DURGATI PARIVI’SUDDHE (Tất cả chướng thanh tĩnh. Đó là : Nghiệp chướng, Báo chướng, Phiền Não chướng được thanh tĩnh)

*) Phần trên là **Đệ ngũ Thần Lực Gia Trì Môn**

PRATINI VARTTAYA AYUḤ ‘SUDDHE (Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tĩnh)

SAMÀYA ADHIṢṬITE (Thệ nguyện gia trì)

MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI (Thế Tôn. Cũng gọi là Pháp Bảo, ấy là tư lương của 2 loại Phước Tuệ)

*) Phần trên là **Đệ lục Thọ mệnh tăng trưởng Môn**

TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE (Sự thanh tĩnh tràn khắp Chân Như thật tế)

VISPHUṬA BUDHI 'SUDDHE (Hiển hiện Trí Tuệ thanh tĩnh)

JAYA JAYA_ VIJAYA VIJAYA (Tối thắng, tối thắng. Tức là Chân Tục Nhị Đế Pháp Môn)

SMARA SMARA (Niệm trì Định Tuệ tương ứng)

*) Phần trên là **Đệ thất Định Tuệ Tương Ứng Môn**

SARVA BUDDHÀ (Tất cả chư Phật)

NAMO ARYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA (Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát)

NAMAḤ 'SAKYAMUNAYE TATHÀGATÀYA (Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai)

NAMAḤ KÀ'SYAPÀYA TATHÀGATÀYA (Kính lễ Ca Diếp Như Lai)

NAMAḤ KÀNAKAMUNAYE TATHÀGATÀYA (Kính lễ Câu Na Hàm Như Lai)

NAMAḤ VI'SVABHU TATHÀGATÀYA (Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai)

NAMAḤ 'SIKHINA TATHÀGATÀYA (Kính lễ Thi Khí Như Lai)

NAMAḤ VIVA'SINE TATHÀGATÀYA (Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai)

ADHIṢṬITA 'SUDDHE (Gia trì thanh tĩnh)

VAJRI VAJRAGARBHA (Kim Cương Tạng)

VAJRÀṂBHAVATU (Thành nguyện Kim Cương)

MAMA (Tôi, tự xưng tên họ. Nếu vì người khác liền xưng tên họ của người đó)

*) Phần trên là **Đệ bát kim Cương Cúng Dường Môn**

CARIRAṂ SARVA SATVANÀṂCA KAYA (Tất cả thân Hữu Tình được thanh tĩnh)

SARVA GATI PARI'SUDDHE (Tất cả các nẻo đều được thanh tĩnh)

SARVA TATHÀGATÀ 'SCA ME SAMA 'SVASA YAṂTU _ SARVA TATHÀGATÀ SAMA 'SVASA ADHIṢṬATE (Tất cả Như Lai an ủi khiến được thanh tĩnh)

BODHAYA BODHAYA VIBODHAYA (Hay khiến cho giác ngộ, hay khiến cho Hữu Tình mau được giác ngộ)

SAMANTA PARI'SUDDHE (Thanh tĩnh khắp cả)

SARVA TATHÀGATÀ HRÌDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE (Nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai)

MAHÀ MUDRE (Đại Ấn. Đây là Đại Ấn của Như Lai)

*) Phần trên là **Đệ cửu Phổ Chứng Thanh Tĩnh Môn**

SVÀHÀ (Câu tốt lành, nghĩa là thành tựu)

*) Phần trên là **Đệ thập Thành Tựu Niết Bàn Môn**

Nội Chứng ghi là : Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh (Cũng gọi là Trừ Chướng Phật Đỉnh. Phạn Hiệu của 7 vị Phật và Quán Âm trong Gia Tự Cụ Túc Bản là dị bản vậy)

Đại Đường, niên hiệu Đại Lịch, năm thứ 11. tháng 02, ngày 28

Thượng Đô, chùa Thiên Phúc_ Sa Môn PHÁP SÙNG chú giải bản của Ngài BẢO TƯ DUY

19/08/1995

Đồ Tượng 3 (Tr.119)


尊勝陀羅尼

TÔN THẮNG ĐÀ LA NI GIA CÚ BẢN

Dịch âm Phạn: HUYỀN THANH

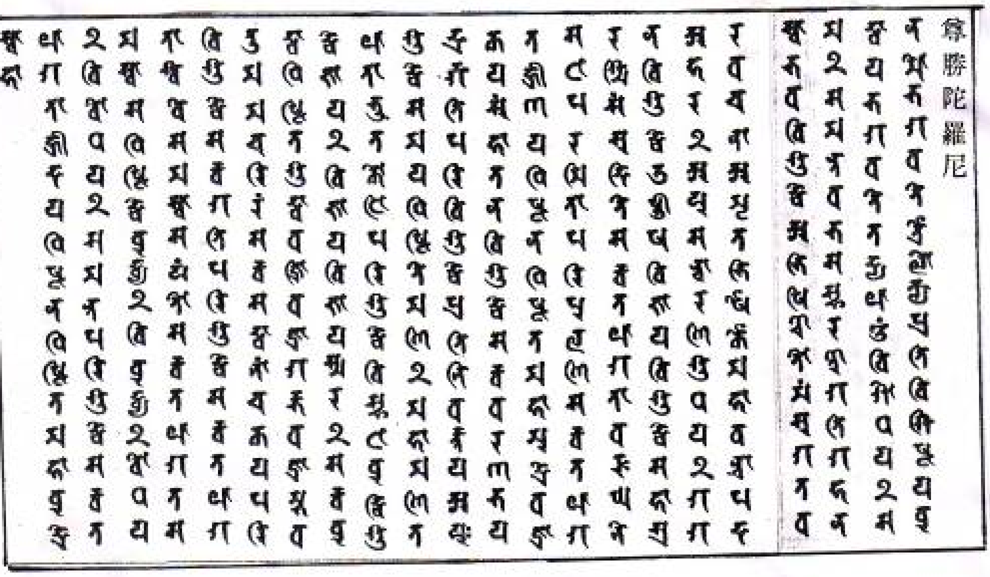
NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVI’SIṢṬAYA BUDDHÀYA BHAGAVATE
TADYATHÀ : OṂ
VI’SODHAYA VI’SODHAYA
SÀMA SÀMA
SAMANTA BHAVASA
SPHARAṆA GATI
GAHANA SVABHÀVA VI’SUDDHE
ABHIṢIṆCA TUMAṂ
SUGATA VARA VACANÀ
AMṚTÀBHIṢAIKE
MAHÀ MANTRA PADAI
ÀHARA ÀHARA
ÀYUḤ SANDHÀRAṆI
‘SODHAYA ‘SODHAYA
GAGANA VI’SUDDHE
UṢṆÌṢA VIJAYA VI’SUDDHE
SAHASRA RA’SMI
SAṂCODITE SARVA TATHÀGATA
AVALOKINI ṢAṬPARAMITA PARIPURAṆI
SARVA TATHÀGATÀ HṚDAYA DHIṢṬANÀDHIṢṬITE
MAHÀ MUDRE
VAJRA KAYA SAṂHATANA VI’SUDDHE

SARVA VARAṆA PAYA DURGATI PARIVI'SUDDHE
PRATINI VARTTAYA AYUḤ 'SUDDHE
SAMAYA DHIṢṬITE
MAṆI MAṆI MAHÀMAṆI
TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE
VISPHUṬA BUDDHI 'SUDDHE
JAYA JAYA
VIJAYA VIJAYA
SMARA SMARA
SARVA BUDDHÀDHIṢṬITA 'SUDDHE
VAJRO VAJRAGARBHE
VAJRAṂ BHAVATU
MAMA
CIRIRAṂ SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA PARI'SUDDHE
SARVA GATI PARI'SUDDHE
SARVA TATHÀGATÀ'SCA ME SAMA 'SVASA YAṂTU
SARVA TATHÀGATA SAMA 'SVASA DHIṢṬITE
BUDDHYA BUDDHYA
BODHAYA BODHAYA
VIBODHAYA VIBODHAYA
SAMANTA PARI'SUDDHE
SARVA TATHÀGATÀ HṚDAYA DHIṢṬANA DHIṢṬITA
MAHÀ MUDRE
SVÀHÀ

_ Hết_

15/05/2005

Đồ Tượng 3 (tr.119)



TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

Dịch âm Phạn: HUYỀN THANH

NAMO BHAGAVATE TRAILOKYA PRATIVI’SIṢṬAYA BUDDHÀYA BHAGAVATE

TADYATHÀ : OṂ

VI’SODHAYA VI’SODHAYA

SAMA SAMA

SAMANTA BHAVASA

SPHARAḌA GATI

GAHANA SVÀBHAVA VI’SUDDHE

ABHIṢIṆCA TOMAṂ

SUGATA VARA VACANÀ

AMṚTA BHIṢAIKAI

MAHÀ VANTRA PADA

AHARA AHARA

AYU SANDHÀRAṆI

‘SUDHAYA ‘SUDHAYA

GAGANA VI’SUDDHE

UṢṆÌṢA VIJAYA VI’SUDDHE

SAHASRA RA’SMI

SAṂSUDITE SARVA TATHÀGATA

AVARUGHANE ṢAṬA PARAMITÀ PARIPULAṆI

SARVA TATHÀGATÀ HRIṆAYA DHIṢṬANA DHIṢṬITA

MAHÀ MUDRE

VAJRA KAYA SAṂHÀTANA VI’SUDDHE

SARVA VARAṆA BHAYA DURGATI PARIVI’SUDDHE

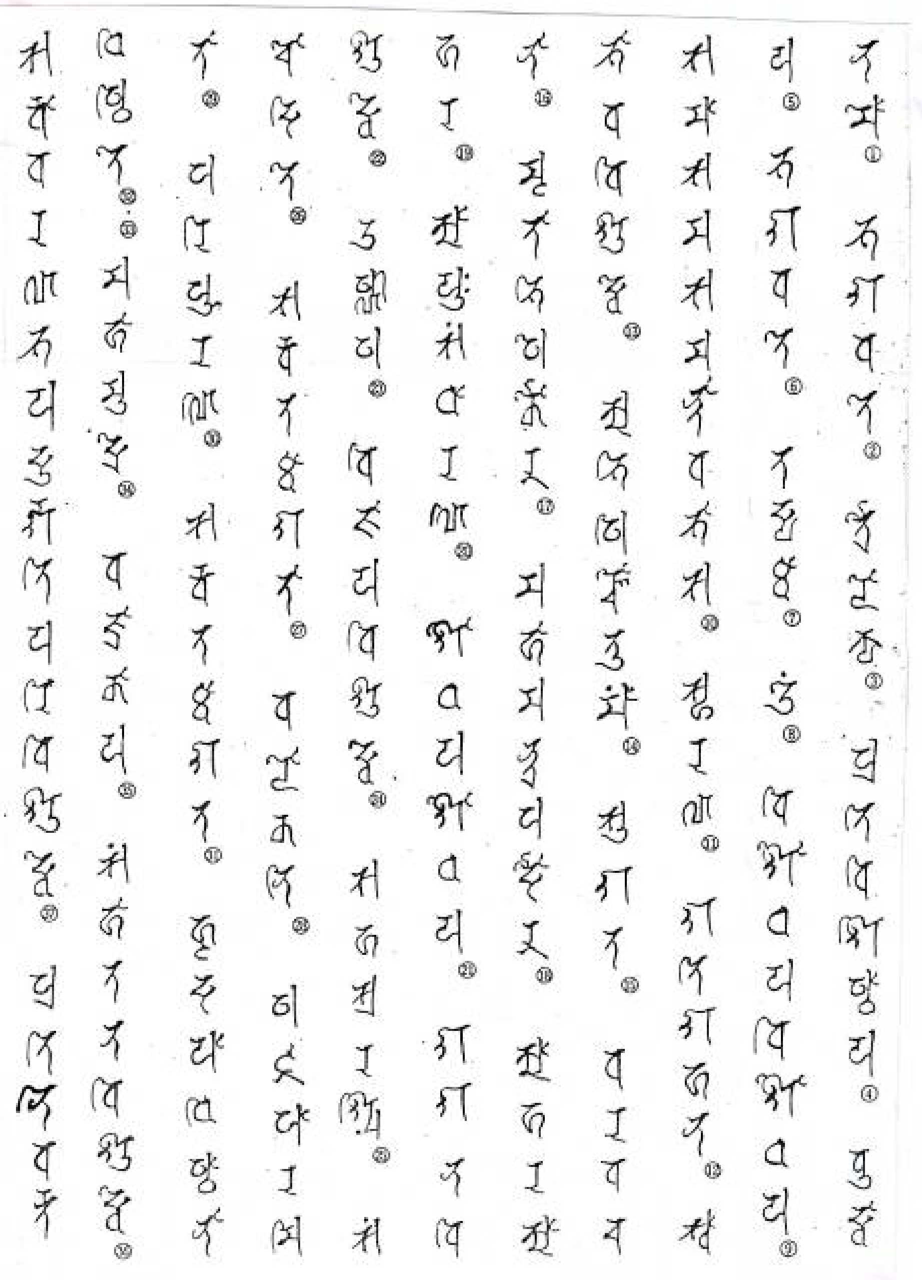
PRATINI VARTTAYA AYUḤ ‘SUDDHE
SAMAYA DHIṢṬITE
MAṆI MAṆI MAHÀMAṆI
TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI’SUDDHE
VISPHAṬA BUDDHI ‘SUDDHE
JAYA JAYA
VIJAYA VIJAYA
SMARA SMARA
SARVA BUDDHÀDHIṢṬITA ‘SUDDHÀ
VAJRI VAJRAGARBHE
VAJRAMBHAVATU
MAMA
CARIRAṂ SARVA SADVÀNÀṂCA KÀYA PARI’SUDDHE
SARVA GATI PARI’SUDDHE
SARVA TATHÀGATÀ’SVA VE SAMA ‘SVÀSA YAṂTO
SARVA TATHÀGATA SAMA ‘SVÀSA DHIṢṬIDDHE
BUDDHYA BUDDHYA
VIBUDDHYA VIBUDDHYA
BODHAYA BODHAYA
VIBODHAYA VIBODHAYA
SAMANTA PARI’SUDDHE
SARVA TATHÀGATÀ HRIDAYA DHIṢṬANA DHIṢṬITA
MAHÀ BUDRE
SVÀHÀ

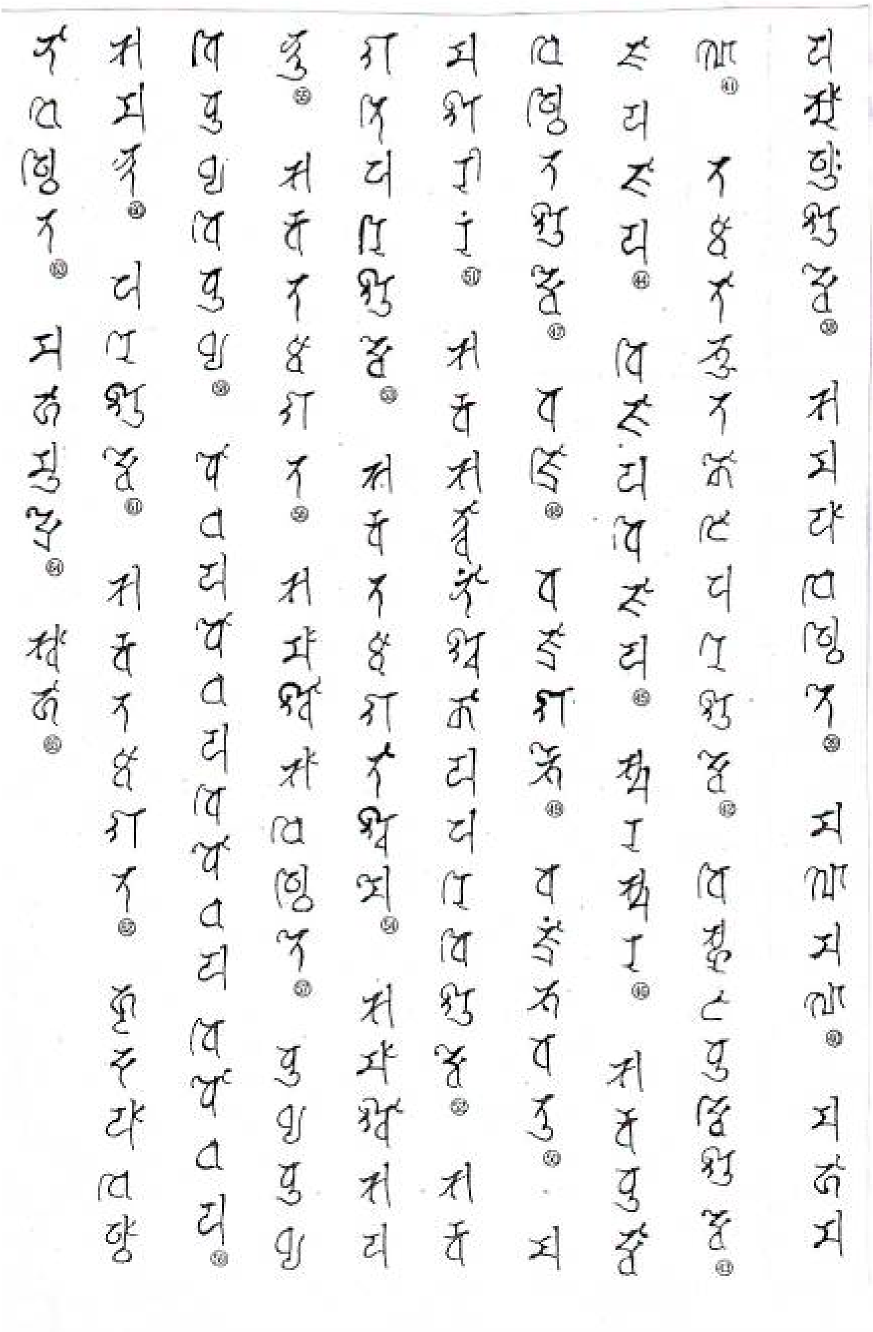
_ Hết_

15/05/2005

Đà La Ni Tập (Tr.726 _ Tr.728)

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI PHẠN BẢN





PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

1_ NAMO
2_ BHAGAVATE
3_ TRAILOKYA
4_ PRATIVI'SIṢṬÀYA
5_ BUDDHÀYA
6_ BHAGAVATE
7_ TADYATHÀ
8_ OṂ
9_ VI'SODHAYA VI'SODHAYA
10_ SAMÀSAMA SAMANTÀVABHÀSA
11_ SPHARAṆA
12_ GATI- GAHANA
13_ SVÀBHÀVA- VI'SUDDHE
14_ ABHIṢIÑCATU MÀṂ
15_ SUGATA
16_ VARA- VACANA
17_ AMṚTÀBHIṢEKAIR
18_ MAHÀ -MANTRA PADAIR
19_ ÀHARA ÀHARA
20_ ÀYḤ- SAṂDHÀRAṆI
21_ 'SODHAYA 'SODHAYA
22_ GAGANA - VI'SUDDHE
23_ UṢṆÌṢA
24_ VIJAYA - VI'SUDDHE
25_ SAHASRA – RA'SMI
26_ SAṂCODITE
27_ SARVA TATHÀGATA
28_ AVALOKANI
29_ ṢAṬ- PÀRAMITÀ
30_ PARIPÙRAṆI
31_ SARVA TATHÀGATA
32_ HṚDAYA
33_ ADHIṢṬHANA ADHIṢṬITE
34_ MAHÀ - MUDRE
35_ VAJRA - KÀYA
36_ SAṂHÀTANA - VI'SUDDHE
37_ SARVA AVÀRAṆA - BHAYA - DURGATI - PARIVI'SUDDHE
38_ PRATINIVARTAYA ÀYUḤ- 'SUDDHE
39_ SAMAYA ADHIṢṬHITE

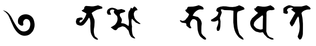
40_ MAṆI MAṆI
41_ MAHÀ MAṆI
42_ TATHÀTÀ – BHÙTA – KOṬI – PARI'SUDDHE
43_ VISPHUṬA- BUDDHI- 'SUDDHE
44_ JAYA JAYA
45_ VIJAYA VIJAYA
46_ SMARA SMARA
47_ SARVA BUDDHA ADHIṢṬHITA- 'SUDDHE
48_ VAJRI
49_ VAJRA- GARBHE
50_ VAJRAṂ BHAVATU
51_ MAMA 'SARÌRAṂ
52_ SARVA SATTVÀNÀṂ'SCA KÀYA- PARI'SUDDHE
53_ SARVA GATI PARI'SUDDHE
54_ SARVA TATHÀGATÀ'SCA ME
55_ SAMÀ'SVÀSAYANTU
56_ SARVA TATHÀGATA
57_ SAMÀ'SVÀSA ADHIṢṬHITE
58_ BUDHYA BUDHYA VIBUDHYA VIBUDHYA
59_ BODHAYA BODHAYA VIBODHAYA VIBODHAYA
60_ SAMANTA
61_ PARI'SUDDHE
62_ SARVA TATHÀGATA
63_ HṚDAYA ADHIṢṬHANA ADHIṢṬHITE
64_ MAHÀ- MUDRE
65_ SVÀHÀ

_ Hết_

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

(Dựa theo Bản đầy đủ của Tam Tạng THIỆN VÔ ÚY)

Phục hồi và chú thích Phạn Văn : HUYỀN THANH



NAMO BHAGAVATE

Namo : Quy mệnh, Quy Y, kính lễ

Bhagavate : Đức Thế Tôn



TRAILOKYA

Trailokya : Ba cõi, ba đời



PRATIVI'SIṢṬÀYA

Prativi'siṣṭa : Tốt hơn, đặc biệt, kỳ dị, rất thù thắng

Aya : Nhóm, đẳng, hàng



BUDDHÀYA

Buddha : Bậc giác ngộ



BHAGAVATE

Phần trên có nghĩa là : **Quy mệnh Đức Thế Tôn là Đấng Thế Tôn Giác Tuệ cao cả của ba cõi**



TADYATHÀ

Tadyathà : Như vậy, liền nói Thần Chú là



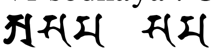
OṂ

Oṃ: Ba Thân, Quy Mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, nhiếp phục



VI'SODHAYA VI'SODHAYA

Vi'sodhaya : Các nhóm thanh tịnh

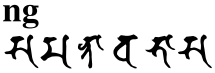


ASAMA SAMA

Sama : Đẳng, hàng

Asamasama : Vô đẳng đẳng , không có hàng nào có thể ngang bằng

Phần trên có nghĩa là : **Như vậy : OM ! thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng**



SAMANTA AVABHÀSA

Samanta : Khắp tất cả, phổ biến

Ava :Phía bên dưới

Bhàsa : Ánh sáng, sáng rực, sự vinh quang, sáng sủa rực rỡ

SPHARAṆA

Spharaṇa : Chu biến, vòng khắp cả, tràn đầy vòng khắp

GATI GAHÀNA

Gati : Lối đi, hướng đi, lối nẻo

Gahàna : Rừng đông đúc

SVABHÀVA VI'SUDDHE

Svabhàva : Tự tính , tính tự nhiên vốn có

Vi'suddhe : Khiến cho thanh tịnh, làm cho thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là : **Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh**

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ

Abhiṣiṃca : Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

Tumàṃ : cho tôi

SUGATA

Sugata : Đấng Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành. Đây là một trong 10 Hiệu của Bậc Chính Đẳng Chính Giác

VARA VACANA

Vara : Ban cho thuận theo khuôn khổ , y theo giới hạn, Vùng kiểm soát, khoảng không gian, vòng rào bao bọc, căn phòng

Vacana : Lời nói, người diễn nói, hùng biện, phát biểu bày tỏ, nói có ý nghĩa, ngôn từ

AMṚTA ABHIṢEKAI

Amṛta : Bất tử, không bao giờ bị chết. Thường dịch là Cam Lộ

Abhiṣekai còn viết là Abhiṣaikai:Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

MAHÀ MANTRA PADA

Mahà : Đại, to lớn

Mantra : Thần Chú

Pada hay padai : Câu cú

Phần trên có nghĩa là : **Hỡi Đấng Thiện Thệ ! Hãy ban cho tôi lời nói là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử**

ÀHARA ÀHARA

Àhara :Nhiếp thọ

𑖁𑖧𑖲𑖾 𑖭𑖡𑖿𑖠𑖯𑖨𑖜𑖰

ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ

Ayuḥ : Thọ mệnh

Dhàraṇì : Tổng trì, gìn giữ tổng quát

Sandhàraṇì : Giữ gìn bền chắc

Phần trên có nghĩa là : **Hãy nhiếp thọ ! Nhiếp thọ cho tôi giữ gìn vững chắc thọ mệnh**

𑖫𑖺𑖠𑖧 𑖫𑖺𑖠𑖧 𑖐𑖐𑖡 𑖪𑖰𑖫𑖲𑖟𑖿𑖠𑖸

'SODHAYA 'SODHAYA _ GAGANA VI'SUDDHE

Gagana : Hư Không

Phần trên có nghĩa là : **Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không**

𑖄𑖬𑖿𑖜𑖱𑖬 𑖪𑖰𑖕𑖧 𑖪𑖰𑖫𑖲𑖟𑖿𑖠𑖸

UṢṆÌṢA VIJAYA VI'SUDDHE

Uṣṇìṣa : Đỉnh kế, khối thịt u lên trên đỉnh đầu. Đây chỉ cho Phật Đỉnh

Vijaya : Tôn Thắng , Tối Thắng

𑖭𑖮𑖭𑖿𑖨 𑖨𑖫𑖿𑖦𑖰

SAHASRA RA'SMI

Sahasra : một ngàn (1000)

Ra'smi : Dây băng, chuỗi, dây cương, tín hiệu, tia sáng, chiếu rọi rạng rỡ

𑖭𑖽𑖓𑖺𑖟𑖰𑖝𑖸 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝

SAṂSUDÌTI SARVA TATHÀGATA

Sudìti : Sáng sủa, rạng rỡ, lanh lợi, chói lọi, ngọn lửa, sáng chói, chiếu sáng

Saṃsudìti : Tỏa ánh sáng nhắc nhở, cảnh giác

Sarva : tất cả

Tathàgata : Đức Như Lai, bậc đã đạt được Chân Như

Phần trên có nghĩa là : **Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai**

𑖀𑖪𑖩𑖺𑖎𑖡 𑖭𑖘𑖿𑖢𑖯𑖨𑖦𑖰𑖝𑖯𑖢𑖨𑖰𑖢𑖳𑖨𑖜𑖰

AVALOKANA SADPÀRAMITÀ PARIPÙRAṆI

Avalokana : Nhìn, quan sát, xem xét, nhận xét, chú ý

Pàramità : Bờ bên kia, thường dịch là Ba La Mật (Độ) là Pháp tu của hàng Bồ Tát

Sadpàramità : Ba La Mật màu nhiệm

Paripùraṇi : Đều đầy đủ

Phần trên có nghĩa là : **Quán chiếu Diệu Ba La Mật đều được đầy đủ**

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝 𑖮𑖴𑖟𑖧

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA

Hṛdaya : Trái tim

𑖀𑖠𑖰𑖬𑖿𑖙𑖯𑖡𑖯𑖠𑖰𑖬𑖿𑖙𑖰𑖝𑖸 𑖦𑖮𑖯 𑖦𑖲𑖟𑖿𑖨𑖸

ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ

Adhiṣṭana : Thần Lực

Adhiṣṭite : Gia trì

Mudra : Ấn

Mahà mudrì : Có tính như Đại Ấn

Phần trên có nghĩa là **: Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm**



VAJRA KÀYA

Vajra : Kim Cương

Kàya : Thân thể



SAṂHATANA VI'SUDDHE

Saṃhatana : Hòa hợp với nhau, kết hợp với nhau, mến chuộng nhau, kề cận nhau

Phần trên có nghĩa là :**Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh**



SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARI'SUDDHE

Avaraṇa : Sự chướng ngại

Paya : Lối đi, đường đi

Durgati : Lối nẻo xấu ác

Sarva avaraṇa paya durgati : Tất cả lối đi đầy chướng ngại , tất cả lối nẻo xấu ác. Trong Phật Giáo thường gọi lối đi đầy chướng ngại xấu ác này là Nghiệp chướng, Báo chướng, phiền Não chướng

Phần trên có nghĩa là : **Khiến cho Nghiệp chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh**



PRATINI VARTTÀYA ÀYUḤ 'SUDDHE

Pratini :Tăng trưởng

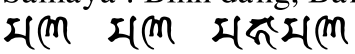
Varttàya : Xoay chuyển, vận chuyện

Phần trên có nghĩa là : **Thọ mệnh tăng trưởng được thanh tịnh**



SAMAYA ADHIṢṬITE

Samaya : Bình đẳng, Bản thệ (Lời thề của mình)



MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

Maṇi : Viên ngọc Như Ý

Maṇi maṇi mahà maṇi : chỉ 3 loại ngọc báu Như Ý là Báu của Thế Gian, Báu của Hiền Thánh , báu của chư Phật và thường gọi chung là Pháp Bảo

Phần trên có nghĩa là : **Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo**



TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE

Tathàtà : Chân Như Tính

Bhùta koṭi : Chân thật tế cực, tức chỉ đoạn lìa hư vọng là Niết Bàn chân chứng. Hay thường gọi là thật tế

Phần trên có nghĩa là : **Tính Chân Như Thật Tế đều thanh tịnh**

VISPHUṬA BUDDHI 'SUDDHE

Visphuṭa : Hiển hiện

Buddhi : Tuệ Giác

Phần trên có nghĩa là **: Hiển hiện Tuệ Giác Thanh Tịnh**

JAYA JAYA

Jaya : Thù thắng, thắng

Jaya jaya : biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

VIJAYA VIJAYA

Vijaya : Tôn Thắng, tối thắng

Vijaya vijaya : biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

SMARA SMARA

Smara : Ghi nhớ, niệm trì

Smara smara : biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

SARVA BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Buddha :Phật Đà, bậc giác ngộ

VAJRÌ VAJRAGARBHE VAJRÀṂ BHAVATU MAMA 'SARIRAṂ

Vajrì : Có Tính như Kim Cương

Vajragarbhe : Kim Cương Tạng

Vajraṃ Bhavatu : Được thành Kim Cương

Mama : Tôi (Xưng tên họ…)

'Sariraṃ : Toàn thân

Phần trên có nghĩa là : **Thù thắng , thù thắng. Tôn thắng, tối thắng . Niệm trì, niệm trì. Tất cả chư Phật dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của tôi có được tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương**

SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA PARIVI'SUDDHE

Satva : Hữu Tình

Kàya : Thân xác

SARVA GATI PARI'SUDDHE

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả thân của chúng Hữu Tình đều được thanh tịnh. Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh**

SARVA TATHÀGATA'SCA ME SAMA 'SVASA YAMṬU

Tathàgata'sca : Như Lai Đẳng

Me sama : Ngã Đẳng, nhóm chúng tôi

'Svasa : An ủi

Yamṭu : Đi đến

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng tôi**

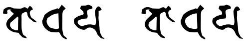


SARVA TATHÀGATA SAMA 'SVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Buddhya : Giác ngộ, tỉnh ngộ

Vibuddhya : Khiến cho giác ngộ, khiến cho tỉnh ngộ

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả Như Lai an ủi gia trì khiến cho tôi và tất cả được tỉnh ngộ, được giác ngộ**



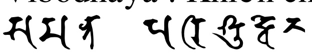
BODHAYA BODHAYA

Bodhaya : Tuệ Giác, Trí Giác



VIBODHAYA VIBODHAYA

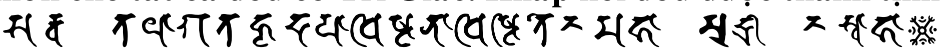
Vibodhaya : Khiến cho có Tuệ Giác, khiến cho có Trí Giác



SAMANTA PARI'SUDDHE

Khắp cả đều được thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là : **Tuệ Giác ,Trí Giác. Khiến cho tất cả đều có Tuệ Giác, khiến cho tất cả đều có Trí Giác. Khắp nơi đều được thanh tịnh**



SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ SVÀHÀ

Svàhà : Quyết định thành tựu, thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết bàn

Phần trên có nghĩa là : **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho tôi thành tựu được tự tính an lạc của Đại Niết Bàn**

*) Phiên dịch toàn bài **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** là :

Nam mô Đấng Thế Tôn !

Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của Tam Giới

Như vậy : OM !

Thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng

Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh.

Hãy quán đỉnh cho con !

Hỡi Đấng Thiện Thệ tối cao !

Hãy ban cho con lời thù thắng là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử

Hãy nhiếp thọ ! Nhiếp thọ cho con giữ gìn vững chắc thọ mệnh

Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không

Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai

Quán chiếu Ba La Mật màu nhiệm đều được đầy đủ

Thần Lực Gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm hòa hợp với thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh.

Khiến cho tất cả Nghiệp Chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh.

Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh

Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

Hiển hiện Tuệ Giác thanh tịnh

Thù thắng , thù thắng

Tôn Thắng, Tối Thắng

Niệm trì, niệm trì

Tất cả chư Phật dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của con (Họ tên…) có tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương.

Tất cả thân Hữu Tình đều được thanh tịnh

Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng con

Tất cả Như Lai an ủi gia trì khiến cho con được giác ngộ, được tỉnh ngộ. Khiến cho tất cả được giác ngộ, được tỉnh ngộ.

Khiến cho con được Tuệ Giác, được Trí Giác

Khiến cho tất cả đều được Tuệ Giác, được Trí Giác

Khắp nơi đều được thanh tịnh

Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho con thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn.

10/05/2003

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

(Dựa theo Bản của Đại Sư HOẰNG PHÁP)

Phục hồi và chú thích Phạn Văn : HUYỀN THANH

𑗁 𑖡𑖦𑖺 𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸

NAMO BHAGAVATE

Namo : Quy mệnh, Quy Y, kính lễ

Bhagavate : Đức Thế Tôn

𑖝𑖿𑖨𑖹𑖩𑖺𑖎𑖿𑖧

TRAILOKYA

Trailokya : Ba cõi, ba đời

𑖢𑖿𑖨𑖝𑖰𑖪𑖰𑖫𑖰𑖬𑖿𑖘𑖯𑖧

PRATIVI'SIṢṬÀYA

Prativi'siṣṭa : Tốt hơn, đặc biệt, kỳ dị, rất thù thắng

Aya : Nhóm, đẳng, hàng

𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠𑖯𑖧

BUDDHÀYA

Buddha : Bậc giác ngộ

𑖥𑖐𑖪𑖝𑖸

BHAGAVATE

Phần trên có nghĩa là : **Quy mệnh Đức Thế Tôn là Đấng Thế Tôn Giác Tuệ cao cả của ba cõi**

𑖝𑖟𑖿𑖧𑖞𑖯

TADYATHÀ

Tadyathà : Như vậy, liền nói Thần Chú là

𑖌𑖽

OṂ

Oṃ: Ba Thân, Quy Mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, nhiếp phục

𑖪𑖰𑖫𑖺𑖠𑖧 𑖪𑖰𑖫𑖺𑖠𑖧

VI'SODHAYA VI'SODHAYA

Vi'sodhaya : Các nhóm thanh tịnh

𑖀𑖭𑖦 𑖭𑖦

ASAMA SAMA

Sama : Đẳng, hàng

Asamasama : Vô đẳng đẳng , không có hàng nào có thể ngang bằng

Phần trên có nghĩa là : **Như vậy : OM ! thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng**

𑖭𑖦𑖡𑖿𑖝𑖯𑖪𑖥𑖯𑖭

SAMANTA AVABHÀSA

Samanta : Khắp tất cả, phổ biến

Ava :Phía bên dưới

Bhàsa : Ánh sáng, sáng rực, sự vinh quang, sáng sủa rực rỡ

SPHARAṆA

Spharaṇa : Chu biến, vòng khắp cả, tràn đầy vòng khắp

GATI GAHÀNA

Gati : Lối đi, hướng đi, lối nẻo

Gahàna : Rừng đông đúc

SVABHÀVA VI'SUDDHE

Svabhàva : Tự tính , tính tự nhiên vốn có

Vi'suddhe : Khiến cho thanh tịnh, làm cho thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là : **Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh**

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ

Abhiṣiṃca : Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

Tumàṃ : cho tôi

SUGATA

Sugata : Đấng Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành. Đây là một trong 10 Hiệu của Bậc Chính Đẳng Chính Giác

VARA VACANA

Vara : Ban cho thuận theo khuôn khổ , y theo giới hạn, Vùng kiểm soát, khoảng không gian, vòng rào bao bọc, căn phòng

Vacana : Lời nói, người diễn nói, hùng biện, phát biểu bày tỏ, nói có ý nghĩa, ngôn từ

AMṚTA ABHIṢEKAI

Amṛta : Bất tử, không bao giờ bị chết. Thường dịch là Cam Lộ

Abhiṣekai còn viết là Abhiṣaikai:Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

MAHÀ MANTRA PADA

Mahà : Đại, to lớn

Mantra : Thần Chú

Pada hay padai : Câu cú

Phần trên có nghĩa là : **Hỡi Đấng Thiện Thệ ! Hãy ban cho tôi lời nói là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử**

ÀHARA ÀHARA

Àhara :Nhiếp thọ

ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ
Ayuḥ : Thọ mệnh
Dhàraṇì : Tổng trì, gìn giữ tổng quát
Sandhàraṇì : Giữ gìn bền chắc
Phần trên có nghĩa là : **Hãy nhiếp thọ ! Nhiếp thọ cho tôi giữ gìn vững chắc thọ mệnh**



'SODHAYA 'SODHAYA _ GAGANA VI'SUDDHE
Gagana : Hư Không
Phần trên có nghĩa là : **Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không**



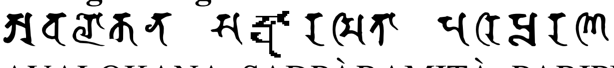
UṢṆÌṢA VIJAYA VI'SUDDHE
Uṣṇìṣa : Đỉnh kế, khối thịt u lên trên đỉnh đầu. Đây chỉ cho Phật Đỉnh
Vijaya : Tôn Thắng , Tối Thắng



SAHASRA RA'SMI
Sahasra : một ngàn (1000)
Ra'smi : Dây băng, chuỗi, dây cương, tín hiệu, tia sáng, chiếu rọi rạng rỡ



SAṂSUDÌTI SARVA TATHÀGATA
Sudìti : Sáng sủa, rạng rỡ, lanh lợi, chói lọi, ngọn lửa, sáng chói, chiếu sáng
Saṃsudìti : Tỏa ánh sáng nhắc nhở, cảnh giác
Sarva : tất cả
Tathàgata : Đức Như Lai, bậc đã đạt được Chân Như
Phần trên có nghĩa là : **Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai**



AVALOKANA SADPÀRAMITÀ PARIPÙRAṆI
Avalokana : Nhìn, quan sát, xem xét, nhận xét, chú ý
Pàramità : Bờ bên kia, thường dịch là Ba La Mật (Độ) là Pháp tu của hàng Bồ Tát
Sadpàramità : Ba La Mật màu nhiệm
Paripùraṇi : Đều đầy đủ
Phần trên có nghĩa là : **Quán chiếu Diệu Ba La Mật đều được đầy đủ**



SARVA TATHÀGATA HṚDAYA
Hṛdaya : Trái tim



ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ
Adhiṣṭana : Thần Lực
Adhiṣṭite : Gia trì

Mudra : Ấn

Mahà mudrì : Có tính như Đại Ấn

Phần trên có nghĩa là **: Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm**



VAJRA KÀYA

Vajra : Kim Cương

Kàya : Thân thể



SAṂHATANA VI'SUDDHE

Saṃhatana : Hòa hợp với nhau, kết hợp với nhau, mến chuộng nhau, kề cận nhau

Phần trên có nghĩa là: **Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh**



SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARI'SUDDHE

Avaraṇa : Sự chướng ngại

Paya : Lối đi, đường đi

Durgati : Lối nẻo xấu ác

Sarva avaraṇa paya durgati : Tất cả lối đi đầy chướng ngại , tất cả lối nẻo xấu ác. Trong Phật Giáo thường gọi lối đi đầy chướng ngại xấu ác này là Nghiệp chướng, Báo chướng, phiền Não chướng

Phần trên có nghĩa là : **Khiến cho Nghiệp chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh**



PRATINI VARTTÀYA ÀYUḤ 'SUDDHE

Pratini :Tăng trưởng

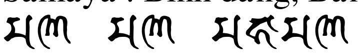
Varttàya : Xoay chuyển, vận chuyện

Phần trên có nghĩa là : **Thọ mệnh tăng trưởng được thanh tịnh**



SAMAYA ADHIṢṬITE

Samaya : Bình đẳng, Bản thệ (Lời thề của mình)



MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

Maṇi : Viên ngọc Như Ý

Maṇi maṇi mahà maṇi : chỉ 3 loại ngọc báu Như Ý là Báu của Thế Gian, Báu của Hiền Thánh , báu của chư Phật và thường gọi chung là Pháp Bảo

Phần trên có nghĩa là : **Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo**



TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE

Tathàtà : Chân Như Tính

Bhùta koṭi : Chân thật tế cực, tức chỉ đoạn lìa hư vọng là Niết Bàn chân chứng. Hay thường gọi là thật tế

Phần trên có nghĩa là : **Tính Chân Như Thật Tế đều thanh tịnh**

VISPHUṬA BUDDHI 'SUDDHE

Visphuṭa : Hiển hiện

Buddhi : Tuệ Giác

Phần trên có nghĩa là **: Hiển hiện Tuệ Giác Thanh Tịnh**

JAYA JAYA

Jaya : Thù thắng, thắng

Jaya jaya : biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

VIJAYA VIJAYA

Vijaya : Tôn Thắng, tối thắng

Vijaya vijaya : biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

SMARA SMARA

Smara : Ghi nhớ, niệm trì

Smara smara : biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

SARVA BUDDHÀ

Tất cả chư Phật

NAMO VIPA'SYIN TATHÀGATÀYA

Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai

NAMO 'SIKHI TATHÀGATÀYA

Kính lễ Thi Khí Như Lai

NAMO VI'SVABHÙ TATHÀGATÀYA

Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai

NAMO KRAKUCCHANDA TATHÀGATÀYA

Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai

NAMO KANAKAMUṆÀYE TATHÀGATÀYA

Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai

NAMO KÀ'SYAPA TATHÀGATÀYA

Kính lễ Ca Diếp Như Lai

NAMO 'SÀKYAMUṆÀYE TATHÀGATÀYA

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

NAMO ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA

Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần lực gia trì

VAJRÌ VAJRAGARBHE VAJRÀṂ BHAVATU MAMA 'SARIRAṂ

Vajrì : Có Tính như Kim Cương

Vajragarbhe : Kim Cương Tạng

Vajraṃ Bhavatu : Được thành Kim Cương

Mama : Tôi (Xưng tên họ…)

'Sariraṃ : Toàn thân

Phần trên có nghĩa là : **Thù thắng , thù thắng. Tôn thắng, tối thắng . Niệm trì, niệm trì.**

Tất cả chư Phật

Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai

Kính lễ Thi Khí Như Lai

Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai

Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai

Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Ca Diếp Như Lai

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

Hãy dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của tôi có được tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương

SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA PARI'SUDDHE

Satva : Hữu Tình

Kàya : Thân xác

SARVA GATI PARI'SUDDHE

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả thân của chúng Hữu Tình đều được thanh tịnh. Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh**

SARVA TATHÀGATA'SCA ME SAMA 'SVASA YAṂTU

Tathàgata'sca : Như Lai Đẳng

Me sama : Ngã Đẳng, nhóm chúng tôi

'Svasa : An ủi

Yaṃtu : Đi đến

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng tôi**

SARVA TATHÀGATA SAMA ‘SVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Buddhya : Giác ngộ, tỉnh ngộ

Vibuddhya : Khiến cho giác ngộ, khiến cho tỉnh ngộ

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả Như Lai gia trì khiến cho tôi và tất cả được tỉnh ngộ, được giác ngộ**

BODHAYA BODHAYA

Bodhaya : Tuệ Giác, Trí Giác

VIBODHAYA VIBODHAYA

Vibodhaya : Khiến cho có Tuệ Giác, khiến cho có Trí Giác

SAMANTA PARI’SUDDHE

Khắp cả đều được thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là : **Tuệ Giác ,Trí Giác. Khiến cho tất cả đều có Tuệ Giác, khiến cho tất cả đều có Trí Giác. Khắp nơi đều được thanh tịnh**

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ SVÀHÀ

Svàhà : Quyết định thành tựu, thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết bàn

Phần trên có nghĩa là : **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho tôi thành tựu được tự tính an lạc của Đại Niết Bàn**

*) Phiên dịch toàn bài **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** là :

Nam mô Đấng Thế Tôn !

Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của Tam Giới

Như vậy : OM !

Thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng

Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh.

Hãy quán đỉnh cho con !

Hỡi Đấng Thiện Thệ tối cao !

Hãy ban cho con lời thù thắng là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử

Hãy nhiếp thọ ! Nhiếp thọ cho con giữ gìn vững chắc thọ mệnh

Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không

Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai

Quán chiếu Ba La Mật màu nhiệm đều được đầy đủ

Thần Lực Gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm hòa hợp với thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh.

Khiến cho tất cả Nghiệp Chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh.

Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh

Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

Hiển hiện Tuệ Giác thanh tịnh

Thù thắng , thù thắng

Tôn Thắng, Tối Thắng

Niệm trì, niệm trì

Tất cả chư Phật

Kính lễ Tỳ Bà Thi như Lai

Kính lễ Thi Khí Như Lai

Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai

Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai

Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Ca Diếp Như Lai

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

Hãy dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của con (Họ tên…) có tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương.

Tất cả thân Hữu Tình đều được thanh tịnh

Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng con

Tất cả Như Lai an ủi gia trì khiến cho con được giác ngộ, được tỉnh ngộ. Khiến cho tất cả được giác ngộ, được tỉnh ngộ.

Khiến cho con được Tuệ Giác, được Trí Giác

Khiến cho tất cả đều được Tuệ Giác, được Trí Giác

Khắp nơi đều được thanh tịnh

Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho con thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn.

12/05/2003

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

(Dựa theo Bản của Ngài BẢO TƯ DUY)

Phục hồi và chú thích Phạn Văn : HUYỀN THANH

NAMO BHAGAVATE
Namo : Quy mệnh, Quy Y, kính lễ
Bhagavate : Đức Thế Tôn

TRAILOKYA
Trailokya : Ba cõi, ba đời

PRATIVI'SIṢṬÀYA
Prativi'siṣṭa : Tốt hơn, đặc biệt, kỳ dị, rất thù thắng
Aya : Nhóm, đẳng, hàng

BUDDHÀYA
Buddha : Bậc giác ngộ

BHAGAVATE
Phần trên có nghĩa là : **Quy mệnh Đức Thế Tôn là Đấng Thế Tôn Giác Tuệ cao cả của ba cõi**

TADYATHÀ
Tadyathà : Như vậy, liền nói Thần Chú là

OṂ
Oṃ: Ba Thân, Quy Mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, nhiếp phục

VI'SODHAYA VI'SODHAYA
Vi'sodhaya : Các nhóm thanh tịnh

ASAMA SAMA
Sama : Đẳng, hàng
Asamasama : Vô đẳng đẳng , không có hàng nào có thể ngang bằng
Phần trên có nghĩa là : **Như vậy : OM ! thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng**

SAMANTA AVABHÀSA
Samanta : Khắp tất cả, phổ biến
Ava :Phía bên dưới
Bhàsa : Ánh sáng, sáng rực, sự vinh quang, sáng sủa rực rỡ

SPHARAṆA
Spharaṇa : Chu biến, vòng khắp cả, tràn đầy vòng khắp

GATI GAHÀNA

Gati : Lối đi, hướng đi, lối nẻo

Gahàna : Rừng đông đúc

SVABHÀVA VI'SUDDHE

Svabhàva : Tự tính , tính tự nhiên vốn có

Vi'suddhe : Khiến cho thanh tịnh, làm cho thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là : **Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh**

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ

Abhiṣiṃca : Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

Tumàṃ : cho tôi

SUGATA

Sugata : Đấng Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành. Đây là một trong 10 Hiệu của Bậc Chính Đẳng Chính Giác

VARA VACANA

Vara : Ban cho thuận theo khuôn khổ , y theo giới hạn, Vùng kiểm soát, khoảng không gian, vòng rào bao bọc, căn phòng

Vacana : Lời nói, người diễn nói, hùng biện, phát biểu bày tỏ, nói có ý nghĩa, ngôn từ

AMṚTA ABHIṢEKAI

Amṛta : Bất tử, không bao giờ bị chết. Thường dịch là Cam Lộ

Abhiṣekai còn viết là Abhiṣaikai:Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

MAHÀ MANTRA PADA

Mahà : Đại, to lớn

Mantra : Thần Chú

Pada hay padai : Câu cú

Phần trên có nghĩa là : **Hỡi Đấng Thiện Thệ ! Hãy ban cho tôi lời nói là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử**

ÀHARA ÀHARA

Àhara :Nhiếp thọ

ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ

Àyuḥ : Thọ mệnh

Dhàraṇì : Tổng trì, gìn giữ tổng quát

Sandhàraṇì : Giữ gìn bền chắc

Phần trên có nghĩa là : **Hãy nhiếp thọ ! Nhiếp thọ cho tôi giữ gìn vững chắc thọ mệnh**



‘SODHAYA ‘SODHAYA _ GAGANA VI’SUDDHE

Gagana : Hư Không

Phần trên có nghĩa là : **Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không**



UṢṆÌṢA VIJAYA VI’SUDDHE

Uṣṇìṣa : Đỉnh kế, khối thịt u lên trên đỉnh đầu. Đây chỉ cho Phật Đỉnh

Vijaya : Tôn Thắng , Tối Thắng



SAHASRA RA’SMI

Sahasra : một ngàn (1000)

Ra’smi : Dây băng, chuỗi, dây cương, tín hiệu, tia sáng, chiếu rọi rạng rỡ



SAṂSUDÌTI SARVA TATHÀGATA

Sudìti : Sáng sủa, rạng rỡ, lanh lợi, chói lọi, ngọn lửa, sáng chói, chiếu sáng

Saṃsudìti : Tỏa ánh sáng nhắc nhở, cảnh giác

Sarva : tất cả

Tathàgata : Đức Như Lai, bậc đã đạt được Chân Như

Phần trên có nghĩa là : **Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai**



AVALOKANA SADPÀRAMITÀ PARIPÙRAṆI

Avalokana : Nhìn, quan sát, xem xét, nhận xét, chú ý

Pàramità : Bờ bên kia, thường dịch là Ba La Mật (Độ) là Pháp tu của hàng Bồ Tát

Sadpàramità : Ba La Mật màu nhiệm

Paripùraṇi : Đều đầy đủ

Phần trên có nghĩa là : **Quán chiếu Diệu Ba La Mật đều được đầy đủ**



SARVA TATHÀGATA HṚDAYA

Hṛdaya : Trái tim



ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ

Adhiṣṭana : Thần Lực

Adhiṣṭite : Gia trì

Mudra : Ấn

Mahà mudrì : Có tính như Đại Ấn

Phần trên có nghĩa là **: Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm**

VAJRA KÀYA

Vajra : Kim Cương

Kàya : Thân thể

SAṂHATANA VI’SUDDHE

Saṃhatana : Hòa hợp với nhau, kết hợp với nhau, mến chuộng nhau, kề cận nhau

Phần trên có nghĩa là :**Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh**

SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARI’SUDDHE

Avaraṇa : Sự chướng ngại

Paya : Lối đi, đường đi

Durgati : Lối nẻo xấu ác

Sarva avaraṇa paya durgati : Tất cả lối đi đầy chướng ngại , tất cả lối nẻo xấu ác. Trong Phật Giáo thường gọi lối đi đầy chướng ngại xấu ác này là Nghiệp chướng, Báo chướng, phiền Não chướng

Phần trên có nghĩa là : **Khiến cho Nghiệp chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh**

PRATINI VARTTÀYA ÀYUḤ ‘SUDDHE

Pratini :Tăng trưởng

Varttàya : Xoay chuyển, vận chuyện

Phần trên có nghĩa là : **Thọ mệnh tăng trưởng được thanh tịnh**

SAMAYA ADHIṢṬITE

Samaya : Bình đẳng, Bản thệ (Lời thề của mình)

MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

Maṇi : Viên ngọc Như Ý

Maṇi maṇi mahà maṇi : chỉ 3 loại ngọc báu Như Ý là Báu của Thế Gian, Báu của Hiền Thánh , báu của chư Phật và thường gọi chung là Pháp Bảo

Phần trên có nghĩa là : **Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo**

TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI’SUDDHE

Tathàtà : Chân Như Tính

Bhùta koṭi : Chân thật tế cực, tức chỉ đoạn lìa hư vọng là Niết Bàn chân chứng. Hay thường gọi là thật tế

Phần trên có nghĩa là : **Tính Chân Như Thật Tế đều thanh tịnh**

VISPHUṬA BUDDHI ‘SUDDHE

Visphuṭa : Hiển hiện

Buddhi : Tuệ Giác

Phần trên có nghĩa là **: Hiển hiện Tuệ Giác Thanh Tịnh**

𑖕𑖧 𑖕𑖧

JAYA JAYA

Jaya : Thù thắng, thắng

Jaya jaya : biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

𑖪𑖰𑖕𑖧 𑖪𑖰𑖕𑖧

VIJAYA VIJAYA

Vijaya : Tôn Thắng, tối thắng

Vijaya vijaya : biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

𑖭𑖿𑖦𑖨 𑖭𑖿𑖦𑖨

SMARA SMARA

Smara : Ghi nhớ, niệm trì

Smara smara : biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠

SARVA BUDDHÀ

Tất cả chư Phật

𑖡𑖦𑖺 𑖁𑖨𑖿𑖧𑖯𑖪𑖩𑖺𑖎𑖰𑖝𑖸𑖫𑖿𑖪𑖨𑖯𑖧 𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪𑖯𑖧

NAMO ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATVÀYA

Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

𑖡𑖦𑖺 𑖫𑖯𑖎𑖿𑖧𑖦𑖲𑖜𑖯𑖧 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧

NAMO 'SÀKYAMUṆÀYE TATHÀGATÀYA

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

𑖡𑖦𑖺 𑖎𑖯𑖫𑖿𑖧𑖢 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧

NAMO KÀ'SYAPA TATHÀGATÀYA

Kính lễ Ca Diếp Như Lai

𑖡𑖦𑖺 𑖎𑖡𑖎𑖦𑖲𑖜𑖧 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧

NAMO KANAKAMUṆAYE TATHÀGATÀYA

Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai

𑖡𑖦𑖺 𑖎𑖿𑖨𑖎𑖲𑖓𑖿𑖔𑖡𑖿𑖟 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧

NAMO KRAKUCCHANDA TATHÀGATÀYA

Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai

𑖡𑖦𑖺 𑖪𑖰𑖫𑖿𑖪𑖥𑖳 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧

NAMO VI'SVABHÙ TATHÀGATÀYA

Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai

𑖡𑖦𑖺 𑖫𑖰𑖏𑖰 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧

NAMO 'SIKHI TATHÀGATÀYA

Kính lễ Thi Khí Như Lai

𑖡𑖦𑖺 𑖪𑖰𑖢𑖫𑖿𑖧𑖰𑖡𑖿 𑖝𑖞𑖯𑖐𑖝𑖯𑖧

NAMO VIPA'SYIN TATHÀGATÀYA

Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai

𑖀𑖠𑖰𑖬𑖿𑖘𑖡 𑖀𑖠𑖰𑖬𑖿𑖘𑖰𑖝𑖸

ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì

VAJRÌ VAJRAGARBHE VAJRÀṂ BHAVATU MAMA 'SARIRAṂ

Vajrì : Có Tính như Kim Cương

Vajragarbhe : Kim Cương Tạng

Vajraṃ Bhavatu : Được thành Kim Cương

Mama : Tôi (Xưng tên họ…)

'Sariraṃ : Toàn thân

Phần trên có nghĩa là : **Thù thắng , thù thắng. Tôn thắng, tối thắng . Niệm trì, niệm trì.**

Tất cả chư Phật

Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát

Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Ca Diếp Như Lai

Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai

Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai

Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai

Kính lễ Thi Khí Như Lai

Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai

Hãy dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của tôi có được tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương

SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA PARI'SUDDHE

Satva : Hữu Tình

Kàya : Thân xác

SARVA GATI PARI'SUDDHE

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả thân của chúng Hữu Tình đều được thanh tịnh. Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh**

SARVA TATHÀGATA'SCA ME SAMA 'SVASA YAṂTU

Tathàgata'sca : Như Lai Đẳng

Me sama : Ngã Đẳng, nhóm chúng tôi

'Svasa : An ủi

Yaṃtu : Đi đến

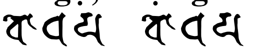
Phần trên có nghĩa là : **Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng tôi**

SARVA TATHÀGATA SAMA 'SVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Buddhya : Giác ngộ, tỉnh ngộ

Vibuddhya : Khiến cho giác ngộ, khiến cho tỉnh ngộ

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả Như Lai gia trì khiến cho tôi và tất cả được tỉnh ngộ, được giác ngộ**



BODHAYA BODHAYA

Bodhaya : Tuệ Giác, Trí Giác



VIBODHAYA VIBODHAYA

Vibodhaya : Khiến cho có Tuệ Giác, khiến cho có Trí Giác



SAMANTA PARI'SUDDHE

Khắp cả đều được thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là : **Tuệ Giác ,Trí Giác. Khiến cho tất cả đều có Tuệ Giác, khiến cho tất cả đều có Trí Giác. Khắp nơi đều được thanh tịnh**



SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ SVÀHÀ

Svàhà : Quyết định thành tựu, thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết bàn

Phần trên có nghĩa là : **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho tôi thành tựu được tự tính an lạc của Đại Niết Bàn**

*) Phiên dịch toàn bài **Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** là :

Nam mô Đấng Thế Tôn !

Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của Tam Giới

Như vậy : OM !

Thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng

Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh.

Hãy quán đỉnh cho con !

Hỡi Đấng Thiện Thệ tối cao !

Hãy ban cho con lời thù thắng là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử

Hãy nhiếp thọ ! Nhiếp thọ cho con giữ gìn vững chắc thọ mệnh

Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không

Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai

Quán chiếu Ba La Mật màu nhiệm đều được đầy đủ

Thần Lực Gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm hòa hợp với thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh.

Khiến cho tất cả Nghiệp Chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh.

Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh

Thệ nguyện gia trì Pháp Bảo

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

Hiển hiện Tuệ Giác thanh tịnh
Thù thắng , thù thắng
Tôn Thắng, Tối Thắng
Niệm trì, niệm trì
Tất cả chư Phật
Kính lễ Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát
Kính lễ Thích Ca Mâu Ni Như Lai
Kính lễ Ca Diếp Như Lai
Kính lễ Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai
Kính lễ Câu Lưu Tôn Như Lai
Kính lễ Tỳ Xá Phù Như Lai
Kính lễ Thi Khí Như Lai
Kính lễ Tỳ Bà Thi Như Lai

Hãy dùng Thần lực gia trì khiến cho thân của con (Họ tên…) có tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương.

Tất cả thân Hữu Tình đều được thanh tịnh
Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh
Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng con

Tất cả Như Lai an ủi gia trì khiến cho con được giác ngộ, được tỉnh ngộ. Khiến cho tất cả được giác ngộ, được tỉnh ngộ.

Khiến cho con được Tuệ Giác, được Trí Giác
Khiến cho tất cả đều được Tuệ Giác, được Trí Giác
Khắp nơi đều được thanh tịnh

Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho con thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn.

14/05/2003

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG
GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn : Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Đinh Liễn dựng vào năm 973 (Bia số 5)
Việt dịch : HUYỀN THANH

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI là :

Nẵng mô bà nga phộc đế
Đát lạt lộ chỉ dã
Bát la để vĩ sắt thủy tra dã
Một đà dã
Bà nga phộc đế
Đát nễ dã tha
Án
Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã
Sa ma, sa ma
Tam mãn đa phộc bà sa
Sa phả la noa
Nga để nga hạ nẵng
Sa phộc bà phộc, vĩ truật đệ
A tị tru tá đổ hàm
Tố nga đa
Phộc la, phộc tả nẵng
A mật lật đa, tị sái kế
A hạ la, a hạ la
A dữu tán đà la ni
Thú đà dã, thú đà dã
Nga nga nẵng, vĩ truật đệ
Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ
Sa hạ sa la, la thấp mính, tán tổ nễ đế
Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc lô yết ni
Sa tra ba la mật đa,ba lị bố la ni
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma hạ mẫu nại lê
Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa nẵng, vĩ truật đệ
Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lật yết đế, bạt lị truật đệ
Ba la để ni, vạt lị đà dã, a dục, truật đệ
Tam ma gia, địa sắt xỉ đế
Mâu nĩnh, mâu nĩnh
Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh
Ma nĩnh, ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh
Đát đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lị truật đệ
Vĩ sa phổ tra, một địa, truật đệ
Nhạ dã, nhạ dã
Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
Sa ma la, sa ma la

Tát phộc một đà, địa sắt xỉ đa, truật đệ
Phộc nhật lê
Phộc nhật la tát bệ
Phộc nhật lãm, bà phộc đổ
Ma ma
Đệ Tử tả tạo (viết chép tạo dựng), xá lị lam
Tát phộc tát đỏa nẫm giả, ca gia, bạt lị truật đệ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, thất giả minh, tam ma, thấp phộc sa, diễn đổ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, tam ma, thấp phộc sa, địa sắt xỉ đế
Một đà dã, một đà dã
Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã
Tam mãn đa , bạt lị truật đệ
Tát phộc nga để, bạt lị truật đệ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma hạ mẫu nại lê
Sa phộc hạ

Buồn thương cho tất cả, hoặc Hồn chịu ân nương theo nhân tốt mà siêu sinh , thoát khỏi cõi dưới

Thời , năm Quý Dậu, Đệ Tử là Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ Nam Việt Vương ĐINH KHUÔNG LIỄN kính tạo Bảo Tràng gồm 100 tòa ? ? Tiến ? ? ? Hoặc thương ? ? ? ? ?

02/04/2005

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG
GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn : Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Đinh Liễn dựng vào năm 979 (Bia số 6)
Việt dịch : HUYỀN THANH

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI là :
Nẵng mô bà nga phộc đế
Đát lạt lộ chỉ dã
Bát la để vĩ sắt thủy tra dã
Một đà dã
Bà nga phộc đế
Đát nễ dã tha
Án
Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã
Sa ma, sa ma
Tam mãn đa phộc bà sa
Sa phả la noa
Nga để nga hạ nẵng
Sa phộc bà phộc, vĩ truật đệ
A tị tru tá đổ hàm
Tố nga đa
Phộc la, phộc tả nẵng
A mật lật đa, tị sái kế
A hạ la, a hạ la
A dữu tán đà la ni
Thú đà dã, thú đà dã
Nga nga nẵng, vĩ truật đệ
Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ
Sa hạ sa la, la thấp minh, tán tổ nễ đế
Tát phộc đát tha nga đa, phộc lô yết ni
Sa tra ba la mật đa, bạt lị bố la ni
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma hạ mẫu nại lê
Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa nẵng, vĩ truật đệ
Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lật yết để, bạt lị truật đệ
Ba la để nĩnh, vạt lị đa dã, a dục, truật đệ
Tam ma gia, địa sắt xỉ đế
Mâu nĩnh, mâu nĩnh
Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh
Ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh
Đát đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lị truật đệ
Vĩ sa âm tra, một địa, truật đệ
Nhạ dã, nhạ dã
Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
Sa ma la, sa ma la
Tát phộc một đà, địa sắt xỉ đa, truật đệ

Phộc nhật lê
Phộc nhật la tát bệ
Phộc nhật lãm, bà phộc đổ
Ma ma
Đệ Tử tả tạo (vhiết chép tạo dựng) , xá lam
Tát phộc tát đỏa nẫm giả, ca gia, bạt lị truật đệ
Tát phộc nga để, bạt lị truật đệ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, thất giả minh, tam ma, thấp phộc sa, diễn đổ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, tam ma, thấp sa, địa sắt xỉ đế
Một đà dã, một đà dã
Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã
Tam mãn đa , bạt lị truật đệ
Tát phộc nga để, bạt lị truật đệ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma hạ mẫu nại lê
Sa phộc hạ

Đệ Tử là Thôi Thành Thuận Hóa Công Thần Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ Đặc Tiến Kiểm Giảo Thái Sư , Thực Ấp một vạn Hộ, Nam Việt Vương ĐINH KHUÔNG LIỄN vì Em trai đã mất (Vong đệ) là Đại Đức ĐỈNH THẢNG TĂNG THẢNG chẳng theo trung hiếu phụng sự bề trên là cha với anh cả,lại hành tâm ác trái ngược với sự nhã ái khoan dung. Do Anh muốn xây dựng thứ bậc nên mới gây tổn hoại đến tính mạng của Đại Đức ĐỈNH THẢNG TĂNG THẢNG, chủ yếu hình thành nhà nước (Gia quốc) ,vĩnh viễn thống giữ nếp nhà (Môn Phong) .

Người xưa có nói:" ***Tranh quan chẳng nhượng địa vị, xuống tay trước là tốt nhất***" Nay nguyện tạo dựng 100 tòa Bảo Tràng nhằm tiến bạt Vong đệ với Tiên Vong (Vong linh Tổ Tiên) hậu một (Người sau này mới chết) một thời giải thoát , miễn việc xét xử .

Trước hết xin chúc cho Đại Thắng Minh Hoàng Đế vĩnh viễn thống lãnh trời Nam, luôn an ngự nơi địa vị quý báu.

02/04/2005

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG
GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn : Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Đinh Liễn dựng vào năm 979 (Bia số 7)
Việt dịch : HUYỀN THANH

Nẵng mô bà nga phộc đế
Đát lạt lộ chỉ dã
Bát la để vĩ sắt thủy tra dã
Một đà dã
Bà nga phộc đế
Đát nễ dã tha
Án
Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã
Sa ma, sa ma
Tam mãn đa phộc bà sa
Sa phả la noa
Nga để nga hạ nẵng
Sa phộc bà phộc, vĩ truật đệ
A tị tru tả đổ hàm
Tố nga đa
Phộc la, phộc tả nẵng
A mật lật đa, tị sái kế
A hạ la, a hạ la
A dữu tán đà la ni
Thú đà dã, thú đà dã
Nga nga nẵng, vĩ truật đệ
Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ
Sa ha sa la, la thấp mính, tán tổ nễ đế
Tát phộc đát tha nghiệt đa, lô yết ni
Sa tra ba la mật đa
Bạt lị bố la ni
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma hạ mẫu nại lê
Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa nẵng, vĩ truật đệ
Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lật yết để bạt lị truật đệ
Ba la để ni, vạt lị đa dã, a dục, truật đệ
Tam ma gia, địa sắt xỉ đế
Mâu nĩnh, mâu nĩnh
Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh
Ma nĩnh, ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh
Đát đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lị truật đệ
Vĩ sa phổ tra, một địa, truật đệ
Nhạ dã, nhạ dã
Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
Sa ma la, sa ma la
Tát phộc một đà, địa sắt xỉ đa, truật đệ

Phộc nhật la lệ
Phộc nhật la tát bệ
Phộc nhật lãm, bà phộc đổ
Ma ma
Đệ Tử tả tạo, xá lam
Tát phộc tát đỏa nẫm giả, ca gia, bạt lị truật đệ
Tát phộc nga để , bạt lị truật đệ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, thất giả minh, tam ma, thấp phộc bà , diễn đổ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, tam ma, thấp phộc bà , địa sắt xỉ đế
Một đà dã, một đà dã
Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã
Tam mãn đa , bạt lị truật đệ
Tát phộc nga để, bạt lị truật đệ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma hạ mẫu nại lê
Sa phộc hạ

Đệ Tử Tiết Độ Sứ Đặc Tiến Kiểm Giảo Thái Sư , Thực Ấp một vạn Hộ, Nam Việt Vương ĐINH KHUÔNG LIỄN vì Em trai đã mất (Vong đệ) là Đại Đức ĐỈNH THẢNG TĂNG THẢNG chẳng theo trung hiếu phụng sự bề trên là cha với anh cả,lại hành tâm ác trái ngược với sự nhã ái khoan dung. Do Anh muốn xây dựng thứ bậc nên mới gây tổn hoại đến tính mạng của Đại Đức ĐỈNH THẢNG TĂNG THẢNG, chủ yếu hình thành nhà nước (Gia quốc) ,vĩnh viễn thống giữ nếp nhà (Môn Phong) .

Người xưa có nói:" ***Tranh quan chẳng nhượng địa vị, xuống tay trước là tốt nhất***" Nay nguyện tạo dựng 100 tòa Bảo Tràng nhằm tiến bạt Vong đệ với Tiên Vong (Vong linh Tổ Tiên) hậu một (Người sau này mới chết) một thời giải thoát , miễn việc xét xử .

Trước hết xin chúc cho Đại Thắng Minh Hoàng Đế vĩnh viễn thống lãnh trời Nam, tiếp tục khuông phò Đế đồ (Cơ nghiệp đế vương) .

02/04/2005

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG
GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn : Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Đinh Liễn dựng vào năm 979 (Bia số 8)
Việt dịch : HUYỀN THANH

Nẵng mô bà nga phộc đế
Đát lạt lộ chỉ dã
Bát la để vĩ sắt thủy tra dã
Một đà dã
Bà nga phộc đế
Đát nễ dã tha
Án
Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã
Sa ma, sa ma
Tam mãn đa phộc bà sa
Sa phả la noa
Nga để nga hạ nẵng
Sa phộc bà phộc, vĩ truật đệ
A tị tru tả đổ hàm
Tố nga đa
Phộc la, phộc tả nẵng
A mật lật đa, tị sái
A hạ la, a hạ la
A dữu tán đà la ni
Thú đà dã, thú đà dã
Nga nga nẵng, vĩ truật đệ
Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ
Sa ha sa la, la thấp mính, tán tổ nễ đế
Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc lô yết ni
Sa tra ba la mật đa, ba lị bố la ni
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma ha mẫu nại lê
Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa nẵng, vĩ truật đệ
Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lật yết đế, bạt lị truật đệ
Ba la để ni, vạt lị đà dã, a dục, truật đệ
Tam ma gia, địa sắt xỉ đế
Mâu nĩnh, mâu nĩnh
Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh
Ma nĩnh, ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh
Đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lị truật đệ
Vĩ sa phổ tra, một địa, truật đệ
Nhạ dã, nhạ dã
Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
Sa ma la, sa ma la
Tát phộc một đà, địa sắt xỉ đa, truật đệ
Phộc nhật lê

Phộc nhật la tát bệ
Phộc nhật lãm, bà phộc đổ
Ma ma
Đệ Tử tả tạo, xá lị lam
Tát phộc tát đỏa nam giả, ca gia, bạt lị truật đệ
Tát phộc nga để, bạt lị truật đệ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, thất giả minh, tam ma, phộc bà , diễn đổ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, tam ma, thấp phộc sa, địa sắt xỉ đế
Một đà dã, một đà dã
Vĩ mạo đà dã, vĩ mạo đà dã
Tam mãn đa , bạt lị truật đệ
Tát phộc nga để, bạt lị truật đệ
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma hạ mẫu nại lê
Sa phộc hạ

Đệ Tử Tiết Độ Sứ Đặc Tiến Kiểm Giảo Thái Sư , Thực Ấp một vạn Hộ, Nam Việt Vương ĐINH KHUÔNG LIỄN vì Em trai đã mất (Vong đệ) là Đại Đức ĐỈNH THẢNG TĂNG THẢNG chẳng chịu phụng sự bề trên là cha với anh cả,lại hành tâm ác trái ngược với sự nhã ái khoan dung. Do Anh muốn xây dựng thứ bậc nên mới gây tổn hoại đến tính mạng của Đại Đức ĐỈNH THẢNG TĂNG THẢNG, chủ yếu hình thành nhà nước (Gia quốc) ,vĩnh viễn thống giữ nếp nhà (Môn Phong) .

Người xưa có nói:" ***Tranh quan chẳng nhượng địa vị, xuống tay trước là tốt nhất***" Nay nguyện tạo dựng 100 tòa Bảo Tràng nhằm tiến bạt Vong đệ với Tiên Vong (Vong linh Tổ Tiên) hậu một (Người sau này mới chết) một thời giải thoát , miễn việc xét xử .

Trước hết xin chúc cho Đại Thắng Minh Hoàng Đế vĩnh viễn thống lãnh trời Nam, tiếp làm cho **Khuông Liễn** luôn bền vững địa vị quý báu.

03/04/2005

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG
GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

Hán văn : Bản ghi trên cột đá 8 mặt do Thái Tử Đinh Liễn dựng vào Thế kỷ X (Bia số 9)
Việt dịch : HUYỀN THANH

Cúi lạy bàn hoa sen ngàn cánh
Tôn Thắng Vương trên Tòa Kim Cương
Tướng lưỡi rộng dài che tam thiên (3 ngàn Đại Thiên Thế Giới)
Hằng sa Công Đức đều viên mãn
Phật Đỉnh Văn Trì Đại Chương Cú
Chín mươi chín ức Như Lai truyền
Kiều Thi Ca (Đế Thích) vì Thiện Trụ Thiên
Hay diệt thất phản (7 lần trở lại) nẻo Bàng Sinh
Giáo bí mật Tổng Trì hiếm có
Hay phát Tâm rộng lớn tròn sáng
Nay con đầy đủ là Phàm Phu
Khen ngợi Tổng Trì Tát Bà Nhã (Sarva jnà _Nhất Thiết Trí)
Hết thảy Phước Lợi cứu quần sinh
Các Như Lai ở khắp mười phương
Chư Bồ Tát nơi Thế Giới khác
Tám Bộ Trời Rồng các quyến thuộc
Tán Chỉ Đại Tướng với Dược Xoa
Minh Ty Địa Chủ, Diêm Ma La
Thiện Ác Bộ Quan: hai Đồng Tử
Thánh Hiền, các Chúng Đẳng như trên
Nguyện nghe khải thỉnh đều giáng lâm
Ủng hộ Phật Pháp khiến trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành Thế Tôn Giáo
Hết thảy người nghe đến chốn này
Nghe qua Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương
Hàm Linh nhung nhúc đều thành Phật
Nay con phúng tụng Chân Ngôn này
Nguyện xin Như Lai thường cứu hộ

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI là :
Nẵng mô bà nga phộc đế
Đát lạt lộ chỉ dã
Bát la để vĩ sắt thủy tra dã
Một đà dã
Bà nga phộc đế
Đát nễ dã tha
Án
Vĩ thú đà dã, vĩ thú đà dã
Sa ma, sa ma
Tam mãn đa phộc bà sa
Sa phả la noa

Nga để, nga hạ nẵng, sa phộc bà phộc, vĩ truật đệ
A tị tru tá đổ hàm
Tố nga đa
Phộc la, phộc tả nẵng
A mật lật đa, tị sái kế
A hạ la, a hạ la
A dữu tán đà la ni
Thú đà dã, thú đà dã
Nga nga nẵng, vĩ truật đệ
Ô sắt ni sái, vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ
Sa hạ sa la, la thấp mính, tán tổ nễ đế
Tát phộc đát tha nga đa, Phộc lô yết đế
Sa tra ba la mật đa, ba lị bố la ni
Tát phộc đát tha nghiệt đa, hiệt lị đà dã
Địa sắt tra nẵng, địa sắt xỉ đa
Ma hạ mẫu nại lê
Phộc nhật la ca gia, tăng hạ đa nẵng, vĩ truệt đệ
Tát phộc phộc la noa, ba gia, đột lật yết để , bạt lị truật đệ
Ba la để ni, vạt lị đa dã, a dục, truật đệ
Tam ma dã , địa sắt xỉ đế
Mâu nĩnh, mâu nĩnh
Vĩ mâu nĩnh, vĩ mâu nĩnh
Ma nĩnh, ma nĩnh, ma hạ ma nĩnh
Đát đạt đa, bộ đa, câu chi, bạt lị truật đệ
Vĩ sa phổ tra, một địa, truật đệ
Nhạ dã, nhạ dã
Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
………………..
………………..

04/04/2005

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG GIA CÚ
LINH NGHIỆM ĐÀ LA NI

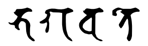
(Dựa theo bản ghi trên cột đá do Đinh Liễn tạo dựng ở Việt Nam)

Phục hồi và chú thích Phạn Văn : HUYỀN THANH


NAMO BHAGAVATE
Namo : Quy mệnh, Quy Y, kính lễ
Bhagavate : Đức Thế Tôn

TRAILOKYA
Trailokya : Ba cõi, ba đời

PRATIVI'SIṢṬÀYA
Prativi'siṣṭa : Tốt hơn, đặc biệt, kỳ dị, rất thù thắng
Aya : Nhóm, đẳng, hàng

BUDDHÀYA
Buddha : Bậc giác ngộ

BHAGAVATE

Phần trên có nghĩa là : **Quy mệnh Đức Thế Tôn là Đấng Thế Tôn Giác Tuệ cao cả của ba cõi**

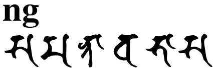

TADYATHÀ
Tadyathà : Như vậy, liền nói Thần Chú là

OṂ
Oṃ: Ba Thân, Quy Mệnh, Cúng dường, Cảnh giác, nhiếp phục

VI'SODHAYA VI'SODHAYA
Vi'sodhaya : Các nhóm thanh tịnh

ASAMA SAMA
Sama : Đẳng, hàng
Asamasama : Vô đẳng đẳng , không có hàng nào có thể ngang bằng

Phần trên có nghĩa là : **Như vậy : OM ! thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng**


SAMANTA AVABHÀSA
Samanta : Khắp tất cả, phổ biến

Ava :Phía bên dưới

Bhàsa : Ánh sáng, sáng rực, sự vinh quang, sáng sủa rực rỡ

SPHARAṆA

Spharaṇa : Chu biến, vòng khắp cả, tràn đầy vòng khắp

GATI GAHÀNA

Gati : Lối đi, hướng đi, lối nẻo

Gahàna : Rừng đông đúc

SVABHÀVA VI'SUDDHE

Svabhàva : Tự tính , tính tự nhiên vốn có

Vi'suddhe : Khiến cho thanh tịnh, làm cho thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là : **Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh**

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ

Abhiṣiṃca : Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

Tumàṃ : cho tôi

SUGATA

Sugata : Đấng Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành. Đây là một trong 10 Hiệu của Bậc Chính Đẳng Chính Giác

VARA VACANA

Vara : Ban cho thuận theo khuôn khổ , y theo giới hạn, Vùng kiểm soát, khoảng không gian, vòng rào bao bọc, căn phòng

Vacana : Lời nói, người diễn nói, hùng biện, phát biểu bày tỏ, nói có ý nghĩa, ngôn từ

AMṚTA ABHIṢEKAI

Amṛta : Bất tử, không bao giờ bị chết. Thường dịch là Cam Lộ

Abhiṣekai còn viết là Abhiṣaikai:Quán đỉnh, rưới rót lên đỉnh đầu

MAHÀ MANTRA PADA

Mahà : Đại, to lớn

Mantra : Thần Chú

Pada hay padai : Câu cú

Phần trên có nghĩa là : **Hỡi Đấng Thiện Thệ ! Hãy ban cho tôi lời nói là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử**

ÀHARA ÀHARA

Àhara :Nhiếp thọ



ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ

Ayuḥ : Thọ mệnh

Dhàraṇì : Tổng trì, gìn giữ tổng quát

Sandhàraṇì : Giữ gìn bền chắc

Phần trên có nghĩa là : **Hãy nhiếp thọ ! Nhiếp thọ cho tôi giữ gìn vững chắc thọ mệnh**



'SODHAYA 'SODHAYA _ GAGANA VI'SUDDHE

Gagana : Hư Không

Phần trên có nghĩa là : **Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không**



UṢṆÌṢA VIJAYA VI'SUDDHE

Uṣṇìṣa : Đỉnh kế, khối thịt u lên trên đỉnh đầu. Đây chỉ cho Phật Đỉnh

Vijaya : Tôn Thắng , Tối Thắng



SAHASRA RA'SMI

Sahasra : một ngàn (1000)

Ra'smi : Dây băng, chuỗi, dây cương, tín hiệu, tia sáng, chiếu rọi rạng rỡ



SAṂSUDÌTI SARVA TATHÀGATA

Sudìti : Sáng sủa, rạng rỡ, lanh lợi, chói lọi, ngọn lửa, sáng chói, chiếu sáng

Saṃsudìti : Tỏa ánh sáng nhắc nhở, cảnh giác

Sarva : tất cả

Tathàgata : Đức Như Lai, bậc đã đạt được Chân Như

Phần trên có nghĩa là : **Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai**



AVALOKANA ṢAṬPÀRAMITÀ PARIPÙRAṆI

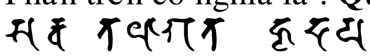
Avalokana : Nhìn, quan sát, xem xét, nhận xét, chú ý

Pàramità : Bờ bên kia, thường dịch là Ba La Mật (Độ) là Pháp tu của hàng Bồ Tát

Ṣaṭpàramità : Sáu Ba La Mật

Paripùraṇi : Đều đầy đủ

Phần trên có nghĩa là : **Quán chiếu sáu Ba La Mật đều được đầy đủ**



SARVA TATHÀGATA HṚDAYA

Hṛdaya : Trái tim



ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ

Adhiṣṭana : Thần Lực

Adhiṣṭite : Gia trì

Mudra : Ấn

Mahà mudrì : Có tính như Đại Ấn

Phần trên có nghĩa là **: Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm**



VAJRA KÀYA

Vajra : Kim Cương

Kàya : Thân thể



SAMHATANA VI'SUDDHE

Saṃhatana : Hòa hợp với nhau, kết hợp với nhau, mến chuộng nhau, kề cận nhau

Phần trên có nghĩa là :**Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh**



SARVA AVARAṆA PAYA DURGATI PARI'SUDDHE

Avaraṇa : Sự chướng ngại

Paya : Lối đi, đường đi

Durgati : Lối nẻo xấu ác

Sarva avaraṇa paya durgati : Tất cả lối đi đầy chướng ngại , tất cả lối nẻo xấu ác. Trong Phật Giáo thường gọi lối đi đầy chướng ngại xấu ác này là Nghiệp chướng, Báo chướng, phiền Não chướng

Phần trên có nghĩa là : **Khiến cho Nghiệp chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh**



PRATINI VARTTÀYA ÀYUḤ 'SUDDHE

Pratini :Tăng trưởng

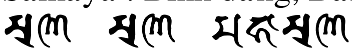
Varttàya : Xoay chuyển, vận chuyện

Phần trên có nghĩa là : **Thọ mệnh tăng trưởng được thanh tịnh**



SAMAYA ADHIṢṬITE

Samaya : Bình đẳng, Bản thệ (Lời thề của mình)

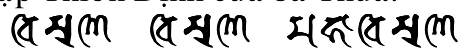


MUṆI MUṆI MAHÀ MUṆI

Muṇi:Tịch mặc

Mahà muṇi : Đại tịch mặc

Phần trên có nghĩa là: **Tịch mặc, tịch mặc, đại tịch mặc**. Biểu thị cho trạng thái tu tập Thiền Định của ba Thừa.



VIMUṆI VIMUṆI MAHÀ VIMUṆI

Vimuṇi: Khiến cho đạt được sự tịch mặc

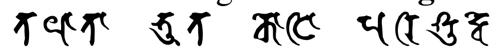
Phần trên có nghĩa là: **Khiến cho tất cả đạt được sự tịch mặc của Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Phật Thừa**



MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

Maṇi : Viên ngọc Như Ý biểu thị cho giá trị vô thượng, nhờ nó mà mọi ước nguyện được thỏa mãn. Tuy nhiên ngay từ hình thức ban đầu, Phật Giáo đã xác nhận giá trị vô thượng là sự giác ngộ viên mãn. Nhờ vào ánh sáng tỏa rạng từ sự giác ngộ mà mọi tâm thức mê mờ của tâm thức không còn khả năng trói buộc con người chìm đắm trong dòng sinh tử khổ đau nữa. Chính vì thế cho nên người nào tìm thấy trong tâm có viên ngọc Như Ý thì nó sẽ tỏa rạng Trí Tuệ giác ngộ. Dựa trên ý nghĩa này mà Maṇi còn biểu thị cho Trí Tuệ giải thoát. Cũng do ý nghĩa này nên trong bài Chú do Ngài PHÁP THIÊN lưu truyền đã thay chữ Maṇi bằng chữ Mati (Tuệ)

Phần trên có nghĩa là: **Chứng đắc được Trí Tuệ Giải Thoát của ba Thừa**.



TATHÀTÀ BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE

Tathàtà : Chân Như Tính

Bhùta koṭi : Chân thật tế cực, tức chỉ đoạn lìa hư vọng là Niết Bàn chân chứng. Hay thường gọi là thật tế

Phần trên có nghĩa là : **Tính Chân Như Thật Tế đều thanh tịnh**



VISPHUṬA BUDDHI 'SUDDHE

Visphuṭa : Hiển hiện

Buddhi : Tuệ Giác

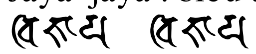
Phần trên có nghĩa là **: Hiển hiện Tuệ Giác Thanh Tịnh**



JAYA JAYA

Jaya : Thù thắng, thắng

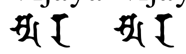
Jaya jaya : biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế



VIJAYA VIJAYA

Vijaya : Tôn Thắng, tối thắng

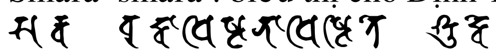
Vijaya vijaya : biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn



SMARA SMARA

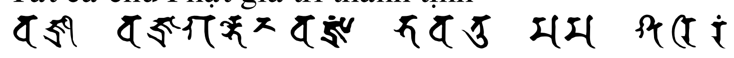
Smara : Ghi nhớ, niệm trì

Smara smara : biểu thị cho Định Tuệ tương ứng



SARVA BUDDHA ADHIṢṬITA 'SUDDHE

Tất cả chư Phật gia trì thanh tịnh



VAJRÌ VAJRAGARBHE VAJRÀṂ BHAVATU MAMA 'SARIRAṂ

Vajrì : Có Tính như Kim Cương

Vajragarbhe : Kim Cương Tạng

Vajraṃ Bhavatu : Được thành Kim Cương

Mama : Tôi (Xưng tên họ…)

'Sariraṃ : Toàn thân

Phần trên có nghĩa là : **Thù thắng , thù thắng. Tôn thắng, tối thắng . Niệm trì, niệm trì**

Tất cả chư Phật gia trì thanh tịnh khiến cho thân của tôi có được tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương

SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA PARI'SUDDHE

Satva : Hữu Tình

Kàya : Thân xác

SARVA GATI PARI'SUDDHE

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả thân của chúng Hữu Tình đều được thanh tịnh. Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh**

SARVA TATHÀGATA'SCA ME SAMA 'SVASA YAṂTU

Tathàgata'sca : Như Lai Đẳng

Me sama : Ngã Đẳng, nhóm chúng tôi

'Svasa : An ủi

Yaṃtu : Đi đến

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng tôi**

SARVA TATHÀGATA SAMA 'SVASA ADHIṢṬITE BUDDHYA BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Buddhya : Giác ngộ, tỉnh ngộ

Vibuddhya : Khiến cho giác ngộ, khiến cho tỉnh ngộ

Phần trên có nghĩa là : **Tất cả Như Lai gia trì khiến cho con tỉnh ngộ giác ngộ, khiến cho tất cả được tỉnh ngộ, được giác ngộ**

BODHAYA BODHAYA

Bodhaya : Tuệ Giác, Trí Giác

VIBODHAYA VIBODHAYA

Vibodhaya : Khiến cho có Tuệ Giác, khiến cho có Trí Giác

SAMANTA PARI'SUDDHE

Khắp cả đều được thanh tịnh

SARVA GATI PARI'SUDDHE

Tất cả lối nẻo đều được thanh tịnh

Phần trên có nghĩa là : **Tuệ Giác ,Trí Giác. Khiến cho tất cả đều có Tuệ Giác, khiến cho tất cả đều có Trí Giác. Khắp nơi đều được thanh tịnh, tất cả lối nẻo đều được thanh tịnh.**

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE MAHÀ MUDRÌ SVÀHÀ

Svàhà : Quyết định thành tựu, thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết bàn

Phần trên có nghĩa là : **Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho tôi thành tựu được tự tính an lạc của Đại Niết Bàn**

*) Phiên dịch toàn bài **Phật Đỉnh Tôn Thắng Gia Cú Linh Nghiệm Đà La Ni** là :

Nam mô Đấng Thế Tôn !

Đấng Thế Tôn Đại Giác cao cả của Tam Giới !

Như vậy : OM !

Thanh tịnh, thanh tịnh không có gì sánh bằng

Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi khiến cho muôn loài trong sáu nẻo luân hồi đều được thanh tịnh.

Hãy quán đỉnh cho con !

Hỡi Đấng Thiện Thệ tối cao !

Hãy ban cho con lời thù thắng là câu Đại Thần Chú Quán Đỉnh Bất Tử

Hãy nhiếp thọ ! Nhiếp thọ cho con giữ gìn vững chắc thọ mệnh

Thanh tịnh, thanh tịnh. Khiến cho thanh tịnh như hư không

Phật Đỉnh Tôn Thắng khiến cho thanh tịnh, tỏa ngàn ánh sáng cảnh giác tất cả Như Lai

Quán chiếu sáu Ba La Mật đều được đầy đủ

Thần Lực Gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm hòa hợp với thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh.

Khiến cho tất cả Nghiệp Chướng, Báo Chướng, Phiền Não Chướng đều được thanh tịnh.

Thọ mệnh tăng trưởng đều được thanh tịnh

Thệ nguyện gia trì sự tịch mặc của ba Thừa, thâm nhập vào sự tịch mặc của ba Thừa, chứng đắc Pháp Bảo của ba Thừa.

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

Hiển hiện Tuệ Giác thanh tịnh

Thù thắng , thù thắng

Tôn Thắng, Tối Thắng

Niệm trì, niệm trì

Tất cả chư Phật gia trì thanh tịnh khiến cho thân của con (Họ tên…) có tính như Kim Cương, chứng Kim Cương Tạng và được thành Kim Cương.

Tất cả thân Hữu Tình đều được thanh tịnh

Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

Tất cả Như Lai đi đến an ủi chúng con

Tất cả Như Lai an ủi gia trì khiến cho con được giác ngộ, được tỉnh ngộ. Khiến cho tất cả được giác ngộ, được tỉnh ngộ.

Khiến cho con được Tuệ Giác, được Trí Giác
Khiến cho tất cả đều được Tuệ Giác, được Trí Giác
Khắp nơi đều được thanh tịnh
Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

Thần Lực gia trì có tính như Đại Ấn của tất cả Như Lai Tâm khiến cho con thành tựu tự tính an lạc của Đại Niết Bàn.

04/05/2005

Mật Tạng Bộ 2 _ No.978 (Tr.407_ Tr.409)

PHẬT THUYẾT NHẤT THIẾT NHƯ LAI Ô SẮT NỊ SA TỐI THẮNG TỔNG TRÌ KINH

Hán dịch : Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh_ Truyền Pháp Đại Sư PHÁP THIÊN Phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngồi an lành trong Pháp Đường Đại Thiện ở cõi Cực Lạc của Phật . Bấy giờ , Đức Vô Lượng Thọ Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác bảo Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng :" Này Thiện Nam Tử ! Vì lợi ích cho hết thảy mọi chúng sinh bị bệnh tật , khổ não, đoản thọ nên đã có Pháp Môn Tổng Trì **Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng .** Nếu có người thọ trì đọc tụng sẽ mau được sống lâu, không bệnh, an vui".

Lúc đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát từ chỗ ngồi đứng dậy , chắp tay cung kính bạch Phật rằng :" Nay con vui muốn nghe về Pháp Môn Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng này. Nguyện xin Đấng Thiện Thệ hãy khéo nói"

Khi ấy, Đức Thế Tôn quán sát chúng Trời Người trong Đại Hội xong, liền nhập vào **Phổ Chiếu Cát Tường Tam Ma Địa** . Khi ra khỏi Định liền nói Pháp Môn Nhất Nhiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng này là :

Án_ Nẵng mô bà nga phộc đế

Tát lị-phộc đát-lạt lộ chỉ-dã, bát-la để vĩ thủy sắt-tra dã. Một đà dã đế nẵng mộ

Đát nễ-dã tha : Án_ Bộ-long, bộ-long, bộ-long

Du đạt dã, du đạt dã

Vĩ du đạt dã, vĩ du đạt dã

A tam ma, tam mãn đa , phộc bà sa, tát-phả la noa, nga để

Nga nga nẵng, sa bà phộc, vĩ thú đề, a tỳ tru tả đỗ hàm

Tát lị-phộc đát tha nga đa, tô nga la, phộc la, phộc tả nẵng

Một-lị đa tỳ thí khế, ma hạ mẫu nại-la , mãn đát-la , ba nại

A hạ la, a hạ la

A dục, tán đà la ni

Du đạt dã, du đạt dã

Nga nga nẵng , sa bà phộc, vĩ thú đề

Ô sắt-nị sa vĩ nhạ dã , ba lị thú đề

Sa hạ tát-la thấp-di , tán tổ nễ đế

Tát lị-phộc đát tha nga đa, phộc lộ cát nễ, sa tra bà la di đa, ba lị bố la ni

Tát lị-phộc đát tha nga đa ma đế , nại xá bộ di, bát-la để sắt-trí đế

Tát lị-phộc đát tha nga đa, ngật-lị na dã
Địa sắt-tra nẵng, địa sắt-trí đế
Mẫu nại-lị, mẫu nại-li, ma ha mẫu nại-lị
Phộc nhật-la ca dã, tăng hạ đa nẵng, bà lị thú đề
Tát lị-phộc ca lị-ma phộc la noa, vĩ thú đề
Bát-la để nễ, phộc lị-đa dã dục , vĩ thú đề
Tát lị-phộc đát tha nga đa tam ma dã
Địa sắt-tra nẵng, địa sắt-trí đế
Án_ Mâu nễ, mâu nễ, ma hạ mâu nễ
Vĩ mẫu nễ, vĩ mẫu nễ, ma hạ vĩ mẫu nễ
Ma để, ma để, ma hạ ma để
Đát tha đa, bộ đa câu trí, ba lị thú đề
Vĩ sa-phổ tra , một đề, thú đề
Tứ tứ
Nhạ dã, nhạ dã
Vĩ nhạ dã, vĩ nhạ dã
Sa-ma la, sa-ma la
Sa-phả la, sa-phả la
Tát lị-phộc một đà, địa sắt-tra nẵng, địa sắt-trí đế
Thú đề, thú đề
Một đà
Phộc nhật-lị, phộc nhật-lị, ma hạ phộc nhật-lị
Tô phộc nhật-lị
Phộc nhật-la, nga lị-tỳ
Nhạ dã, nga lị-tỳ
Vĩ nhạ dã, nga lị-tỳ
Phộc nhật-la, nhập-phộc la, nga lị-tỳ
Phộc nhật lỗ nại-bà phệ
Phộc nhật-la, tam bà phệ
Phộc nhật-lị , phộc nễ ni
Phộc nhật-lãm, bà phộc đổ
Ma ma (Xưng tên...)
Xá lị lãm, tát lị-phộc tát đỏa nan tả, ca dã, ba lị thú đề
Lị-bà phộc đổ, di, tát na
Tát lị-phộc nga để, ba lị thú đề, thất tả
Tát lị-phộc đát tha nga đa , thất tả, hàm
Tam ma thấp-phộc sa, diễn đổ
Một đình, một đình
Tất đình
Mạo đạt dã, mạo đạt dã
Vĩ mạo đạt dã, vĩ mạo đạt dã

Mô tả dã, mô tả dã
Vĩ mô tả dã, vĩ mô tả dã
Du đạt dã, du đạt dã
Vĩ du đạt dã, vĩ du đạt dã
Tam mãn đa lị-mộ tả dã
Tam mãn đa , la thấp-di, ba lị thú đề
Tát lị-phộc đát tha nga đa, ngật-lị na dã, địa sắt-tra nẵng, địa sắt-trí đế
Mẫu nại-lị, mẫu nại-lị, ma hạ mẫu nại-lị
Mãn đát-la , ba nễ, sa-phộc hạ

Này Thiện Nam Tử ! Pháp Môn Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng này hay làm tăng tuổi thọ, tiêu trừ tội nghiệp, mau được thanh tịnh.

Nếu dùng lụa trắng hoặc vỏ cây hoa viết chép Pháp Môn Tổng Trì này rồi đặt bên trong cái Tháp, tác cúng dường rộng lớn.Cúng dường xong, nhiễu quanh bên phải 1000 vòng cung kính lễ bái, tùy theo khả năng tác cúng dường sẽ được tăng Trí Tuệ. Nếu tác đủ 7 ngày thì tuổi thọ tăng thêm 7 năm. Nếu tác đủ 7 năm thì tuổi thọ tăng thêm 70 năm. Đã được sống lâu như vậy sẽ an vui không có bệnh tật, được Túv Mệnh thông minh, ghi nhớ chẳng quên. Nếu đội trên đỉnh đầu sẽ được tiêu trừ tội chướng thuở trước.

Lại nữa, nếu trên lụa sạch hay vỏ cây hoa dùng Ngưu Hoàng viết Tổng Trì này với tên họ của mình rồi lấy Chiên Đàn làm cái Tháp chứa Tổng Trì này và đặt bên trong cái phòng. Xong rồi, liền phụng hiến cúng dường rộng lớn, nhiễu quanh Tháp 1000 vòng, tụng Tổng Trì này 800 biến sẽ tiêu trừ mọi bệnh, sống lâu trăm tuổi.

Lại nữa, nếu không có Chiên Đàn thì dùng bùn sạch mà làm cái Tháp. Bên trong Tháp vẽ cái chày Yết Ma , bên ngoài vẽ 4 vị Thủ Hộ 4 cửa của Kim Cương Giới, chính giữa viết tên của mình và đặt Tổng Trì này sẽ được Công Đức như trước không khác.

Hoặc dùng Ngưu Hoàng viết Tổng Trì này đặt ở trong vật khí sạch sẽ, bên trong lại lấy vật sạch che đậy rồi đặt trong căn phòng, tác cúng dường rộng lớn sẽ được vệ hộ không có tai nạn.

Lại nữa, nên dùng Cù Ma Di không bị dính đất cát làm 4 Man Noa La (Maṇḍala_ Đàn) hình vuông, đem hoa màu trắng rải bên trên, đốt bơ trong 4 cái chén để thắp đèn và đặt 4 cái chén đèn ở 4 góc Đàn. Đốt Trầm Hương, Nhũ Hương và lấy cái bát chứa đầy nước Ứ Già . Lại lấy hoa trắng kết thành tràng hoa, đem Tổng Trì này để trong cái Tháp hoặc bên trong bức tượng Công Đức rồi đặt trên Đàn. Người Trì Tụng dùng tay trái đè Đàn, tay phải cầm tràng hạt, một ngày 3 thời tụng Tổng Trì này 21 biến gia trì vào 3 hớp nước rồi tự uống vào sẽ hay trừ các bệnh, sống lâu trăm tuổi, giải các oán kết, được âm thanh màu nhiệm, được biện tài vô ngại, đời đời được Túc Mệnh Thần Thông.

Nếu đem nước sạch đã gia trì lúc trước rưới vảy ở cung vua hoặc nhà cửa của mình cho đến bò ngựa… thuộc nơi cư trú sẽ mau chóng trừ khử được nạn La Sát, Rồng, Rắn… Thường được vệ hộ, xa lìa các sự sợ hãi.

Nếu có bệnh khổ, lấy nước rưới trên đỉnh đầu sẽ vĩnh viễn tiêu trừ được tất cả bệnh nặng.

Như vậy khen ngợi Đại Tổng Trì vô lượng. Nếu làm y như vậy ắt được thành tựu.

Lại lấy cành Dương Liễu, dùng Tổng Trì này gia trì 21 biến rồi đem xỉa răng sẽ được không bệnh, thông minh, sống lâu.

Lại đem vật khí sạch chứa đầy nước, gia trì 21 biến. Một ngày 3 thời uống 3 hớp nước, một lần uống một lần gia trì một biến, sẽ trừ tất cả bệnh , an vui, sống lâu"

Bấy giờ, Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát nhiễu quanh Đức Phật Vô Lượng Thọ ba vòng rồi chắp tay cung kính bạch Phật rằng :" Thế Tôn ! Làm thế nào mà kẻ trai lành, người nữ thiện tạo được hình tượng Phật, Tháp Miếu, và tác Hộ Ma thành tựu ? Nguyện xin Đức Thế Tôn hãy dạy bảo"

Đức Phật bảo Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát rằng:' Lành thay ! Lành thay ! Này Vô Úy ! Ông hãy một lòng lắng nghe ! Như ông đã hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói"

Khi ấy, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cũng nhập vào **Phổ Chiếu Cát Tường Tam Ma Địa** . Từ Định xuất ra, liền nói Pháp Môn Tổng Trì **Nhất Thiết Như Lai Vô Lượng Thọ** là :



" Án_ A mật-lị đế, a mật-lị đế, a mật-lị đổ nại-bà phệ, a mật-lị đa vĩ ngật-lan đế, a mật-lị đa dụ lị-na nễ, nga nga nẵng kế lị-đế yết lị, Tát lị-phộc cát-lê xá, xao diễn yết lị duệ, sa-phộc hạ "

OṂ _ AMṚTE AMṚTE _ AMṚTA UDBHAVE _ AMṚTA VIKRANTI _ AMṚTA ÀYURJÑÀNA _ GAGANA KIRTTI KARI_ SARVA KLE'SA KṢAYAṂ KARIYE _ SVÀHÀ

Lúc Đức Vô Lượng Thọ Như Lai nói Pháp Môn này xong, liền bảo Bồ Tát rằng:" Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nào đem Pháp Môn này gia trì vào đất sạch hòa chung với nước làm bùn. Lại liền gia trì rồi đem bùn ấy làm cái Tháp cho đến Tướng Luân. Theo thứ tự gia trì và phụng hiến cúng dường sẽ hay được ích lợi thù thắng rộng lớn.

Lại có Pháp về Tháp Miếu tối thượng. Hoặc dùng vàng bạc làm Tháp, Lưu Ly làm Tháp, Bát Nạp Ma La Nga Bảo làm Tháp, cho đến dùng mọi loại châu báu làm Tháp. Y như Pháp trang nghiêm cao 12 ngón tay, đặt ở tòa sen. 4 mặt Tháp bày 4 vị Thiên Vương Hộ Thế có tay cầm phướng. Ở trước mặt Tháp đặt Đế Thích Thiên Chủ có tay cầm cây cung. Lại đặt Tĩnh Cư Thiên Tử có tay cầm hương hoa với hương xoa…Ở mặt bên trái Tháp đặt Quán Tự Tại Bồ Tát , bên phải đặt Kim Cương Thủ Bồ Tát đều cầm cây phất trần trắng. Như vậy là nghi thức về Tháp.

Lại nữa, vẽ riêng một hoa sen, chung quanh viết Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa này đặt bên trong Tháp, dùng nước thơm rưới vảy cho sạch sẽ, phụng hiến hương hoa vi diệu, làm 1000 loại cúng dường.

Nếu muốn vì lợi ích cho tất cả chúng sinh được tăng thọ mệnh, tăng thêm Trí Tuệ thì vào ngày mồng 8 của kỳ Bạch Nguyệt, ngày đêm khiết tĩnh , giữ gìn Trai

Giới. Sau đó ở trước mặt Tháp báu tụng Tổng Trì này 1000 biến , mỗi ngày như vậy, mãn 6 tháng sẽ được sống lâu 1000 tuổi. Hoặc chí thành tinh tiến ngày đêm trì tụng sẽ được sống lâu thọ đủ một Lạc Xoa tuổi. Hoặc ngày ngày trì tụng sẽ tăng thọ vô lượng, có thế lực lớn không khác với Thiên Nhân, A Tu La… bay trên hư không tự tại, đạt được mọi Công Đức như vậy.

Lại có Nghi Quỹ. Ở nơi vắng lặng thanh tịnh, lấy đất sạch hòa với nước thơm làm bùn rồi tạo thành cái Tháp. Hoặc 1,2,3,4,5… cho đến đủ 100, 1000 cái Tháp. Viết Tổng Trì lúc trước đặt bên trong Tháp, làm trăm ngàn loại cúng dường rộng lớn, tụng Tổng Trì này 700 biến sẽ tăng Trí Tuệ, sống lâu vô lượng.

Hoặc vì tất cả chúng sinh bị gông cùm, xiềng xích, cột trói… tụng Tổng Trì này thì họ liền được giải thoát.

Lại nữa, nếu có chúng sinh ở trước Tháp Tổng Trì cúng dướng gấp bội, ngày ngày tụng đủ 800 biến, phát Tâm bình đẳng, lợi mình lợi người. Như vậy y theo Pháp sẽ tiêu trừ 8 nạn, thường được an vui, sống lâu trăm tuổi, mọi người yêu thích, chẳng bao lâu sẽ được Túc Mệnh Thần Thông. Sau khi chết, người đó chẳng bị sinh vào các nẻo ác: Địa Ngục, Súc Sinh, Diêm Ma La Giới giống như con rắn lột da liền được sinh về cõi Phật Cực Lạc, được quả báo lớn , thọ thắng diệu lạc… chẳng thể nói hết được.Người đó chẳng hề nghe đến tiếng Địa Ngục huống chi bị sinh vào cõi đó”.

Bấy giờ, Đức Vô Lượng Thọ Như Lai liền nói về Pháp Thành Tựu **Tranh Tượng** khiến cho các chúng sinh được sống lâu vô lượng, xa lìa Luân Hồi, giải thoát mọi khổ. Trước tiên, nhờ một đồng nữ khiết tịnh se chỉ dệt thành mảnh lụa có thước tấc y theo Pháp, dùng màu sắc thật tốt vẽ hình tượng Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng Tổng Trì Công Đức ấy kèm với chữ vi diệu. Đem Tượng đặt trong Tháp, thân tượng có ngàn ánh sáng ngồi ở tòa sen trong vành trăng, tất cả đều trang nghiêm. Tượng có khuôn mặt như trăng tròn đầy. Tượng có 3 mặt, 3 mắt, 3 cánh tay. Mặt bên phải có tướng hiền lành màu vàng ròng. Mặt bên trái có tướng phẫn nộ, lộ răng nanh bén nhọn, có màu hoa sen xanh. Mặt chính giữa tròn đầy có màu trắng. Bên phải: tay thứ nhất cầm chày Yết Ma, tay thứ hai cầm hoa sen xanh bên trên có Đức Phật Vô Lượng Thọ, tay thứ ba cầm mũi tên,tay thứ tư tác Ấn Thí Nguyện.Bên trái: Tay thứ nhất tác Kim Cương Quyền cầm sợi dây và dựng thẳng ngón trỏ, tay thứ hai cầm cây cung, tay thứ ba tác Ấn Vô Úy , tay thứ tư cầm cái bình và đỉnh bình đội cái Tháp. Trên cổ Tượng đặt chữ Án (_Oṃ) , trên trái tim đặt chữ **A** (_ A) , trên trán đặt chữ **Đát-lam** (_ Tràṃ) , trên bàn chân đặt chữ **Ngật-lị** (_ Hrìḥ) **ác** (_ Aḥ) **a** (_ A) **la xoa** (_ Rakṣa) **sa-phộc hạ** (_ Svàhà) làm ủng hộ. Ở bên dưới Chân Ngôn viết họ tên của mình. Hai bên Tượng, vẽ Quán Tự Tại Bồ Tát và Kim Cương Thủ Bồ Tát đều cầm cây phất trần trắng. Ở mặt trên của Tượng, vẽ Tĩnh Cư Thiên Nhân tuôn giáng mưa Cam Lộ. Ở 4 mặt tranh, vẽ Phẫn Nộ Kim Cương Bất Động Tôn Minh Vương, Tra Chỉ Minh Vương, Nễ La Nan Noa Minh Vương, Đại Lực Minh Vương đều cầm kiếm, móc câu, chày Kim Cương, Gậy Kim Cương khiến giáng Ác Ma. Như vậy chí Tâm vẽ Tượng.

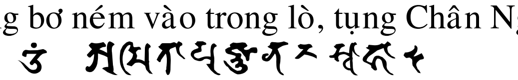
Lúc Hành Nhân tác Pháp này, trước tiên chí Tâm ở trước Tháp Xá Lợi trải qua một ngày đêm tinh trì Trai Giới. Liền ở trước Tượng hiến 1000 loại cúng dường. Từ ngày mồng một của kỳ Bạch Nguyệt thì bắt đầu tụng Tổng Trì này một Lạc Xoa (100000 biến) đến ngày 15 lại hiến 1000 loại cúng dường. Vào lúc sáng sớm thì Thánh Tượng Tổng Trì sẽ hóa hiện trước mặt người đó, ắt tất cả sự mong cầu đều được thành tựu.

Lại nữa, đem tranh tượng Tổng Trì này đặt ở nơi tịch tĩnh, dùng nước thơm rưới vẩy sạch sẽ, hiến dâng cúng dường. Một ngày tụng Tổng Trì này 800 biến. Lại mỗi tháng , một ngày hiến 1000 loại cúng dường, tụng Tổng Trì 1000 biến sẽ được sống lâu vô lượng, có uy thế , tự tại bay trên hư không, một ngày ghi nhớ 1000 lời Kệ, chẳng bị điên đảo, hay khử tất cả tội nặng của Hữu Tình.

Nếu có người chẳng thể tác Pháp như trên, chỉ có thể làm trong phòng xá của mình thì vào ngày mồng 8 của kỳ Bạch Nguyệt dùng nước thơm rưới vẩy tranh tượng cho sạch sẽ và tùy theo khả năng mà cúng dường. Xong chí Tâm ở trước Tượng tụng Tổng Trì này từ 700 đến 800 biến. Mỗi ngày 3 thời lại tụng 21 biến sẽ tăng trưởng Trí Tuệ, không có bệnh, an vui, sống lâu trăm tuổi, được Túc Mệnh Thần Thông.

Nếu tự mình chẳng có thể tác Pháp trì tụng thì thỉnh người khác làm cũng được sống lâu, thông minh, Trí Tuệ.

Lại có Pháp Hộ Ma vì lợi ích cho Hữu Tình. Làm một lò lửa hình tròn rộng một khuỷu , sâu 12 ngón tay, bên ngoài dùng chày Kim Cương làm giới hạn. Dùng hương Bạch Đàn, đất màu trắng hòa với nhau làm bùn để tô trét. Đem hoa trắng rải bên trong lò, ở 4 bên lò đặt 4 chén đèn dầu, liền đem hương hoa cúng dường 4 mặt. Lại để cái bình Ứ Già tế diệu như Pháp, ở đỉnh cái bình dùng áo màu trắng quấn quanh rồi đem hoa quả, cành cây đặt ở miệng bình. Cây thuộc loại có nhựa trắng, lấy cành màu xanh dài 12 ngón tay, lại lấy củi khô cùng thiêu đốt. Liền Thỉnh Triệu Hỏa Thiên (Agni Deva). Khi Thỉnh Cầu dùng 3 muỗng bơ ném 3 lần vào trong lò, tùy theo từng muỗng tụng Hỏa Thiên Chân Ngôn gia trì, sau đó Phát Tống (Đưa tiễn) Hỏa Thiên. Liền quán tưởng Đức Vô Lượng Thọ Như Lai rõ ràng ở bên trong lò, lại tụng Pháp Môn Tổng Trì Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng. Lại tác Pháp như trước, lấy 3 muỗng bơ ném vào trong lò, tụng Chân Ngôn là :



" Án_ A di đa du lị-nại na, sa-phộc hạ "

OṂ_ AMITÀYURJÑÀNA _ SVÀHÀ

(Quy mệnh Vô Lượng Thọ Trí, thành tựu cát tường)

Nên dùng ngũ cốc, dùng 3 ngón tay nhúm lấy một chút ngũ cốc rồi tẩm với bơ, xưng nguyện ước mong cầu , tụng Chân Ngôn một biến rồi ném vào trong lò, như vậy đến 800 biến. Một ngày 3 thời tác Pháp như thế. Lại tụng Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng sẽ lìa tất cả bệnh, thông minh, tăng tuổi thọ. Tùy theo điều cầu nguyện không có gì không thành tựu.

Hoặc vào ngày mồng 8, ở trước Tranh Tượng , một ngày 3 thời làm Pháp Hộ Ma, tụng Chân Ngôn này 1000 biến sẽ sống lâu 1000 tuổi. Điều cần nhớ là không được gây tổn hại cho Hữu Tình và luôn hành bố thí.

Nghi Quỹ như vậy hay giáng phục oan gia, tăng trưởng Trí Tuệ, được âm thanh vi diệu. Nếu tự mình chẳng có thể làm thì thỉnh người khác làm giùm, cũng ngưng trừ tất cả tai họa ác.

Lại có Pháp Thành Tựu. Như trước lấy ngũ cốc làm Pháp Hộ Ma, liền tụng Tổng Trì Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng một Lạc Xoa. Tác Hộ Ma xong, lại tụng một Lạc Xoa sẽ được sống lâu một Lạc Xoa tuổi cho đến một Câu Đê tuổi (một trăm triệu tuổi) hoặc vô lượng tuổi, tự tại bay trên hư không, giáng phục Ma Oán.

Nếu cầu phú quý cát tường thì tác Pháp Hộ Ma như trước, tụng Tổng Trì một Lạc Xoa sẽ vĩnh viễn được giàu có lớn.

Nếu cầu Quan Vị, dùng hoa sen tác Hộ Ma một Lạc Xoa sẽ được Quan Vị.

Lại có Pháp thành tựu Kiếm (Cây Kiếm) Đem Tranh Tượng lúc trước đặt ở trước Tháp Xá Lợi, hiến 1000 loại cúng dường, tụng Tổng Trì này một Lạc Xoa, lấy 5 loại thiếc làm cây kiếm, đặt hướng về mặt Tháp. Lại tụng Tổng Trì một Lạc Xoa gia trì vào cây Kiếm. Gia trì kiếm xong, liền đưa tay phải cầm cây kiếm sẽ được Như Ý Thông, biến hóa tự tại, có thế lực lớn, tăng thọ vô lượng, hay vì tất cả chúng sinh mà tạo tác Họa Phước.

Lại nữa, tác Pháp như trước mà dùng chày Kim Cương, Bánh Xe (Luân) Tam Cổ Xoa… đều được thành tựu, được vô lượng Công Đức thù thắng như trước.

Đại Tổng Trì này là Tâm của tất cả Như Lai, rất là hiếm có. Tác Pháp như trước ắt được thành tựu.

Nếu lại có người đối với Pháp Môn Tổng Trì Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nị Sa Tối Thắng này, mỗi ngày 3 thời trì tụng 21 biến, hiến cúng dường xong, chí Tâm thọ trì, vì người khác giải nói khiến cho Hữu Tình đó được khoái lạc, sống lâu, không có bệnh, có đủ Đại Trí Tuệ, được Túc Mệnh Thông. Sau khi chết, người đó như con rắn lột da liền được vãng sinh về cõi Phật Cực Lạc, được quả báo lớn, tai chẳng nghe đến tiếng Địa Ngục huống chi bị sinh vào cõi ấy”

Đức Phật nói Kinh xong thời tất cả Trời, Người, A Tu La, Càn Đạt Bà… trong Thế Gian nghe lời Phật dạy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT THUYẾT NHẤT THIẾT NHƯ LAI Ô SẮT NỊ SA
TỐI THẮNG TỔNG TRÌ KINH (Hết)

10/05/1998

Mật Tạng Bộ 2_ No.979 (Tr.410)

VU SẮT NI SA TẢ DÃ ĐÀ LA NI

Hán dịch : Tây Thiên Kế Tổ Thiền Sư NGHỆ KHÔNG
Việt dịch : HUYỀN THANH

Án, bộ lâu ứng, sa hạ
Na mô Bả già phộc địa
Tát phộc đát lị lộ già dã
Bát-la địa tỳ sa sắt tra dã
Phú đà dã đế na ma đa
Đát dả tha
Án, bộ lâu ứng, bộ lâu ứng
Tố đà dã, tố đà dã
Tỳ tố đà dã, tỳ tố đà dã
A sa ma, sa mạn đa, a phộc bả sa
A sa bả la noa ca địa
Ca ca na, sá bả phộc tỳ tố đế
A tỳ tỷ tán đỗ vọng
Tát phộc đa tha ca đa, dữu ca đà ngõa la phộc tả nẵng
A lị đá, a bỉ tế khư la
Ma ma
Ma hạ vũ đát-la mạn đát la phộc địa
A hạ la, a hạ la
Ma ma
A dụ la tăng đà la ni
Tố đà dã, tố đà dã
Ca ca na, sa bả phộc tỳ tố đệ
Vu sắt-ni sa tỳ nhạ dã
Phộc lị tấu đế
Sa ha sa-la sắt-vĩ tăng tổ địa đế
Tát phộc đa tha ca đa
A phộc lộ chỉ ni
Sa tra phộc la vĩ đá phộc lị phú la ni
Tát phộc đá tha ca đa, ma đế, đa tả tẩu vĩ
Bát-la địa sắt-xỉ đế
Tát phộc đa tha ca đa , ngật-lị đá dã
A sắt trí-tra na, a trí sắt-xỉ đế
Án, vũ đát-lệ, vũ đát-lệ, ma hạ vũ đát-lệ
Phộc nhật lệ, phộc nhật lệ, ma hạ phộc nhật lệ
Phộc nhật la ca dã, tăng ha đa gia phộc lị tẩu đế
Tát phộc yết ma , a ngọa la na, vĩ tẩu đế

Bát la địa na nhật đa dã
A dụ la vĩ tẩu đế
Tát phộc đa tha sa ma dã
A trí sắt tra na, a trí sắt xỉ đế
Án, vũ ni, vũ ni, ma hạ vũ ni
Ma địa, ma địa, ma ha ma địa
Ma ma địa, tẩu ma địa
Đát dã tha bộ đá cố tri phộc lị tẩu đế
Tỳ sa phú đa phú đà tẩu đà
Hê, án, hê hê
Nhạ dã, nhạ dã, tỳ nhạ dã, tỳ nhạ dã
Sa la, sa la
Sa-ma la, sa-ma la
A sắt bả la, a sắt bả la
A sắt bả la dã, a sắt bả la dã
Tát phộc phú đà
A sắt trí tra na, a sắt trí xỉ đa
Án, tẩu đế, tẩu đế
Phú đế, phú đế
Phộc nhật lê, phộc nhật la yết phệ
Nhạ dã yết phệ
Tỳ nhạ dã yết phệ
Phộc nhật la nhạ gia la yết phệ
Phộc nhật la đa bả phệ
Phộc nhật la tăng yết phệ
Phộc nhật lệ, phộc nhật la ni
Phộc nhật la lăng bả phộc đỗ
Ma ma
Sa lị lăng. Tát phộc sa đỏa nẵng tả ca dã, phộc lị tẩu si bạt phộc đỗ
Ma ma
Tát phộc đá
Tát phộc ca địa phộc lị tẩu si sa tả
Tát phộc đa tha ca đá sắt-tra vọng sa mạn sa sa dã ẩn đỗ tỷ đà dã
Phú đà dã, phú đà dã
Phổ đà dã, phú đà dã
Tỳ phổ đà dã, tỳ phổ đà dã
Mô tả dã, mô tả dã
Tỳ mô tả dã, tỳ mô tả dã
Tố đà dã, tố đà dã
Tỳ tố đà dã, tỳ tố đà dã
Sa mạn đá đa mô tả dã
Sa mạn đá phộc sắt ni phộc lị tẩu đế
Tát phộc đá tha ca đá ngật lị đa dã

A trí sắt tra na, a trí sắt xỉ đế
Án, vũ đát lệ, vũ đát lệ, ma ha vũ đát lệ
Ma ha vũ đát la mạn đá la phộc địa
Sa hạ
Án, bộ lâu ứng, sa hạ
A vĩ đá dụ đa đế, sa hạ
Duệ dã, a mật lị dụ vu sắt ni sa tỳ nhạ dã na ma đà la ni
Sa ma phộc đá

24/09/1997

Mật Tạng Bộ 4 _ No.1320 (Tr.480_ Tr.482)

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI THẦN CHÚ

Dịch âm Phạn Chú : HUYỀN THANH

OṂ BHRÙṂ SVÀHÀ

OṂ NAMO BHAGAVATE

SARVA TRAILOKYA PRATIVI'SIṢṬÀYA

BUDDHÀYATE NAMAḤ

TADYATHÀ :

OṂ BHRÙṂ BHRÙṂ BHRÙṂ

'SODHAYA 'SODHAYA

VI'SODHAYA VI'SODHAYA

ASAMA SAMANTAVABHÀSA

SPHARAṆA GATI GAHANA

SVÀBHÀVA VI'SUDDHE

ABHIṢIṂCA TOMAṂ

SARVA TATHÀGATA SUGATA VARA VACANA

AMṚTA ABHISAIKAI MAHÀVANTRA VANTRAPADAI

ÀHARA ÀHARA

SAMA AYU SANDHÀRAṆI

'SODHAYA 'SODHAYA

VI'SODHAYA VI'SODHAYA

GAGANA SABHAVA VI'SODDHE

UṢṆAṢA VIJAYA PARI'SODDHE

SAHASRA RA’SMI SAṂSUDITE

SARVA TATHÀGATÀVARUKANA

SAṬPÀRAMITÀ PARIPURAṆI

SARVA TATHÀGATÀ MATE

TACA BHÙMI PRATIṢṬITE

SARVA TATHÀGATA HRÌṆAYA

ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

MATRE MATRE MAHÀMATRE

VAJRE VAJRE MAHÀVAJRE

VAJRAKÀYA SAṂHÀTANA PARI’SUDDHE

SARVA KARMA VARANA VI’SUDDHE

PRATINI VARTTAYA

MAMA YṚ VI’SUDDHE

SARVA TATHÀGATÀ SAMAYA

ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

OṂ MAṆI MAṆI MAHÀMAṆI

VIMAṆI VIMAṆI MAHÀVIMAṆI

MATI MATI MAHÀMATI

MAMATI SAMATI

TATHÀTÀ BHÙTA KODHI PARI’SUDDHE

VISPHAṬA BUDDHI ‘SUDDHE

HE HE

JAYA JAYA

VIJAYA VIJAYA

SMARA SMARA

‘SVARA ‘SVARA ‘SVARAYA ‘SVARAYA

SARVA BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITA

‘SUTE ‘SUDDHÀ ‘SUDDHÀ

BUDDHE BUDDHE

VAJRE VAJRE MAHÀVAJRE

SAVAJRE VAJREGARBI

JAYAGARBI

VIJAYAGARBI

VAJRA SALA GARBI

VAJROTVABÌ

VAJRA SAṂBABI

VAJRÌ VAJRAṆI VAJRÀṂ BHAVATU

MAMA CARIRAṂ

SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA PARI’SATI

PAVATA SATVÀ ME

SARVATA SARVA GATI PARI’SUDDHE ‘SCA

SARVA TATHÀGATÀTVÀ MAṂ

SAMA ‘SVASA GANTA

BUDDHE BUDDHE

SIDDHE SIDDHE

BODHAYA BODHAYA

VIBODHAYA VIBODHAYA

BUDDHYA BUDDHYA

VIBUDDHYA VIBUDDHYA

‘SUDDHAYA ‘SUDDHAYA

VI’SUDDHAYA VI’SUDDHAYA

SARVATA BUDDHYA BUDDHYA

SARVATA RA’SMI PARI’SUDDHE

SARVA TATHÀGATÀ HRÌDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

MANTRA MANTRA MAHÀMANTRE

MAHÀMANTRA VANTRAPADAI

SVÀHÀ

Hoàn chỉnh Phạn văn vào ngày 10/06/2006

PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG THẦN CHÚ
(Truyền Bản của Tây Tạng)

_ Bản Chú dài:

OṂ NAMO BHAGAWATAY SARWA TALOKYA PARTIBISHIKTAYA BUDDHAYATAY NAMA

TADYATHA: OṂ DRUM DRUM DRUM SHODAYA SHODAYA BISHODAYA BISHODAYA AHSAMA SAMENTA

AWABHASA PRANAGATI GAGANA SABAWA BISHUDAY

ABIKINTSEN TUMAM

SARWA TATHAGATA SUGATA BARABATSANA AMRITA ABHIKAYKARA MAHAMUDRA MENTRA PADAY

AHARA AHARA MAMA AHYU SAMDARANI

SHODAYA SHODAYA BISHODAYA BISHODAYA GAGANA SOBAWA BISHUDAY

USHNISHA VIJAYA PARISHUDAY SAHASRA

REMI SENTSODITAY

SARWA TATHAGATA AHWALOKINI KATHA PARAMITA PARIPURANI

SARWA TATHAGATA MATAY DOSHA BUMI PARTTITAY

SARWA TATHAGATA HRIDAY AHDITANA AHDITITAY

MUDRAY MUDRAY MAHAMUDRAY BENDZA KAYA SAMATANA PARISHUDAY

SARWA KARMA AHWARANA BISHUDAY PARTINIWARTAYA MAMA AHYUR BISHUDAY

SARWA TATHAGATA SAMAYA AHDITANA AHDITITAY

OṂ MUNI MUNI MAHAMUNI

BIMUNI BIMUNI MAHABIMUNI

MATI MATI MAHAMATI

MAMATI SUMATI TATAYA

BATAKOTI PARISHUDAY

BIPUTA BUDI SHUDAY

HAY HAY DZAYA DZAYA BIDZAYA BIDZAYA

MARA MARA PARA PARA PARAYA PARAYA SARWA BUDDHA AHDITANA AHDITITAY

SHUDAY SHUDAY BUDDAY BUDDAY BENDZAY BENDZAY MAHA BENDZAY

SUBENDZAY BENDZAGARBA DZAYAGARBAY BIDZAYAGARBAY

BENDZA DZOLA GARBAY

BENZOEBAWAY BENDZA SAMBHAWAY

BENDZA BENDZENRNI

BENDZA MABAWATU MAMA SHARIRAM

SARWA SATONENTSA KAYA PARISHUDIR BAWATU

MA SADA SARWA GATI PARISHUDI TSA
SARWA TATHAGATA TSA
MAM SAMA SHASAYENTU
BUDDHAYA BUDDHAYA SIDDHAYA SIDDHAYA BODAYA BODAYA BIBODAYA BIBODAYA
MOTSAYA MOTSAYA BIMOTSAYA BIMOTSAYA
SHODAYA SHODAYA BISHODAYA BISHODAYA
SAMENTANA MOTSAYA
MOTSAYA
SAMENTA RAMI PARISHUDAY
SARWA TATHAGATA HRIDAYA AHDITANA AHDITITAY
MUDAY MUDAY MAHAMUDAY
MAHAMUDRA MANTA PADAY SOHA !

_ Bản Chú ngắn:
OṂ DRUM SOHA
OṂ AMRITA AHYUR DADYA SOHA
OṂ HUNG TAM HRI ANG AH RAKYA RAKYA MAM SARWA SATAMTSA SOHA

_ Hết_

UṢṆÌṢA VIJAYA DHÀRAṆÌ

(PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI)

(Dựa theo Bản của Tam Tạng Sa Môn PHÁP THIÊN)

Phục hồi và chú thích Phạn Văn : HUYỀN THANH

NAMO BHAGAVATE

Quy mệnh Đức Thế Tôn

SARVA TRAILOKYA PRATIVI'SIṢṬÀYA BUDDHÀYA BHAGAVATE NAMAḤ

Kính lễ Đức Thế Tôn Đại Giác cao cả của tất cả ba cõi

TADYATHÀ

Như vậy, liền nói Thần Chú

OṂ _ BHRÙṂ BHRÙṂ BHRÙṂ

Oṃ : Ba Thân, Quy y , Cúng dường, nhiếp phục, cảnh giác

Bhrùṃ : Chủng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

'SODHAYA 'SODHAYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

VI'SODHAYA VI'SODHAYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

ASAMA SAMA

Vô đẳng đẳng, không có gì sánh bằng

SAMANTA AVABHÀSA

Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi

SPHARAṆA GATI

Duỗi vòng khắp cả các nẻo Luân Hồi

GAGANA SVABHÀVA VI'SUDDHE

Khiến cho thanh tịnh như tự tính của Hư Không

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ

Quán đỉnh cho tôi

SARVA TATHÀGATA SUGATA

Tất cả Như Lai Thiện Thệ

VARA VACANA

Ban cho lời dạy thù thắng

AMṚTA ABHIṢEKAI MAHÀ MUDRA MANTRA PADA

Câu Thần Chú Đại Ấn Quán Đỉnh Bất Tử

OṂ _ ÀHARA ÀHARA

Hãy nhiếp thọ, nhiếp thọ tôi

ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ

Giữ gìn vững chắc Thọ mệnh

‘SODHAYA ‘SODHAYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

VI’SODHAYA VI’SODHAYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

GAGANA SVABHÀVA VI’SUDDHE

Khiến cho thanh tịnh như tự tính của Hư Không

UṢṆÌṢA VIJAYA PARI’SUDDHE

Phật Đỉnh Tôn Thắng tràn đầy thanh tịnh

SAHASRA RA’SMI SAṂSUDÌTI SARVA TATHÀGATA

Tỏa ngàn tia sáng rực rỡ cảnh giác tất cả Như Lai

AVALOKANA SADPÀRAMITÀ PARIPÙRAṆI

Quán chiếu Ba La Mật màu nhiệm đều được đầy đủ

SARVA TATHÀGATA MATI

Tất cả Như Lai Tuệ

DA’SA BHÙMI PRATIṢṬITE

Thập Địa Thắng Trụ

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì của tất cả Như Lai Tâm

OṂ

Ba Thân quy mệnh

MUDRA MUDRA MAHÀ MUDRA

Ấn , Ấn, Đại Ấn . Biểu thị cho Ấn của ba Thừa

VAJRAKÀYA SAṂHATANA PARI'SUDDHE

Hòa hợp với Thân Kim Cương đều được thanh tịnh

PRATINI VARTTÀYA ÀYUḤ VI'SUDDHE

Thọ mệnh tăng trưởng khiến đều thanh tịnh

SARVA TATHÀGATA SAMAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Tất cả Như Lai thệ nguyện dùng Thần Lực gia trì

OṂ

Quy mệnh

MUṆI MUṆI MAHÀ MUṆI

Tịch mặc, tịch mặc, Đại tịch mặc. Biểu thị cho trạng thái Thiền Định vắng lặng của Thanh Văn Thừa , Duyên Giác Thừa, Đại Thừa

AMUṆI AMUṆI

Theo Lê Câu Phệ Đà (Rig_Veda) thì MUṆI còn có nghĩa là trạng thái hoảng hốt, lãnh thọ linh cảm. Nên AMUṆI là không có trạng thái hoảng hốt.Do lập lại 2 lần nên biểu thị cho trạng thái Thiền Định không bị Nội Chướng và Ngoại Chướng gây rối

VIMUṆI VIMUṆI MAHÀ VIMUṆI

Khiến cho đạt được sự tịch mặc của Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Đại Thừa

MATI MATI MAHÀ MATI

Tuệ, Tuệ, Đại Tuệ. Biểu thị cho Trí Tuệ của 3 Thừa

MAMATI

Ngã Tuệ biểu thị cho cái nhìn của cá nhân

SUMATI

Diệu Tuệ

TATHÀTA BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

VISPHUṬA BUDDHI VI'SUDDHE

Hiển hiện Tuệ Giác khiến cho thanh tịnh

OṂ
Ba Thân quy mệnh

HE HE
Mừng thay, mừng thay

JAYA JAYA
Thù thắng, thù thắng. Biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

VIJAYA VIJAYA
Tối thắng, tối thắng. Biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

SARA SARA
Kiên cố, kiên cố

SMARA SMARA
Ghi nhớ, niệm trì. Biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

SVARA SVARA
Âm thanh, âm thanh

SVARÀYA SVARÀYA
Các nhóm âm thanh, âm thanh đẳng

SARVA BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE
Thần Lực gia trì của tất cả chư Phật

'SUDDHE 'SUDDHE
Thanh tịnh, thanh tịnh

BUDDHI BUDDHI
Tuệ Giác, Tuệ Giác

VAJRA VAJRA MAHÀVAJRA
Kim Cương, Kim Cương, Đại Kim Cương

A VAJRÌ
Chữ A (biểu thị cho Bản Bất Sinh) có tính kiên cố như Kim Cương

SUVAJRA
Diệu Kim Cương, tính kiên cố màu nhiệm

VAJRAGARBHE
Kim Cương Tạng

JAYAGARBHE
Thù Thắng Tạng

VIJAYA GARBHE
Tôn Thắng Tạng

VAJRA JVALA GARBHE
Kim Cương Quang Minh Tạng

VAJRA UDGATE
Sinh ra Kim Cương

VAJRA UDBHAVE
Hiện lên Kim Cương

VAJRA SAṂBHAVE
Phát sinh Kim Cương

VAJRÌ
Có tính kiên cố như Kim Cương

VAJRIṆI
Trí Tuệ sắc bén như Kim Cương

VAJRÀṂ BHAVATU
Được thành Kim Cương

MAMA ‘SARIRAṂ
Thân thể của tôi

SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA VI’SUDDHE
Tất cả Thân Hữu Tình khiến cho thanh tịnh

SARVA KARMA AVARAṆA VI’SUDDHE
Tất cả nghiệp chướng khiến cho thanh tịnh

SARVA GATI PARI’SUDDHE
Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

SARVA TATHÀGATA’SCA MAṂSAMA ‘SVASA YAṂTU

Tất cả Như Lai Đẳng đi đến an ủi chúng tôi

SARVA TATHÀGATA SAMA 'SVASA ADHIṢṬITE

Tất cả Như Lai đẳng an ủi gia trì

OṂ

Ba thân quy mệnh

SIDDHYA SIDDHYA

Thành tựu, thành tựu

BUDDHYA BUDHYA

Tỉnh ngộ, giác ngộ

VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Khiến cho tỉnh ngộ, khiến cho giác ngộ

BODHAYA BODHYA

Tuệ Giác, Trí Giác

VIBODHAYA VIBODHAYA

Khiến cho được Tuệ Giác, khiến cho được Trí Giác

MOCAYA MOCAYA

Gỉai thoát, giải thoát

VIMOCAYA VIMOCAYA

Khiến cho tất cả được giải thoát

'SODHAYA 'SODHAYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

VI'SODHAYA VI'SODHAYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

SAMANTA PARIMOCAYA

Khắp cả đều được giải thoát

SAMANTA RA'SMI PARI'SUDDHE

Khắp cả tia sáng đều thanh tịnh

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì của tất cả Như Lai Tâm

𑖌𑖼
OṂ
Ba thân quy mệnh
𑖦𑖲𑖟𑖿𑖨 𑖦𑖲𑖟𑖿𑖨 𑖦𑖮𑖯𑖦𑖲𑖟𑖿𑖨 𑖀𑖠𑖰𑖬𑖿𑖘𑖰𑖝𑖸
MUDRA MUDRA MAHÀ MUDRA ADHIṢṬITE
Ấn, Ấn, Đại Ấn Gia trì
𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯
SVÀHÀ
Quyết định thành tựu

03/01/2007

UṢṆÌṢA VIJAYA DHÀRAṆÌ
(PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI)
(Dựa theo bản của Cố Thượng Tọa THÍCH THIỀN TÂM)

Phục hồi và chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH

1_ **Na mô ba ga va tê**
NAMO BHAGAVATE
2_ **Sạt hoa tát răn lô ki da**
SARVA TRAILOKYA
3_ **Bờ ra di vi ti sắc tra da**
PRATIVI'SIṢṬÀYA
4_ **Bút đà da, ba ga pha tê**
BUDDHÀYA BHAGAVATE
5_ **Tát đi da tha**
TADYATHÀ
6_ **Um ! Bút rum, bút rum, bút rum**
OṂ _ BHRÙṂ BHRÙṂ BHRÙṂ
7_ **Suýt đà da, suýt đà da**
'SUDDHÀYA 'SUDHÀYA
8_ **Vi suýt đà da, vi suýt đà da**
VI'SUDDHÀYA VI'SUDDHÀYA
9_ **Á sá ma sá ma**
ASAMA SAMA
10_ **Sa măn tá phạ hoa sát**
SAMANTA AVABHÀSA
11_ **Sa phả ra na, ga ti, ga gạ na**
SPHARAṆA GATI GAGANA
12_ **Xoa phạ hoa, vi suýt đi**
SVABHÀVA VI'SUDDHE
13_ **Á vi chuân da đu măn**
ABHIṢIṂCA TUMÀṂ
14_ **Sạt hoa tát thá ga đá**
SARVA TATHÀGATA
15_ **Sủ ga đa**
SUGATA
16_ **Phạ ra, phạ ca nã**
VARA VACANA
17_ **A mi rị tá, bi sá cu**
AMṚTA ABHIṢEKAI
18_ **Ma ha muýt đơ ra măn đa ra ba na**
MAHÀ MUDRA MANTRAPÀDA

19_ **Um ! Á hạ ra, á hạ ra**
OṂ _ ÀHARA ÀHARA
20_ **A du săn đà ra ni**
ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ
21_ **Suýt đà da, suýt đà da**
'SUDDHÀYA 'SUDDHÀYA
22_ **Ga ga na xoa phạ hoa vi suýt đi**
GAGANA SVABHÀVA VI'SUDDHE
23_ **U sắc ni sá vi ca da vi suýt đi**
UṢṆÌṢA VIJAYA PARI'SUDDHE
24_ **Sá hạ sa ra, ra sa mi săn tô ni tê**
SAHASRA RA'SMI SAṂSUDÌTI
25_ **Sá ra hoa tát thá ga đa**
SARVA TATHÀGATA
26_ **A hoa lô ki ni**
AVALOKINI
27_ **Sạt hoa tát thá ga đa mát tê**
SARVA TATHÀGATA MATI
28_ **Sá tra bá ra mi tá**
ṢAṬPÀRAMITÀ
29_ **Ba rị bủ ra ni**
PARIPÙRṆA
30_ **Na sá bủ mi bơ ra đi sắc si tê**
DA'SA BHÙMI PRATIṢṬITA
31_ **Sá ra hoa tát thá ga đa hất rị đà da**
SARVA TATHÀGATA HṚDAYA
32_ **Đi sắc sá na**
ADHIṢṬANA
33_ **Đi sắc si tê**
ADHIṢṬITE
34_ **Um ! Muýt đơ ri, muýt đơ ri, ma ha muýt đơ ri**
OṂ MUDRÌ MUDRÌ MAHÀ MUDRÌ
35_ **Hoa di ra ca da**
VAJRAKÀYA
36_ **Săn hạ da nã vi suýt đi**
SAṂHATANA VI'SUDDHE
37_ **Sá ra hoa ca ma, phạ ra na vi suýt đi**
SARVA KARMA AVARAṆA VI'SUDDHE
38_ **Ba ra đu ri ca ti, bi ri vi suýt đi**
SARVA DURGATI PARIVI'SUDDHE
39_ **Bơ ra ti na hoa ra đá da, a dục suýt đi**
PRATINI VARTTÀYA ÀYUḤ VI'SUDDHE

40_ **Sam ma dã, đi sắc sá na, đi sắc si tê**
SAMAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE
41_ **Um ! ma ni, ma ni, ma hạ ma ni**
OṂ MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI
42_ **Á ma ni, á ma ni**
A MAṆI , A MAṆI
43_ **Vĩ ma ni, vĩ ma ni, ma hạ vĩ ma ni**
VIMAṆI VIMAṆI MAHÀ VIMAṆI
44_ **Mát đi, mát đi,mát đi**
MATI MATI MAHÀ MATI
45_ **Tát thá đá, bủ đa**
TATHÀTA BHÙTA
46_ **Cu thi vi ri suýt đi**
KOṬI PARI'SUDDHE
47_ **Vi sa phổ ra, bút đi vi suýt đi**
VISPHUṬA BUDDHI VI'SUDDHE
48_ **Úm, hi hi**
OṂ HEHE
49_ **Dá ra, dá ra**
JAYA JAYA
50_ **Vĩ dá ra, vĩ dá ra**
VIJAYA VIJAYA
51_ **Sa ma ra, sa ma ra**
SMARA SMARA
52_ **Sa phạ ra, sa phạ ra**
SVARA SVARA
53_ **Sa ra phạ bút đa**
SARVA BUDDHA
54_ **Đi sắc sá na**
ADHIṢṬANA
55_ **Đi sắc si tê**
ADHIṢṬITE
56_ **Suýt đi, suýt đi**
'SUDDHE 'SUDDHE
57_ **Họa di ri, họa di ri, ma hạ họa di ri**
VAJRÌ VAJRÌ MAHÀVAJRÌ
58_ **Á họa di ri**
A VAJRÌ
59_ **Họa di ra gạ bi**
VAJRAGARBHE
60_ **Dá ra gạ bi**
JAYA-GARBHE

61_ **Vĩ dá ra gạ bi**
VIJAYA-GARBHE
62_ **Họa di ra, rít họa lã gạ bi**
VAJRA JVALA GARBHE
63_ **Họa di rô na ga tê**
VAJRA UDGATE (đọc tắt là VAJRODGATE)
64_ **Họa di rô na bà vê**
VAJRA UDBHAVE (đọc tắt là VAJRODBHAVE)
65_ **Họa di ra, sam bà vê**
VAJRA SAṂBHAVE
66_ **Họa di rô, họa di rị na**
VAJRÌ VAJRIṆI
67_ **Họa di rảm, hoa phạ đô mạ mạ**
VAJRÀṂ BHAVATU MAMA
68_ **Sá rị rảm, sá ra phạ sát ta phạ năng**
'SARIRAṂ SARVA SATVANÀṂ
69_ **Tả ca da, bi ri vi suýt đi**
CA KÀYA PARIVI'SUDDHE
70_ **Sất da hoa phạ đô mi sát na**
RBHAVATU ME SÀDA
71_ **Sá ra phạ, ga ti, bi ri suýt đi**
SARVA GATI PARI'SUDDHE
72_ **Sá ra phạ tát tha gạ đa, sất da mi**
SARVA TATHÀGATA'SCA ME
73_ **Sá ma sa phạ sát dăn tu**
SAMA 'SVASA YAṂTU
74_ **Sạt hoa tát tha ga đa**
SARVA TATHÀGATA
75_ **Sá ma sá phạ sa , đi sắc si tê**
SAMA 'SVASA ADHIṢṬITE
76_ **Um ! Sất đi da, sất đi da**
OṂ _ SIDDHYA SIDDHYA
77_ **Bút đi da, bút đi da**
BUDDHYA BUDDHYA
78_ **Vi bút đi da, vi bút đi da**
VIBUDDHYA VIBUDDHYA
79_ **Bồ đà da, bồ đà da**
BODHAYA BODHAYA
80_ **Vi bồ đà da, vi bồ đà da**
VIBODHAYA VIBODHAYA
81_ **Mô ca da, mô ca da**
MOCAYA MOCAYA

82_ **Vi mô ca da, vi mô ca da**
VIMOCAYA VIMOCAYA
83_ **Suýt đà da, suýt đà da**
'SUDDHÀYA 'SUDDHÀYA
84_ **Vi suýt đà da, vi suýt đà da**
VI'SUDDHÀYA VI'SUDDHÀYA
85_ **Sa măn tá, tát bi rị mô ca da**
SAMANTA PARIMOCAYA
86_ **Sa măn đá da, sa mi bi ri suýt đi**
SAMANTA RA'SMI PARI'SUDDHE
87_ **Sá ra phạ tát thá ga đá, sam ma da hất rị đà da**
SARVA TATHÀGATA SAMAYA HṚDAYA
88_ **Đi sắc sá na, đi sắc si tê**
ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE
89_ **Um ! muýt đơ ri, muýt đơ ri, ma hạ muýt đơ ra**
OṂ_ MUDRA MUDRA MAHÀMUDRA
90_ **Mạn đà ra bá na**
MANTRAPÀDA
91_ **Đi sắc si tê**
ADHIṢṬITE
92_ **Sóa ha**
SVÀHÀ

Toàn bài được phục hồi và ghi chú là:

NAMO BHAGAVATE
Quy mệnh Đức Thế Tôn

SARVA TRAILOKYA PRATIVI'SIṢṬÀYA BUDDHÀYA BHAGAVATE
Đức Thế Tôn Đại Giác cao cả của tất cả ba cõi

TADYATHÀ
Như vậy, liền nói Thần Chú

OṂ _ BHRÙṂ BHRÙṂ BHRÙṂ
Oṃ : Ba Thân, Quy y , Cúng dường, nhiếp phục, cảnh giác
Bhrùṃ : Chủng tử biểu thị cho nơi quy thú của mọi Công Đức

'SUDDHÀYA 'SUDHÀYA
Thanh tịnh, thanh tịnh

VI’SUDDHÀYA VI’SUDDHÀYA
Khiến cho tất cả thanh tịnh

ASAMA SAMA
Vô đẳng đẳng, không có gì sánh bằng

SAMANTA AVABHÀSA
Tỏa sáng rực rỡ khắp nơi

SPHARAṆA GATI
Duỗi vòng khắp cả các nẻo Luân Hồi

GAGANA SVABHÀVA VI’SUDDHE
Khiến cho thanh tịnh như tự tính của Hư Không

ABHIṢIṂCA TUMÀṂ
Quán đỉnh cho tôi

SARVA TATHÀGATA SUGATA
Tất cả Như Lai Thiện Thệ

VARA VACANA
Ban cho lời dạy thù thắng

AMṚTA ABHIṢEKAI MAHÀ MUDRA MANTRA PÀDA
Câu Thần Chú Đại Ấn Quán Đỉnh Bất Tử

OṂ _ ÀHARA ÀHARA
Hãy nhiếp thọ, nhiếp thọ tôi

ÀYUḤ SANDHÀRAṆÌ
Giữ gìn vững chắc Thọ mệnh

‘SUDDHÀYA ‘SUDDHÀYA
Thanh tịnh, thanh tịnh

GAGANA SVABHÀVA VI’SUDDHE
Khiến cho thanh tịnh như tự tính của Hư Không

UṢṆÌṢA VIJAYA PARI’SUDDHE
Phật Đỉnh Tôn Thắng tràn đầy thanh tịnh

SAHASRA RA’SMI SAṂSUDÌTI SARVA TATHÀGATA
Tỏa ngàn tia sáng rực rỡ cảnh giác tất cả Như Lai

AVALOKINI
Quán chiếu

SARVA TATHÀGATA MATI
Tất cả Như Lai Tuệ

ṢAṬPÀRAMITÀ PARIPÙRAṆI
Đều được đầy đủ sáu Ba La Mật

DA’SA BHÙMI PRATIṢṬITE
Thập Địa Thắng Trụ

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE
Thần Lực gia trì của tất cả Như Lai Tâm

OṂ
Ba Thân quy mệnh

MUDRÌ MUDRÌ MAHÀ MUDRÌ
Có tính như Ấn , có tính như Ấn, có tính như Đại Ấn . Biểu thị cho Ấn của ba Thừa

VAJRAKÀYA SAṂHATANA VI’SUDDHE
Hòa hợp với Thân Kim Cương khiến cho thanh tịnh

SARVA KARMA AVARAṆA VI’SUDDHE
Tất cả nghiệp chướng khiến cho thanh tịnh

SARVA DURGATI PARIVI’SUDDHE
Tất cả nẻo xấu ác đều được thanh tịnh

PRATINI VARTTÀYA ÀYUḤ VI’SUDDHE
Thọ mệnh tăng trưởng khiến đều thanh tịnh

SAMAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE
Thệ nguyện dùng Thần Lực gia trì

OṂ
Quy mệnh

MAṆI MAṆI MAHÀ MAṆI

Ngọc báu, ngọc báu, ngọc báu to lớn. Biểu thị cho Pháp Bảo của Thanh Văn Thừa , Duyên Giác Thừa, Đại Thừa

A MAṆI , A MAṆI

Ngọc báu của sự chẳng sinh (chữ A), ngọc báu của sự chẳng diệt (chữ A)

VIMAṆI VIMAṆI MAHÀ VIMAṆI

Khiến cho đạt được ngọc báu (Pháp bảo) của Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Đại Thừa

MATI MATI MAHÀ MATI

Tuệ, Tuệ, Đại Tuệ. Biểu thị cho Trí Tuệ của 3 Thừa

TATHÀTA BHÙTA KOṬI PARI'SUDDHE

Tính Chân Như Thật tế tràn đầy muôn ngàn thanh tịnh

VISPHUṬA BUDDHI VI'SUDDHE

Hiển hiện Tuệ Giác khiến cho thanh tịnh

OṂ

Ba Thân quy mệnh

HE HE

Mừng thay, mừng thay

JAYA JAYA

Thù thắng, thù thắng. Biểu thị cho Chân Đế và Tục Đế

VIJAYA VIJAYA

Tối thắng, tối thắng. Biểu thị cho Bi Môn và Trí Môn

SMARA SMARA

Ghi nhớ, niệm trì. Biểu thị cho Định Tuệ tương ứng

SVARA SVARA

Âm thanh, âm thanh

SARVA BUDDHA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE

Thần Lực gia trì của tất cả chư Phật

'SUDDHE 'SUDDHE

Thanh tịnh, thanh tịnh

VAJRÌ VAJRÌ MAHÀVAJRÌ

Có tính như Kim Cương, có tính như Kim Cương, có tính như Đại Kim Cương. Biểu thị cho tính kiên cố bền chắc của 3 Thừa

A VAJRÌ

Chữ A (biểu thị cho **Bản Bất Sinh**) có tính kiên cố như Kim Cương

VAJRAGARBHE

Kim Cương Tạng

JAYAGARBHE

Thù Thắng Tạng

VIJAYA GARBHE

Tôn Thắng Tạng

VAJRA JVALA GARBHE

Kim Cương Quang Minh Tạng

VAJRA UDGATE

Sinh ra Kim Cương

VAJRA UDBHAVE

Hiện lên Kim Cương

VAJRA SAṂBHAVE

Phát sinh Kim Cương

VAJRÌ

Có tính kiên cố như Kim Cương

VAJRIṆI

Trí Tuệ sắc bén như Kim Cương

VAJRÀṂ BHAVATU

Được thành Kim Cương

MAMA 'SARIRAṂ

Thân thể của tôi

SARVA SATVÀNÀṂCA KÀYA PARIVI'SUDDHE

Tất cả Thân Hữu Tình đều khiến được thanh tịnh

RBHAVATU ME SÀDA

Khiến cho tôi có được sự tinh khiết

SARVA GATI PARI'SUDDHE

Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh

SARVA TATHÀGATA'SCA ME SAMA 'SVASA YAMṬU

Tất cả Như Lai Đẳng đi đến an ủi chúng tôi

SARVA TATHÀGATA SAMA 'SVASA ADHIṢṬITE

Tất cả Như Lai đẳng an ủi gia trì

OṂ

Ba thân quy mệnh

SIDDHYA SIDDHYA

Thành tựu, thành tựu

BUDDHYA BUDHYA

Tỉnh ngộ, giác ngộ

VIBUDDHYA VIBUDDHYA

Khiến cho tỉnh ngộ, khiến cho giác ngộ

BODHAYA BODHYA

Tuệ Giác, Trí Giác

VIBODHAYA VIBODHAYA

Khiến cho được Tuệ Giác, khiến cho được Trí Giác

MOCAYA MOCAYA

Giải thoát, giải thoát

VIMOCAYA VIMOCAYA

Khiến cho tất cả được giải thoát

'SUDDHÀYA 'SUDDHÀYA

Thanh tịnh, thanh tịnh

VI'SUDDHÀYA VI'SUDDHÀYA

Khiến cho tất cả thanh tịnh

SAMANTA PARIMOCAYA
Khắp cả đều được giải thoát

SAMANTA RA'SMI PARI'SUDDHE
Khắp cả tia sáng thẩy đều thanh tịnh

SARVA TATHÀGATA HṚDAYA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE
Thần Lực gia trì của tất cả Như Lai Tâm

OṂ
Ba thân quy mệnh

MUDRA MUDRA MAHÀ MUDRA
Ấn, Ấn, Đại Ấn. Biểu thị cho 3 Ấn của 3 Thừa

MANTRAPÀDA ADHIṢṬITE
Chân Ngôn cú gia trì

SVÀHÀ
Quyết định thành tựu

24/09/2006

NGHI THỨC TRÌ TỤNG
PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHÁP

_ Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn :
OM RAM (3 Lần)

_ Chú đốt hương :
Khói hương tạo hình thể
Thông suốt cả ba cõi
Năm Uẩn đều thanh tịnh
Ba Độc tự lặng yên
OM _ ĐA RỜ-MA ĐA TU _ A NU GA TA _ SỜ-VA HA (3 Lần)
(Cắm hương lên bàn thờ , rồi Nguyện hương)

Nguyện đem lòng thành kính
Gửi theo đám mây hương
Phảng phất khắp mười phương
Cúng dường ngôi Tam Bảo
Thề trọn đời giữ Đạo
Theo tự tính làm lành
Cùng Pháp Giới chúng sinh
Cầu Phật từ gia hộ
Tâm Bồ Đề kiên cố
Chí tu học vững bền
Xa biển khổ nguồn mê
Chóng quay về bờ Giác
NAM MÔ HƯƠNG CÚNG DƯỜNG BỒ TÁT MA HA TÁT
(3 Lần)

❖ QUY Y PHẬT :
Kính lạy Đức Phật Đà
Đấng vẹn toàn Phước Trí
Như Mặt Trời chiếu sáng
Phá tăm tối ngu mê
Ngài là Bậc Y Vương
Chữa lành muôn bệnh khổ
Dìu dắt mọi chúng sinh
Đưa đến bờ An Lạc
Nay con xin thành kính

Nương theo dấu vết Ngài
Nguyện xa lìa lầm lỗi
Viên mãn mọi Phước Trí
Mau thành Lưỡng Túc Tôn
BÚT ĐĂNG, XÁ RA NĂNG, GÁCH CHA MI
(3 Lần _ 3 lạy)

❖ QUY Y PHÁP :

Kính lạy Pháp Giải Thoát
Con đường của Thánh Nhân
Tịnh hóa Tham, Sân Si
Chuyển thành Giới, Định, Tuệ
Dứt trừ Phiền Não Khổ
Vượt thoát biển Luân Hồi
Nay con xin thành kính
Tuân theo Giáo Pháp này
Nguyện mau lìa sinh tử
Chứng Niết Bàn thanh tịnh
ĐẠC MĂNG , XÁ RA NĂNG, GÁCH CHA MI
(3 Lần_ 3 Lạy)

❖ QUY Y TĂNG :

Kính lạy Chúng Tăng Già
Đấng Đạo Sư chân chính
Bậc điều phục Thân Tâm
Vượt Tham Dục Phiền Não
Chặt gốc rễ ngu mê
Giương cao cờ Giải Thoát
Nay con xin thành kính
Nương theo gương sáng này
Nguyện mau lìa Ngã Chấp
Đạt thanh tịnh vô ưu
SĂNG GĂNG , XÁ RA NĂNG , GÁCH CHA MI (3 Lần_3 Lạy)

❖ SÁM HỐI :

Kể từ đời Vô Thủy
Do Ngã Chấp Vô Minh
Con luôn bị đắm chìm
Luân hồi trong sáu Nẻo
Hoặc làm Trời làm Người
Hoặc Thần Thánh, Súc Sinh
Quỷ đói hay Địa Ngục

Thay đổi muôn hình hài
Nhận tính nết khác nhau
Chịu đắng cay, ngọt bùi
Vinh quang hay tủi nhục
Sang cả hoặc nghèo hèn
Uy Quyền cùng Nô Lệ
An vui và khổ cực
Hết thảy điều như thế
Vì ngu muội ngăn che
Khiến con không nhớ rõ

Nay có chút duyên lành
Gặp được nền Chính Pháp
Của Đấng Lưỡng Túc Tôn
Thích Ca Mâu Ni Phật
Dạy phải dẹp Ngã Chấp
Trừ bỏ Tham, Sân, Si
Tu tập Giới, Định, Tuệ
Luôn làm lành lánh dữ
Tự tịnh Tâm Ý mình
Vượt luân hồi sinh tử
Đạt thanh tịnh vô ưu
Mọi Pháp lành như thế
Cần phải thực hành ngay
Không toan tính chần chừ
Vì kiếp đời ngắn ngủi
Hơn nữa Thân khó giữ
Bởi bệnh tật, già nua
Thêm cái chết bất ngờ
Cắt đứt dòng Sinh Mệnh

Nay con xin tuân phục
Hành theo Chính Pháp này
Trước tiên xin Sám Hối
Mọi tội lỗi xưa kia
Từ Ý sinh, Miệng nói
Thân làm, dạy người làm
Tạo Nhân gây Nghiệp ác

Hết thảy Nghiệp Tội ấy
Cao dầy nhiều vô lượng
Khó đong đo tính đếm
May nhờ ân Tam Bảo
Lực Bi Mẫn rộng sâu
Giúp cho con trừ tội
Kéo con xa nẻo Ác
Thọ sinh hình vóc Người
Gặp gỡ được Chính Pháp
Vượt thoát biển Tử Sinh
Nam mô TỲ BÀ THI Phật (1 Lạy)
Nam mô THI KHÍ Phật (1 lạy)
Nam mô TỲ XÁ PHÙ Phật (1 lạy)
Nam mô CÂU LƯU TÔN Phật (1 Lạy)
Nam mô CÂU NA HÀM MÂU NI Phật (1 Lạy)
Nam mô CA DIẾP Phật (1 Lạy)
Nam mô THÍCH CA MÂU NI Phật (1 Lạy)
_ Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn:

RÊ PA, RE PA TÊ , KU HA , KU HA TÊ, TỜ-RA NI TÊ, NI GA LA RI TÊ, VI MA RI TÊ, MA HA GA TÊ, SĂN TIM CỜ-RẬT TÊ, SỜ-VA HA (3 Lần)

Tiếp, con xin phát nguyện
Tụng trì Pháp Tôn Thắng
Nguyện từ bỏ Pháp Ác
Tu tập mọi Pháp Lành
Rèn Tâm Ý trong sạch
Tự cứu mình cứu người
Cầu xin Ân Tam Bảo
Luôn gia hộ cho con
Mau vượt thoát tử sinh
Sớm thành Ngôi Vô Thượng
Chuyển Pháp Luân Giáo Hóa
Độ muôn loài chúng sinh
_Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:

Tự tính của con vốn thanh tịnh
Như Tự tính thanh tịnh của các Pháp

OM _ SỜ-VA PHA VA , XÚT ĐA_ SẠC VA ĐẠC MA , SỜ-VA PHA VA , XÚT ĐA _ U HÀM (3 lần)

(Hành Giả chân thành niệm tụng)

Cúi lạy Tôn Thắng Vương
Ngồi ở Tòa Kim Cương
Trên hoa sen ngàn cánh
Tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi
Viên mãn vô lượng các Công Đức
Phật Đỉnh Văn Trì Đại Chương Cú
Tám mươi tám ức Như Lai truyền
Đế Thích Thiên Vương vì Thiện Trụ
Hay diệt bảy lần đọa bàng sinh
Giáo Bí Mật Tổng Trì hiếm có
Hay phát Tâm rộng lớn tròn sáng
Nay con chỉ là kẻ phàm phu
Nguyện tán Tổng Trì Nhất Nhiết Trí
Hay đem phước lợi cứu quần sinh
Các Như Lai ở khắp mười phương
Chư Bồ Tát nơi Thế Giới khác
Tám Bộ Trời Rồng, các quyến thuộc
Tán Chỉ Đại Tướng với Dược Xoa
Minh Ty Địa Chủ, Diêm Ma La
Thiện Ác Bộ Quan: hai Đồng Tử
Thánh Hiền , các Chúng Đẳng như trên
Nguyện nghe Khải Thỉnh đều giáng lâm
Ủng hộ Phật Pháp khiến trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật Dạy
Tất cả hàm linh đến chốn này
Nghe qua Phật Đỉnh Tôn Thắng Vương
Hết thảy đều mau thành Phật Đạo
Nay con phúng tụng Chân Ngôn này
Nguyện xin Như Lai thường cứu hộ
Nguyện xin Hiền Thánh thường cứu hộ
Nguyện xin Hộ Pháp thường ủng hộ
Nam mô Trailokya Uṣṇìṣa (Tam Thế Phật Đỉnh)
Nam mô Jaya Uṣṇìṣa (Thắng Phật Đỉnh)
Nam mô Vijaya Uṣṇìṣa (Tối Thắng Phật Đỉnh)
Nam mô Vikìraṇa paṃca Uṣṇìṣa (Trừ Chướng Phật Đỉnh)
Nam mô Tejora'si Uṣṇìṣa (Hỏa Tụ Phật Đỉnh)
Nam mô Ṭrùṃ Uṣṇìṣa (Quảng Sinh Phật Đỉnh)
Nam mô 'Srùṃ Uṣṇìṣa (Phát Sinh Phật Đỉnh)
Nam mô Indra Deva(Đế Thích Thiên)

Nam mô Kim Cương Giới Hội Nhất thiết chư Phật
Nam mô Đại Bi Thai Tạng Giới nhất thiết chư Phật
_ Nam mô Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni (3 lần)

NA MÔ PHA GA VA TÊ, TỜ-RAI LÔ KI GIA , PỜ-RA TI VI SI SỢ-TẠ GIA, BÚT ĐA GIA, PHA GA VA TÊ
TA ĐI-GIA THA : OM
VI XÔ ĐA GIA, VI XÔ ĐA GIA
A SA MA , SA MA
SA MĂN TA , A VA PHA SA
SỜ-PHA RA NA , GA TI GA HA NA
SỜ-VA PHA VA, VI XÚT ĐÊ
A PHI SIM CHA , TU MĂM !
SU GA TA !
VA RA, VA CHA NA
A MỜ-RẬT TA, A PHI SAI KAI, MA HA MAN TỜ-RA PA ĐAI
A HA RA, A HA RA
A GIÚC SĂN ĐA RA NỊ
XÔ ĐA GIA, XÔ ĐA GIA
GA GA NA, VI XÚT ĐÊ
U SỜ-NI SÁ VI GIA GIA , VI XÚT ĐÊ
SA HA SỜ-RA , RA SỜ-MI
SĂM SU ĐI TÊ, SẠC VA TA THA GA TA
A VA LÔ KA NA ,SÁT PA RA MI TA, PA RI PU RA NI
SẠC VA TA THA GA TA , HỜ-RẬT ĐA GIA
A ĐI SỜ-TA NA, A ĐI SỜ-TI TÊ
MA HA MU ĐỜ-RI
VA-DI RA CA GIA , SĂM HA TA NA, VI XÚT ĐÊ
SẠC VA A VA RA NA , PA GIA , ĐU RỜ-GA TI, PA RI XÚT ĐÊ
PỜ-RA TI NI, VA RỊT TA GIA, A GIÚC, XÚT ĐÊ
SA MA GIA, A ĐI SỜ-TI TÊ
MU NI, MU NI, MA HA MU NI
VI MU NI, VI MU NI, MA HA VI MU NI
MA NI, MA NI, MA HA MA NI
TA THA TA, PHU TA, CÔ TI, PA RI XÚT ĐÊ
VI SỜ-PHU TA, BÚT ĐI, XÚT ĐÊ
GIÁ GIA, GIÁ GIA
VI GIÁ GIA, VI GIÁ GIA
SỜ-MA RA, SỜ-MA RA
SẠC VA BÚT ĐA , A ĐI SỜ-TI TA, XÚT ĐÊ

VA-DI RI, VA-DI RA GA RỜ-PHÊ

VA-DI RĂM PHA VA TU

MA MA (Tôi, họ tên....xin thọ trì. Nếu vì người khác thì xưng tên của họ)

SÁ RI RĂM, SẠC VA SÁT TOA NĂM CHA , KA GIA, PA RI VI XÚT ĐÊ

SẠC VA GA TI, PA RI XÚT ĐÊ

SẠC VA TA THA GA TA SỜ-CHA ,MÊ , SA MA,SỜ-VA SA, GIĂM TU

SẠC VA TA THA GA TA, SA MA ,SỜ-VA SA, A ĐI SỜ-TI TÊ

BÚT ĐI GIA, BÚT ĐI GIA

VI BÚT ĐI GIA, VI BÚT ĐI GIA

BÔ ĐA GIA, BÔ ĐA GIA

VI BÔ ĐA GIA, VI BÔ ĐA GIA

SA MĂN TA , PA RI XÚT ĐÊ

SẠC VA GA TI, PA RI XÚT ĐÊ

SẠC VA TA THA GA TA, HỜ-RẬT ĐA GIA

A ĐI SỜ-TA NA, A ĐI SỜ-TI TÊ

MA HA MU ĐỜ-RI SỜ-VA HA

(Trì tụng Đà La Ni trên 3 lần)

_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Đại Tâm Chân Ngôn :

OM_ A MỜ-RẬT TA, PỜ-RA PHÊ, VI PU LA, GA RỜ-PHÊ, PỜ-RA BÔ ĐI, SA MÊ, SÍT ĐÊ, MA HA GA RỜ-PHÊ_ TU RU, TU RU_ SỜ-VA HA (3 lần)

_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :

OM_ SẠC VA SÍT ĐI , KÊ SU , ĐÀ RA NI_ SỜ -VA HA (3 lần)

_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Tiểu Tâm Chân Ngôn :

OM_ A MỜ-RẬT TA ,TÊ GIÊ, VA TI_ SỜ-VA HA (108 lần)

_ Niệm Hồng Danh và hồi hướng Hộ Pháp :

Nam mô Bản Sư THÍCH CA MÂU NI Phật (108 lần)

Nam mô TÔN THẮNG Phật Đỉnh (108 lần)

Nam mô Thai Tạng Giới Hiền Thánh chúng Hộ Pháp (3 lần)

Nam mô Thập phương thường trụ chư vị Hộ Pháp (3 lần)

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dạ Xoa

Đến nghe Phật Pháp , nên chí tâm

Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn

Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy

Bao nhiêu Hữu tình đến chốn này

Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không

Thường đối người đời khởi Tâm Từ
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở
_ Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thảy tiêu trừ
Xa lìa các khổ, về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc

_Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn :

OM_ LÔ CA, A LÔ CA, KA RA GIA_ SẠC VA : ĐÊ VA, NA GA, GIẮC KỜ-SA, GĂN ĐA RỜ-VA, A SU RA, GA RU ĐA, KIM NA RA, MA HÔ RA GA, HỜ-RẬT ĐA GIA, A-NI GIA, A CA RỜ-SÁ GIA, VI CHI TỜ-RA, GA TI_ SỜ-VA HA (3 lần)

Nguyện ngày an lành đêm an lành
Đêm ngày sáu thời thường an lành
Trong tất cả thời thường an lành
Nguyện xin Tam Bảo thương nhiếp thọ
Nguyện xin Thượng Sư thương nhiếp thọ
Nguyện xin Hộ Pháp thường ủng hộ
NAM MÔ TIÊU TAI GIÁNG CÁT TƯỜNG BỒ TÁT MA HA TÁT (3 Lần)

_ Phục Nguyện :

_ Nguyện đem công đức này, hồi hướng cho tất cả. Cầu cho cửu huyền thất Tổ, cha mẹ muôn đời, hương linh đã khuất đều được nương nhờ theo Phật lực tiếp dẫn về cõi Cực Lạc.

_ Nguyện cho toàn thể gia quyến : già, trẻ, lớn, nhỏ trong đời hiện tại đều được tăng Phước Thọ. Xa lìa mọi bệnh tật tai ương. Dứt trừ mọi duyên ác. Mau chóng đạt Chính Kiến

_ Nguyện cho tất cả chúng sinh thường được an vui
Nguyện cho tất cả chúng sinh mau lìa khổ não
Nguyện cho tất cả chúng sinh sớm khởi Từ Bi
Nguyện cho tất cả chúng sinh đều thành Phật Đạo

_ Tăng Đức Hạnh Chân Ngôn :

OM_ SĂM PHA RA, SĂM PHA RA_ VI MA NA, A KỜ-SA RA_ MA HA VA-DI RA, HÙM

OM_ SỜ-MA RA, SỜ-MA RA_ VI MA NA, A KỜ-SA RA_ MA HA VA-DI RA, HÙM

(Trì tụng Chân Ngôn trên 3 lần)

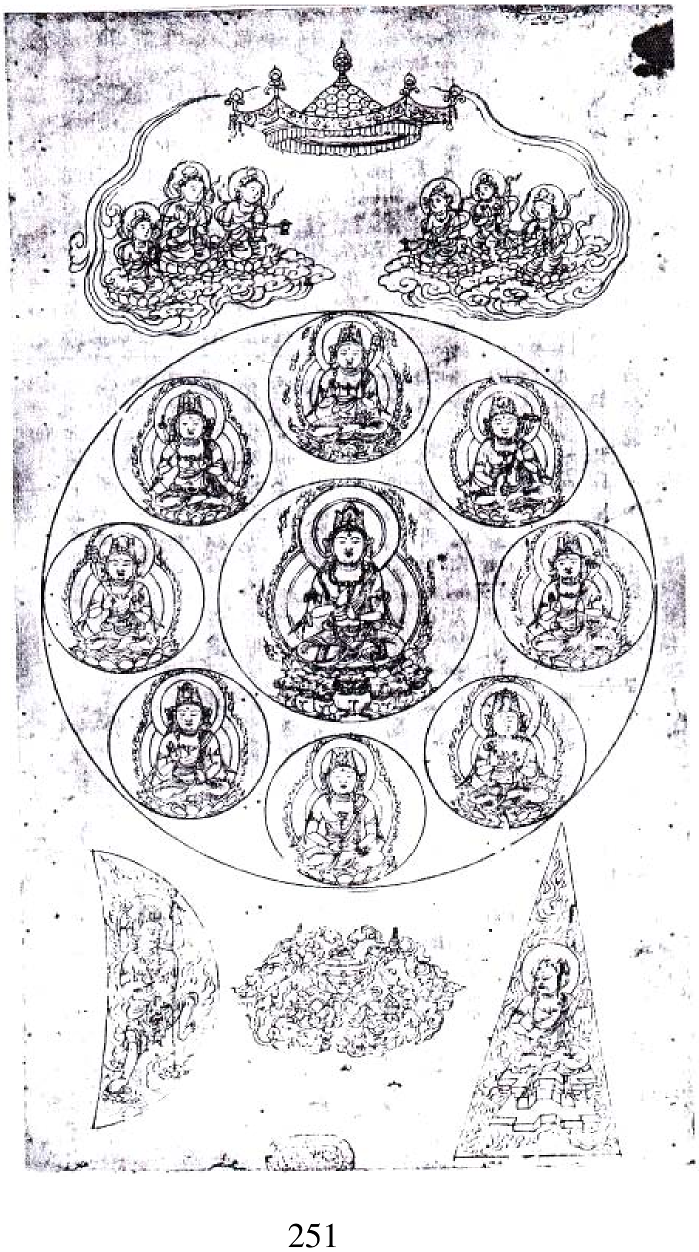
_ Bổ Khuyết Chân Ngôn :

OM_ ĐU RU , ĐU RU_ GIA DÊ , MU KHÊ_ SỜ-VA HA (3 lần)

_ Lễ Văn :

Trì tụng Công Đức thù thắng Hạnh
Vô biên Thắng Phước đều hồi hướng
Nguyện khắp chúng sinh đang chìm đắm
Mau lìa khổ não , chứng Bồ Đề
NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO
(3 lần_ 9 lạy)

27/05/2006
HUYỀN THANH kính ghi



MỤC LỤC